

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY

THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2564



KINH TRANG-THÁI VÔ-NGÃ
(ANATTALAKKHANASUTTA)

TỠ-KHUU HỘ-PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHAṬPAṆḌITA)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2021

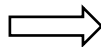


BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU
dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita
tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011
(Rằm tháng 2 P.L.2554)

“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.”
Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

TÌM HIỂU **KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ**

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp



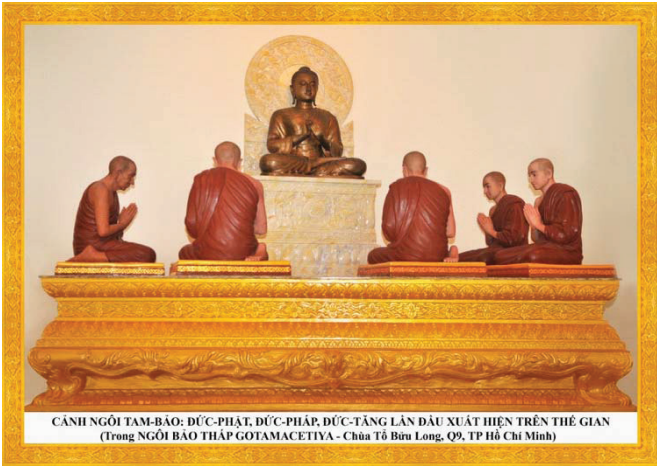
Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đánh lễ Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2564



TÌM HIỂU
KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

TỶ-KHUÙ HỘ-PHÁP
(*DHAMMARAKKHITA BHIKKHU*)
(*AGGAMAHĀPAṆḌITA*)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2021

NamoTassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn
ây, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Ādimajjhantakalyāṇaṃ,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Tassa sāvakaṣaṅghaṇca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Buddhaṃ Dhammaṇca Saṅghaṇca,
abhivandiya sādaraṃ.
Anattalakkhaṇasuttaṃ,
Imaṃ gantho mayā kato.

Kệ Đánh Lễ Tam-Bảo

*Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

*Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu, giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.*

*Tăng bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.*

*Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lễ Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ.
Giảng giải về **Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã.***

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn
ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Anattalakkhaṇasutta **Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã**

*Soạn-giả: Tỳ-Khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

Lời Nói Đầu

*Ngày rằm tháng 6, đúng 2 tháng sau khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama, lần đầu tiên, Đức-Phật thuyết giảng bài kinh **Dhammacakkappa-vattanasutta**: Kinh Chuyển-Pháp-Luân tế độ nhóm 5 tỳ-khuru: Ngài Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma, Ngài Assaji, tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī.*

*Khi nghe bài kinh ấy, chỉ có Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña chứng-ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế** y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở*

thành **bậc Thánh Nhập-lưu** đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, nên Đức-Phật gọi tên mới là “*Aññāsikondañña*” (Kondañña đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế rồi!), đồng thời cùng với 180 triệu chư-thiên, chư phạm-thiên cũng chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, ... Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão *Aññāsikondañña* kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành **tỳ-khuru**. Đức-Phật cho phép xuất gia **tỳ-khuru** theo cách gọi: “*Ehi bhikkhu!*” Ngay khi ấy, **Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo** lần đầu tiên xuất hiện trên thế gian, đúng vào ngày rằm tháng 6 (âm-lịch) ấy.

- Ngày 16 tháng 6, Đức-Phật nhập hạ thứ nhất cùng với nhóm 5 tỳ-khuru tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành *Bārāṇasī*.

- Ngày 16 tháng 6, Ngài Trưởng-lão *Vappa* chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành **tỳ-khuru** theo cách gọi rằng: “*Ehi bhikkhu!*”

- Ngày 17 tháng 6, Ngài Trưởng-lão **Bhaddiya**

chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành **tỳ-khuru** theo cách gọi rằng: “Ehi bhikkhu!”

- Ngày 18 tháng 6, Ngài Trưởng-lão **Mahā-nāma** chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành **tỳ-khuru** theo cách gọi rằng: “Ehi bhikkhu!”

- Ngày 19 tháng 6, Ngài Trưởng-lão **Assaji** chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành **tỳ-khuru** theo cách gọi rằng: “Ehi bhikkhu!”

Như vậy, nhóm 5 tỳ-khuru đều trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

- Ngày 20 tháng 6, Đức-Phật thuyết giảng bài kinh **Anattalakkhaṇasutta**: Kinh trạng-thái vô-ngã, để tế độ nhóm 5 vị tỳ-khuru Thánh Nhập-lưu đều trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.

Như vậy, có 5 bậc Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian.

Trong kinh *Anattalakkhaṇasutta*: Kinh trạng-thái vô-ngã, Đức-Phật thuyết giảng về **ngũ-uẩn**: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn là **pháp-vô-ngã** (*anattā*): không phải ta, không phải của ta, không chiều theo ý của ai.

* **Ngũ-uẩn** là những pháp nào?

Ngũ-uẩn có 5 uẩn (nhóm) đó là:

1- **Sắc-uẩn** có 28 sắc-pháp trong thân thể của con người, thuộc về **sắc-pháp** (*rūpadhamma*).

- Nếu là người nam thì có 27 sắc-pháp (trừ sắc nữ-tính).

- Nếu là người nữ thì có 27 sắc-pháp (trừ sắc nam-tính).

2- **Thọ-uẩn** đó là **thọ tâm-sở**, có trạng-thái cảm thọ trong đối-tượng, có 3 loại thọ là thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc (thọ xả).

3- **Tưởng-uẩn** đó là **tưởng tâm-sở**, có trạng-thái tưởng nơi 6 đối-tượng (sắc-tưởng, thanh-tưởng, hương-tưởng, vị-tưởng, xúc-tưởng, pháp-tưởng).

4- **Hành-uẩn** đó là **50 tâm-sở** (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở), có trạng-thái tạo tác do **tác-ý tâm-sở** dẫn đầu tạo ác-nghiệp, tạo thiện-nghiệp.

5- **Thức-uẩn** đó là **89 hoặc 121 tâm**, có trạng-thái biết 6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

Thật ra, **thọ-uẩn**, **tướng-uẩn**, **hành-uẩn** luôn luôn nương nhờ nơi **thức-uẩn**, gọi là **4 danh-uẩn** không thể tách rời nhau, thuộc về **phần tâm**.

Mỗi người hiện hữu trong đời có **thân** và **tâm** nương nhờ lẫn nhau. Nếu khi **tâm** rời khỏi **thân** thì gọi là người chết, **thân** trở thành tử thi.

Thân với **tâm** trong hạng phàm-nhân đó là gì?

* **Thân** đó là **sắc-uẩn** gồm có 27 sắc-pháp.

* **Tâm** đó là 81 tam-giới-tâm gồm có **4 danh-uẩn** là **thọ-uẩn**, **tướng-uẩn**, **hành-uẩn**, **thức-uẩn** luôn luôn nương nhờ lẫn nhau, không thể tách rời nhau được.

- **Thọ-uẩn** đó là thọ tâm-sở đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.

- **Tướng-uẩn** đó là tướng tâm-sở đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.

- **Hành-uẩn** đó là 50 tâm-sở (trừ thọ tâm-sở và tướng tâm-sở) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.

- **Thức-uẩn** đó là 81 tam-giới-tâm.

Tâm với **tâm-sở** không thể tách rời nhau được, bởi vì **tâm-sở** có 4 trạng-thái với **tâm**:

1- Ekuppāda: Đồng sinh với tâm.

2- Ekanirodha: Đồng diệt với tâm.

3- Ekārammaṇa: Đồng đối-tượng với tâm.

4- Ekavatthuka: Đồng nơi sinh với tâm.

Cho nên, mỗi **tâm** nào sinh ắt có một số tâm-sở tương xứng đồng sinh với **tâm** ấy để làm phận-sự của tâm ấy, nghĩa là mỗi **tâm** nào sinh đều có 4 **danh-uẩn** đó là **thọ-uẩn**, **tưởng-uẩn**, **hành-uẩn**, **thức-uẩn** đồng sinh với nhau, không thể tách rời nhau được.

4 danh-uẩn sinh do nương nhờ nơi **sắc-uẩn**.

Như vậy, **mỗi tâm** sinh do nương nhờ **sắc-uẩn** gồm có đầy đủ **ngũ-uẩn** luôn luôn nương nhờ lẫn nhau.

Ngũ-uẩn là đối-tượng nương nhờ của tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn như sau:

- **Tà-kiến** theo chấp ngã trong ngũ-uẩn cho là **tự ngã của ta** (eso me attā).

- **Tham-ái** theo chấp ngã trong ngũ-uẩn cho là **của ta** (etaṃ mama).

- **Ngã-mạn** theo chấp ngã trong ngũ-uẩn cho là **ta** (eso hamasmi).

Thật ra, khi hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của **ngũ-uẩn** thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) là **pháp-vô-ngã** (anattā), không phải **ta**, không phải **của ta**, không chiều theo ý muốn của ai, cũng không phải **người**, không phải **của người**, không chiều theo ý của người nào cả.

Tiếp theo, **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của ngũ-uẩn do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt**; nên trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của ngũ-uẩn.

Tiếp theo, **trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới** thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của ngũ-uẩn do **nhân-duyên-diệt**, thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán tội độ, muốn thoát ra khỏi ngũ-uẩn, mong chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ của ngũ-uẩn.

Tiếp đến, **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới** chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc như sau:

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được **tà-kiến theo chấp-ngã** không còn dư sót do năng lực của **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** (na meso attā).

- Chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được **tham-ái theo chấp-ngã** loại thô cồi dục-giới không còn dư sót do năng lực của **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ**.

- Chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được **tham-ái theo chấp-ngã** loại vi-tế cồi dục-giới không còn

đur sót do năng lực của **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** (netam mama).

- Chúng đấc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được **ngũ-mạn theo chấp-ngã** không còn dư sót do năng lực của **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** (nesohamasmi).

Quyển sách nhỏ Tìm Hiểu Kinh Anattalakkhaṇasutta: Kinh Trạng-thái vô-ngã có 2 phần:

* **Phần I:** Bài Kinh Anattalakkhaṇasuttapāli và dịch nghĩa toàn bài kinh, giảng giải nội dung của bài kinh Anattalakkhaṇasutta.

* **Phần II:** Những pháp cần biết đối với hành-giả:

Sự-thật (sacca) trong đời có 2 loại:

- Sammutisacca: Sự-thật ngôn-ngữ chế-định.

- Paramatthasacca: Sự-thật chân-ngĩa-pháp.

- Pháp che phủ **thật-tánh** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

- Sāmaññalakkhaṇa: 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

- 3 pháp che phủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

- Bốn bậc Thánh-nhân.

- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận được các ác-pháp, v.v ...

Các bài kinh nên biết.

* Và **đoạn cuối, từ-ngữ Pāli** trong bài Kinh *Anattalakkhaṇasuttapāli*, dành cho những độc giả nào muốn học thuộc lòng bài kinh này, đồng thời hiểu rõ nghĩa từng chữ, từng câu trong bài kinh, để làm tăng trưởng đức-tin sâu sắc và trí-tuệ sáng suốt của độc giả ấy.

* Quyển sách nhỏ “**Tìm Hiểu Kinh Anattalakkhaṇasuttapāli: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã**” mà Đức-Phật thuyết giảng **ngũ-uẩn** là pháp-vô-ngã (*anattā*) có ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Bản sư đã cố gắng giảng giải tóm lược một phần nào chỉ được bấy nhiêu thôi!

Tuy bản sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về bài kinh này, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bản sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung**, mà mỗi người trong chúng ta, ai

cũng có bốn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta.

Bản sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bản sư.

* Quyển sách nhỏ “Tìm Hiểu Kinh Anattalakkhaṇasutta: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã” này được hoàn thành do nhờ nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem kỹ bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách và được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép ấn hành. Bản sư vô cùng hoan-hỷ biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khuru Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp-thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vamsarakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời kính dâng đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhãn (chùa Thiên-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-lão, đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda)

về truyền bá trên quê hương Việt-Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan-hỷ.

Idaṃ no ñātinam hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, mong quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātā-pitū-ācariya-ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattim laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, ...

Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, mong quý vị thoát

khỏi mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, và cũng do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong 7 cõi thiện-dục-giới mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn

của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con cũng liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy để hầu đánh lễ Đức-Phật, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tán thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*Nay, chúng con hết lòng thành kính **thọ phép quy-y Tam-bảo** và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.*

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người

chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người (manussasampatti), hưởng được mọi sự an-lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả báu ở cõi trời (devasampatti), hưởng được mọi an-lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi người chúng con chỉ có mong sớm được thành tựu quả báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbāna-sampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.*

*Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Mong sớm được thành tựu như ý nguyện.*

*PL. 2564 / DL. 2021
Rừng Núi Viên Không,
xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

*Tỳ-khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã	1
Kinh Anattalakkhanasutta.....	4
Ý nghĩa bài kinh Trạng-thái vô-ngã.....	10
Phần giảng giải bài kinh Trạng-thái-vô-ngã.....	24
- Giải thích về ngũ uẩn.....	25
- Ngũ-uẩn chấp-thủ.....	31
- 4 pháp chấp thủ.....	32
- Giảng giải danh-từ anattā với attā.....	33
- Ý nghĩa anattā.....	34
• Ngũ-uẩn có 12 tính chất.....	35
• Pháp-vô-ngã.....	36
1- Nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp.....	37
2- Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp.....	41
• Danh-từ attā tà-kiến.....	46
- Ý nghĩa danh từ attā.....	49
- Ba trạng-thái chung.....	53
- Chấp ngã có ba loại.....	58
1- Chấp ngã do năng lực của tà-kiến.....	58
• Trí-tuệ-thiền-tuệ diệt tận được tà-kiến.....	59
2- Chấp ngã do năng lực của tham-ái.....	61
• Trí-tuệ-thiền-tuệ diệt tận được tham-ái.....	62
3- Chấp ngã do năng lực của ngã-mạn.....	64
• Trí-tuệ-thiền-tuệ diệt tận được ngã-mạn.....	65
- Trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán trong ngũ-uẩn.....	66

- Ba cõi-giới	123
- Bốn loài	126
- Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 như thế nào?	128
10- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10	
Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa	129
- Trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi tiết	130
- Trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi tiết	131
- Trạng-thái bất-tịnh có 7 trạng-thái chi tiết ..	134
- Trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi tiết	135
11- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 Saṅkhārupekkhāñāṇa	137
- Ngũ-uẩn có 10 tính chất	139
- Sắc-uẩn có 12 tính chất	140
- Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11	142
- Ba trí-tuệ-thiền-tuệ cùng mục đích.....	145
- Hành-giả có 5 pháp đặc biệt	146
- Nguyên nhân của mỗi pháp-hành	148
- Phân định 7 nhóm Thánh-nhân	151
- 7 nhóm Thánh-nhân theo	
4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả	154
- Đối-tượng trước Thánh-đạo lộ-trình-tâm	155
12- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 Saccānulomañāṇa.....	156
- Đồ biểu Nhất-lai-Thánh-đạo lộ-trình-tâm ...	157
- Giảng giải trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12.....	162
13- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 Gotrabhuñāṇa	166
- Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13	169
- Anulomañāṇa và Gotrabhuñāṇa	169
14- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14	
Maggāñāṇa	173
15- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15	
Phalañāṇa	173

16- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 16 Paccavekkhaṇañña .	174
- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi)	175
- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).....	179
Đức-Phật xuất hiện trên thế gian	185
Phần II: Những pháp cần biết	
đối với hành-giả	191
1- Sự-thật ngôn-ngữ chế-định (Sammutisacca)..	191
- Saddapaññatti hoặc nāmapaññatti có 6 loại...	193
2- Sự-thật chân-ngĩa-pháp (Paramatthasacca)..	197
Nguyên-nhân che phủ thật-tánh-pháp.....	200
- Ayonisomanasikāra là như thế nào?.....	202
- Yonisomanasikāra là như thế nào?.....	203
Trạng-thái-chung	204
- Ba pháp che phủ 3 trạng-thái-chung, phương pháp diệt 3 pháp che phủ.....	205
1- Santati: Dòng sinh diệt liên tục	206
• Phương pháp làm trạng-thái vô-thường hiện rõ .	209
2- Iriyāpatha: Tứ oai-nghi	213
• Phương pháp làm trạng-thái khổ hiện rõ	215
3- Ghana: Ngã-tướng đồng-nhất	217
3.1- Ngã-tướng đồng-nhất tổng-hợp Samūhaghana	219
3.2- Ngã-tướng đồng-nhất phận-sự Kiccaghana .	220
3.3- Ngã-tướng đồng-nhất đối-tượng Ārammaṇaghana	222
• Phương pháp làm trạng-thái vô-ngã hiện rõ ..	223
- Sự sinh, sự diệt của danh-pháp, sắc-pháp	224
Pháp-hành trong Phật-giáo	226
1- Pháp-hành thiền-định	226
2- Pháp-hành thiền-tuệ	227

- Sự sinh, sự diệt	228
1- Sự sinh, sự diệt của danh-pháp tam-giới ...	229
2- Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp	230
- Đồ biểu nhãn môn lộ-trình-tâm	231
- Trạng-thái-riêng	235
- Trạng-thái-chung.....	236
1- Trạng-thái vô-thường.....	237
2- Trạng-thái khổ	239
3- Trạng-thái vô-ngã	241
- Sự liên quan giữa 3 trạng-thái-chung.....	244
- Quan niệm vô-thường, khổ, vô-ngã theo đời ...	246
- Ba trạng-thái-chung có trạng-thái chi tiết	250
Bốn Thánh-đạo-tuệ.....	256
1- Tham-ái	257
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 3 loại tham-ái....	258
2- Pháp-trầm-luân	259
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 4 pháp-trầm-luân..	260
3- Pháp-chấp-thủ	261
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 4 pháp-chấp-thủ...	262
4- Pháp-ngắm-ngâm	263
- Ba loại phiền-não	264
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 7 phiền-não vi-tế ..	266
- Pháp chương-ngại có 5 pháp	268
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận	
5 pháp chương-ngại	269
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 7 ác-nghiệp	271
5- Phiền-não (Kilesa).....	271
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 10 loại phiền-não ..	273
6- Bất-thiện-tâm	274
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 12 bất-thiện-tâm ..	274

7- Bất-thiện-tâm-sở	274
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 14 bất-thiện-tâm-sở ..	275
8- Bất-thiện-nghiệp.....	276
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 10 bất-thiện-nghiệp..	277
9- Pháp-ràng-buộc	277
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 10 pháp-ràng-buộc ..	279
10- Pháp-thế-gian	280
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 8 pháp-thế-gian ..	281
11- Pháp-thiên-vị.....	282
- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 4 pháp-thiên-vị... ..	283
Các bài kinh khác và ý nghĩa.....	284
- Kinh Yadaniccasutta	284
• Ý nghĩa bài Kinh Yadaniccasutta	285
- Pháp vô-ngã trong 6 môn, 6 đối-tượng, 6 thức-tâm	287
- Anattasutta: Kinh Vô-ngã	287
• Ý nghĩa bài Kinh Anattasutta	290
- Suññatalokasutta: Kinh Đồi người là không....	293
• Ý nghĩa bài Kinh Suññatalokasutta	295
- Ý nghĩa tóm lược Kinh Mālukyaputtasutta.....	298
• Suy xét đoạn Kinh Mālukyaputtasutta	307
- Sự sinh và sự diệt của sự khổ: Kinh Dukkhasutta	313
• Tìm hiểu về bài Kinh Dukkhasutta.....	317
Từ ngữ Pāli bài kệ khai Kinh Trạng-thái vô-ngã..	320
Từ ngữ Pāli trong bài Kinh Trạng-thái vô-ngã	321

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn
ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Phần I

Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã (Anattalakkhaṇasutta)

Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian vào ngày rằm tháng 4, dưới cội Đại-Bồ-đề tại khu rừng Uruvelā, nay gọi là Buddhagayā, nước Ấn-Độ (India).

Hai tháng sau, vào ngày rằm tháng 6 (âm-lịch), *Đức-Phật Gotama* thuyết pháp lần đầu tiên bài kinh *Dhammacakkappavattanasutta*: *Kinh Chuyển-pháp-luân*, để tế độ nhóm 5 vị tỳ-khưu là Ngài *Koṇḍañña*, Ngài *Vappa*, Ngài *Bhaddiya*, Ngài *Mahānāma*, Ngài *Assaji* tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī. Khi nghe bài *Kinh Chuyển-pháp-luân* ấy, chỉ có Ngài *Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña* chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế* đầu tiên y theo Đức-Phật, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả*, *Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* đầu tiên, nên được *Đức-Phật Gotama* gọi tên mới là *Aññāsikoṇḍañña*, đồng thời cùng

với 180 triệu chư-thiên, chư phạm-thiên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.

Ngài Đại-Trưởng-lão *Aññāsikoṇḍañña* kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia sa-di tỳ-khuru. Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành **tỳ-khuru** theo cách gọi: “*Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo, cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāyā.*” Ngay khi ấy, **Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo** trọn vẹn lần đầu tiên xuất hiện trên thế gian vào ngày rằm tháng 6 ấy.

- Ngày 16 tháng 6, Đức-Phật nhập hạ thứ nhất cùng với nhóm 5 tỳ-khuru, tại khu rừng phóng sinh nai gọi là *Isipatana*, gần kinh-thành *Bārāṇasī*.

- Ngày 16 tháng 6, Ngài Trưởng-lão **Vappa** chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành **tỳ-khuru**. Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành **tỳ-khuru** theo cách gọi: “*Ehi bhikkhu! ...*”

- Ngày 17 tháng 6, Ngài Trưởng-lão **Bhaddiya** chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi

kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru. Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru theo cách gọi: “Ehi bhikkhu! ...”

- Ngày 18 tháng 6, Ngài Trưởng-lão **Mahā-nāma** chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru. Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru theo cách gọi: “Ehi bhikkhu! ...”

- Ngày 19 tháng 6, Ngài Trưởng-lão **Assaji** chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru. Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru theo cách gọi: “Ehi bhikkhu! ...”

Như vậy, nhóm 5 tỳ-khuru đều trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

- Ngày 20 tháng 6, Đức-Phật thuyết giảng bài Kinh **Anattalakkhaṇasutta**: Kinh Trạng-thái vô-ngã, để tế độ nhóm 5 vị tỳ-khuru Thánh Nhập-lưu đều trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.

Như vậy, 5 bậc Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian.

Kệ khai Kinh Trạng-thái vô-ngã

*Dhammacakkaṃ pavattetvā,
 Āsāḷhiyaṃ hi puṇṇame.
 Nagare Bārāṇasiyaṃ,
 Isipatanavhaye vane.
 Pāpetvādiphalaṃ nesaṃ,
 anukkamena desayi.
 Yaṃ taṃ pakkhassa pañcamyaṃ,
 vimuttatthaṃ bhaṇāma he!*

Anattalakkhaṇasutta ⁽¹⁾

1- *Evaṃ me sutāṃ --- Ekaṃ samayaṃ
 Bhagavā Bārāṇasiyaṃ viharati Isipatane
 migadāye. Tatra kho Bhagavā pañcavaggiye
 bhikkhū āmantesi “Bhikkhavo” ti. “Bhaddante”
 ti te bhikkhū Bhagavato paccassosum. Bhagavā
 etadavoca.*

2- *Rūpaṃ bhikkhave anattā, rūpañca hidaṃ
 bhikkhave attā abhavissa, nayidaṃ rūpaṃ
 ābādhāya saṃvattēyya, labbhettha ca rūpe
 “evaṃ me rūpaṃ hotu, evaṃ me rūpaṃ mā
 ahoṣī” ti. Yasmā ca kho bhikkhave rūpaṃ
 anattā, tasmā rūpaṃ ābādhāya saṃvattati, na ca
 labbhati rūpe “evaṃ me rūpaṃ hotu, evaṃ me
 rūpaṃ mā ahoṣī” ti.*

¹ Saṃyuttanikāya, Khandhavaggasaṃyutta, Anattalakkhaṇasutta.

3- *Vedanā anattā, vedanā ca hidam bhikkhave attā abhavissa, nayidam vedanā ābādhāya saṃvatteyya, labbheṭṭha ca vedanāya “evaṃ me vedanā hotu, evaṃ me vedanā mā ahoṣī” ti. Yasmā ca kho bhikkhave vedanā anattā, tasmā vedanā ābādhāya saṃvattati, na ca labbhati vedanāya “evaṃ me vedanā hotu, evaṃ me vedanā mā ahoṣī” ti.*

4- *Saññā anattā, saññā ca hidam bhikkhave attā abhavissa, nayidam saññā ābādhāya saṃvatteyya, labbheṭṭha ca saññāya “evaṃ me saññā hotu, evaṃ me saññā mā ahoṣī” ti. Yasmā ca kho bhikkhave saññā anattā, tasmā saññā ābādhāya saṃvattati, na ca labbhati saññāya “evaṃ me saññā hotu, evaṃ me saññā mā ahoṣī” ti.*

5- *Saṅkhārā anattā, saṅkhārā ca hidam bhikkhave attā abhavissaṃsu, nayidam saṅkhārā ābādhāya saṃvatteyyuṃ, labbheṭṭha ca saṅkhāresu “evaṃ me saṅkhārā hontu, evaṃ me saṅkhārā mā ahesun” ti. Yasmā ca kho bhikkhave saṅkhārā anattā, tasmā saṅkhārā ābādhāya saṃvattanti, na ca labbhati saṅkhāresu “evaṃ me saṅkhārā hontu, evaṃ me saṅkhārā mā ahesun” ti.*

6- *Viññāṇam anattā, viññāṇaṅca hidam bhikkhave attā abhavissa, nayidam viññāṇam*

ābādhāya saṃvatteyya, labbhettha ca viññāṇe
 “*evaṃ me viññāṇaṃ hotu, evaṃ me viññāṇaṃ*
mā ahoṣī” *ti. Yasmā ca kho bhikkhave viññāṇaṃ*
anattā, tasmā viññāṇaṃ ābādhāya saṃvattati,
na ca labbhati viññāṇe “evaṃ me viññāṇaṃ
hotu, evaṃ me viññāṇaṃ mā ahoṣī” ti.

7- *Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave,*

- **Rūpaṃ** *niccaṃ vā aniccaṃ vā*’*ti.*

- *Aniccaṃ Bhante.*

- *Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ*
vā’*ti.*

- *Dukkhaṃ Bhante.*

- *Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-*
dhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassitum
 “*etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā*” *ti.*

- *No hetuṃ Bhante.*

- **Vedanā** *niccā vā aniccā vā*’*ti.*

- *Aniccā Bhante.*

- *Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ*
vā’*ti.*

- *Dukkhaṃ Bhante.*

- *Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-*
dhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassitum
 “*etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā*” *ti.*

- *No hetuṃ Bhante.*

- **Saññā** niccā vā aniccā vā'ti.
- Aniccā Bhante.
- Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā'ti.
- Dukkhaṃ Bhante.
- Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ “etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā” ti.
- No hetuṃ Bhante.
- **Sañkhārū** niccā vā aniccā vā'ti.
- Aniccā Bhante.
- Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā'ti.
- Dukkhaṃ Bhante.
- Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ “etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā” ti.
- No hetuṃ Bhante.
- **Viññāṇaṃ** niccaṃ vā aniccaṃ vā'ti.
- Aniccaṃ Bhante.
- Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā'ti.
- Dukkhaṃ Bhante.

- *Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ “etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā” ti.*

- *No hetam Bhante.*

8- *Tasmā tiha bhikkhave,*

* *Yaṃ kiñci rūpaṃ atītānāgatapaccuppannaṃ ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikaṃ vā sukhumam vā hīnaṃ vā paṇītaṃ vā yaṃ dūre santike vā sabbaṃ rūpaṃ “netam mama, nesohamasmi, na meso attā” ti evametam yathābhūtaṃ sammappaṇṇāya daṭṭhabbam.*

* *Yā kāci vedanā atītānāgatapaccuppannā ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikā vā sukhumā vā hīnā vā paṇītā vā yā dūre ⁽¹⁾ santike vā sabbā vedanā “netam mama, nesohamasmi, na meso attā” ti evametam yathābhūtaṃ sammappaṇṇāya daṭṭhabbam.*

* *Yā kāci saññā atītānāgatapaccuppannā ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikā vā sukhumā vā hīnā vā paṇītā vā yā dūre santike vā sabbā saññā “netam mama, nesohamasmi, na meso attā” ti evametam yathābhūtaṃ sammappaṇṇāya daṭṭhabbam.*

* *Yā kāci saṅkhārā atītānāgatapaccuppannā ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikā vā sukhumā vā*

¹ Dūre vā (Syāma).

hīnā vā paṇītā vā yā dūre santike vā sabbe saṅkhārā “netam mama, nesohamasmi, na meso attā” ti evametam yathābhūtam sammappaññāya datṭhabbam.

* *Yaṃ kiñci viññāṇaṃ atītānāgatapaccuppannaṃ ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā hīnaṃ vā paṇītaṃ vā yaṃ dūre santike vā sabbaṃ viññāṇaṃ “netam mama, nesohamasmi, na meso attā” ti evametam yathābhūtam sammappaññāya datṭhabbam.*

9- *Evaṃ passaṃ bhikkhave sutavā ariya-sāvako rūpasmimpi nibbindati, vedanāyapi nibbindati, saññāyapi nibbindati, saṅkhāresupi nibbindati, viññāṇasmimpi nibbindati. Nibbindaṃ virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmiṃ “vimuttam” iti ñāṇaṃ hoti, “khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā” ti pajānātīti.*

Idamavoca Bhagavā, attamanā pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinandaṃ.

Imasmiṃ ca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññamāne pañcavaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ anupādāya āsavehi cittāni vimucchiṃsūti.

Anattalakkhaṇasuttaṃ niṭṭhitaṃ.

Ý nghĩa kệ khai Kinh Trạng-thái vô-ngã

*Khu rừng yên tịnh nơi phóng sinh nai
 Tên gọi là **I-si-pa-ta-na**
 Gần kinh thành **Ba-ra-na-xi** ấy,
 Ngày rằm tháng sáu, trăng tròn sáng tỏ,
 Đức-Phật thuyết bài kinh Chuyển-pháp-luân,
 Ngài Koṇḍañña trở thành bậc Thánh Nhập-lưu,
 Tuần tự theo mỗi ngày, thêm một vị.
 Nhóm năm tỳ-khuru thành Thánh Nhập-lưu,
 Đến ngày 20 tuần trăng hạ huyền
 Đức-Phật thuyết kinh Trạng-thái vô-ngã.
 Tế độ tỳ-khuru trở thành A-ra-hán.
 Nay chư thiện-trí! Xin hãy lắng nghe
 Chúng tôi tụng kinh Trạng-thái vô-ngã.*

Ý nghĩa bài Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã (Anattalakkhaṇasutta) ⁽¹⁾

Lời của Ngài Trưởng-lão Ānanda bạch với
 Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa rằng:

- *Evaṃ me sutam ...*

1- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa khả kính! Con là Ānanda, được nghe*

¹ Saṃyuttanikāya, Khandhavaggasaṃyutta Anattalakkhaṇasutta.

bài Kinh **Trạng-thái vô-ngã** từ Đức-Thế-Tôn như vậy:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana (trước kia chư Phật Độc-Giác thường ngự xuống). Tại nơi đây, Đức-Thế-Tôn bèn gọi nhóm 5 tỳ-khuru rằng:

- Nay chư tỳ-khuru!

Chư tỳ-khuru đáp lời Đức-Thế-Tôn:

- Dạ, kính bạch Đức-Thế-Tôn.

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng Kinh Trạng-thái-vô-ngã như sau:

Ngũ-uẩn là vô-ngã

2- Sắc-uẩn là vô-ngã

- Nay chư tỳ-khuru! Sắc-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai).

- Nay chư tỳ-khuru! Thật vậy, nếu sắc-uẩn này là ta (ngã) thì sắc-uẩn này không bị vô-thường biến đổi, không bị bệnh khổ thân, các con có thể mong muốn sắc-uẩn này rằng:

“Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này. Sắc-uẩn của tôi đừng có bệnh khổ thân, xấu xí như thế kia.”

- Nay chư tỳ-khuru! Sự thật, bởi vì sắc-uẩn này là vô-ngã, do đó, sắc-uẩn này bị vô-thường biến đổi, bị bệnh khổ thân.

Vì vậy, các con không thể mong muốn sắc-uẩn này rằng:

“Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này. Sắc-uẩn của tôi đừng có bệnh khổ thân, xấu xí như thế kia.”

(Sắc-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân-duyên, không tùy theo ý muốn của ai.)

3- Thọ-uẩn là vô-ngã

- Nay chư tỳ-khuru! Thọ-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai).

- Nay chư tỳ-khuru! Thật vậy, nếu thọ-uẩn này là ta (ngã) thì thọ-uẩn này không bị vô-thường biến đổi, không bị bệnh khổ thân, không bị bệnh khổ tâm, các con có thể mong muốn thọ-uẩn này rằng:

“Thọ-uẩn của tôi được an-lạc như thế này. Thọ-uẩn của tôi đừng khổ đau như thế kia.”

- Nay chư tỳ-khuru! Sự thật, bởi vì thọ-uẩn này là vô-ngã, do đó thọ-uẩn này bị vô-thường biến đổi, bị bệnh khổ thân, bị bệnh khổ tâm.

Vì vậy, các con không thể mong muốn thọ-uẩn này rằng:

“Thọ-uẩn của tôi được an-lạc như thế này. Thọ-uẩn của tôi đừng khổ tâm như thế kia.”

(Thọ-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân-duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ai.)

4- Tướng-uẩn là vô-ngã

- *Này chư tỳ-khuru! Tướng-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai).*

- *Này chư tỳ-khuru! Thật vậy, nếu tướng-uẩn này là ta (ngã), thì tướng-uẩn này không bị vô-thường biến đổi, không bị bệnh khổ tâm, các con có thể mong muốn tướng-uẩn này rằng:*

“Tướng-uẩn của tôi tướng nhớ điều tốt, điều thiện như thế này. Tướng-uẩn của tôi đừng tướng nhớ điều xấu, điều ác như thế kia.”

- *Này chư tỳ-khuru! Sự thật, bởi vì tướng-uẩn này là vô-ngã, do đó, tướng-uẩn này bị vô-thường biến đổi, bị bệnh khổ tâm. Vì vậy, các con không thể mong muốn tướng-uẩn này rằng:*

“Tướng-uẩn của tôi tướng nhớ điều tốt, điều thiện như thế này. Tướng-uẩn của tôi đừng tướng nhớ điều xấu, điều ác như thế kia.”

(Tướng-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân-duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ai.)

5- Hành-uẩn là vô-ngã

- *Này chư tỳ-khuru! Hành-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai).*

- *Này chư tỳ-khuru! Thật vậy, nếu hành-uẩn này là ta (ngã), thì hành-uẩn này không bị vô-thường biến đổi, không bị bệnh khổ tâm, các con có thể mong muốn hành-uẩn này rằng:*

“Hành-uẩn của tôi hành thiện-nghiệp như thế này. Hành-uẩn của tôi đừng hành ác-nghiệp như thế kia.”

- *Này chư tỳ-khuru! Sự thật, bởi vì hành-uẩn này là vô-ngã, do đó, hành-uẩn này bị vô-thường biến đổi, bị bệnh khổ tâm.*

Vì vậy, các con không thể mong muốn hành-uẩn này rằng:

“Hành-uẩn của tôi hành thiện-nghiệp như thế này. Hành-uẩn của tôi đừng hành ác-nghiệp như thế kia.”

(Hành-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ai.)

6- Thức-uẩn là vô-ngã

- *Này chư tỳ-khuru! Thức-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai).*

- *Này chư tỳ-khuru! Thật vậy, nếu thức-uẩn này là ta (ngã), thì thức-uẩn này không bị vô-thường biến đổi, không bị bệnh khổ tâm, các con có thể mong muốn thức-uẩn này rằng:*

“Thức-uẩn của tôi biết điều tốt, điều thiện như thế này. Thức-uẩn của tôi đừng biết điều xấu, điều ác như thế kia.”

- *Này chư tỳ-khuru! Sự thật, bởi vì thức-uẩn này là vô-ngã, do đó, thức-uẩn này bị vô-thường*

biến đổi, bị bệnh khổ tâm. Vì vậy, các con không thể mong muốn thức-uẩn này rằng:

“Thức-uẩn của tôi biết điều tốt, điều thiện như thế này. Thức-uẩn của tôi đừng biết điều xấu, điều ác như thế kia.”

(Thức-uẩn như thế nào hoàn toàn tùy thuộc vào nhân-duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ai.)

7- Ngũ-uẩn có 3 trạng-thái-chung

*** Sắc-uẩn có 3 trạng-thái-chung**

- Nay chư tỳ-khuru! Các con nhận thức thế nào về điều này?

- Sắc-uẩn này là thường hay vô-thường?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường.

- Nay chư tỳ-khuru! Sắc-uẩn nào là vô-thường, vậy sắc-uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn nào sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên sắc-uẩn ấy là khổ.

- Nay chư tỳ-khuru! Sắc-uẩn nào có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, có trạng-thái thường biến đổi, không theo ý của ai. Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến trong sắc-uẩn ấy rằng:

“Sắc-uẩn ấy là **của ta** (do tâm tham-ái), sắc-uẩn ấy là **ta** (do tâm ngã-mạn), sắc-uẩn ấy là **tự ngã của ta** (do tâm tà-kiến) hay không?”

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ trong sắc-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.

*** Thọ-uẩn có 3 trạng-thái-chung**

- Nay chư tỳ-khuru! Các con nhận thức thế nào về điều này?

- Thọ-uẩn này là thường hay vô-thường?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thọ-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường.

- Nay chư tỳ-khuru! Thọ-uẩn nào là vô-thường, vậy thọ-uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thọ-uẩn nào sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên thọ-uẩn ấy là khổ.

- Nay chư tỳ-khuru! Thọ-uẩn nào có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, có trạng-thái thường biến đổi, không chiều theo ý của ai. Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến trong thọ-uẩn ấy rằng:

“Thọ-uẩn ấy là **của ta** (do tâm tham-ái), thọ-uẩn ấy là **ta** (do tâm ngã-mạn), thọ-uẩn ấy là **tự ngã của ta** (do tâm tà-kiến) hay không?”

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ trong thọ-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.

*** Tướng-uẩn có 3 trạng-thái-chung**

- Nay chư tỳ-khuru! Các con nhận thức thế nào về điều này?

- Tướng-uẩn này là thường hay vô-thường?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tướng-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường.

- Nay chư tỳ-khuru! Tướng-uẩn nào là vô-thường, vậy tướng-uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tướng-uẩn nào sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên tướng-uẩn ấy là khổ.

- Nay chư tỳ-khuru! Tướng-uẩn nào có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, có trạng-thái thường biến đổi, không chiều theo ý của ai. Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến trong tướng-uẩn ấy rằng:

“Tướng-uẩn ấy là **của ta** (do tâm tham-ái), tướng-uẩn ấy là **ta** (do tâm ngã-mạn), tướng-uẩn ấy là **tự ngã của ta** (do tâm tà-kiến) hay không?”

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ trong tướng-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.

*** Hành-uẩn có 3 trạng-thái-chung**

- *Này chư tỳ-khuru! Các con nhận thức thế nào về điều này?*

- *Hành-uẩn này là thường hay vô-thường?*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, hành-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường.*

- *Này chư tỳ-khuru! Hành-uẩn nào là vô-thường, vậy hành-uẩn ấy là khổ hay lạc?*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, hành-uẩn nào sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên hành-uẩn ấy là khổ.*

- *Này chư tỳ-khuru! Hành-uẩn nào có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, có trạng-thái thường biến đổi, không chiều theo ý của ai. Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến trong hành-uẩn ấy rằng:*

“Hành-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), hành-uẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), hành-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?”

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ trong hành-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.*

*** Thức-uẩn có 3 trạng-thái-chung**

- *Này chư tỳ-khuru! Các con nhận thức thế nào về điều này?*

- *Thức-uẩn này là thường hay vô-thường?*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thức-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường.

- Nay chư tỳ-khuru! Thức-uẩn nào là vô-thường, vậy thức-uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thức-uẩn nào sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên thức-uẩn ấy là khổ.

- Nay chư tỳ-khuru! Thức-uẩn nào có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, có trạng-thái thường biến đổi, không chiều theo ý của ai. Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến trong thức-uẩn ấy rằng:

“Thức-uẩn ấy là **của ta** (do tâm tham-ái), thức-uẩn ấy là **ta** (do tâm ngã-mạn), thức-uẩn ấy là **tự ngã của ta** (do tâm tà-kiến) hay không?”

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ trong thức-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.

8- Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ trong ngũ-uẩn

*** Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ trong sắc-uẩn**

- Nay chư tỳ-khuru! Vì vậy, sắc-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại; hoặc sắc-uẩn bên trong của mình, hoặc sắc-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc sắc-uẩn thô, hoặc sắc-uẩn vi-tế, hoặc sắc-uẩn thấp hèn, hoặc sắc-uẩn cao

quý, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi gần, gồm 11 loại sắc-uẩn ấy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của sắc-uẩn ấy rằng:

“Sắc-uẩn ấy không phải là **của ta** (do tham-ái), sắc-uẩn ấy không phải là **ta** (do ngã-mạn), sắc-uẩn ấy không phải là **tự ngã của ta** (do tà-kiến).”

*** Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ trong thọ-uẩn**

- Nay chư tỳ-khuru! Vì vậy, thọ-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại; hoặc thọ-uẩn bên trong của mình, hoặc thọ-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc thọ-uẩn thô, hoặc thọ-uẩn vi-tế, hoặc thọ-uẩn thấp hèn, hoặc thọ-uẩn cao quý, hoặc thọ-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc thọ-uẩn nào sinh ở nơi gần, gồm 11 loại thọ-uẩn ấy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả thọ-uẩn ấy rằng:

“Thọ-uẩn ấy không phải là **của ta** (do tham-ái), thọ-uẩn ấy không phải là **ta** (do ngã-mạn), thọ-uẩn ấy không phải là **tự ngã của ta** (do tà-kiến).”

*** Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ trong tưởng-uẩn**

- Nay chư tỳ-khuru! Vì vậy, tưởng-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại; hoặc tưởng-uẩn bên trong của mình, hoặc tưởng-uẩn bên ngoài mình

(của người khác), hoặc tướng-uẩn thô, hoặc tướng-uẩn vi-tế, hoặc tướng-uẩn thấp hèn, hoặc tướng-uẩn cao quý, hoặc tướng-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc tướng-uẩn nào sinh ở nơi gần, gồm 11 loại tướng-uẩn ấy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả tướng-uẩn ấy rằng:

“Tướng-uẩn ấy không phải là **của ta** (do tham-ái), tướng-uẩn ấy không phải là **ta** (do ngã-mạn), tướng-uẩn ấy không phải là **tự ngã của ta** (do tà-kiến).”

*** Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ trong hành-uẩn**

- Nay chư tỳ-khuru! Vì vậy, hành-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại; hoặc hành-uẩn bên trong của mình, hoặc hành-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc hành-uẩn thô, hoặc hành-uẩn vi-tế, hoặc hành-uẩn thấp hèn, hoặc hành-uẩn cao quý, hoặc hành-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc hành-uẩn nào sinh ở nơi gần, gồm 11 loại hành-uẩn ấy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả hành-uẩn ấy rằng:

“Hành-uẩn ấy không phải là **của ta** (do tham-ái), hành-uẩn ấy không phải là **ta** (do ngã-mạn), hành-uẩn ấy không phải là **tự ngã của ta** (do tà-kiến).”

*** Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ trong thức-uẩn**

- *Này chư tỳ-khuru! Vì vậy, thức-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại; hoặc thức-uẩn bên trong của mình, hoặc thức-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc thức-uẩn thô, hoặc thức-uẩn vi-tế, hoặc thức-uẩn thấp hèn, hoặc thức-uẩn cao quý, hoặc thức-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc thức-uẩn nào sinh ở nơi gần, gồm 11 loại thức-uẩn ấy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả thức-uẩn ấy rằng:*

“Thức-uẩn ấy không phải là của ta (do tham-ái), thức-uẩn ấy không phải là ta (do ngã-mạn), thức-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta (do tà-kiến).”

*** Trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũ-uẩn**

- *Này chư tỳ-khuru! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn đã lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, nên phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn đúng theo thật-tánh, nên trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong sắc-uẩn, nhàm chán trong thọ-uẩn, nhàm chán trong tưởng-uẩn, nhàm chán trong hành-uẩn, nhàm chán trong thức-uẩn.*

Khi trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũ-uẩn nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả ly tham-ái

nên chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-nã. Trí-tuệ quán-triệt biết rõ rằng:

“A-ra-hán Thánh-quả-tâm đã giải thoát hoàn toàn mọi phiền-nã trầm-luân, không còn phải thực hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận-sự trong tứ Thánh-đế đã được hoàn thành, phạm hạnh cao thượng đã được hoàn thiện. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa.

Nhóm 5 tỳ-khuru trở thành bậc Thánh A-ra-hán

*Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài **Kinh Trạng-thái vô-ngã** này xong, nhóm 5 tỳ-khuru phát sinh đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ với lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn.*

Trong khi Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh này, nhóm 5 tỳ-khuru thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn; Bát-lai Thánh-đạo, Bát-lai Thánh-quả, Niết-bàn; đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-nã trầm-luân, không còn chấp-thủ trong ngũ-uẩn này nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

(Xong bài Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã.)

Phần giảng giải bài Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã

Chúng-sinh trong tam-giới

Tất cả chúng-sinh trong tam-giới có ba loại:

1- Chúng-sinh có **ngũ-uẩn** đó là *sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* trong 11 cõi dục-giới, 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới Vô-tướng-thiên).

2- Chúng-sinh có **tứ-uẩn** đó là *thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* (không có *sắc-uẩn*) trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

3- Chúng-sinh có **nhất-uẩn** đó là *sắc-uẩn* (không có 4 *danh-uẩn*) trong tầng trời sắc-giới Vô-tướng-thiên.

Ngũ-uẩn (Pañcakkhandha)

Khandha là *uẩn* có nghĩa là “nhóm” gồm những phần có trạng-thái tương tự nhau, ghép chung vào một nhóm gọi là **khandha: uẩn**.

Ví dụ: *Con người có ngũ-uẩn.*

1- *Sắc-uẩn* đó là 28 *sắc-pháp*, mỗi *sắc-pháp* là mỗi *uẩn* thuộc về **phần thân**.

2- *Thọ-uẩn* đó là *thọ tâm-sở*.

3- *Tưởng-uẩn* đó là *tưởng tâm-sở*.

4- *Hành-uẩn* đó là 50 *tâm-sở* nói chung (trừ *thọ tâm-sở* và *tưởng tâm-sở*).

5- *Thức-uẩn* đó là 89 hay 121 *tâm* nói chung.

Thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn gồm 4 **danh-uẩn** thuộc về danh-pháp tam-giới nương nhờ lẫn nhau không thể tách rời nhau được, mỗi tâm là mỗi uẩn thuộc về **phần tâm**. **Thân** và **tâm** nương nhờ lẫn nhau duy trì sự sống còn của mỗi chúng-sinh.

Nếu khi **tâm** rời khỏi **thân** thì **thân** trở thành tử thi.

Phần Giải Thích

1- **Sắc-uẩn** (*Rūpakkhandha*) gồm có 28 sắc-pháp, chia thành hai loại:

* **Mahābhūtarūpa**: **Sắc-tứ-đại** có 4 sắc-pháp lớn là:

- **Địa-đại** (*Pathavī*): Chất đất có trạng-thái cứng hoặc mềm.

- **Thủy-đại** (*Āpo*): Chất nước có trạng-thái lỏng hoặc đông đặc.

- **Hỏa-đại** (*Tejo*): Chất lửa có trạng-thái nóng hoặc lạnh.

- **Phong-đại** (*Vāyo*): Chất gió có trạng-thái lưu động, phồng hoặc xẹp.

* **Upādāyarūpa**: **Sắc-pháp phụ thuộc** gồm có 24 sắc-pháp, luôn luôn phụ thuộc vào 4 sắc-tứ-đại:

- 5 **tịnh-sắc** (*Pasādarūpa*): **Nhãn tịnh-sắc, nhĩ tịnh-sắc, tỷ tịnh-sắc, thiệt tịnh-sắc, thân tịnh-sắc**.

- 5 sắc đối-tượng (*Visayarūpa*): Đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đối-tượng vị, đối-tượng xúc ⁽¹⁾.

- 2 sắc-tính (*Bhāvarūpa*): Sắc nam-tính, sắc nữ-tính.

- 1 hadayarūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm.

- 1 sắc-mạng-chủ (*Jīvitarūpa*).

- 1 sắc-vật-thực (*Āhārarūpa*).

- 1 sắc-chân-không (*Paricchedarūpa*).

- 2 sắc-cử-động (*Viññattirūpa*): Sắc-thân cử động, sắc-khẩu cử động.

- 3 sắc-chuyển-biến (*Vikārarūpa*): Sắc-nhẹ-nhàng, sắc-mềm-mại, sắc-uyển-chuyển.

- 4 sắc-trạng-thái (*Lakkhaṇarūpa*): Sắc-sinh, sắc-liên-tục, sắc-già-dạn, sắc-vô-thường.

Đó là 28 **sắc-pháp** bên trong thân, thuộc về **sắc-uẩn**.

Một người bình thường, không bị khuyết tật, thân thể có đầy đủ 27 sắc-pháp.

- Nếu là người nam thì trừ sắc nữ-tính.

- Nếu là người nữ thì trừ sắc nam-tính.

- Nếu người bị đui mù, câm điếc, thì người ấy có số lượng sắc-pháp giảm xuống theo bệnh tật.

¹ Đối-tượng xúc gồm có 3 sắc: đất, lửa, gió, đã có trong phần tứ-đại.

2- Thọ-uẩn (*Vedanakkhandha*) đó là thọ tâm-sở có trạng-thái cảm thọ nơi đối-tượng.

* Thọ tâm-sở (cảm thọ nơi đối-tượng) có ba loại thọ:

- Thọ khổ (*dukkhavedanā*) có trạng-thái khổ khó chịu.

- Thọ lạc (*sukhavedanā*) có trạng-thái lạc dễ chịu.

- Thọ xả (*upekkhāvedanā*) có trạng-thái không khổ, không lạc.

* Thọ tâm-sở có 5 loại theo **thân, tâm**:

- Thọ khổ (*dukkhavedanā*) đồng sinh với thân-thức-tâm (khổ thân).

- Thọ lạc (*sukhavedanā*) đồng sinh với thân-thức-tâm (thân an-lạc).

- Thọ hỷ (*somanassavedanā*) đồng sinh với ý-thức-tâm (tâm an-lạc).

- Thọ ưu (*domanassavedanā*) đồng sinh với sân-tâm (khô tâm).

- Thọ xả (*upekkhāvedanā*) đồng sinh với ý-thức-tâm (tâm không khổ, không lạc).

Mỗi **thọ tâm-sở** đồng sinh với **tâm** ấy thuộc về **thọ-uẩn**.

3- Tưởng-uẩn (*Saññakkhandha*) đó là tưởng tâm-sở có trạng-thái tưởng nơi 6 đối-tượng.

- Sắc-tưởng (*rūpasaññā*) tưởng các đối-tượng sắc.

- *Thanh-tưởng* (*saddasaññā*) tưởng các đối-tượng âm thanh.

- *Hương-tưởng* (*gandhasaññā*) tưởng các đối-tượng hương.

- *Vị-tưởng* (*rasasaññā*) tưởng các đối-tượng vị.

- *Xúc-tưởng* (*phoṭṭhabbasaññā*) tưởng các đối-tượng xúc.

- *Pháp-tưởng* (*dhammasaññā*) tưởng các đối-tượng pháp.

Mỗi **tưởng tâm-sở** đồng sinh với *tâm* ấy thuộc về **tưởng-uẩn**.

4- Hành-uẩn (*Saṅkhārakkhandha*) đó là 50 *tâm-sở* (trừ *thọ tâm-sở* và *tưởng tâm-sở*) có trạng-thái cấu tạo, tạo tác các pháp. Vì vậy, *tác-y tâm-sở* (*cetanācetasika*) dẫn đầu hành-uẩn.

- *Tác-y tâm-sở* (*cetanācetasika*) đồng sinh với *bất-thiện-tâm* tạo nên *bất-thiện-nghiệp* (*ác-nghiệp*) do thân, khẩu, ý.

- *Tác-y tâm-sở* (*cetanācetasika*) đồng sinh với *thiện-tâm* tạo nên *thiện-nghiệp* do thân, khẩu, ý.

Số tâm-sở ấy đồng sinh với *tâm* ít hoặc nhiều tùy theo năng lực của mỗi *tâm*.

Ngoại trừ *thọ tâm-sở* và *tưởng tâm-sở* ra, các *tâm-sở* còn lại thuộc về **hành-uẩn**.

5- Thức-uẩn (*Viññāṇakkhandha*) gồm có 89 hoặc 121 *tâm* có trạng-thái biết 6 loại đối-tượng.

Đối-tượng có 6 loại, nên tâm chia ra làm 6 loại tâm:

- *Nhãn-thức-tâm* (*cakkhaviññāṇa*) có 2 tâm, làm phận sự nhìn thấy các đối-tượng sắc.

- *Nhĩ-thức-tâm* (*sotaviññāṇa*) có 2 tâm, làm phận sự nghe các đối-tượng âm thanh.

- *Tỷ-thức-tâm* (*ghānaviññāṇa*) có 2 tâm, làm phận sự ngửi các đối-tượng hương.

- *Thiệt-thức-tâm* (*jivhāviññāṇa*) có 2 tâm, làm phận sự nếm các đối-tượng vị.

- *Thân-thức-tâm* (*kāyaviññāṇa*) có 2 tâm, làm phận sự xúc giác các đối-tượng xúc.

- *Ý-thức-tâm* (*manoviññāṇa*) có 79 hoặc 111 tâm, có nhiều phận sự như biết các *đối-tượng pháp*⁽¹⁾ tùy theo năng lực của mỗi ý-thức-tâm.

Mỗi tâm thuộc về mỗi **thức-uẩn**.

Thật ra, mỗi tâm phát sinh đều có một số tâm-sở ít hoặc nhiều đồng sinh tùy theo năng lực và phận sự của tâm ấy.

Các tâm-sở này có 4 trạng-thái là *đồng sinh với tâm, đồng diệt với tâm, đồng đối-tượng với tâm, đồng nơi sinh với tâm*. Cho nên, khi *mỗi tâm sinh rồi diệt* nghĩa là *4 danh-uẩn đồng sinh, rồi 4 danh-uẩn đồng diệt...*

¹ Đối-tượng pháp có 6 loại là 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn và chế-định-pháp.

Chúng-sinh có ngũ-uẩn, khi 6 loại tâm phát sinh do nương nhờ nơi 6 nơi sinh (*vatthurūpa*) như sau:

- *Nhãn-thức-tâm* có 2 tâm, phát sinh do nương nhờ *nhãn-tịnh-sắc* (*cakkhuvatthu*).

- *Nhĩ-thức-tâm* có 2 tâm, phát sinh do nương nhờ *nhĩ-tịnh-sắc* (*sotavatthu*).

- *Tỷ-thức-tâm* có 2 tâm, phát sinh do nương nhờ *tỷ-tịnh-sắc* (*ghāṇavatthu*).

- *Thiệt-thức-tâm* có 2 tâm, phát sinh do nương nhờ *thiệt-tịnh-sắc* (*jivhāvatthu*).

- *Thân-thức-tâm* có 2 tâm, phát sinh do nương nhờ *thân-tịnh-sắc* (*kāyavatthu*).

- *Ý-thức-tâm* gồm có 75 tâm ⁽¹⁾ (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm không nương nhờ *vatthurūpa*) phát sinh do nương nhờ *hadayavatthurūpa* (*sắc-pháp* là nơi sinh của *ý-thức-tâm*).

Như vậy, mỗi tâm phát sinh có đủ ngũ-uẩn phát sinh.

- *Vatthurūpa* có 6 loại là nơi nương nhờ để 6 loại tâm phát sinh, thuộc về **sắc-uẩn**.

- Tâm ấy thuộc về **thức-uẩn**.

- Thọ tâm-sở đồng sinh với tâm ấy thuộc về **thọ-uẩn**.

¹ 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới-quả-tâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm.

- *Tương tâm-sở* đồng sinh với *tâm ấy* thuộc về *tương-uẩn*.

- *Số tâm-sở còn lại* (trừ thọ tâm-sở và tương tâm-sở) đồng sinh với *tâm ấy* thuộc về *hành-uẩn*.

* *Mỗi tâm* có 4 danh-uẩn (*thọ-uẩn, tương-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn*) sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia, từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại, *mỗi tâm* sinh rồi diệt liên tục có phận sự lưu trữ *mọi đại-thiện-nghiệp* và cũng lưu trữ đầy đủ trọn vẹn *mọi ác-nghiệp*, không hề mất mát một mảy may nào cả. Cho nên, mỗi kiếp tử sinh luân-hồi của mỗi chúng-sinh chỉ có liên quan *nghiệp và quả của nghiệp* của chúng-sinh ấy mà thôi.

* *Thân* của mỗi chúng-sinh thuộc về *sắc-uẩn*, là quả của *nghiệp*, bị hạn chế chỉ trong kiếp hiện-tại của chúng-sinh mà thôi. Sau khi chúng-sinh ấy chết, *thân* bị tan rã, không có liên quan nào đến kiếp sau nữa.

Ngũ-uẩn chấp-thủ (Pañcupādānakkhandha)

Ngũ-uẩn chấp-thủ nghĩa là *ngũ-uẩn* là đối-tượng của 4 *pháp chấp-thủ*:

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 pháp đó là:

1- *Sắc-uẩn chấp-thủ* đó là 28 *sắc-pháp*, là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

2- **Thọ-uẩn chấp-thủ** đó là *thọ tâm-sở* trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

3- **Tưởng-uẩn chấp-thủ** đó là *tưởng tâm-sở* trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

4- **Hành-uẩn chấp-thủ** đó là 50 *tâm-sở* (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

5- **Thức-uẩn chấp-thủ** đó là 81 *tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

Bốn pháp chấp-thủ

- *Kāmapādāna*: **Chấp-thủ** trong đối-tượng tham muốn trong cõi dục-giới, cõi sắc-giới và cõi vô-sắc-giới, có chi-pháp là **tham tâm-sở** đồng sinh với 8 tham-tâm.

- *Diṭṭhupādāna*: **Chấp-thủ** trong tà-kiến thấy sai chấp lầm (ngoài *sīlabbatupādāna* và *attavādupādāna*) có chi-pháp là **tà-kiến tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

- *Sīlabbatupādāna*: **Chấp-thủ** trong pháp thường-hành sai lầm, có chi-pháp là **tà-kiến tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

- *Attavādupādāna*: **Chấp-thủ** trong ngũ-uẩn gọi là **ta**, có chi-pháp là **tà-kiến tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

Bốn pháp chấp-thủ này trong tam-giới: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới.

Giảng giải danh-từ *anattā* với *attā*

Trong bài Kinh *Anattalakkhaṇasutta*, Đức-Phật thuyết giảng rằng:

- “*Rūpaṃ bhikkhave anattā, rūpañca hidam bhikkhave attā abhavissa, nayidaṃ rūpaṃ ābādhāya saṃvatteyya, labbhettha ca rūpe “evaṃ me rūpaṃ hotu, evaṃ me rūpaṃ mā ahoṣī” ti. Yasmā ca kho bhikkhave rūpaṃ anattā, tasmā rūpaṃ ābādhāya saṃvattati, na ca labbhati rūpe “evaṃ me rūpaṃ hotu, evaṃ me rūpaṃ mā ahoṣī” ti.*

Sắc-uẩn là vô-ngã

- “*Này chư tỳ-khuru! Sắc-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai).*

- *Này chư tỳ-khuru! Thật vậy, nếu sắc-uẩn này là ta (ngã) thì sắc-uẩn này không bị vô-thường, biến đổi, không bị bệnh thân, các con có thể mong muốn sắc-uẩn này rằng:*

“*Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này. Sắc-uẩn của tôi đừng có bệnh thân, xấu xí như thế kia.*”

- *Này chư tỳ-khuru! Sự thật, bởi vì sắc-uẩn này là vô-ngã, do đó, sắc-uẩn này bị vô-thường, biến đổi, bị bệnh thân.*

Vì vậy, các con không thể mong muốn trong sắc-uẩn này rằng:

“*Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này. Sắc-uẩn của tôi đừng có bệnh thân, xấu xí như thế kia.*”

(*Sắc-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân-duyên, không tùy theo ý muốn của ai*).

Tương tự như sắc-uẩn, Đức-Phật thuyết giảng thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cũng là **vô-ngã** (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai) ...

Ý nghĩa anattā

Định nghĩa danh-từ **anattā**:

Na attā anattā, natthi attā etassa khandha-pañcakassā'ti vā anattā.

Tất cả các pháp không phải **ta**, không phải của **ta** là **pháp-vô-ngã**; hay **ngũ-uẩn** ấy không phải **ta**, không phải của **ta** cũng là **pháp-vô-ngã**.

Ý nghĩa **Anattā**: Vô-ngã ở đây là phủ định **attā**: ngã, ta và của ta.

Trong bộ **Tīkā** ⁽¹⁾ giải thích danh-từ **anattā**: vô-ngã có 4 ý nghĩa sau:

1- *Avasavattanatṭha*: Vô-ngã nghĩa là không chiều theo ý muốn của một ai.

2- *Asāmikattṭha*: Vô-ngã nghĩa là vô chủ, không có ai là chủ.

¹ Bộ Sāratthadīpanīṭikā, kinh Anattalakkhaṇasuttavaṇṇanā.

3- *Suññataṭṭha*: Vô-ngã nghĩa là không, không phải ta, không phải của ta.

4- *Attapaṭikkhepaṭṭha*: Vô-ngã nghĩa là phủ nhận cái **ngã**, cái **ta**, cái **đại ngã** theo quan niệm tà-kiến thấy sai chấp lầm.

Trong bài Kinh *Anattalakkhaṇasutta*: Kinh trạng-thái vô-ngã, danh-từ **anattā** với **attā** có ý nghĩa hoàn toàn trái ngược nhau.

* **Anattā** (Vô-ngã): Ngũ-uẩn này là vô-ngã, không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai.

Sự-thật của ngũ-uẩn này là **vô-ngã**, không phải **ta**, cũng không phải là chúng-sinh nào cả. Mỗi uẩn phát sinh do nhân-duyên của nó.

Trong bộ *Visuddhimagga*, phần *Saṅkhārupek-khāññakathā* trình bày tính chất của **ngũ-uẩn**: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn.

Ngũ-uẩn có 12 tính chất

1- *Na satto*: Ngũ-uẩn không phải là chúng-sinh.

2- *Na jīvo*: Ngũ-uẩn không phải là sinh-mạng vĩnh cửu theo nhóm ngoại đạo.

3- *Na naro*: Ngũ-uẩn không phải là người.

4- *Na māṇavo*: Ngũ-uẩn không phải là cậu trai trẻ.

5- *Na itthī*: Ngũ-uẩn không phải là người nữ.

6- *Na puriso*: Ngũ-uẩn không phải là người nam.

7- *Na attā*: Ngũ-uẩn không phải ta.

8- *Na attaniyaṃ*: Ngũ-uẩn không thuộc về ta.

9- *Nāhaṃ*: Ngũ-uẩn không phải là ta.

10- *Na mama*: Ngũ-uẩn không phải là của ta.

11- *Na aññassa*: Ngũ-uẩn không phải là của người khác.

12- *Na kassaci*: Ngũ-uẩn không thuộc về của ai.

Pháp-vô-ngã (Anattadhamma)

Đức-Phật dạy rằng: *Sabbe dhammā anattā*: Tất cả các pháp-hữu-vi, pháp-vô-vi đều là pháp-vô-ngã (*anattadhamma*).

* **Pháp-hữu-vi** (*Añkhatadhamma*) đó là ngũ-uẩn (*khandha*), 12 xứ (*āyatana*), 18 tự-tánh (*dhātu*), mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là pháp bị cấu tạo do bởi 4 nhân-duyên: nghiệp, (*kamma*), tâm (*citta*), thời-tiết (*utu*), vật-thực (*āhāra*). Nên có **sự sinh, sự diệt**, có **3 trạng-thái chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, đều là pháp-vô-ngã (*anattā*).

* **Pháp-vô-vi** (*Asañkhatadhamma*) đó là Niết-bàn, là pháp không bị cấu tạo do bởi 4 nhân-duyên: nghiệp, tâm, thời-tiết, vật-thực; và các chế-định-pháp (*paññattidhamma*) cũng là pháp không bị cấu tạo do bởi 4 nhân-duyên: nghiệp, tâm, thời-tiết, vật-thực. Nên không có **sự sinh, sự diệt**, không có **3 trạng-thái chung**: trạng-thái

vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, cũng là pháp-vô-ngã (*anattā*).

Như Đức-Phật dạy trong Tạng-Luật, bộ Parivārapāli:

*“Aniccā sabbe saṅkhārā,
dukkhānattā ca saṅkhatā.*

*Nibbānañceva paññatti,
anattā iti vinicchayā.”*⁽¹⁾

*Tất cả các pháp-hữu-vi,
sắc-pháp, danh-pháp tam-giới,
đều có đủ ba trạng-thái,
vô-thường, khổ, vô-ngã.*

*Niết-bàn và chế-định-pháp,
cũng thuộc về pháp-vô-ngã.*

* **Pháp-vô-ngã** là những pháp nào?

- **Sắc-uẩn** là pháp-vô-ngã, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn đều là pháp-vô-ngã; hay tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là pháp-vô-ngã. Bởi vì không phải ta và không phải của ta, không có ai là chủ, không chiều theo ý muốn của ai, các pháp này phát sinh do **nhân-duyên**, cho nên, các pháp ấy đều là **pháp-vô-ngã**.

1- **Nhân-duyên** phát sinh mỗi sắc-pháp

Tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-

¹ Vinayapīṭaka, bộ Parivāra, phần Samuṭṭhānasīsaṅkhepa.

nghi ngôi, oai-nghi nằm, là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).

*** Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đi**

Oai-nghi đi phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- *Tâm nghĩ “đi”.*
- *Do tâm nghĩ đi, nên làm cho phát sinh chất gió.*
- *Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân chuyển động.*
- *Toàn thân di chuyển bước đi mỗi tư thế đi, dáng đi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.*

Vì vậy, gọi là “*thân đi*” hoặc “*sắc-đi*” là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).

*** Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng**

Oai-nghi đứng phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- *Tâm nghĩ “đứng”.*
- *Do tâm nghĩ đứng, nên làm cho phát sinh chất gió.*
- *Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.*
- *Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên theo mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.*

Vì vậy, gọi là “**thân đứng**” hoặc “**sắc-đứng**” là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)*.

*** Nhân-duyên phát sinh oai-nghi ngồi**

Oai-nghi ngồi phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm** nghĩ “**ngồi**”.

- Do **tâm nghĩ ngồi**, nên làm cho phát sinh **chất gió**.

- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.

- **Toàn thân, thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co theo mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi** do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân ngồi**” hoặc “**sắc-ngồi**” là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)*.

*** Nhân-duyên phát sinh oai-nghi nằm**

Oai-nghi nằm phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm** nghĩ “**nằm**”.

- Do **tâm nghĩ nằm** nên làm cho phát sinh **chất gió**.

- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.

- **Toàn thân nằm trên mặt phẳng theo mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm** do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân nằm**” hoặc “**sắc-nằm**” là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)*.

Các oai-nghi phụ quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... đều là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)*.⁽¹⁾

Đức-Phật ví “**Sắc-thân**” như “*chiếc xe*”,
“**Tâm**” như “*người lái xe*”.

Thật vậy, **sắc-thân** này gồm có 27 **sắc-pháp** hoàn toàn không biết 6 **đối-tượng**, chỉ có thể *tiếp nhận được 6 đối-tượng* làm duyên để cho **tâm** phát sinh mà thôi.

Chiếc xe gồm có các bộ phận ráp lại với nhau không thể chạy mau, chạy chậm, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v... Sở dĩ *chiếc xe có thể chạy mau, chạy chậm, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v... là do người lái xe điều khiển*.

Cũng như vậy, **sắc-thân** này không thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v...

Sở dĩ **sắc-thân** này có thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... là do **tâm** điều khiển.

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển X: Pháp-Hành Thiên-Tuệ, cùng soạn giả.

Nếu trường hợp thiếu một nhân-duyên nào thì *sắc-đi*, *sắc-đứng*, *sắc-ngồi*, *sắc-nằm*, ... không thể phát sinh được.

Ví dụ: Một người bị bệnh tê liệt, dù *tâm* của họ muốn đi, đứng, ngồi, nằm, v.v... như người bình thường cũng không thể được. Bởi vì *chất gió* (*vāyodhātu*) trong thân thể của họ không đủ năng lực làm cử động toàn thân thể của họ được vì *chất đất* (*pathavīdhātu*) và *chất nước* (*āpodhātu*) nặng nề trong thân.

Cũng như vậy, nếu chiếc xe bị hư bộ phận nào thì dù người tài xế tài giỏi cũng không thể điều khiển chiếc xe ấy chạy theo ý của mình được.

Vì vậy, *tứ-oai-nghi*: *oai-nghi đi* là *sắc-đi*, *oai-nghi đứng* là *sắc-đứng*, *oai-nghi ngồi* là *sắc-ngồi*, *oai-nghi nằm* là *sắc-nằm*, và các *oai-nghi phụ* đều là *sắc-pháp phát sinh do tâm* (*cittaja-rūpa*) qua quá trình diễn biến hội đủ *nhân-duyên*, nên thuộc về *pháp-vô-ngã* (*anattā*).

2- Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp

Mỗi *danh-pháp tam-giới* nào (*tâm* với *tâm-sở*) phát sinh do hội tụ đủ nhân-duyên riêng biệt của chính *danh-pháp tam-giới* ấy như sau:

* *Nhãn-tịnh-sắc* (*mắt*) tiếp nhận *đối-tượng sắc*, khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy thì *nhãn-thức-tâm* phát sinh làm phận sự *thấy đối-tượng sắc*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, 2 *nhãn-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Nhãn-tịnh-sắc (mắt) tốt (không bị mù).*
- 2- *Đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc.*
- 3- *Ánh sáng đủ thấy được.*
- 4- *Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng sắc.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 ***nhãn-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *thấy đối-tượng sắc*.

* *Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tiếp nhận đối-tượng thanh (âm thanh)*, khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy thì ***nhĩ-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *nghe đối-tượng thanh*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, 2 *nhĩ-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tốt (không bị bệnh điếc).*
- 2- *Đối-tượng thanh rõ ràng tiếp xúc với nhĩ-tịnh-sắc.*
- 3- *Không gian không bị vật cản bao kín.*
- 4- *Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng thanh.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 ***nhĩ-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *nghe đối-tượng thanh (âm thanh)*.

* *Tỷ-tịnh-sắc (lỗ mũi) tiếp nhận đối-tượng hương (các mùi)*, khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy thì

tỷ-thức-tâm phát sinh làm phận sự *ngửi đối-tượng hương*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, 2 **tỷ-thức-tâm** phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Tỷ-tịnh-sắc (lỗ mũi) tốt (không bị bệnh).*
- 2- *Đối-tượng hương rõ ràng tiếp xúc với tỷ-tịnh-sắc.*
- 3- *Chất gió đưa mùi hương đến lỗ mũi.*
- 4- *Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng hương.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 **tỷ-thức-tâm** phát sinh làm phận sự *ngửi đối-tượng hương (các mùi)*.

* *Thiệt-tịnh-sắc (lưỡi) tiếp nhận đối-tượng vị (các vị)*, khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì **thiệt-thức-tâm** phát sinh làm phận sự *nếm đối-tượng vị*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, 2 **thiệt-thức-tâm** phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Thiệt-tịnh-sắc (lưỡi) tốt (không bị bệnh).*
- 2- *Đối-tượng vị rõ ràng tiếp xúc với thiệt-tịnh-sắc.*
- 3- *Chất nước miếng.*
- 4- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng vị.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 **thiệt-thức-tâm** phát sinh làm phận sự *nếm đối-tượng vị (các vị)*.

* *Thân-tịnh-sắc (thân) tiếp nhận đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ...)*, khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy thì **thân-thức-tâm** phát sinh làm phận sự *xúc giác đối-tượng xúc*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, 2 *thân-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Thân-tịnh-sắc (thân) tốt (không bị bệnh liệt).*
- 2- *Đối-tượng xúc rõ ràng tiếp xúc với thân-tịnh-sắc.*
- 3- *Chất đất cứng, mềm, chất lửa nóng, lạnh, ...*
- 4- *Ngũ-môn hương-tâm tiếp nhận đối-tượng xúc ấy.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 **thân-thức-tâm** phát sinh làm phận sự *xúc giác đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ...)*.

* *Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm, tiếp nhận đối-tượng pháp* ⁽¹⁾, khi *ý-thức-tâm* nào hội đủ nhân-duyên thì **ý-thức-tâm** ấy phát sinh làm phận sự *biết đối-tượng pháp* ấy.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, 75 *ý-thức-tâm* ⁽²⁾ phát sinh do hội đủ 3 nhân-duyên:

¹ Đối-tượng pháp gồm có 6 loại là 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, chế-định-pháp.

² 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới-quả-tâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm.

1- *Hadayavattthurūpa*: *Sắc-pháp* là nơi sinh của *ý-thức-tâm*.

2- *Đối-tượng pháp* ấy tiếp xúc với *hadaya-vattthurūpa*.

3- *Ý-môn hướng-tâm* tiếp nhận *đối-tượng pháp* ấy.

Khi hội đủ 3 nhân-duyên của *ý-thức-tâm* nào thì *ý-thức tâm* ấy phát sinh làm phạm sự *biết đối-tượng pháp* ấy.

Như vậy, mỗi danh-pháp tam-giới phát sinh do hội đủ nhân-duyên của nó, nếu thiếu nhân-duyên nào thì *danh-pháp (tâm với tâm-sở)* ấy không thể phát sinh được.

Mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới phát sinh đều do nhân-duyên, nên *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới* đều là ***pháp-vô-ngã***, không do một ai có khả năng tạo ra một sắc-pháp nào, một danh-pháp tam-giới nào được cả.

Đức-Phật dạy rằng:

“*Sabbe dhammā anattā.*”

Tất cả các pháp-hữu-vi, pháp-vô-vi đều là ***pháp-vô-ngã***.

- ***Pháp-hữu-vi*** đó là *ngũ-uẩn*, *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới* đều là ***pháp-vô-ngã***

(*anattā*) không phải ta (ngã), không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, ...

- **Pháp-vô-vi** đó là Niết-bàn và chế-định-pháp đều là pháp-vô-ngã (*anattā*).

Như vậy, sự thật *cái ta*, *cái ngã* không có thật.

Vậy, do đâu mà có *cái ta*, *cái ngã*?

* **Danh-từ attā tà-kiến**

Cái ta, *cái ngã* (*attā*) vốn dĩ không có thật. Sở dĩ có *cái ta*, *cái ngã* là vì *tà-kiến* (*diṭṭhi*) thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-pháp* cho là *ta*, là *ngã* hoặc nơi *danh-pháp tam-giới* cho là *ta*, là *ngã*.

Tà-kiến đó là *tà-kiến tâm-sở* (*diṭṭhīcetasika*) đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với *tà-kiến* thấy sai chấp lầm nơi *sắc-pháp* cho là *ta*, là *ngã* hoặc nơi *danh-pháp tam-giới* cho là *ta*, là *ngã*.

* Trong bộ *Paṭisambhidāmagga*, phần *Diṭṭhi-kāthā* trình bày *sakkāyadiṭṭhi*: *tà-kiến* chấp *ngã* trong ngũ-uẩn chấp thủ có 20 loại như sau:

* **Tà-kiến chấp ngã trong sắc-uẩn có 4 loại:**

- *Sắc-uẩn là ta.* - *Ta có sắc-uẩn.*
- *Sắc-uẩn trong ta.* - *Ta trong sắc-uẩn.*

* **Tà-kiến chấp ngã trong thọ-uẩn có 4 loại:**

- *Thọ-uẩn là ta.* - *Ta có thọ-uẩn.*
- *Thọ-uẩn trong ta.* - *Ta trong thọ-uẩn.*

* **Tà-kiến chấp ngã trong tướng-uẩn có 4 loại:**

- *Tướng-uẩn là ta.* - *Ta có tướng-uẩn.*
- *Tướng-uẩn trong ta.* - *Ta trong tướng-uẩn.*

* **Tà-kiến chấp ngã trong hành-uẩn có 4 loại:**

- *Hành-uẩn là ta.* - *Ta có hành-uẩn.*
- *Hành-uẩn trong ta.* - *Ta trong hành-uẩn.*

* **Tà-kiến chấp ngã trong thức-uẩn có 4 loại:**

- *Thức-uẩn là ta.* - *Ta có thức-uẩn.*
- *Thức-uẩn trong ta.* - *Ta trong thức-uẩn.*

Đó là 20 loại *tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp thủ* đối với tất cả mọi chúng-sinh thuộc về phàm-nhân, chưa phải bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.

* **Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp**

- Khi *thân đi* hoặc *sắc đi*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thân đi* hoặc *sắc đi* ấy cho là *ta đi*.

- Khi *thân đứng* hoặc *sắc đứng*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thân đứng* hoặc *sắc đứng* ấy cho là *ta đứng*.

- Khi *thân ngồi* hoặc *sắc ngồi*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thân ngồi* hoặc *sắc ngồi* ấy cho là *ta ngồi*.

- Khi *thân nằm* hoặc *sắc nằm*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thân nằm* hoặc *sắc nằm* ấy cho là *ta nằm*.

- Hoặc khi *thân cử động các oai-nghi phụ* hoặc *sắc cử động các oai-nghi phụ*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *sắc cử động ấy cho là ta cử động*, v.v...

*** Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi danh-pháp**

- Khi *nhãn-thức-tâm nhìn thấy đối-tượng sắc*, hình dáng, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *nhãn-thức-tâm thấy ấy cho là ta thấy*.

- Khi *nhĩ-thức-tâm nghe các đối-tượng âm thanh*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *nhĩ-thức-tâm nghe ấy cho là ta nghe*.

- Khi *tỷ-thức-tâm ngửi các đối-tượng hương*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *tỷ-thức-tâm ngửi ấy cho là ta ngửi*.

- Khi *thiệt-thức-tâm nếm các đối-tượng vị*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thiệt-thức-tâm nếm ấy cho là ta nếm*.

- Khi *thân-thức-tâm xúc giác cứng mềm, nóng lạnh*, ... thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thân-thức-tâm xúc-giác ấy cho là ta xúc-giác*.

- Khi *ý-thức-tâm biết các đối-tượng pháp* ⁽¹⁾ thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *ý-thức-tâm biết, tâm suy nghĩ ấy cho là ta biết, ta suy nghĩ*, v.v...

¹ Đối-tượng pháp có 6 loại: 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, chế-định-pháp.

Như vậy, *cái ta, cái ngã* vốn dĩ không có thật, mà chỉ có *tâm tà-kiến* là có thật mà thôi.

Cho nên, không có pháp-hành diệt ngã, mà chỉ có pháp-hành thiên-tuệ diệt tận được *tâm tà-kiến* chấp ngã mà thôi.

Trong bài kinh *Anattalakkhaṇasutta* danh-từ *anattā* với danh-từ *attā* có ý nghĩa hoàn toàn trái nghĩa nhau.

- Danh-từ *anattā* có nghĩa là vô-ngã đó là ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn là *pháp-vô-ngã* (*anattā*) (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai).

- Danh-từ *attā* có nghĩa là ngã, là ta do tà-kiến chấp thủ nơi ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cho là *attā*, là ta mong muốn ngũ-uẩn này rằng:

“Mong ngũ-uẩn của tôi được an-lạc như thế này! Mong ngũ-uẩn của tôi đừng khổ đau như thế kia!”

Như vậy, *attā* này gọi là *attā tà-kiến*.

Tuy nhiên, *attā* còn có các ý nghĩa khác.

Ý nghĩa danh-từ *attā*

* Theo trong bộ tự điển Pāli *Abhidhānapadīpikā*: Tự điển từ ngữ Pāli câu kệ 861 danh-từ *attā* có nghĩa là:

“*Citte kāye sabhāve ca, so attā paramattani.*”

Danh-từ **attā** có 4 ý nghĩa là *citta* (tâm), *kāya* (thân), *sabhāva* (thật-tánh-pháp), *paramatta* (ngã tối-thượng, đại-ngã).

Giải thích:

1- **Attā** có nghĩa là **citta: tâm**. Ví dụ:

- *Attasammāpaṇidhi*: Đặt để **tâm** đúng trong thiện-pháp, tâm mong muốn chân-chính.

- *Attamicchāpaṇidhi*: Đặt để **tâm** sai lầm trong ác-pháp, tâm mong muốn sai lầm.

- “*Sabbe sattā bhavantu sukhittā.*”

- Mong tất cả chúng-sinh **tâm** thường được an-lạc. ⁽¹⁾

- “*Attā hi kira duddamo.*” ⁽²⁾

- Thật vậy, dạy được **tâm** mình là khó lắm!

- “*Attānaṃ damayanti paṇḍitā.*” ⁽³⁾

- Chư bậc thiện-trí rèn luyện, dạy tâm” ...

Attā ở đây có nghĩa là **tâm**.

2- **Attā** có nghĩa là **kāya: thân thể**. Ví dụ:

Đức-Phật ban hành những điều-giới của tỳ-khưu-ni, trong đó có điều-giới như:

¹ Bộ Khu. Suttanipāta, trong kinh Mettasutta.

² Khu Bộ Dhammapadagāthā, câu kệ thứ 159.

³ Khu. Bộ Dhammapadagāthā, gāthā số 80.

- “*Yā pana bhikkhunī attānaṃ vadhitvā vadhitvā rodheyya pācittiyaṃ.*” ⁽¹⁾

- Tỳ-khuru-ni nào tỵ đả̃m vào **thân** của mình, rồi khóc, tỳ-khuru-ni ấy phạm āpatti pācittiya.

- “*Attā hi attano natthi, kuto puttā kuto dhanam?*” ⁽²⁾

- Chính thân này, còn không phải của ta.

Con của ta, của cái của ta từ đâu có đữc?...
Attā ở đây có nghĩa là **thân thể**.

3- **Attā** có ý nghĩa là **sabhāva: thật-tánh-pháp**

Ví dụ:

* “*Attā hi attano nātho, ko hi nātho paro siyā.*” ⁽³⁾

- Chính thiện-pháp là nơi nương nhờ chân-chính của ta, ngoài thiện-pháp ra, có ai là nơi nương nhờ của ta đữc?

* “*Attadīpā bhikkhave! viharatha attasaraṇā anaññasaraṇā, dhammadīpā dhammasaraṇā anaññasaraṇā.*” ⁽⁴⁾

- Đây chư tỳ-khuru! Các con sống, chính thiện-pháp là hòn đảo, chính thiện-pháp là nơi nương nhờ, không nên nương nhờ nơi nào khác;

¹ Tạng Luật, phần Bhikkhunīpātimokkha.

² Khu. Bộ Dhammapadagāthā, gāthā số 62.

³ Khu. Bộ Dhammapadagāthā, gāthā số 160.

⁴ Bộ Saṃyuttanikāya, phần Khandhavagga, kinh Attadīpasutta.

chánh-pháp là hòn đảo, chánh-pháp là nơi nương nhờ, không nên nương nhờ nơi nào khác.

Attā: Ta ở đây có nghĩa là thật-tánh-pháp đó là tam-giới thiện-pháp, siêu-tam-giới thiện-pháp, là nơi nương nhờ chân-chính của ta.

4- *Attā* có ý nghĩa là **parama attā: ngã tối-thượng, đại-ngã**, theo tà-kiến của ngoại đạo.

Nhóm ngoại đạo có tà-kiến cho rằng:

*“Tất cả vạn vật, vũ trụ này do parama attā tạo ra, gọi là **ngã tối thượng, Đấng tạo-hóa.**”*

Parama attā: Ngã tối-thượng, đại-ngã theo tà-kiến của nhóm ngoại đạo này, trái nghĩa với *anattā: vô-ngã* trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Như vậy, trong 4 ý nghĩa của *attā*, có 3 ý nghĩa là **tâm, thân, thật-tánh-pháp** thuộc về **chánh-kiến**.

Còn **Parama attā: Ngã tối-thượng, Đại-ngã** theo quan niệm ngoài Phật-giáo thuộc về **tà-kiến**.

Trong bộ tự điển Pāli *Abhidhānappadīpikā*: Tự điển từ ngữ Pāli chương 3: Sāmaññaṅgaṇḍa, phần 9: Anekatthavagga.

*** Một chữ Pāli có nhiều nghĩa**

Ví dụ: Câu kệ thứ 861: Attā có 4 ý nghĩa, câu kệ 784: dhamma có 14 ý nghĩa, v.v...

Chương 1: Saggakaṇḍa:

*** Một ý nghĩa có nhiều chữ Pāli**

Ví dụ: Câu kệ thứ nhất đến thứ 5: ý nghĩa *Đức-Phật* có 32 danh-từ Pāli đều có nghĩa là *Đức-Phật*.

Câu kệ thứ 6 đến thứ 9: ý nghĩa *Niết-bàn* có 46 danh-từ Pāli đều có nghĩa là *Niết-bàn*, v.v...

Cho nên, các hàng thanh-văn đệ-tử học *Phật-ngôn Pāli (Buddhavacanapāli)*, học *Tam-tạng Pāli (Tipīṭakapāli)* và *Chú-giải Pāli (Aṭṭhakathā-pāli)*, cần phải học quyển tự điển Pāli “*Abhidhānappadīpikā*” gồm có 1.203 câu kệ, để tránh khỏi nhầm lẫn chữ Pāli với ý nghĩa, và ý nghĩa với chữ Pāli, bởi vì một chữ Pāli có nhiều ý nghĩa, một ý nghĩa có nhiều chữ Pāli.

- *Attādiṭṭhi* có nghĩa là *tà-kiến thấy sai, chấp làm nơi ngã-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn bên trong của mình cho là ta, là ngã* và *tà-kiến thấy sai, chấp làm ngã-uẩn bên ngoài mình (của người khác, con vật khác) cho là chúng-sinh, là người, là đàn ông, đàn bà, con voi, con ngựa, v.v...* gọi là *tà-kiến chấp-ngã (attādiṭṭhi)* hoặc *tà-kiến theo chấp-ngã (attānu-diṭṭhi)* thông thường đối với các hạng phàm-nhân.

*** Ba trạng-thái-chung (Sāmaññalakkhaṇa)**

Ngũ-uẩn có 3 *trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

Đức-Phật truyền hỏi nhóm 5 vị tỳ-khưu là *bậc Thánh Nhập-lưu*, bằng cách vấn đáp như sau:

Tam kim maññatha bhikkhave,

- **Rūpaṃ** niccaṃ vā aniccaṃ vā 'ti.

- *Aniccaṃ Bhante.*

- *Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā 'ti.*

- *Dukkhaṃ Bhante.*

- *Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ "etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā" ti.*

- *No hetuṃ Bhante.*

Ý nghĩa

Sắc-uẩn có 3 trạng-thái-chung

- *Này chư tỳ-khưu! Các con nhận thức thế nào về điều này?*

- **Sắc-uẩn** này là thường hay vô-thường?

Nhóm 5 vị tỳ-khưu vốn dĩ là *bậc Thánh Nhập-lưu* liền phát sinh *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** có **sự sinh**, **sự diệt**, hiện rõ **trạng-thái vô-thường** của sắc-uẩn, nên bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường. Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền hỏi tiếp rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Sắc-uẩn nào là vô-thường, vậy, sắc-uẩn ấy là khổ hay lạc?*

Nhóm 5 tỳ-khuru liền phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sắc-uẩn* sinh rồi diệt liên tục có *trạng-thái vô-thường* luôn luôn hành hạ, nên bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn nào sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên sắc-uẩn ấy là khổ. Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền hỏi tiếp rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Sắc-uẩn nào có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, có trạng-thái thường biến đổi, không chiều theo ý của ai. Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nơi sắc-uẩn ấy rằng:*

“Sắc-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), sắc-uẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), sắc-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?”

Nhóm 5 vị tỳ-khuru liền phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sắc-uẩn* sinh rồi diệt có *trạng-thái vô-thường* luôn luôn hành hạ, nên bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ sắc-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.*

Tương tự như sắc-uẩn, Đức-Phật tiếp tục truyền hỏi đến *thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn.*

Nhóm 5 vị tỳ-khưu cũng bạch với Đức-Phật về *thọ-uẩn*, *tướng-uẩn*, *hành-uẩn*, *thức-uẩn* tương tự như sắc-uẩn.

*** Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ ngũ-uẩn**

Đức-Phật tiếp tục khuyên dạy nhóm 5 vị tỳ-khưu rằng:

- *Tasmā tiha bhikkhave,*

*yaṃ kiñci rūpaṃ atītānāgatapaccuppannaṃ
ajjhataṃ vā bahidhā vā oḷārikaṃ vā sukhumāṃ
vā hīnaṃ vā paṇītaṃ vā yaṃ dūre santike vā
sabbaṃ rūpaṃ “netam mama, nesohamsmi, na
me so attā” ti evametam yathābhūtaṃ sammapa-
paññāya daṭṭhabbaṃ.*

Ý nghĩa

*** Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ nơi sắc-uẩn**

- *Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, sắc-uẩn* nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại, hoặc sắc-uẩn bên trong của mình, hoặc sắc-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc sắc-uẩn thô, hoặc sắc-uẩn vi-tế, hoặc sắc-uẩn thấp hèn, hoặc sắc-uẩn cao quý, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi gần, gồm 11 loại sắc-uẩn ấy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả sắc-uẩn ấy rằng:

“*Sắc-uẩn ấy không phải là của ta (do tham-ái), sắc-uẩn ấy không phải là ta (do ngã-mạn), sắc-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta (do tà-kiến).*”

Nghe Đức-Phật khuyên dạy như vậy, nhóm 5 vị tỳ-khưu liền phát *sinh trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của **sắc-uẩn** có **sự sinh, sự diệt**; có **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*; 11 loại **sắc-uẩn** ấy thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán tội độ, nên không chấp thủ nơi **sắc-uẩn do tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến**.

* Tương tự như sắc-uẩn, Đức-Phật tiếp tục khuyên dạy nhóm 5 vị tỳ-khưu đến *thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* ấy, mỗi uẩn cũng có 11 loại như 11 loại sắc-uẩn, thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán tội độ, nên không chấp thủ *nơi thọ-uẩn, nơi tướng-uẩn, nơi hành-uẩn, nơi thức-uẩn* ấy do **tham-ái, do ngã-mạn, do tà-kiến**.

Nghe Đức-Phật khuyên dạy như vậy, nhóm 5 vị tỳ-khưu liền phát *sinh trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của **thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn** cũng có **sự sinh, sự diệt**; cũng có **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*; *thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn*, mỗi uẩn cũng có 11 loại ấy

thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán tội độ, nên không chấp thủ nơi *tho-uẩn*, nơi *tướng-uẩn*, nơi *hành-uẩn*, nơi *thức-uẩn*, do *tham-ái*, do *ngã-mạn*, do *tà-kiến*.

Chấp ngã có ba loại

- Chấp ngã do năng lực của *tà-kiến*.
- Chấp ngã do năng lực của *tham-ái*.
- Chấp ngã do năng lực của *ngã-mạn*.

1- Chấp ngã do năng lực của *tà-kiến*

Thật ra, đúng theo *thật-tánh* của *ngũ-uẩn chấp-thủ*, của mọi *sắc-pháp*, mọi *danh-pháp tam-giới* đều là *pháp-vô-ngã* (*anattā*), cho nên gọi là *cái ngã*, *cái ta* vốn dĩ không có thật sự, nên không có phương pháp *diệt ngã* được.

Vậy, gọi là *cái ngã*, *cái ta*, do nguyên nhân nào mà có?

Sở dĩ có sự chấp ngã cho là *ta*, là *ngã*, là vì *tà-kiến* thấy sai chấp ngã nơi *ngũ-uẩn chấp-thủ*, hoặc nơi *sắc-pháp*, nơi *danh-pháp tam-giới* cho là *ta*, là *ngã*.

Như vậy, *tà-kiến* (*ditṭhi*) là một loại *phiền-não* có thật.

Thật vậy, *tà-kiến* (*ditṭhi*) đó là *tà-kiến tâm-sở* (*ditṭhīcetasika*) đồng sinh với 4 *tham-tâm hợp* với *tà-kiến*, thấy sai chấp ngã nơi *ngũ-uẩn*

chấp-thủ, hoặc *nơi sắc-pháp*, *nơi danh-pháp tam-giới* cho là **ta**, là **ngã**.

Chấp ngã do năng lực của tà kiến đó là *tà-kiến* thấy sai chấp ngã nơi *ngũ-uẩn chấp-thủ* (*sắc-uẩn chấp-thủ*, *thọ-uẩn chấp-thủ*, *tương-uẩn chấp-thủ*, *hành-uẩn chấp-thủ*, *thức-uẩn chấp-thủ*) cho là **ngã**, là **ta** (*eso me attā*: *ngũ-uẩn ấy cho là tự ngã của ta do năng lực của tâm tà-kiến*).

Trí-tuệ-thiền-tuệ diệt tận được tà-kiến

Hạng phàm-nhân nào thuộc về hạng *người tam-nhân* (*tihetukapuggala*), đã từng tích lũy **trong tâm** đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ kiếp này sang kiếp kia trải qua vô số kiếp quá-khứ và có đủ 5 pháp-chủ: *tín pháp-chủ*, *tân pháp-chủ*, *niệm pháp-chủ*, *định pháp-chủ*, *tuệ pháp-chủ*.

Kiếp hiện-tại, hạng phàm-nhân ấy hữu duyên lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có giới hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, thực hành **pháp-hành thiền-tuệ** đúng theo *pháp-hành trung-đạo*, có khả năng phát sinh *trí-tuệ* thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của *ngũ-uẩn chấp-thủ*, *sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới* đều là **pháp-vô-ngã** (*anattā*); tiếp theo phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự**

sinh, sự diệt của *ngũ-uẩn chấp-thủ, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*; thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của *ngũ-uẩn chấp-thủ, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*; theo tuần tự phát sinh từ *trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới đến trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới*, dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế* y theo Đức-Phật, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được *tham-ái* trong 4 *tham-tâm hợp* với *tà-kiến* và diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến (ditṭhi)* trong 4 *tham-tâm hợp* với *tà-kiến* và *hoài-nghi (vicikicchā)* trong *si-tâm hợp* với *hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Bậc Thánh Nhập-lưu tuyệt đối không còn *tà-kiến theo chấp ngã* trong *ngũ-uẩn chấp-thủ*, hoặc trong *sắc-pháp, trong danh-pháp tam-giới* cho là *ta*, là *ngã* (*na meso attā*: *ngũ-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta do năng lực của trí-tuệ-thiên-tuệ*).

Cho nên, khi *sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm, ... bậc Thánh Nhập-lưu* không còn *tà-kiến theo chấp ngã* cho là *ta đi, ta đứng, ta ngồi, ta nằm ...* Khi *nhãn-thức-tâm thấy đối-tượng sắc*; khi *nhĩ-thức-tâm nghe đối-tượng thanh*; khi *tỷ-thức-tâm ngửi đối-tượng hương*; khi *thiệt-thức-*

tâm ném đối-tượng vị; khi thân-thức-tâm xúc-giác đối-tượng xúc; khi ý-thức-tâm biết đối-tượng các pháp, bậc Thánh Nhập-lưu không còn tà-kiến theo chấp ngã cho là ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta xúc-giác, ta biết, ta suy nghĩ nữa.

Sau khi **bậc Thánh Nhập-lưu** chết, tuyệt đối không còn tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới nữa, chắc chắn chỉ có **đại-thiện-nghiệp** trong **đại-thiện-tâm** cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** gọi là *thiện-dục-giới tái-sinh-tâm* (*paṭisandhicitta*) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi.

Đến kiếp thứ 7, **bậc Thánh Nhập-lưu** chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

2- Chấp ngã do năng lực của tham-ái

Tham-ái đó là *tham tâm-sở* (*lobhacetāsika*) đồng sinh với 8 *tham-tâm* theo chấp ngã nơi ngũ-uẩn chấp-thủ (*sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ*), hoặc nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp tam-giới cho là **của ta** (*etaṃ mama: ngũ-uẩn ấy cho là của ta do năng lực của tâm tham-ái*).

Trí-tuệ-thiền-tuệ diệt tận được tham-ái

Hành-giả là *bậc Thánh Nhập-lưu* đã từng tích lũy **trong tâm** đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ kiếp này sang kiếp kia trải qua vô số kiếp quá-khứ và có đủ 5 pháp-chủ: *tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*, có năng lực chứng đắc Thánh bậc cao.

* **Bậc Thánh Nhập-lưu** hành-giả ấy tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, bắt đầu phát sinh từ **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanā-nāna* rồi theo tuần tự từ **trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới** cho đến **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới** chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc **Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn**, diệt tận được **tham-ái loại thô** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến trong cõi dục-giới, và diệt tận được 1 loại phiền-não là **sân** loại thô, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai** (chưa diệt tận được **tham-ái loại vi-tế** trong cõi dục-giới và **phiền-não sân loại vi-tế**).

Sau khi **bậc Thánh Nhất-lai** chết, chắc chắn chỉ có **đại-thiện-nghiệp** trong **đại-thiện-tâm** cho quả trong **thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** gọi là **thiện-dục-giới tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới chỉ có 1 kiếp nữa mà thôi.

Trong kiếp ấy, **bậc Thánh Nhất-lai** chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* **Bậc Thánh Nhất-lai** hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiên-tuệ, bắt đầu phát sinh từ **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanā-nāna* rồi theo tuần tự từ **trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới** cho đến **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới** chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc **Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn**, diệt tận được **tham-ái loại vi-tế** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến trong cõi dục-giới, và diệt tận được 1 loại phiền-não là **sân loại vi-tế** không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Bất-lai**.

Bậc Thánh Bất-lai tuyệt đối không còn **tham-ái theo chấp ngã** trong ngũ-uẩn chấp-thủ, hoặc trong sắc-pháp, trong danh-pháp tam-giới trong cõi dục-giới cho là **của ta** (*netam mama*: ngũ-uẩn ấy không phải là của ta do năng lực của trí-tuệ-thiền-tuệ).

Bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được **tham-ái theo chấp ngã loại vi-tế** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến trong cõi dục-giới. Còn **tham-ái loại vi-tế** trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, trên tầng trời

sắc-giới phạm-thiên, tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên thì chưa diệt được.

Sau khi **bậc Thánh Bất-lai** chết, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, mà chỉ có **sắc-giới thiện-nghiệp** trong **bậc thiên sắc-giới thiện-tâm** nào cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) có **bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy** gọi là **sắc-giới tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với **bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy**.

Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai ấy chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- Chấp ngã do năng lực của ngã-mạn

Ngã-mạn đó là **ngã-mạn tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến theo chấp ngã nơi ngũ-uẩn chấp-thủ (*sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ*); hoặc nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp tam-giới cho là **ta** (*esohamasmī*: ngũ-uẩn ấy cho là ta ‘ta hơn người, ta bằng người, ta kém thua người’ do năng lực của ngã-mạn).

Trí-tuệ-thiền-tuệ diệt tận được ngã-mạn

Hành-giả là *bậc Thánh Bất-lai* đã từng tích lũy *trong tâm đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật* từ kiếp này sang kiếp kia trải qua vô số kiếp quá-khứ và có đủ 5 *pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*, có năng lực đặc Thánh bậc cao.

Bậc Thánh Bất-lai hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, bắt đầu phát sinh từ *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanā-nāna* rồi theo tuần tự từ *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới* cho đến *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới* chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được *tham-ái loại vi-tế* trong 5 *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, tầng trời sắc-giới phạm-thiên, tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên*; diệt tận được *tâm ngã-mạn* trong 4 *tham-tâm* không hợp với tà-kiến theo *chấp ngã* trong *ngũ-uẩn chấp-thủ* không còn dư sót; và diệt tận được 7 loại *phiền-não* còn lại là *tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi* không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cao thượng.

Bậc Thánh A-ra-hán tuyệt đối không còn *ngã-mạn* theo *chấp ngã* trong *ngũ-uẩn chấp-thủ*, hoặc

trong sắc-pháp, trong danh-pháp tam-giới cho là **ta** (*nesohamasmi*: ngũ-uẩn ấy không phải là ta do năng lực của trí-tuệ-thiền-tuệ).

Bậc Thánh A-ra-hán đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*** Trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán trong ngũ-uẩn**

Trong kinh *Anattalakkhaṇasutta*, Đức-Phật thuyết giảng ngũ-uẩn mà mỗi uẩn có 11 loại, khuyên dạy nhóm 5 vị tỳ-khuru nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo **thật-tánh** của tất cả **ngũ-uẩn** ấy không phải là của ta (do tham-ái), ngũ-uẩn ấy không phải là ta (do ngã-mạn), ngũ-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta (do tà-kiến).

Nghe Đức-Phật khuyên dạy như vậy, nhóm 5 vị tỳ-khuru Thánh-Nhập-lưu liền phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của **ngũ-uẩn** có **sự sinh, sự diệt**, có **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhằm chán tột độ, nên không chấp thủ trong ngũ-uẩn do tham-ái, do ngã-mạn, do tà-kiến nữa.

Đức-Phật thuyết dạy nhóm 5 vị tỳ-khuru Thánh-Nhập-lưu rằng:

- *Evam passam bhikkhave sutavā ariyasāvako rūpasmimpi nibbindati, vedanāyapi nibbindati, saññāyapi nibbindati, saṅkhāresupi nibbindati, viññāṇasmimpi nibbindati. Nibbindaṃ virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmiṃ “vimuttam” iti ñānaṃ hoti, “khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karanīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā” ti pajanāti.*

Ý nghĩa

- *Này chư tỳ-khuru! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn đúng theo thật-tánh, nên phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán trong sắc-uẩn, nhằm chán trong thọ-uẩn, nhằm chán trong tưởng-uẩn, nhằm chán trong hành-uẩn, nhằm chán trong thức-uẩn.*

Khi trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán trong ngũ-uẩn, nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả ly tham-ái, nên chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-não. Trí-tuệ quán-triệt biết rõ rằng:

“A-ra-hán Thánh-quả-tâm đã giải thoát hoàn toàn mọi phiền-não trầm-luân. Không còn phải thực hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong, phạm hạnh cao thượng đã hoàn thiện xong.

Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa.”

• Pháp-Hành Thiên-Tuệ

Hành-giả phạm-nhân là hạng *người tam-nhân* đã từng tích lũy trong tâm đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ kiếp này sang kiếp kia trải qua vô số kiếp quá-khứ và có 5 pháp-chủ (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ).

Kiếp hiện-tại có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn làm nơi nương nhờ, thực hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ theo tuần tự trải qua 16 loại trí-tuệ-thiên-tuệ từ trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới cho đến trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới như sau:

Trí-tuệ-thiên-tuệ có 16 loại

1- Trí-tuệ thứ nhất Nāmarūpaparicchedañāṇa

Hành-giả thực hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ có khả năng dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thứ nhất* gọi là *nāmarūpaparicchedañāṇa*: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ *thật-tánh* của mỗi sắc-pháp hiện-tại, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại đều là *pháp-vô-ngã* (*anattā*) không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng-sinh nào, vật này, vật kia, v.v... tất cả đều chỉ là *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* đúng theo chân-nghĩa-pháp mà thôi.

Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāna không chỉ thấy rõ, biết rõ **đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới** hiện-tại, mà còn thấy rõ, biết rõ **chủ-thể tâm biết đối-tượng** cũng chỉ là **danh-pháp tam-giới** mà thôi.

Trí-tuệ thứ nhất này thấy rõ, biết rõ tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là **pháp-vô-ngã** (*anattā*), không phải ngã (*ta*), không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh nào cả, ... mà chỉ là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi. Khi ấy, *trí-tuệ diệt-tùng-thời* (*tadaṅgappahāna*) được **tà-kiến chấp ngã** trong ngũ-uẩn (*sakkāyadit̐hi*) trong đối-tượng lẫn chủ-thể, nên gọi là **chánh-kiến thiền-tuệ** (*vipassanāsammādit̐hi*), đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 3** gọi là **dit̐hi-visuddhi**: **chánh-kiến thanh-tịnh** là **pháp-thanh-tịnh thứ nhất** của pháp-hành thiền-tuệ.

Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāna làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāna* của pháp-hành thiền-tuệ phát sinh liên tiếp theo sau.

2- Trí-tuệ thứ nhì Nāmarūpapaccayapariggahañāna

Hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda-*

ñāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên phát sinh **trí-tuệ thứ nhì** *nāmarūpapaccayapariggaha-ñāṇa*: **trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới.

- *Trí-tuệ thứ nhất* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đúng theo chân-nghĩa-pháp.

- **Trí-tuệ-thứ nhì** *nāmarūpapaccayapariggaha-ñāṇa* nương nhờ *trí-tuệ thứ nhất* làm nền tảng, làm nhân-duyên phát sinh **thấy rõ nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới khác nhau, tùy theo quan điểm của mỗi hành-giả. Song chắc chắn có kết quả giống nhau là **diệt-tùng-thời** (*tadaṅgappahāna*) được **tâm hoài-nghi** về nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới bên trong của mình và bên ngoài mình, của người khác, chúng-sinh khác trong thời hiện-tại, thời quá-khứ và thời vị-lai.

* Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp

Mỗi danh-pháp tam-giới nào phát sinh do hội đủ nhân-duyên riêng biệt của chính danh-pháp tam-giới ấy như sau:

1- **Đối-tượng sắc** (*hình dạng*) tiếp xúc với **nhãn-tịnh-sắc** (*mắt*), khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì **nhãn-thức-tâm** phát sinh làm phận sự **thấy đối-tượng sắc** ấy.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, 2 *nhãn-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- *Nhãn-tịnh-sắc (mắt) tốt (không bị bệnh mù).*
- *Đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc.*
- *Ánh sáng đủ thấy được.*
- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng sắc ấy.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì ***nhãn-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *thấy đối-tượng sắc ấy*.

2- *Đối-tượng thanh (âm thanh) tiếp xúc với nhĩ-tịnh-sắc (tai),* khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì ***nhĩ-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *nghe đối-tượng thanh ấy*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, 2 *nhĩ-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- *Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tốt (không bị bệnh điếc).*
- *Đối-tượng thanh rõ ràng tiếp xúc với nhĩ-tịnh-sắc.*
- *Không gian không bị vật cản bao kín.*
- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng thanh ấy.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì ***nhĩ-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *nghe đối-tượng thanh (âm thanh ấy)*.

3- *Đối-tượng hương (các mùi) tiếp xúc với tỷ-tịnh-sắc (mũi),* khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì

tỷ-thức-tâm phát sinh làm phạm sự *ngửi đối-tượng hương*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa* ⁽¹⁾, 2 **tỷ-thức-tâm** phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- *Tỷ-tịnh-sắc (lỗ mũi) tốt (không bị bệnh).*
- *Đối-tượng hương rõ ràng tiếp xúc với tỷ-tịnh-sắc.*
- *Chất gió đưa mùi hương đến lỗ mũi.*
- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng hương ấy.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì **tỷ-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *ngửi đối-tượng hương (mùi ấy)*.

4- *Đối-tượng vị (các vị) tiếp xúc với thiết-tịnh-sắc (lưỡi), khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì **thiết-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *nếm đối-tượng vị.**

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, 2 **thiết-thức-tâm** phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- *Thiết-tịnh-sắc (lưỡi) tốt (không bị bệnh).*
- *Đối-tượng vị rõ ràng tiếp xúc với thiết-tịnh-sắc.*
- *Chất nước miếng.*
- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng vị ấy.*

¹ Bộ Abhidhammatthasaṅgaha, của Ngài Anuruddha.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì **thiệt-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *ném đối-tượng vị ấy*.

5- *Đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ...)* tiếp xúc với *thân-tịnh-sắc (thân)*, khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì **thân-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *xúc giác đối-tượng xúc*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, 2 *thân-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- *Thân-tịnh-sắc (thân) tốt (không bị bệnh liệt).*
- *Đối-tượng xúc rõ ràng tiếp xúc với thân-tịnh-sắc.*
- *Chất đất cứng, mềm, nóng lạnh, ...*
- *Ngũ-môn-hương-tâm tiếp nhận đối-tượng xúc ấy.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì **thân-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *xúc giác đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ... ấy)*.

6- *Đối-tượng pháp* ⁽¹⁾ tiếp xúc với *hadayavatthurūpa*: *sắc-pháp là nơi sinh ý-thức-tâm*, khi *ý-thức-tâm* nào hội đủ nhân-duyên thì **ý-thức-tâm** *ấy* phát sinh làm phạm sự *biết đối-tượng pháp ấy*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, 75 *ý-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 3 nhân-duyên:

- *Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm.*

¹ *Đối-tượng pháp* gồm có 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn và chế-định-pháp.

- *Đối-tượng pháp ấy tiếp xúc với hadaya-vatthurūpa.*

- *Ý-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng pháp ấy.*

Khi hội đủ 3 nhân-duyên của *ý-thức-tâm* nào thì ***ý-thức-tâm*** ấy phát sinh làm phận sự *biết đối-tượng pháp ấy* (*Ý-thức-tâm có 75 tâm*⁽¹⁾).

Như vậy, mỗi danh-pháp tam-giới phát sinh do hội đủ nhân-duyên của nó, nếu thiếu nhân-duyên nào thì *danh-pháp tam-giới* không thể phát sinh được.

* **Sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên**

Số hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *tri-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahanāna* phát sinh thấy rõ sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên là:

1- ***Kamma***: *Nghiệp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp*, đó là 25 loại nghiệp⁽²⁾, ngoại trừ 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp và 4 siêu-tam-giới thiện-nghiệp. ***Nghiệp*** làm nhân-duyên phát sinh sắc-

¹ 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm.

² 25 loại nghiệp đó là 12 bất-thiện-nghiệp, 8 đại-thiện-nghiệp, 5 sắc-giới thiện-nghiệp.

pháp gọi là **kammajarūpa**: *sắc-pháp phát sinh do nghiệp* này trong thân của mỗi chúng-sinh suốt *mỗi sát-na-tâm (khaṇacitta)* kể từ khi tái-sinh v.v...

2- **Citta**: *Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp*, đó là 75 *tâm* (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm).

Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **cittajarūpa**: *sắc-pháp phát sinh do tâm* trong thân của mỗi chúng-sinh suốt *mỗi sát-na-sinh (uppādakkhaṇa)* của tâm kể từ *hộ-kiếp-tâm* đầu tiên sau *tái-sinh-tâm*, v.v...

3- **Utu**: *Thời tiết làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp*, đó là *sự lạnh, sự nóng* bên trong và bên ngoài thân.

Thời tiết nóng, lạnh làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là **utujarūpa**: *sắc-pháp phát sinh do nóng hoặc lạnh* trong thân của chúng-sinh suốt *mỗi sát-na-trụ (ṭhitikhaṇa)* của tâm kể từ tái-sinh-tâm, v.v...

4- **Āhāra**: *Vật-thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp*, đó là *chất bổ* trong các món vật-thực đã dùng vào trong sắc-thân của chúng-sinh.

Vật thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là **āhārajarūpa**: *sắc-pháp phát sinh do vật-thực* trong sắc-thân của chúng-sinh suốt *mỗi sát-na-tâm*, ...

* **Sắc-pháp phát sinh do tâm**

Tứ-oai-nghi là *sắc-pháp phát sinh do tâm* (*cittajarūpa*).

1- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đi

Oai-nghi đi phát sinh do *tâm* qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- *Tâm* nghĩ “*đi*”.

- Do *tâm* nghĩ *đi*, nên phát sinh *chất gió*.

- *Chất gió* phát sinh do *tâm* ấy làm cho *toàn thân cử động*.

- *Toàn thân* di chuyển bước đi mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi do năng lực của *chất gió* phát sinh do *tâm* ấy.

Vì vậy, gọi là “*thân đi*” hoặc “*sắc đi*” là *sắc-pháp phát sinh do tâm* (*cittajarūpa*).

2- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng

Oai-nghi đứng phát sinh do *tâm* qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- *Tâm* nghĩ “*đứng*”.

- Do *tâm* nghĩ *đứng*, nên phát sinh *chất gió*.

- *Chất gió* phát sinh do *tâm* ấy làm cho *toàn thân cử động*.

- *Toàn thân* từ chân đến đầu đứng yên theo mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng do năng lực của *chất gió* phát sinh do *tâm* ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân đứng**” hoặc “**sắc đứng**” là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)*.

3- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi ngồi

Oai-nghi ngồi phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm** nghĩ “**ngồi**”.

- Do **tâm nghĩ ngồi**, nên phát sinh **chất gió**.

- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.

- Toàn thân, thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co theo mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân ngồi**” hoặc “**sắc ngồi**” là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)*.

4- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi nằm

Oai-nghi nằm phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm** nghĩ “**nằm**”.

- Do **tâm nghĩ nằm** nên phát sinh **chất gió**.

- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.

- Toàn thân nằm yên trên mặt phẳng theo mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân nằm**” hoặc “**sắc nằm**” là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)*.

Các oai-nghi phụ quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... đều là sắc-pháp phát sinh do tâm.

Sở dĩ người bị bệnh bại liệt dù tâm muốn đi, đứng, ngồi, nằm cũng không thể đi, đứng, ngồi, nằm như ý được, bởi vì **chất gió phát sinh do tâm ấy không đủ năng lực làm cho toàn thân cử động theo ý muốn của người ấy được vì chất đất và chất nước nặng nề trong thân.**

Như vậy, mỗi danh-pháp tam-giới, mỗi sắc-pháp phát sinh đều do nhân-duyên, nên *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới* đều là **pháp-vô-ngã**, không do một ai có quyền năng tạo ra một sắc-pháp nào, một danh-pháp tam-giới nào được.

Trí-tuệ thứ nhì này thấy rõ nhân-duyên-sinh của mỗi danh-pháp tam-giới, của mỗi sắc-pháp, cho nên có khả năng *diệt-tùng-thời (tadaṅgapahāna) tâm hoài-nghi trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.*

Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāna làm nền tảng với **paccakkhañāna: trí-tuệ trực-tiếp** thấy rõ nhân-duyên-sinh của mỗi danh-pháp tam-giới, của mỗi sắc-pháp hiện-tại **bên trong của mình (ajjhatta)** như thế nào, và với **anumānañāna: trí-tuệ gián-tiếp** biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi danh-pháp tam-giới, của

mỗi sắc-pháp bên ngoài mình (bahiddhā), của người khác, chúng-sinh khác cũng như thế ấy.

Hơn nữa *trí-tuệ thứ nhì* này còn có khả năng thấy rõ *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới trong hiện-tại* phát sinh do nhân-duyên-sinh như thế nào, thì *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, trong vị-lai* cũng phát sinh do nhân-duyên-sinh như thế ấy.

Cho nên, *trí-tuệ thứ nhì* này có khả năng *diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna) tâm hoại-nghi* trong thời hiện-tại, thời quá-khứ, thời vị-lai.

Tóm lại, hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ thứ nhì* phát sinh, thấy rõ, biết rõ *nhân-duyên-sinh* của *mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới* bằng nhiều *đối-tượng khác nhau*, nhưng chắc chắn đều có kết quả giống nhau là *trí-tuệ thứ nhì* này có khả năng *diệt-tùng-thời* được *tâm hoại-nghi* về nhân-duyên-sinh của *mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới*, hoặc thoát ly khỏi *sự hoại-nghi* về nhân-duyên-sinh của *sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới* trong thời hiện-tại, thời quá-khứ, thời vị-lai nữa.

Cho nên, *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccaya-pariggahañāna* này đạt đến *pháp-thanh-tịnh thứ 4* gọi là *kaṅkhāvitaraṇavisuddhi*: *trí-tuệ-thoát-ly hoại-nghi thanh-tịnh*, cũng là *pháp-thanh-tịnh thứ nhì* của pháp-hành thiên-tuệ,

nên diệt-tùng-thời (*tadaṅgappahāna*) được **tâm hoai-nghi** về nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới. *Trí-tuệ thứ nhì* này chưa có khả năng diệt tận được (*samucchadappahāna*) **tâm hoai-nghi**.

Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahānā này đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 4** gọi là **kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: *trí-tuệ thoát-ly hoai-nghi thanh-tịnh*, cũng gọi là **dhammaṭṭhitiñāṇa**: *trí-tuệ thấy rõ vững chắc thật-tánh-pháp do nhân-duyên-sinh*, hoặc gọi là **yathābhūtañāṇa**: *trí-tuệ thấy rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đúng theo sự thật chân-nghiã-pháp (paramathadhamma)* hoặc gọi là **sammāassana**: *chánh-kiến thấy đúng theo chánh-pháp*.

Quả báu của 2 trí-tuệ đầu trong 16 loại trí-tuệ-thiền-tuệ

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng làm phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ theo tuần tự như sau:

* Khi **trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañāṇa*: *trí-tuệ thấy rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đúng theo chân-nghiã-pháp đều là pháp-vô-ngã, không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng-sinh nào cả, ... nên có chánh-kiến thiền-tuệ (vipassanā-*

sammādiṭṭhi), đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 3** gọi là **diṭṭhivissuddhi**: *chánh-kiến-thanh-tịnh, cũng là pháp-thanh-tịnh thứ nhất của pháp-hành thiên-tuệ diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna) được tà-kiến (chưa diệt tận được tà-kiến).*

* **Trí-tuệ thứ nhì** *nāmarūpapaccayapariggahañāna*: *trí-tuệ thấy rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới bên trong của mình (ajjhatta) với paccakkhañāna như thế nào, và với anumānañāna: trí-tuệ gián-tiếp biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới bên ngoài mình (bahiddhā), của người khác, của chúng-sinh khác, thậm chí tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới thời hiện-tại, thời quá-khứ, thời vị-lai phát sinh cũng do nhân-duyên-sinh của chúng cũng như thế ấy.*

Cho nên, *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccaya-pariggahañāna* này đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 4** gọi là **kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: *trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh, là pháp-thanh-tịnh thứ nhì của pháp-hành thiên-tuệ, nên diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna) được hoài-nghi (chưa diệt tận được hoài-nghi).*

Tiểu-Nhập-Lưu Cūlasotāpanna

Hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ, khi **trí-tuệ thứ nhất** phát sinh, đạt đến *chánh-kiến-thanh-tịnh*, nên *diệt-tùng-thời* được **tà-kiến**

trong ngũ-uẩn, tiếp theo *trí-tuệ thứ nhì* phát sinh, đạt đến *trí-tuệ thoát-ly hoại-nghi thanh-tịnh*, nên *diệt-tùng-thời* được *hoài-nghi trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới*.

Như vậy, hành-giả có 2 *trí-tuệ đầu* (trong 16 loại *trí-tuệ-thiền-tuệ*) của *pháp-hành thiền-tuệ*: *trí-tuệ thứ nhất* và *trí-tuệ thứ nhì* đạt đến 2 *pháp-thanh-tịnh* có khả năng *diệt-tùng-thời* được *tà-kiến* và *hoài-nghi*, nên hành-giả được gọi là *cūlasotāpanna: tiểu-nhập-lưu*. *Cūlasotāpanna* vẫn còn là *hạng thiện-trí phàm-nhân*, chưa phải là *bậc Thánh Nhập-lưu*, bởi vì hành-giả chưa chứng ngộ *chân-ly tứ Thánh-đế*, chưa chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả* và *Niết-bàn*, chưa *diệt tận* (*samucchedappahāna*) được *tà-kiến* và *hoài-nghi*.

Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa* phát sinh.

3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba Sammasanañāṇa

Hành-giả tiếp tục thực hành *pháp-hành thiền-tuệ*, có *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên, để phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa*: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp hoặc của danh-pháp tam-giới do*

nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba *Sammasanañāṇa* ⁽¹⁾ này phát sinh do nương nhờ trí-tuệ thứ nhất và trí-tuệ thứ nhì làm nền tảng, làm nhân-duyên.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba là tổng hợp trí-tuệ thứ nhất và trí-tuệ thứ nhì làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba** gọi là *sammasanañāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới do **nhân-duyên-diệt**, nên đặc biệt thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba *sammasanañāṇa* này là trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của các đối-tượng thiền-tuệ từng phần, mỗi phần có số pháp, mỗi pháp có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, mà mỗi trạng-thái của mỗi pháp là mỗi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba** *sammasanañāṇa*.

¹Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba *sammasanañāṇa* dù được ghép vào trí-tuệ-thiền-tuệ vẫn chưa chính thức là trí-tuệ-thiền-tuệ, bởi vì trí-tuệ này chỉ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà chưa thấy rõ, biết rõ **sự sinh**, **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Trạng-thái-chung có 3 loại:

- *Trạng-thái vô-thường.*
- *Trạng-thái khô.*
- *Trạng-thái vô-ngã.*

Khi khai triển 3 trạng-thái-chung thì có 40⁽¹⁾ *trạng-thái chi-tiết* của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba *sammasanañāṇa*.

- *Trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi tiết.*
- *Trạng-thái khô có 25 trạng-thái chi tiết.*
- *Trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi tiết.*

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa* phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới do **nhân-duyên-diệt**, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi tiết; hiện rõ trạng-thái khô có 25 trạng-thái chi tiết; hiện rõ trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi tiết* tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

Để cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* và các *trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao* được phát triển, hành-giả đã có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa*, còn cần phải thực hành

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển X: *Pháp-Hành Thiền-Tuệ*, cùng soạn giả.

đầy đủ 9 pháp-hỗ-trợ cho **5 pháp-chủ** (*indriya*): *tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ* tăng thêm nhiều năng lực hỗ trợ cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanāñāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên để ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa*** phát sinh liền tiếp theo sau.

* **Ba Thánh-nhân bậc thấp** thực hành pháp-hành thiền-tuệ trở thành Thánh-nhân bậc cao.

- ***Bậc Thánh Nhập-lưu*** thực hành pháp-hành thiền-tuệ để trở thành *bậc Thánh Nhất-lai*.

- ***Bậc Thánh Nhất-lai*** thực hành pháp-hành thiền-tuệ để trở thành *bậc Thánh Bất-lai*.

- ***Bậc Thánh Bất-lai*** thực hành pháp-hành thiền-tuệ để trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

Ba Thánh-nhân bậc thấp này thực hành pháp-hành thiền-tuệ bắt đầu từ *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa* cho đến ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 16 paccavekkhanañāṇa***.

* *Nhóm 5 vị tỳ-khuru* vốn dĩ là ***bậc Thánh Nhập-lưu*** tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ bắt đầu như sau:

4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư Udayabbayānupassanāñāṇa

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của **ngũ-uẩn**, của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại có **sự sinh, sự diệt** do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt**; nên thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa bắt đầu chính thức gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ**.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của ngũ-uẩn.

* Sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn

Ngũ-uẩn là sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn; mà **sự sinh, sự diệt** của mỗi uẩn có 5 nhân-duyên như sau:

1- Sự sinh, sự diệt của sắc-uẩn

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **sắc-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh như sau:

- Sự sinh của sắc-uẩn là do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của sắc-uẩn là do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của sắc-uẩn là do **nghiệp** sinh.

- Sự sinh của sắc-uẩn là do **vật-thực** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của sắc-uẩn.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā-
ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-uẩn** hiện-
tại do 5 nhân-duyên-diệt như sau:

- Sự diệt của sắc-uẩn do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của sắc-uẩn do **tham-ái** diệt.
- Sự diệt của sắc-uẩn do **nghiệp** diệt.
- Sự diệt của sắc-uẩn do **vật-thực** diệt.
- **Trạng-thái-diệt** của sắc-uẩn.

2- Sự sinh, sự diệt của thọ-uẩn

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā-
ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **thọ-uẩn** hiện-
tại do 5 nhân-duyên-sinh như sau:

- Sự sinh của thọ-uẩn do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của thọ-uẩn do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của thọ-uẩn do **nghiệp** sinh.
- Sự sinh của thọ-uẩn do **xúc** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của thọ-uẩn.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā-
ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **thọ-uẩn** hiện-
tại do 5 nhân-duyên-diệt như sau:

- Sự diệt của thọ-uẩn do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của thọ-uẩn do **tham-ái** diệt.
- Sự diệt của thọ-uẩn do **nghiệp** diệt.
- Sự diệt của thọ-uẩn do **xúc** diệt.

- **Trạng-thái-diệt** của thọ-uẩn.

3-4 Sự sinh, sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāna thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **tướng-uẩn, hành-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh giống thọ-uẩn như sau:

- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **vô-minh** sinh.

- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **tham-ái** sinh.

- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **nghiệp** sinh.

- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **xúc** sinh.

- **Trạng-thái-sinh** của tướng-uẩn, hành-uẩn.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāna thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **tướng-uẩn, hành-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt giống thọ-uẩn như sau:

- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **vô-minh** diệt.

- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **tham-ái** diệt.

- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **nghiệp** diệt.

- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **xúc** diệt.

- **Trạng-thái-diệt** của tướng-uẩn, hành-uẩn.

5- Sự sinh, sự diệt của thức-uẩn

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā-ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **thức-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh như sau:

- Sự sinh của thức-uẩn do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của thức-uẩn do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của thức-uẩn do **nghiệp** sinh.
- Sự sinh của thức-uẩn do **danh-pháp tam-giới, sắc-pháp** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của thức-uẩn.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā-ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **thức-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt như sau:

- Sự diệt của thức-uẩn do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của thức-uẩn do **tham-ái** diệt.
- Sự diệt của thức-uẩn do **nghiệp** diệt.
- Sự diệt của thức-uẩn do **danh-pháp tam-giới, sắc-pháp** diệt.
- **Trạng-thái-diệt** của thức-uẩn.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā-ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi uẩn hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt như vậy; nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi uẩn hiện-tại.

- **Sắc-uẩn** thuộc về **sắc-pháp**.

- Thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn thuộc về **danh-pháp tam-giới**.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā-ñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên có 4 trường hợp như sau:

- Sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh.
- Sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt.
- Sự sinh của danh-pháp tam-giới là do nhân-duyên-sinh.
- Sự diệt của danh-pháp tam-giới là do nhân-duyên-diệt.

* **Sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh**

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā-ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp là do 5 nhân-duyên-sinh:

- Sự sinh của sắc-pháp là do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của sắc-pháp là do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của sắc-pháp là do **nghiệp** sinh.
- Sự sinh của sắc-pháp là do **vật-thực** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của sắc-pháp.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp là do **nhân-duyên-sinh**, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **quả sinh** là do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-sinh**.

*** Sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt**

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā-ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp là do 5 nhân-duyên-diệt:

- Sự diệt của sắc-pháp là do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của sắc-pháp là do **tham-ái** diệt.
- Sự diệt của sắc-pháp là do **nghiệp** diệt.
- Sự diệt của sắc-pháp là do **vật-thực** diệt.
- **Trạng-thái-diệt** của sắc-pháp.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp là do **nhân-duyên-diệt**, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **quả diệt** là do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-diệt**.

*** Sự sinh của danh-pháp là do nhân-duyên-sinh**

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā-ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của danh-pháp tam-giới là do 5 nhân-duyên-sinh:

- Sự sinh của danh-pháp tam-giới là do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của danh-pháp tam-giới là do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của danh-pháp tam-giới là do **nghiệp** sinh.
- Sự sinh của danh-pháp tam-giới là do **danh-pháp, sắc-pháp** sinh.

- **Trạng-thái-sinh** của danh-pháp tam-giới.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của danh-pháp tam-giới là do **nhân-duyên-sinh**, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **quả sinh** là do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-sinh**.

* **Sự diệt** của danh-pháp là do **nhân-duyên-diệt**

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā-ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của danh-pháp tam-giới là do 5 **nhân-duyên-diệt**:

- Sự diệt của danh-pháp tam-giới là do **vô-minh** diệt.

- Sự diệt của danh-pháp tam-giới là do **tham-ái** diệt.

- Sự diệt của danh-pháp tam-giới là do **nghiệp** diệt.

- Sự diệt của danh-pháp tam-giới là do **danh-pháp, sắc-pháp** diệt.

- **Trạng-thái-diệt** của danh-pháp tam-giới.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của danh-pháp tam-giới là do **nhân-duyên-diệt**, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **quả diệt** là do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-diệt**.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư** udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** và **sự diệt** của

mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã, của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

Trạng-thái-chung Sāmaññalakkhaṇa

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp là pháp-hữu-vi (*saṅkhatadhamma*) thuộc về chân-ngheĩa-pháp (*paramatthadhamma*) trong tam-giới đều có **sự sinh, sự diệt**; có **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái-vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã.

Trong bộ *Visuddhimagga*, phần *Maggāmagga-nāṇadassanavisuddhi* trình bày mỗi trạng-thái-chung có các trạng-thái chi-tiết:

*** Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-thường**

Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái như sau:

- 1- *Aniccato*: Trạng-thái vô-thường.
- 2- *Palokato*: Trạng-thái tiêu diệt.
- 3- *Calato*: Trạng-thái biến đổi.
- 4- *Pabhaṅguto*: Trạng-thái tan rã.
- 5- *Addhuvato*: Trạng-thái không bền vững.
- 6- *Vipariṇāmadhammato*: Trạng-thái biến đổi là thường.
- 7- *Asārakato*: Trạng-thái vô dụng, không cốt lõi.
- 8- *Vibhavato*: Trạng-thái bị suy.

9- Saṅkhatato: Trạng-thái bị cấu tạo.

10- Maraṇadhammato: Trạng-thái diệt, chết là thường.

10 trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-thường cũng là đối-tượng của trí-tuệ-thiền-tuệ *aniccā-nupassanā*. Mỗi trạng-thái chi-tiết phát sinh tùy theo năng lực trí-tuệ-thiền-tuệ của mỗi hành-giả.

*** Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái khổ**

Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái khổ có 25 trạng-thái như sau:

1- Dukkhato: Trạng-thái khổ khó chịu.

2- Rogato: Trạng-thái khổ như bệnh tật.

3- Gaṇdato: Trạng-thái khổ như ung nhọt.

4- Sallato: Trạng-thái khổ như mũi tên độc.

5- Aghato: Trạng-thái khổ bất hạnh.

6- Ābādhato: Trạng-thái khổ như ốm đau.

7- Ītito: Trạng-thái khổ suy đồi.

8- Upaddavato: Trạng-thái khổ tai nạn.

9- Bhayato: Trạng-thái khổ đáng kinh sợ.

10- Upasaggato: Trạng-thái khổ cản trở.

11- Atānato: Trạng-thái khổ không có nơi bảo hộ.

12- Aṇato: Trạng-thái khổ không có nơi ẩn náu.

13- Asaraṇato: Trạng-thái khổ vì không có nơi nương nhờ.

14- Ādīnavato: Trạng-thái khổ vì tội chướng.

15- Aghamūlato: Trạng-thái nguồn gốc của khổ.

16- Vadhakato: Trạng-thái khổ như kẻ sát hại.

17- *Sāsavato*: Trạng-thái khổ do phiền-não trầm-luân.

18- *Mārāmisato*: Trạng-thái khổ như mối của Ma.

19- *Jātidhammato*: Trạng-thái khổ sinh là thường.

20- *Jarādhammato*: Trạng-thái khổ già là thường.

21- *Byādhidhammato*: Trạng-thái khổ bệnh là thường.

22- *Sokadhammato*: Trạng-thái khổ sâu não là thường.

23- *Paridevadhammato*: Trạng-thái khổ than khóc là thường.

24- *Upāyāsadhammato*: Trạng-thái nổi thống khổ cùng cực.

25- *Samkilesikadhammato*: Trạng-thái khổ bị ô nhiễm bởi phiền-não.

25 trạng-thái chi-tiết của trạng-thái khổ cũng là đối-tượng của trí-tuệ-thiền-tuệ *dukkhānupassanā*. Mỗi trạng-thái chi-tiết phát sinh tùy theo năng lực trí-tuệ-thiền-tuệ của mỗi hành-giả.

*** Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-ngã**

Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái như sau:

1- *Anattato*: Trạng-thái vô-ngã, không phải ta.

2- *Parato*: Trạng-thái khác lạ (không phải ta).

3- *Rittato*: Trạng-thái rỗng không, không có thường, lạc, ngã.

4- *Tucchato*: Trạng-thái không có thật là ta.

5- *Suññato*: Trạng-thái hoàn toàn không phải ta, không phải của ta.

5 trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-ngã cũng là đối-tượng của *trí-tuệ-thiền-tuệ anattā-nupassanā*. Mỗi trạng-thái chi tiết phát sinh tùy theo năng lực *trí-tuệ-thiền-tuệ* của mỗi hành-giả.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā-nāṇa có nhiều năng lực này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5* gọi là *bhaṅgānupassanānāṇa* phát sinh tiếp theo sau.

5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 Bhaṅgānupassanānāṇa

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanā-nāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại do **nhân-duyên-diệt** mà thôi; nên hiện rõ ràng **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanā-nāṇa ấy bỏ qua **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại; mà chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi **đối-tượng** sắc-pháp, mỗi **đối-tượng** danh-pháp tam-giới hiện-

tại; còn thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **chủ thể** tâm biết đối-tượng nữa, làm cho hành-giả phát sinh động tâm vô cùng kinh ngạc chưa từng thấy trước kia bao giờ. Cho nên, *trí-tuệ-thiền-tuệ* này chỉ hướng tâm đến **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi, mà không quan tâm đến **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại nữa.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanā-nāna này đặc biệt chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt** (khaya), **sự diệt mất** (vaya), **sự tan vỡ** (bheda), **sự diệt** (nirodha) của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 này đặc biệt thấy rõ, biết rõ là **sự diệt** của sắc-pháp này, của danh-pháp tam-giới hiện-tại này làm nhân-duyên cho **sự sinh** của sắc-pháp kia, danh-pháp tam-giới kia. Cho nên, *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5* này đặc biệt thường chỉ thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt** (khaya), **sự diệt mất** (vaya), **sự tan vỡ** (bheda), **sự diệt** (nirodha) của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanānāna đặc biệt chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ rằng **sự diệt** do **nhân-duyên-diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi; nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường,

trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Hoặc **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanā-ñāṇa* đặc biệt này chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt** (*khaya*), **sự diệt mất** (*vaya*) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại do **nhân-duyên-diệt**, nên gọi là **bhaṅgānupassanāñāṇa**.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanā-ñāṇa* chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt, sự diệt mất** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện tại như sau:

- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **trạng-thái vô-thường**, không phải **thường**.

- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **trạng-thái khổ**, không phải **lạc**.

- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **trạng-thái vô-ngã**, không phải **ngã**.

- Nên phát sinh **tâm nhàm chán**, không phải **tâm ham muốn**.

- Nên phát sinh **tâm ly dục**, không phải **tâm tham dục**.

- Nên phát sinh **tâm từ bỏ**, không phải **tâm chấp thủ**.

- Khi thường dõ theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **trạng-thái vô-thường**, nên diệt được **niccasaññā**: tưởng lầm cho là **thường**.

- Khi thường dõ theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **trạng-thái khổ**, nên diệt được **sukhasaññā**: tưởng lầm cho là **lạc**.

- Khi thường dõ theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **trạng-thái vô-ngã**, nên diệt được **attāsaññā**: tưởng lầm cho là **ngã**.

- Khi phát sinh **tâm nhàm chán**, nên diệt được **tâm ham muốn**.

- Khi phát sinh **tâm ly-dục**, nên diệt được **tâm tham-dục**.

- Khi phát sinh **tâm từ bỏ**, nên diệt được **tâm chấp thủ**.

Quả báu của trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 5

Hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng đạt đến **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgā-nupassanāñāṇa**: trí-tuệ-thiên-tuệ thường dõ theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do **nhân-duyên-diệt**, nghĩa là thường thấy rõ, biết rõ rằng:

“*Sabbe saṅkhārā bhijjanti bhijjanti.*”

- Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đều diệt, diệt.

Hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại, và biết **quả báu của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** này nên kiên trì thực hành pháp-hành thiền-tuệ không thoái chuyển, với ý nguyện chỉ mong chứng đạt **Niết-bàn, giải thoát khổ** mà thôi.

Ví như người có chiếc khăn quấn trên đầu đang bị lửa cháy, chỉ quyết tâm dập tắt lửa mà thôi.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** gọi là *bhayatupaṭṭhānañāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 Bhayatupaṭṭhānañāṇa

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-diệt, **thật đáng kinh sợ**; nên hiện rõ ràng **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ các pháp-hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có **sự diệt thật đáng kinh sợ** trong **3 cõi-giới** (*bhava*), trong **4 loài** (*yoni*),

trong 5 **cõi tái-sinh** (*gati*), trong 7 **thức trụ** (*viññāṇaṭṭhiti*), trong 9 **cõi-giới chúng-sinh** (*sattā-vāsa*) đang hiện-hữu **thật đáng kinh sợ cực độ**.

Hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** đặc biệt thấy rõ, biết rõ thấu suốt trong 3 thời rằng:

“*Atītā saṅkhārā niruddhā, paccuppannā nirujjhanti, anāgate nibbattānakasaṅkhārāpi evameva nirujjhissanti.*”

- Các pháp hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ **đã diệt rồi** trong thời quá-khứ; sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại **đang diệt** trong thời hiện-tại; và sắc-pháp, danh-pháp tam-giới sẽ phát sinh trong thời vị-lai cũng **sẽ diệt** trong thời vị-lai mà thôi.

Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupatṭhānañāṇa* không phải là trí-tuệ-thiền-tuệ có sự **đáng kinh sợ** nào cả, mà trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 là trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thấu suốt sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **đáng kinh sợ**.

Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ **đã diệt** trong thời quá-khứ rồi; sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại **đang diệt** trong thời hiện-tại; sắc-pháp, danh-pháp tam-giới vị-lai chắc chắn cũng **sẽ diệt** trong thời vị-lai.

Thật vậy, ví như một người nhìn thấy **3 hầm lửa than hồng đang cháy hừng hực**, chính người ấy không có sự kinh sợ gì cả, nhưng suy xét thấy **3 hầm lửa than hồng** ấy đáng kinh sợ rằng:

“*Nếu có người nào bị rơi xuống 3 hầm lửa than hồng ấy thì chắc chắn phải chịu khổ vì lửa thiêu nóng kinh khủng.*”

Cũng như vậy, **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhaya-tupaṭṭhānañāṇa** này không có sự kinh sợ nào cả, mà chỉ nhận thức thấy rõ, biết rõ rằng:

Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới ví như 3 hầm lửa than hồng đang cháy hừng hực ấy.

- *Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ đã diệt rồi trong thời quá-khứ.*

- *Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại đang diệt trong thời hiện-tại.*

- *Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới vị-lai chắc chắn cũng sẽ diệt trong thời vị-lai.*

- Hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhaya-tupaṭṭhānañāṇa** thấy rõ, biết rõ thấu suốt **sự diệt** của **sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, hiện-tại, vị-lai** đều có **trạng-thái vô-thường** thật đáng kinh sợ.

- Hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhaya-tupaṭṭhānañāṇa** thấy rõ, biết rõ thấu suốt **sự diệt**

của *sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới quá-khứ*, *hiện-tại*, *vị-lai* đều có **trạng-thái khô** thật đáng kinh sợ.

- Hành-giả có **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 6** *bhaya-tupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ thấu suốt **sự diệt** của *sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới quá-khứ*, *hiện-tại*, *vị-lai* đều có **trạng-thái vô-ngã** thật đáng kinh sợ.

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 7** gọi là *ādīnavānupassanāñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

7- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 7

Ādīnavānupassanāñāṇa

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa*: **trí-tuệ-thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ *sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới đầy tội chướng*.

Tính chất của *Ādīnavānupassanāñāṇa*

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của *sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới đầy tội chướng*; nên không dính mắc trong mọi *sắc-pháp*, mọi *danh-pháp tam-giới* trong **3 cõi-giới** (*bhava*), trong **4 loài** (*yoni*), trong **5 cõi tái-sinh** (*gati*), trong **7 thức trụ** (*viññāṇaṭṭhiti*), trong **9 cõi chúng-sinh** (*sattāvāsa*) đang hiện-hữu **thật đáng kinh sợ tội**

độ. Bởi vì tất cả mọi cõi-giới đang hiện-hữu ấy không phải là **nơi ả nấu** (*neva tāṇaṃ*), không phải là **nơi an toàn** (*na leṇaṃ*), không phải là **nơi đến lánh nạn** (*na gati*), không phải là **nơi nương nhờ** (*nappāṭisaraṇaṃ*), và cũng không phải nơi mong muốn đối với hành-giả. Tại sao vậy?

Bởi vì, **tam-giới** gồm có 31 cõi-giới (11 cõi dục-giới, 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên) đang hiện-hữu như 3 **hầm lửa** đầy than hồng đang hùng hực cháy rực không có khói.

- **Tứ đại** (địa-đại, thủy-đại, hỏa-đại, phong-đại) trong sắc-thân đang hiện-hữu như 4 con rắn độc kinh khủng.

- **Ngũ-uẩn chấp-thủ** (sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ) đang hiện-hữu, như tên đao phủ đang giơ thanh đao chém xuống đầu.

- **6 xứ bên trong** (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) đang hiện-hữu như xóm làng hoang, không có người ở.

- **6 xứ bên ngoài** (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) đang hiện-hữu như kẻ trộm cướp chiếm lấy của cải tài sản.

- **7 thức trụ, 9 cõi chúng-sinh** đang hiện-hữu như bị **11 thứ lửa** (lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa

sinh, lửa già, lửa chết, lửa sâu não, lửa than khóc, lửa khổ thân, lửa khổ tâm, lửa thống khổ cùng cực) đang cháy ngầm thiêu đốt ngày đêm.

- Tất cả các pháp-hữu-vi, đó là ngũ-uẩn chấp-thủ, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đang hiện-hữu như là **ung nhọt đau nhức** (gaṇḍabhūtā), như là **căn bệnh trầm kha** (rogabhūtā), như là **mũi tên độc** (sallabhūtā), như là **sự đau khổ** bất hạnh triền miên (aghabhūtā), như là **bệnh tật đau khổ** (ābādhabhūtā), không có chút an-lạc nào cả, chỉ là khối đại tội churóng (mahā ādīnavarāsibhūtā) mà thôi.

* **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanā-ñāṇa như thế nào?

Ví như người nào có tính nhát gan hay sợ sệt, chỉ mong muốn cuộc sống an-lạc mà thôi. Khi người ấy đi gặp phải hang có hùm beo, hoặc xuống sông gặp dạ-xoa dưới nước, hoặc đi đường gặp kẻ cướp sát nhân, gặp kẻ thù giơ thanh đao để chém xuống đầu, hoặc nằm trong căn nhà đang bị cháy, hoặc dùng vật thực có chất độc, v.v... Người ấy phát sinh sự sợ hãi, sự kinh hồn bạt vía, bởi vì thấy những điều xảy ra ấy thật đáng kinh sợ, chỉ là những điều **đầy tội churóng** mà thôi, như thế nào, đối với hành-giả cũng như thế ấy.

Khi hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cả 3 thời (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai) **đáng kinh sợ**; nên cũng thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp-hữu-vi, ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**, không có chút an-lạc nào cả.

Trí-tuệ-thiền-tuệ nào thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng** (cả đối-tượng lẫn chủ thể), trí-tuệ-thiền-tuệ ấy gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa.

Vấn: **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật đáng kinh sợ** có nhiều năng lực để trở nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng** bằng cách nào?

Đáp: Để trở nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa, thì **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật đáng kinh sợ** bằng cách thấy rõ, biết rõ trong 5 đối-tượng như sau:

1- **Uppāda**: **Sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp

*tam-giới trong 3 thời **thật đáng kinh sợ**; nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp tam giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.*

2- *Pavatta: Sự hiện-hữu của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật đáng kinh sợ**; nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.*

3- *Nimitta: Các pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật đáng kinh sợ**; nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi** đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.*

4- *Āyūhana: Sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**; nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **đầy tội chướng**.*

5- *Paṭisandhi: Sự tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**; nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.*

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanā-nāṇa* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đầy tội chướng**; nên tâm không dính mắc trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới trong **3 cõi-giới** (*bhava*), trong **4 loài** (*yoni*), trong **5 cõi tái-sinh** (*gati*), trong **7 thức trụ** (*viññāṇaḥiti*), trong **9 cõi-giới chúng-sinh** (*sattāvāsa*) đang hiện-hữu **thật đáng kinh sợ tột độ**. Bởi vì tất cả mọi nơi, mọi cõi-giới đang hiện-hữu ấy không phải là **nơi ẩn náu** (*neva tāṇaṃ*), không phải là **nơi an toàn** (*na leṇaṃ*), không phải là **nơi đến lánh nạn** (*na gati*), không phải là **nơi nương nhờ** (*nappaṭisaraṇaṃ*). Cho nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanā-nāṇa* này chỉ hướng tâm đến **Niết-bàn** giải thoát khổ mà thôi.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānā-nāṇa* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới với 5 đối-tượng *uppāda*, *pavatta*, *nimitta*, *āyūhana*, *paṭisandhi* **thật đáng kinh sợ** (*bhaya*); còn **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanā-nāṇa* hướng đến Niết-bàn với 5 đối-tượng trái ngược lại là *anuppāda*, *appavatta*, *animitta*, *anāyūhana*, *appaṭisandhi* như sau.

*** Đối-tượng kinh sợ và đối-tượng an-tĩnh**

1- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng **sự sinh** (*uppāda*) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật là đáng kinh sợ**

(bhaya); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng **sự không sinh** (*anuppāda*) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đó là Niết-bàn **pháp an-tịnh** (*khema*), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

2- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng **sự hiện-hữu** (*pavatta*) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật là đáng kinh sợ** (*bhaya*); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng **sự không hiện-hữu** (*appavatta*) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đó là Niết-bàn **pháp an-tịnh** (*khema*), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

3- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng **pháp-hữu-vi** (*saṅkhāranimitta*) đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật là đáng kinh sợ** (*bhaya*); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ**

7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi** đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng **pháp-vô-vi** (*animitta*) đó là Niết-bàn **pháp an-tịnh** (*khema*), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

4- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng **sự tích lũy nghiệp chướng** (*āyūhana*) cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (*bhaya*); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh trong tam-giới **đầy tội chướng**.

Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng **sự không tích lũy nghiệp chướng** (*anāyūhana*) đó là Niết-bàn **pháp an-tịnh** (*khema*), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

5- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng **sự tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhi*) trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (*bhaya*); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.

Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanā-nāṇa* biết rằng **sự không tái-sinh kiếp sau** (*ap-paṭisandhi*) đó là Niết-bàn **pháp an-tịnh** (*khema*), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanā-nāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

*** Đối-tượng khổ và đối-tượng an-lạc**

1- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng: **sự sinh** (*uppāda*) của sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanā-nāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanā-nāṇa* biết rằng **sự không sinh** (*anuppāda*) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đó là Niết-bàn **pháp an-lạc** (*sukha*), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanā-nāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

2- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng **sự hiện-hữu** (*pavatta*) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật là khổ** (*dukkha*); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanā-nāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng **sự không hiện-hữu** (*appavatta*) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đó là Niết-bàn **pháp an-lạc** (*sukha*), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

3- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng **pháp-hữu-vi** (*saṅkhāranimitta*) đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật là khổ** (*dukkha*); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi** sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng **pháp-vô-vi** (*animitta*) đó là Niết-bàn **pháp an-lạc** (*sukha*), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

4- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng **sự tích lũy nghiệp chướng** (*āyūhana*) cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **đầy tội chướng**.

Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng **sự không tích lũy nghiệp chướng**

(*anāyūhana*) đó là Niết-bàn **pháp an-lạc** (*sukha*), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

5- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng **sự tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhi*) trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.

Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng **sự không tái-sinh kiếp sau** (*ap paṭisandhi*) đó là Niết-bàn **pháp an-lạc** (*sukha*), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi ...

Thực hành 10 loại trí-tuệ-thiền-tuệ

Hành-giả kiên trì thực hành 10 loại trí-tuệ-thiền-tuệ cho thuần thục là:

* 5 *ādīnavañāṇa* là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** thấy rõ, biết rõ 5 đối-tượng: sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có **sự sinh** (*uppāda*), **sự hiện-hữu** (*pavatta*), **pháp-hữu-vi** (*saṅkhāranimitta*), **sự tích lũy nghiệp chướng** (*āyūhana*), **sự tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhi*) trong tam-giới **đầy tội chướng**.

* 5 *santipadañāṇa* là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** hướng tâm đến Niết-bàn có 5 đối-tượng hoàn toàn

trái ngược lại với 5 đối-tượng của *ādīnavañāna*, đó là **Niết-bàn: không có sự sinh** (*anuppāda*) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, **pháp không hiện-hữu** (*appavatta*), **pháp-vô-vi** (*animitta*), **pháp không tích lũy nghiệp chướng** (*anāyūhana*), **pháp không tái-sinh kiếp sau** (*appaṭisandhi*).

Khi kiên trì thực hành 10 *trí-tuệ-thiền-tuệ* này một cách thuần thực rồi, hành-giả ấy không hề bị lay chuyển bởi sự chướng ngại nào cả.

Như vậy, *trí-tuệ-thiền-tuệ ādīnavañāna* với *trí-tuệ-thiền-tuệ santipadañāna*, mỗi loại có 5 đối-tượng hoàn toàn trái ngược nhau, dẫn đến như sau:

* *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāna* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng, thật đáng kinh sợ tột độ**; bởi vì **tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới không phải là nơi ẩn náu** (*neva tānaṃ*), **không phải là nơi an toàn** (*na leṇaṃ*), **không phải là nơi đến lánh nạn** (*na gati*), **không phải là nơi nương nhờ** (*nappaṭisaraṇaṃ*), chỉ có khổ thật sự mà thôi.

Cho nên, hành-giả phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán, không dính mắc vào sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy.

* *Trí-tuệ-thiền-tuệ santipadañāna* hướng đến **Niết-bàn tịch tịnh** là pháp ẩn-náu an toàn, là

pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải-thoát khổ hoàn toàn, chỉ có sự an-lạc tuyệt đối mà thôi.

Cho nên, hành-giả phát sinh đức-tin trong sạch vững chắc trong pháp-hành thiên-tuệ này dẫn đến chứng ngộ **Niết-bàn**, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 7 *ādināvānupassanā-nāna* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 8** gọi là *nibbidānupassanā-nāna* phát sinh liền tiếp theo sau.

8- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 8 Nibbidānupassanānāna

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanā-nāna*: *trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán.*

- **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanā-nāna* là tổng hợp các trí-tuệ-thiên-tuệ phần trước làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 8** gọi là *nibbidānupassanānāna*: *trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán.*

Nibbidā là thật đáng nhàm chán, bởi vì hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ trải qua **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāna* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **thật đáng kinh sợ tột độ** (*bhaya*) và **trí-tuệ-thiên-tuệ**

thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đầy những tội chướng (ādīnava)**. Cho nên, **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa** này phát sinh thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **thật đáng nhàm chán tột độ**, nên chỉ còn hướng tâm đến Niết-bàn giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới mà thôi.

Hành-giả cố gắng tinh-tân không ngừng thực hành dõ theo 7 **pháp anupassanā**, để mong chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Bảy pháp Anupassanā

1- **Aniccānupassanā**: Trí-tuệ-thiên-tuệ dõ theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam giới có trạng-thái vô-thường.

2- **Dukkhānupassanā**: Trí-tuệ-thiên-tuệ dõ theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái khổ.

3- **Anattānupassanā**: Trí-tuệ-thiên-tuệ dõ theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái vô-ngã.

4- **Nibbidānupassanā**: Trí-tuệ-thiên-tuệ dõ theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán.

5- *Virāgānupassanā*: Trí-tuệ-thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới không đáng say mê.

6- *Nirodhānupassanā*: Trí-tuệ-thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đáng diệt bỏ.

7- *Paṭinissaggānupassanā*: Trí-tuệ-thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đáng xả bỏ.

Giảng Giải

1- *Aniccānupassanā*: Trí-tuệ-thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái vô-thường**; và trí-tuệ-thiên-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái vô-thường** như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được **nīccasaññā**: thấy sai, tưởng lầm sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là **thường**.

2- *Dukkhānupassanā*: Trí-tuệ-thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái khổ**; và trí-tuệ-thiên-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái khổ** như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt

được *sukhasaññā*: thấy sai, tưởng lầm sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là **lạc**.

3- *Anattānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái vô-ngã**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái vô-ngã** như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được *attasaññā*: thấy sai, tưởng lầm sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là **ngã**.

4- *Nibbidānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng nhàm chán**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng nhàm chán** như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được *nandi*: tâm tham-ái hài lòng trong sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

5- *Virāḡānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật không đáng say mê**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng **thật**

không đáng say mê như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được **rāga**: tâm tham-ái say mê trong sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

6- **Nirodhānupassanā**: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng diệt bỏ**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng diệt bỏ** như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được **samudaya**: nhân-sinh-khổ của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

7- **Paṭinissaggānupassanā**: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng xả bỏ**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng xả bỏ** như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được **ādāna**: sự chấp-thủ trong sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

Trong 7 pháp **ānupassanā** này có 3 loại căn bản là **aniccānupassanā, dukkhānupassanā, anattānupassanā**, bởi vì trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

Ba loại trí-tuệ-thiền-tuệ

1- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đáng kính sợ**.

2- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đầy tội chướng**.

3- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đáng nhàm chán**.

Ba loại trí-tuệ-thiền-tuệ này chỉ có khác nhau về tên gọi mà thôi, còn giống nhau về ý nghĩa.

Thật vậy, hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ đã trải qua từ **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* cho đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanāñāṇa* này.

- Nếu **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đáng kính sợ** thì gọi là *bhayatupaṭṭhānañāṇa*.

- Nếu **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp danh-pháp tam-giới **đầy tội chướng** thì gọi là *ādīnavānupassanañāṇa*.

- Nếu **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp danh-pháp tam-giới **đáng nhàm chán** thì gọi là *nibbidānupassanāñāṇa*.

Khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanā-*

nāṇa thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **thật đáng nhàm chán tột độ**; nên hướng tâm đến **đối-tượng santipada**: **Niết-bàn** là pháp **ẩn-náu an toàn**, là pháp **nuông-nhờ an toàn**, là pháp **giải thoát khổ hoàn toàn**, chỉ có sự **an-lạc tuyệt đối** mà thôi.

Đối-tượng santipada: Niết-bàn như thế nào?

Hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidā-nupassanānāṇa* thấu suốt biết rõ rằng:

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** thấy rõ, biết rõ **uppāda**: sự sinh của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **anuppāda**: sự không sinh của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** thấy rõ, biết rõ **pavatta**: sự hiện-hữu của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **appavatta**: sự không hiện hữu của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** thấy rõ, biết rõ **nimitta** (*saṅkhāranimitta*): pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ

mà thôi. Và **animitta**: pháp-vô-vi, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** thấy rõ, biết rõ **āyūhana**: sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **anāyūhana**: sự không tích lũy nghiệp chướng, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** thấy rõ, biết rõ **paṭisandhi**: sự tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **appaṭisandhi**: sự không tái-sinh kiếp sau, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối, v.v...

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** nibbidānupassanā-ñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán tột độ, chỉ có khổ mà thôi. Nên chỉ hướng đến đối-tượng **santipada**: Niết-bàn, diệt tận được tất cả các pháp-hữu-vi, là pháp ả-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải thoát khổ hoàn toàn, an-lạc tuyệt đối.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanā-ñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** gọi là **muñcitukamyatāñāṇa** phát sinh liền tiếp theo sau.

9- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 9 Muñcitukamyatāñāṇa

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 9 gọi là *muñcitukamyatāñāṇa*: trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán tột độ, nên chỉ mong giải thoát khỏi các pháp hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi.

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñāṇa* phát sinh như thế nào?

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāñāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán tột độ, chỉ có khổ mà thôi, nên hướng tâm đến đối-tượng *santipada*: Niết-bàn, diệt tận được tất cả các pháp hữu-vi làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāṇa* chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong **ba giới bốn loài** mà thôi.

* **Ba cõi-giới** gồm có 31 cõi:

- Dục-giới gồm có 11 cõi-giới.
- Sắc-giới gồm có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.
- Vô sắc-giới gồm có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

1- **Cõi dục-giới** có 11 cõi-giới chia làm 2 cõi:

- **Cõi ác-giới** có 4 cõi-giới là *cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh*. Chúng-sinh bị sinh 1 trong 4 cõi ác-giới nào là do **quả của ác-nghiệp** ⁽¹⁾ mà chúng-sinh ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ, phải chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy được, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

- **Cõi thiện dục-giới** gồm có 7 cõi là *cõi người và 6 cõi trời dục-giới*. Chúng-sinh được sinh 1 trong 7 cõi thiện-dục-giới nào là do **quả của dục-giới thiện-nghiệp** (*đại-thiện-nghiệp*) mà chúng-sinh ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ, được hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi mãn quả của *dục-giới thiện-nghiệp* (*đại-thiện-nghiệp*) ấy, mới rời khỏi cõi thiện-dục-giới ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

2- **Sắc-giới** có 16 tầng trời *sắc-giới phạm-thiên*

Chư vị phạm-thiên nào được hóa-sinh trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên nào là do **quả của sắc-giới thiện-nghiệp** nào mà tiền-kiếp của vị phạm-thiên ấy đã chứng đắc *bậc thiên sắc-giới*

¹ Tìm hiểu rõ trong quyển “Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống”, cùng soạn giả.

thiện-tâm ấy. Vị phạm-thiên ấy được hưởng sự an-lạc trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời ấy ⁽¹⁾, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

3- **Cõi vô-sắc-giới** có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên

Chư vị phạm-thiên nào được hóa-sinh trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên nào là do **quả của vô-sắc-giới thiện-nghiệp** nào mà tiền-kiếp của vị phạm-thiên ấy đã chứng đắc *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ấy.* Vị phạm-thiên ấy được hưởng sự an-lạc trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Tam-giới có 11 cõi dục-giới, 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên gồm có 31 cõi-giới chỉ là **ơi tạm trú** mau hoặc lâu của tất cả mọi chúng-sinh trong tam-giới mà thôi.

Dù vị phạm-thiên nào trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là *Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên*, có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất, đến khi hết tuổi thọ cũng phải chết.

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển IX: *Pháp-Hành Thiên-Định*, cùng soạn giả.

Sau khi vị phạm-thiên ấy chết, tùy theo thiện-nghiệp của vị phạm-thiên ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác.

* **Bốn loài** đó là 4 loài chúng-sinh:

1- **Thai-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài thai-sinh, đầu tiên đầu thai trong bụng mẹ, từ từ lớn dần cho đến khi đủ tháng đủ ngày, mới sinh ra đời, đó là *loài người trong cõi người, loài súc-sinh như trâu, bò, v.v...*

2- **Noãn-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài noãn-sinh, đầu tiên sinh trong trứng trong bụng con mái, trứng sinh ra ngoài, rồi từ trứng nở ra con, đó là *loài gà, vịt, chim, v.v...*

3- **Thấp-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài thấp-sinh nương nhờ nơi ẩm thấp dơ dáy, dưới đất, lá cây, trái cây chín, máu, mủ, v.v... Đó là *con giun đất, dòi, các loài sán, v.v...*

4- **Hóa-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài hóa-sinh không nương nhờ vào nơi nào cả, chỉ nương nhờ nơi nghiệp quá-khứ của chúng mà thôi. Khi tái-sinh hóa-sinh ngay tức khắc to lớn tự nhiên, đó là *chúng-sinh địa-ngục, các loài nga-quỷ, a-su-ra, chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, chư phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ, đạt đến **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāna* hiểu biết rằng:

- *Hễ còn tái-sinh kiếp sau là còn có ngũ-uẩn, tứ-uẩn, nhất-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dù ở trong cõi-giới nào cũng chắc chắn còn phải chịu khổ của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy.*

Đối với hạng phàm-nhân, hễ còn tiếp tục tử sinh luân-hồi thì khó mà tránh khỏi 4 cõi ác-giới là địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.

Cho nên, hành-giả cố gắng tiếp tục thực hành pháp-hành thiên-tuệ đạt đến **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 9** này thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, **thật đáng nhàm chán tội độ thật sự**, nên chỉ mong giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi.

Vì vậy, hành-giả cảm thấy kinh sợ, nhàm chán trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên chỉ quyết tâm tiếp tục thực hành pháp-hành thiên-tuệ để mong chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn**, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tính chất của muñcitukamyatāñāṇa như thế nào?

Hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** muñcitukamyatāñāṇa chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khỏi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi, qua những ví dụ như sau:

* Ví như con cá bị mắc lưới, cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi lưới như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cũng như thế ấy.

* Ví như con ếch bị con rắn ngậm trong miệng, cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi miệng con rắn như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn ... cũng như thế ấy, v.v...

Hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ, khi đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** muñcitukamyatāñāṇa này thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới trong 31 cõi-giới chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên tâm của hành-giả chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn, mới giải thoát ra khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, nghĩa là giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Cho nên, hành-giả chỉ mong thoát ra khỏi sắc-

pháp, danh-pháp tam-giới này mà thôi, nên cố gắng tinh-tấn không ngừng thực hành pháp-hành thiên-tuệ, để mong *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10* gọi là *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

10- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10

Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa*: *trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.*

Theo bộ *Visuddhimagga*, hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ, khi đạt đến *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10* ⁽¹⁾ này thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ *4 trạng-thái* gồm có 53 trạng-thái chi-tiết.

- *Trạng-thái vô-thường* có 12 trạng-thái chi-tiết.
- *Trạng-thái khổ* có 27 trạng-thái chi-tiết.
- *Trạng-thái vô-ngã* có 7 trạng-thái chi-tiết.

¹ Bộ *Visuddhimagga*, phần *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇakathā*.

- *Trạng-thái bất-tịnh* có 7 trạng-thái chi-tiết.⁽¹⁾

1- Aniccalakkhaṇa: *Trạng-thái vô-thường* có 12 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* mà hành-giả nên thực hành như sau:

1- *Anaccantikato:* *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không thường tồn, sinh rồi diệt liên tục không ngừng.*

2- *Tāvakālikato:* *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái tạm thời ngắn ngủi.*

3- *Uppādavayaparicchinakato:* *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái phân tích sự sinh, sự diệt.*

4- *Palokato:* *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái tiêu hoại.*

5- *Calato:* *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái biến đổi bệnh, già, chết.*

6- *Pabaṅguto:* *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái tan rã.*

7- *Addhuvato:* *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không bền vững.*

8- *Vipariṇāmadhammato:* *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái biến đổi là thường.*

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển X: *Pháp-Hành Thiền-Tuệ*, cùng soạn giả.

9- *Asārakato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái vô dụng, không cốt lõi.

10- *Vibhavato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái bị suy.

11- *Saṅkhatato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái bị cấu tạo.

12- *Maraṇadhammato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái hủy diệt, chết là thường.

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanā-nāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết hiện rõ tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

2- *Dukkhalakkhaṇa*: Trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭi-saṅkhānupassanānāṇa* mà hành-giả nên thực-hành như sau:

1- *Abhiṅhapatīpīlanato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ luôn luôn hành hạ.

2- *Dukkhato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ khó chịu đựng nổi.

3- *Dukkhavatthuto*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ của nơi sinh.

4- *Rogato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ bệnh.

5- *Gaṇḍato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ như ung nhọt.

6- *Sallato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ như mũi tên độc phiến-não.

7- *Aghato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ vì bất hạnh.

8- *Ābādhato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ bệnh hoạn, ốm đau.

9- *Ītito*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái suy đồi.

10- *Upaddavato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ tai nạn.

11- *Bhayato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ đáng kinh sợ.

12- *Upasaggato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ cản trở.

13- *Atāṇato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ không có nơi bảo hộ.

14- *Aleṇato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ không có nơi ẩn náu.

15- *Asaraṇato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ không nơi nương nhờ.

16- *Ādīnavato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ đầy tội chướng.

17- *Aghamūlato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái nguồn gốc của khổ đau.

18- *Vadhakato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ như kẻ sát hại.

19- *Sāsavato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ phiền-não trầm luân.

20- *Mārāmisato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ môi của Ma.

21- *Jātidhammato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ sinh là thường.

22- *Jarādhhammato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ già là thường.

23- *Byādhidhammato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ bệnh là thường.

24- *Sokadhammato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ sầu não là thường.

25- *Paridevadhammato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ than khóc là thường.

26- *Upāyāsadhammato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái thống khổ cùng cực là thường.

27- *Samkilesikadhammato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ do phiền-não làm ô nhiễm.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có

trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanā-nāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại *trạng-thái khổ* có 27 *trạng-thái chi-tiết* hiện rõ tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

3- Asubhalakkhaṇa: Trạng-thái bất-tịnh có 7 *trạng-thái chi-tiết* là đối-tượng của **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanā-nāṇa* mà hành-giả nên thực-hành như sau:

1- *Ajaññato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không tốt đẹp*.

2- *Duggandhato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái hôi hám*.

3- *Jegucchato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái đáng ghê tởm*.

4- *Paṭikkūlato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái dơ bẩn*.

5- *Amaṇḍanārahato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không có xinh đẹp gì cả*.

6- *Virūpato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái xấu xí*.

7- *Bībhacchato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái đáng gớm ghiếc*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanā-*

ñāṇa thấy rõ, biết rõ *trạng-thái bất-tịnh*, có 7 *trạng-thái chi-tiết* hiện rõ tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

Bảy trạng-thái-bất-tịnh chi-tiết này là trạng-thái phụ của *trạng-thái khổ* được ghép chung vào *trạng-thái khổ*.

4- Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi tiết là đối-tượng của *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* mà hành-giả nên thực-hành như sau:

1- *Parato*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khác lạ*.

2- *Rittato*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái rỗng không*.

3- *Tucchato*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái rỗng tuếch rỗng toác*.

4- *Suññato*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái hoàn toàn không*, không phải ta, không phải của ta.

5- *Assāmikato*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái vô chủ*.

6- *Anissarato*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không quyền hành*.

7- *Avasavattito*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không chiều theo ý muốn của ai*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanā-ñāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại *trạng-thái vô-ngã* có 7 *trạng-thái chi tiết* hiện rõ tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanā-ñāṇa* này thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ **4 trạng-thái**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh* của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới một cách đầy đủ các trạng-thái chi-tiết; nên **diệt-tùng-thời** (*tadaṅgappahāna*) được **3 pháp-đảo-điên**: *tướng-đảo-điên* (*saññāvipallāsa*), *tâm-đảo-điên* (*cittavipallāsa*), *tà-kiến-đảo-điên* (*ditṭhivipallāsa*) trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**.

Cho nên, **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10** này sáng suốt tìm ra phương pháp giải thoát khổ khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Hành-giả tiếp tục cố gắng tinh-tấn không ngừng thực hành pháp-hành thiên-tuệ với phương-pháp ấy cho đến khi **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* phát sinh có nhiều năng lực.

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanā-ñāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11** gọi là *saṅkhārupekkhāñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

11- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11 Saṅkhārupekkhāñāṇa

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa: trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là pháp-vô-ngã; có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới; nên đặt tâm trung-dung giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, để quyết định phương pháp giải thoát ra khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Cho nên, hành-giả trở lại suy xét rằng:

“*Sabbe saṅkhārā suññā.*”

- *Tất cả mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đó là ngũ-uẩn (khandha), 6 xứ bên trong với 6 xứ bên ngoài (āyatana), 18 tự-tánh (dhātu), ... đều hoàn toàn là không (suñña) không phải ta, không phải của ta.*

Thật vậy, hành-giả có *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* thấy rõ, biết rõ 2 pháp:

“*Suññamidam attānena vā attāniyena vā.*”

- *Thật-tánh của tất cả mọi pháp-hữu-vi đó là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới này đều là không, không phải ta, không phải của ta.*

Khi hành-giả có *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* thấy rõ, biết rõ tất cả mọi pháp-

hữu-vi đó là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều hoàn toàn là **không**, không phải ta, không phải của ta với **paccakkhañña**: trí-tuệ trực tiếp thấy rõ, biết rõ bên trong mình như thế nào, và với **anumānañña**: trí-tuệ gián tiếp thấy rõ, biết rõ bên ngoài mình, của chúng-sinh khác cũng như thế ấy.

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñña* thấy rõ, biết rõ tất cả mọi pháp-hữu-vi đó là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới rằng:

- **6 xứ bên trong**: Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ hoàn toàn là **không** (*suñña*), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, không bền vững, ...

- **6 xứ bên ngoài**: Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ hoàn toàn là **không** (*suñña*), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, không bền vững, ...

- **6 thức-tâm**: Nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm hoàn toàn là **không** (*suñña*), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, không bền vững, ...

- **Ngũ-uẩn**: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn hoàn toàn là **không** (*suñña*), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, là khô, là vô-ngã, không chiều theo theo ý của ai.

- **Ngũ-uẩn**: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn với 10 tính chất như sau:

Ngũ-uẩn có 10 tính chất:

1- *Rittato passati*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** là vô dụng, bởi vì vô-thường, khổ, vô-ngã.

2- *Tuccho*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** là rỗng tuếch, bởi vì không có cốt lõi.

3- *Suññato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** là rỗng không, không phải ta, không phải của ta.

4- *Anattāto*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** là vô-ngã, bởi vì vô chủ, không chiều theo ý muốn của ai.

5- *Anissariyato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không có chủ quyền, bởi vì không ai có quyền sai khiến theo ý của mình.

6- *Akāmākāriyato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không làm theo ý muốn của ai.

7- *Alabbhanīyato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ không thể muốn **ngũ-uẩn** như thế này, đừng như thế kia được.

8- *Avasavattākato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không chiều theo ý muốn của ai.

9- *Parato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** là khác lạ.

10- *Vivittato pasati*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** là vô chủ, bởi vì không phải người, không phải chúng-sinh nào cả.

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** hoàn toàn là **không** (*suñña*) với 10 tính chất như thế ấy.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn**: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn hoàn toàn là **không**, có 12 tính chất.

Ngũ-uẩn có 12 tính chất:

1- *Na satto*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không phải là chúng-sinh.

2- *Na jīvo*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không phải là sinh-mạng vĩnh cửu.

3- *Na naro*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không phải là người.

4- *Na māṇavo*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không phải là cậu trai trẻ.

5- *Na itthī*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không phải là người nữ.

6- *Na puriso*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không phải là người nam.

7- *Na attā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không phải ta (ngã).

8- *Na attāniyaṃ*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không phải thuộc về của ta.

9- *Nāhaṃ*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không phải là ta.

10- *Na mama*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không phải của ta.

11- *Na aññassa*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không phải của người khác.

12- *Na kassaci*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** không phải của một ai cả.

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** hoàn toàn là **không** (*suñña*) với 12 tính chất như thế ấy.

* Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn** hoàn toàn là **không** (*suñña*) với trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết, trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết, trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi-tiết.

Khi hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn**, **sắc-pháp**, **danh-pháp tam-giới** hoàn toàn là **không** (*suñña*) như vậy, gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới hoàn toàn là **không**

(*suñña*), không phải ta, không phải của ta với nhiều phương pháp như vậy, nên đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ của hành-giả đặt **trung-dung** giữa tất cả mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, đó là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11**.

Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāna* thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới hoàn toàn là **không** (*suñña*) (không phải ta, không phải của ta); thấy rõ, biết rõ các **trạng-thái chi-tiết** của trạng-thái vô-thường, trạng-thái khó, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. Cho nên, hành-giả có được tính chất đặc biệt của **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** như sau:

- *Bhayañca nandiñca vippahāya*: Hành-giả diệt được **tâm kinh-sợ** (*bhaya*) và **tâm hoan-hỷ** (*nandi*) trong mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, bởi vì đặt **tâm trung-dung** (*majjhattā*) giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

- Hành-giả không chấp-thủ trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho **là ta** (*aham*), **của ta** (*mama*). Bởi vì thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới **thật đáng kinh-sợ, đầy tội-chướng, thật đáng nhàm-chán** tốt độ.

Hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ đạt đến **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhānāṇa* thấy rõ, biết rõ ràng mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới hoàn toàn là **không** (*suñña*) là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã; nên không còn chấp-thủ trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là **ta** (*ahaṃ*), **của ta** (*mama*), đặt **tâm trung-dung** giữa tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới ấy.

Hành-giả đạt đến **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11** này thấy rõ, biết rõ tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới thật đáng kinh sợ, đầy tội-chướng, thật đáng nhàm-chán tội độ, chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn để giải thoát khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới mà thôi.

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11 có nhiều năng lực hướng tâm đến chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khổ.

Nếu *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11* chưa chứng ngộ đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới thì hành-giả trở lại đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới, và tiếp tục thực hành như vậy, cho đến khi *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11* có khả năng dẫn đến chứng ngộ đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Ví dụ: Chiếc thương thuyền đi trên đại dương.

Thời xưa, con người chưa có chiếc *la-bàn chỉ phương hướng*. Chiếc thương thuyền trước khi khởi hành đi ra biển đại dương, người thuyền

trưởng bắt một **con quạ** đem theo để chỉ hướng.

Nếu khi chiếc thuyền bị gió mạnh đi lạc hướng, nhìn không thấy bến thì khi ấy người thuyền trưởng **thả con quạ** bay đi tìm bến.

Con quạ rời từ đỉnh cột buồm bay thẳng lên hư không, bay quanh các hướng, nếu nó thấy bến thì nó bay thẳng về hướng ấy, nhưng nếu nó chưa thấy bến thì nó bay trở lại đậu trên đỉnh cột buồm như trước. **Con quạ** ấy tiếp tục bay như vậy, cho đến khi tìm thấy bến bay thẳng về hướng ấy, chiếc thuyền cũng đi theo hướng ấy đến bến.

Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa*, nếu khi thấy được **đối-tượng santipada: Niết-bàn siêu-tam-giới** thì buông bỏ **đối-tượng sắc-pháp**, hoặc **danh-pháp tam-giới** có **trạng-thái vô-thường**, hoặc **trạng-thái khổ**, hoặc **trạng-thái vô-ngã**.

Nếu khi hành-giả chưa thấy được **đối-tượng santipada: Niết-bàn siêu-tam-giới** thì hành-giả vẫn còn có **đối-tượng sắc-pháp**, hoặc **danh-pháp tam-giới** có **trạng-thái vô-thường**, hoặc **trạng-thái khổ**, hoặc **trạng-thái vô-ngã**.

Hành-giả tiếp tục thực hành như vậy, bởi vì **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* này phát sinh càng lâu thì càng có nhiều năng lực đặt **tâm trung-dung** giữa mọi **sắc-pháp**, mọi **danh-pháp tam-giới**.

Ba trí-tuệ-thiền-tuệ cùng mục đích

Ba trí-tuệ-thiền-tuệ có cùng mục đích giống nhau là:

1- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatā-ñāṇa* thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm-chán tột độ, nên chỉ mong giải thoát khỏi mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới mà thôi.

2- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại đây đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, để tìm ra phương pháp giải thoát khỏi mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

3- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng **thật-tánh** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã; nên đặt **tâm trung-dung** giữa tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, vì vậy mới có khả năng đặc biệt quyết định phương pháp thực hành để giải thoát khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Như vậy, 3 trí-tuệ-thiền-tuệ này đều giống nhau về phạm sự, về mục đích giải thoát khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, nhưng

chỉ có khác nhau về *thời gian qua ba giai đoạn*:

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa ở giai đoạn đầu.*

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupāsanañāṇa ở giai đoạn giữa.*

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa ở giai đoạn cuối.*

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa***, nên có những tính chất đặc biệt như sau:

- *Hành-giả không thoái chí nản lòng, chỉ có quyết tâm kiên trì thực hành pháp-hành thiền-tuệ để mong chứng ngộ chân-lý tứ **Thánh-đế**, chứng đắc **Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn**, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.*

Hành-giả có 5 pháp đặc biệt là:

1- ***Bojjaṅgavisesa***: *Pháp đặc biệt thất-giác-chi: niệm giác-chi, phân-tích giác-chi, tinh-tần giác-chi, hỷ giác-chi, tịnh giác-chi, định giác-chi, xả giác-chi. Đó là 7 pháp-giác-chi hỗ trợ chứng ngộ chân-lý tứ **Thánh-đế**, chứng đắc **Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn**.*

2- ***Maggāṅgavisesa***: *Pháp đặc biệt bát-chánh-đạo: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tần,*

chánh-niệm, chánh-định. Đó là 8 pháp-chánh-đạo hỗ trợ trực tiếp chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc **Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn**, diệt tận đượ mọi tham-ái, mọi phiền-não.

3- **Jhānaṅgavisesa**: Pháp đặc biệt chi-thiền Jhāna nghĩa là **định-tâm** trong đối-tượng, có 2 loại định:

- *Lakkhaṇūpanijjhāna*: Định-tâm trong mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; để trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

- *Ārammanūpanūpanijjhāna*: Định-tâm trong đề-mục thiền-định.

4- **Paṭipadāvisesa**: Pháp-hành đặc biệt có 4 pháp-hành:

- *Dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā*: Thực hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

- *Dukkhāpaṭipadā khippābhiññā*: Thực hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

- *Sukhāpaṭipadā dandhābhiññā*: Thực hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

- *Sukhāpaṭipadā khippābhiññā*: Thực hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

Nguyên nhân của mỗi pháp-hành

* Do nguyên nhân nào mà hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả?

Do 10 vipassanupakkilesa: Pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh xen vào làm trở ngại cho hành-giả đang thực hành pháp-hành thiền-tuệ khó phát triển.

Khi hành-giả thực hành khó nhọc mới thoát ra khỏi 10 pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāññāna phát sinh gần chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả vẫn còn chút trở ngại mới chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

Vì vậy, gọi là “*dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā*: thực hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả”.

* Do nguyên nhân nào mà hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả?

Do hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng thoát ra khỏi 10 vipassanupakkilesa: pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ, và đến khi trí-

tuệ-thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñña phát sinh gần chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* cũng dễ dàng chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả*.

Vì vậy, gọi là “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*: thực hành pháp-hành dễ dàng, mau chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả*”.

- Đối với chư *Phật* chỉ có điều thứ 4 là “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*” thực hành pháp-hành thiên-tuệ dễ dàng, mau chứng đắc 4 *Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* mà thôi.

- Đối với Ngài *Đại-trưởng-lão Sāriputta* chứng đắc 4 *Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* thuộc về pháp-hành thứ 4 “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*”.

- Đối với Ngài *Đại-trưởng-lão Mahāmoggallāna* khi chứng đắc *Sotāpattimagga, Sotāpattiphala* thuộc về pháp-hành thứ 4 “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*”, nhưng đến khi chứng đắc 3 *Thánh-đạo* và 3 *Thánh-quả bậc cao* thuộc về pháp-hành thứ nhất “*dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā*”.

- Đối với các hành-giả khác thành tựu 1 trong 4 pháp-hành tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

5- *Vimokkhavisesa*: Pháp đặc biệt *vimokkha* có 3 pháp:

- *Animittavimokkha*: Vô-hiện-tượng giải-thoát là giải thoát khỏi mọi pháp-hữu-vi tam-giới

(animitta), chứng ngộ Niết-bàn **animittanibbāna**: vô-hiện-tượng Niết-bàn.

- *Appanīhitavimokkha*: Vô-tham-ái giải thoát là giải thoát khỏi tham-ái trong mọi pháp-hữu-vi tam-giới (*appanīhita*), chứng ngộ Niết-bàn **appanīhitanibbāna**: vô-tham-ái Niết-bàn.

- *Suññatavimokkha*: Chơn-không-vô-ngã giải-thoát là giải thoát khỏi chấp ngã trong mọi pháp-hữu-vi tam-giới (*suññata*), chứng ngộ Niết-bàn **suññatanibbāna**: chơn-không-vô-ngã Niết-bàn.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 dõĩ theo 3 loại **anupassanā** cơ bản là:

- *Aniccānupassanā*: Dõĩ theo trạng-thái vô-thường.
- *Dukkhānupassanā*: Dõĩ theo trạng-thái khổ.
- *Anattānupassanā*: Dõĩ theo trạng-thái vô-ngã.

Khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* dõĩ theo 3 loại **anupassanā** này liên quan đến 3 loại **indriya**, có khả năng đạt đến 3 pháp-giải-thoát **vimokkha**, chứng ngộ 3 loại **Nibbāna**, chứng đắc thành bậc **Thánh-nhân ariyapuggala** phân định 7 nhóm **Thánh-nhân** trong Phật-giáo.

* Hành-giả đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* này có một tiềm lực lớn có khả năng đặc biệt quyết định chọn phương pháp thực hành để giải thoát khổ khỏi tam-giới:

- Bảng 1 trong 3 pháp-chủ **indriya**: *saddhindriya, samādhindriya, paññindriya*.

- Bảng 1 trong 3 **anupassanā**: *aniccānupassanā, dukkhānupassanā, anattānupassanā*.

- Bảng 1 trong 3 **sāmaññalakkhaṇa**: *aniccalakkhaṇa, dukkhalakkhaṇa, anattālakkaṇa*.

- Bảng 1 trong 3 pháp-giải-thoát **vimokkha**: *animittavimokkha, appaṇihitavimokkha, suññatavimokkha*.

- Bảng 1 trong 3 loại **nibbāna**: *animittanibbāna, appaṇihitanibbāna, suññatanibbāna*.

*** Phân-định 7 nhóm Thánh-nhân:**

1- Nhóm Thánh-nhân *Saddhānusārī*.

2- Nhóm Thánh-nhân *Saddhāvimutta*.

3- Nhóm Thánh-nhân *Kāyasakkhi*.

4- Nhóm Thánh-nhân *Ubhatobhāgavimutta*.

5- Nhóm Thánh-nhân *Dhammānusārī*.

6- Nhóm Thánh-nhân *Diṭṭhipattā*.

7- Nhóm Thánh-nhân *Paññāvimutta*.

1- Nếu hành-giả nào là hạng người có **đức-tin trong sạch** đặc biệt thì **saddhindriya**: *tín pháp-chủ* có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (*tán pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*); dõi theo **aniccānupassanā**, thấy rõ, biết rõ **aniccalakkhaṇa**: *trạng-thái vô-thường*; dẫn đến pháp-giải-thoát **animittavimokkha**: *vô-hiện-tượng*

giải-thoát là giải thoát khổ khỏi mọi pháp hữu-vi tam-giới (*animitta*); chứng ngộ Niết-bàn **animittanibbāna**: vô-hiện-tượng Niết-bàn, hành-giả ấy chứng đắc **Thánh-đạo, Thánh-quả** như sau:

- Chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo** thuộc về nhóm **Saddhānusārī**: Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc với đức-tin trong sạch.

- Chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả** gồm có 7 bậc Thánh-nhân thuộc về nhóm **Saddhāvimutta**: Bậc Thánh-nhân giải thoát với đức-tin trong sạch.

2- Nếu hành-giả nào là hạng người có **định-tâm vững chắc** đặc biệt thì **samādhindriya**: định pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, tuệ pháp-chủ); dõng theo **dukkhānupassanā**, thấy rõ, biết rõ **dukkhalakkhaṇa**: trạng-thái khổ; dẫn đến pháp-giải-thoát **appaṇihitavimokkha**: vô-tham-ái giải thoát là giải thoát khổ khỏi tham-ái trong mọi pháp-hữu-vi tam-giới (*appaṇihita*); chứng ngộ Niết-bàn **appaṇihitanibbāna**: vô-tham-ái Niết-bàn, hành-giả ấy chứng đắc **Thánh-đạo, Thánh-quả** như sau:

- Chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả** gồm có 8 bậc Thánh-nhân đều thuộc về nhóm

Kāyasakki: Bậc Thánh-nhân trước có các bậc thiên sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng, sau thực hành pháp-hành thiên-tuệ, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.

- Nếu hành-giả, trước đã chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, sau đó thực hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả thì thuộc về nhóm **Ubhatobhāgavimutta:** Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát cả 2 pháp: đệ-tứ-thiên vô-sắc-giới thiện-tâm và A-ra-hán-Thánh-đạo, A-ra-hán-Thánh-quả.

3- Nếu hành-giả nào là hạng người có trí-tuệ siêu-việt đặc biệt thì **paññindriya:** tuệ pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ); đôi theo **anattānupassanā**, thấy rõ, biết rõ **anattālakkaṇa:** trạng-thái vô-ngã; dẫn đến pháp-giải-thoát **suññatavimokkha:** chơn-không giải-thoát là giải thoát khỏi khỏi mọi pháp-hữu-vi tam-giới; chứng ngộ Niết-bàn **suññatanibbāna:** chơn-không Niết-bàn, hành-giả ấy chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:

- Chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo** thuộc về nhóm **Dhammānusārī:** Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc với trí-tuệ-siêu-việt.

- Chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai**

Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo gồm có 6 bậc *Thánh-nhân* này thuộc về nhóm ***Diṭṭhipattā***: Bậc *Thánh-nhân* giải thoát bằng trí-tuệ-siêu-việt.

- Chứng đắc *A-ra-hán Thánh-quả* thuộc về nhóm ***Paññāvimutta***: Bậc *Thánh A-ra-hán* giải thoát với trí-tuệ-siêu-việt (không có bậc thiền nào làm nền tảng).

Bảy nhóm Thánh-nhân theo 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả

Phân loại 7 ***nhóm Thánh-nhân*** tương xứng với 8 bậc *Thánh-nhân* như sau:

1- Nhóm *Thánh-nhân* ***Saddhānusārī*** có 1 bậc *Thánh Nhập-lưu* chứng đắc với đức-tin trong sạch.

2- Nhóm *Thánh-nhân* ***Dhammānusārī*** có 1 bậc *Thánh Nhập-lưu* chứng đắc với trí-tuệ siêu-việt.

3- Nhóm *Thánh-nhân* ***Diṭṭhipattā*** gồm có 6 bậc *Thánh-nhân* giải thoát với trí-tuệ-siêu-việt, đó là *Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo*.

4- Nhóm *Thánh-nhân* ***Saddhāvimutta*** gồm có 7 bậc *Thánh-nhân* giải thoát với đức-tin trong sạch, đó là *Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai-Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-*

đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

5- Nhóm Thánh-nhân **Kāyasakkhi** gồm có 8 bậc Thánh-nhân: trước có các bậc thiên sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng, sau thực hành pháp-hành thiên-tuệ, dẫn đến chứng đắc đầy đủ 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.

6- Nhóm Thánh-nhân **Ubhatobhāgavimutta** có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng cả 2 pháp: đệ-tứ-thiên vô-sắc-giới thiện-tâm và A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

7- Hạng Thánh-nhân **Paññāvimutta** có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng trí-tuệ-siêu-việt (không có bậc thiên nào làm nền tảng).

Đối-tượng trước Thánh-đạo-lộ-trình-tâm

Trong bộ *Visuddhimagga*, phần *saṅkhārupekkhāñāna* trình bày nhiều trường hợp hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ ban đầu có đối-tượng tứ-niệm-xứ **thân, thọ, tâm, pháp** hoặc đối-tượng thiên-tuệ khi thì **sắc-pháp**, khi thì **danh-pháp tam-giới** khác nhau, trí-tuệ-thiên-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới. Những trí-tuệ-

thiền-tuệ phát sinh theo tuần tự cho đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* có những *đối-tượng thiền-tuệ tam-giới* không chắc chắn, có thể thay đổi *đối-tượng thiền-tuệ* theo mỗi **lộ-trình-tâm** trước khi **Thánh-đạo lộ-trình-tâm** (*Maggavīthīcitta*) có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* phát sinh.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañāṇa* trong **Thánh-đạo lộ-trình-tâm** (*Maggavīthīcitta*), có *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới chắc chắn*, không thay đổi, đó là *đối-tượng sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới*; có **1 trong 3 trạng-thái-chung** là *trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khổ*, hoặc *trạng-thái vô-ngã*; có **1 trong 3 pháp-chủ** là *tín pháp-chủ*, hoặc *định pháp-chủ*, hoặc *tuệ pháp-chủ* tùy theo năng lực *pháp-chủ* đặc biệt của hành-giả.

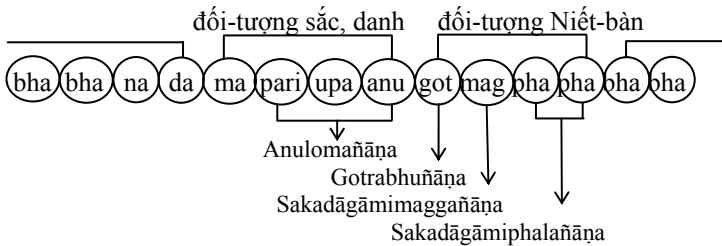
Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhārupekkhāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** phát sinh tiếp theo.

12- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 Saccānulomañāṇa

Nhóm 5 vị tỳ-khuru vốn dĩ đều là bậc Thánh Nhập-lưu tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* có nhiều năng lực làm nhân-duyên phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa*

trong *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Sakadāgāṃimaggavāthiccita*).

Đồ biểu Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Sakadāgāṃimaggavāthiccita*)



Giải thích Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm

- 1- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm trước, viết tắt (*bha*)
- 2- *Bhavaṅgalana*: Hộ-kiếp-tâm rung động, vt (*na*)
- 3- *Bhavaṅgupaccheda*: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt, vt (*da*)
- 4- *Manodvāravajjanacitta*: Ý-môn hướng-tâm, vt (*ma*)
- 5- *Parikamma*: Tâm chuẩn bị Thánh-đạo-tâm, vt (*pari*)
- 6- *Upacāra*: Tâm cận Thánh-đạo-tâm, vt (*upa*)
- 7- *Anuloma*: Tâm thuận dòng trước-sau, vt (*anu*)
- 8- *Gotrabhu*: Tâm chuyển dòng phàm-nhân, vt (*got*)
- 9- *Sakadāgāṃimaggacitta*: Nhất-lai Thánh-đạo-tâm, vt (*mag*)
- 10- *Sakadāgāṃiphala*: Nhất-lai Thánh-quả-tâm, vt (*pha*)
- 11- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm sau, viết tắt (*bha*).

Chấm dứt Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

Xem xét Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm kể

từ *Manodvāravajjanacitta*: ý-môn hướng-tâm phát sinh 1 sát-na tiếp nhận đối-tượng **sắc-pháp** hoặc đối-tượng **danh-pháp tam-giới** có 1 trong 3 trạng-thái-chung là trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã làm đối-tượng sinh rồi diệt, làm duyên cho *javanacitta*: tác-hành-tâm phát sinh liên tục gồm có 7 **sát-na-tâm** là:

1- **Sát-na-tâm thứ nhất** gọi là *parikamma*: chuẩn-bị-tâm cho Nhất-lai Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm, có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng giống như ý-môn hướng-tâm, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau.

2- **Sát-na-tâm thứ nhì** gọi là *upacāra*: cận-tâm gần Nhất-lai Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm, có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng giống như ý-môn hướng-tâm, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau.

3- **Sát-na-tâm thứ ba** gọi là *anuloma*: tâm-thuận-dòng trước và sau phát sinh 1 sát-na-tâm có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng giống như ý-môn hướng-tâm, sinh rồi diệt làm duyên cho sát-na-tâm sau.

(3 sát-na-tâm trên gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañña*.)

4- **Sát-na-tâm thứ 4** gọi là *gotrabhu*⁽¹⁾: **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** gọi là *gotrabhuñña* làm

¹ Bộ sách khác, gọi là “**Vodāna**” cho 3 Thánh-nhân bậc cao.

phận sự *chuyển* dòng từ bậc Thánh Nhập-lưu lên dòng bậc Thánh Nhất-lai phát sinh 1 sát-na-tâm. Tuy tâm này còn là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* mở đầu sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

5- **Sát-na-tâm thứ 5** gọi là **Magga**: Thánh-đạo-tâm có *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Maggañāṇa*: Thánh-đạo-tuệ đó là Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ trong **Nhất-lai Thánh-đạo-tâm** phát sinh chỉ 1 sát-na-tâm có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, có khả năng đặc biệt diệt tận được (*samucchedappahāna*) **tham-ái** loại thô cõi *dục-giới* trong 4 *tham-tâm* không hợp với tà-kiến; diệt tận được **2 loại phiền-não** là **lobha**: tham loại thô trong cõi *dục-giới* và **dosa**: sân loại thô không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

6-7- **Sát-na-tâm thứ 6, thứ 7** gọi là **Phala**: Thánh-quả-tâm có *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa*: Thánh-quả-tuệ đó là Nhất-lai Thánh-quả-tuệ trong **Nhất-lai Thánh-quả-tâm** phát sinh 2 sát-na-tâm có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* có phận-sự làm an-tĩnh *phiền-não* mà **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** đã diệt tận được, sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

* *Hộ-kiếp-tâm* sau *bhavaṅgacitta* chấm dứt **Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm**.

Như vậy, trong *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Sakadāgāmimaggavīthiccita*) có 7 sát-na-tâm (*javanacitta*) đặc biệt có 2 loại tâm, 2 loại đối-tượng, 4 loại trí-tuệ-thiền-tuệ như sau:

*** 2 loại tâm**

- **Dục-giới thiện-tâm** hợp với trí-tuệ có 4 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ nhất gọi là **parikamma**, sát-na-tâm thứ nhì gọi là **upacāra**, sát-na-tâm thứ 3 gọi là **anuloma**, sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu**.

- **Siêu-tam-giới-tâm** có 3 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ 5 gọi là **Sakadāgāmimaggacitta** thuộc về siêu-tam-giới thiện-tâm; và sát-na-tâm thứ 6, và thứ 7 gọi là **Sakadāgāmiphacitta** thuộc về siêu-tam-giới quả-tâm.

*** 2 loại đối-tượng**

- **Đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới** (*lokiya-ārammaṇa*) có 3 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ nhất gọi là **parikamma**, sát-na-tâm thứ nhì gọi là **upacāra**, sát-na-tâm thứ 3 gọi là **anuloma**.

- **Đối-tượng danh-pháp Niết-bàn** siêu-tam-giới (*lokuttara-ārammaṇa*) có 4 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu**, sát-na-tâm thứ 5 gọi là **Sakadāgāmimaggacitta**, sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là **Sakadāgāmiphacitta**.

Tuy nhiên, sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu**

là 1 sát-na-tâm đặc biệt, tuy tâm còn là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

*** Bốn loại trí-tuệ-thiên-tuệ**

- *Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa.*
- *Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa.*
- *Trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Maggañāṇa.*
- *Trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa.*

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa có 3 sát-na-tâm đầu:

- *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là *parikamma*: tâm chuẩn bị cho *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

- *Sát-na-tâm thứ nhì* gọi là *upacāra*: *cận-tâm* gần với *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm, sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

- *Sát-na-tâm thứ ba* gọi là *anuloma*: *tâm-thuận-dòng* 8 loại *trí-tuệ-thiên-tuệ* trước và *thuận-dòng* 37 pháp *bodhipakkhiyadhamma* sau phát sinh 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, đồng thời diệt ***buông bỏ*** đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới.

3 sát-na-tâm này gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañña*, trí-tuệ này có 2 phận sự:

- Thuận dòng theo 8 trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước kể từ **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñña*** cho đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāñña*** đã được thuần thục có nhiều năng lực, để có khả năng dẫn đến chứng ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế**, chứng đắc **Nhất-lai Thánh-đạo-tâm**.

- Thuận dòng theo **37 pháp *bodhipakkhiyadhamma*** phần sau chắc chắn dẫn đến chứng ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế**, chứng đắc **Nhất-lai Thánh-đạo-tâm**, **Nhất-lai Thánh-quả-tâm**.

Giải giải *saccānulomañña*: sacca+anuloma

1- Sacca: **chân-lý tứ Thánh-đế** là 4 sự thật **chân-lý** mà **bậc Thánh-nhân** đã chứng ngộ đó là:

- **Khổ-Thánh-đế** (*dukkha-ariyasacca*) đó là 81 **tam-giới-tâm** (trừ 8 **siêu-tam-giới-tâm**), 51 **tâm-sở** (trừ **tham tâm-sở**) và 28 **sắc-pháp**, gọi là **khổ-Thánh-đế**, hoặc tóm lại là **ngũ-uẩn chấp-thủ**.

- **Nhân sinh khổ-Thánh-đế** (*dukkhasamudaya-ariyasacca*) đó là **tham tâm-sở** (*lobhacetāsika*).

- **Diệt khổ-Thánh-đế** (*dukkhanirodha-ariyasacca*) đó là **Niết-bàn** (*Nibbāna*).

- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** (*dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca*) đó

là **pháp-hành bát-chánh-đạo**: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.

2- Anuloma: Thuận dòng theo **8 loại trí-tuệ-thiên-tuệ** phần trước, và thuận dòng theo **37 pháp bodhipakkhiyadhamma** phần sau.

2.1- Thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ-thiên-tuệ phần trước đó là:

- 1- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāññāna.
- 2- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāññāna.
- 3- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānaññāna.
- 4- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāññāna.
- 5- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāññāna.
- 6- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāññāna.
- 7- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāññāna.
- 8- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāññāna.

2.2- Thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma chứng đắc Thánh-đạo phần sau là:

* **Satipaṭṭhāna**: 4 pháp-niệm-xứ

- *Thân niệm-xứ.* - *Thọ niệm-xứ.*
- *Tâm niệm-xứ.* - *Pháp niệm-xứ.*
- * **Samappadhāna:** 4 pháp-tinh-tấn
 - *Tinh-tấn ngăn ác-pháp chưa sinh, không sinh.*
 - *Tinh-tấn diệt ác-pháp đã sinh.*
 - *Tinh tấn làm cho thiện-pháp sinh.*
 - *Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã sinh.*
- * **Iddhipāda:** 4 pháp-thành-tựu
 - *Thành-tựu do hài lòng.*
 - *Thành-tựu do tinh-tấn.*
 - *Thành-tựu do quyết tâm.*
 - *Thành-tựu do trí-tuệ.*
- * **Indriya:** 5 pháp-chủ
 - *Tín pháp-chủ.* - *Tấn pháp-chủ.*
 - *Niệm pháp-chủ.* - *Định pháp-chủ.*
 - *Tuệ pháp-chủ.*
- * **Bala:** 5 pháp-lực
 - *Tín pháp-lực.* - *Tấn pháp-lực.*
 - *Niệm pháp-lực.* - *Định pháp-lực.*
 - *Tuệ pháp-lực.*
- * **Bojjhaṅga:** 7 pháp-giác-chi
 - *Niệm giác-chi.* - *Phân-tích giác-chi.*
 - *Tinh-tấn-giác-chi.* - *Hỷ giác-chi.*
 - *Tịnh giác-chi.* - *Định giác-chi.*
 - *Xả giác-chi.*

* **Magga**: 8 pháp-chánh-đạo

- Chánh-kiến. - Chánh-tư-duy.
- Chánh-ngữ. - Chánh-nghiệp.
- Chánh-mạng. - Chánh-tinh-tấn.
- Chánh-niệm. - Chánh-định.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañāna* là trí-tuệ-thiền-tuệ có đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới cuối cùng trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Maggavīthiccitta*), cũng là trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới cuối cùng trong **pháp-thanh-tịnh thứ 6** gọi là *paṭipadāññadassanavisuddhi* pháp-hành tri-kiến-thanh-tịnh gồm có 9 loại trí-tuệ thiền-tuệ là:

- 1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāna* đã thoát khỏi 10 bản của trí-tuệ-thiền-tuệ.
- 2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāna*.
- 3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāna*.
- 4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāna*.
- 5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāñāna*.
- 6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 *muñcītukamyatāñāna*.
- 7- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāna*.
- 8- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāñāna*.

9- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa.*

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa còn có 2 phạm sự cuối cùng của sắc-pháp hoặc danh-pháp trong tam-giới như sau:

- Phạm sự cuối cùng thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới, rồi buông bỏ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

- Phạm sự cuối cùng **diệt-tùng-thời** (*tadaṅgapahāna*) được các phiền-não làm ô nhiễm che phủ sự thật chân-lý **tứ Thánh-đế** nhờ 37 pháp *bodhipakkhiyadhamma*, để cho Thánh-đạo-tâm (*Maggacitta*) sẽ phát sinh.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa sinh rồi diệt, làm nền tảng, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevanapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanissayapaccaya*: tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: ly-duyên, để **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa** phát sinh liền tiếp theo sau.

13- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 Gotrabhuñāṇa

Trong cùng Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Sakadāgāmimagga-vīthicitta*) có 7 sát-na-tâm *javanacitta*, theo tuần tự:

- **Sát-na-tâm thứ 4** gọi là **gotrabhu: trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** gotrabhuñāṇa trong **dục-giới thiện-tâm** hợp với **trí-tuệ** có khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới mở đầu, làm phân sự chuyển-dòng từ **bậc Thánh Nhập-lưu** lên **dòng bậc Thánh Nhất-lai** như thế nào?

Ví dụ: Một người nhận thức thấy rõ, biết rõ bờ bên này đầy nguy hiểm, còn bờ bên kia là an toàn, an-lạc tuyệt đối, nên người ấy tìm phương pháp sang bờ bên kia cho được an toàn, an-lạc tuyệt đối.

Người ấy cột sợi dây trên cành cây cao (hoặc cầm cây sào), rồi chạy nhanh lấy trón, nắm đầu sợi dây nhảy tung người lên cao, lao người qua bờ bên kia, rồi buông sợi dây, đứng vững trên bờ bên kia an toàn, vẫn còn bờ ngõ như thế nào.

Cũng như vậy, hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ đã nhận thức thấy rõ, biết rõ **3 giới: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới** này như 3 hầm lửa than hồng cháy đỏ vô cùng nóng nẩy đang thiêu đốt tất cả mọi chúng-sinh trong 4 loài: **thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh**, phải chịu mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên chỉ muốn chứng ngộ **Niết-bàn** giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi, được an toàn, an-lạc tuyệt đối mà thôi.

Hành-giả chạy lấy trốn từ **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa*, v.v... nắm sợi dây đó là 1 trong 5 uẩn chấp-thủ hoặc sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới, có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng là trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã, đến khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* phát sinh trong Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm có 7 sát-na-tâm *javanacitta*: tác-hành-tâm phát sinh theo tuần tự.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* có 3 sát-na-tâm đầu:

- **Sát-na-tâm thứ nhất** gọi là *parikamma* phát sinh lấy trốn tung người lên cao rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo.

- **Sát-na-tâm thứ nhì** gọi là *upacāra* phát sinh lao người qua gần bờ bên kia là Niết-bàn siêu-tam-giới rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo.

- **Sát-na-tâm thứ ba** gọi là *anuloma* phát sinh sắp đến sát bờ bên kia là Niết-bàn siêu-tam-giới, nên buông bỏ sợi dây đó là **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới** có 1 trong 3 trạng-thái-chung rồi diệt, đồng thời **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* đã hoàn thành xong phận sự rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo.

- **Sát-na-tâm thứ 4** gọi là **gotrabhu** phát sinh đứng bên bờ kia là **Niết-bàn siêu-tam-giới**, an toàn, an-lạc tuyệt đối, gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa** trong **dục-giới thiện-tâm** hợp với **trí-tuệ** tiếp nhận **đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu, làm phận sự chuyển dòng từ **bậc Thánh Nhập-lưu** lên **dòng bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmi)**.

Như vậy, hành-giả vẫn còn là **bậc Thánh Nhập lưu** dù cho **dục-giới thiện-tâm** hợp với **trí-tuệ** đặc biệt có **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**.

* **Tính chất Gotrabhuñāṇa**

Gotrabhuñāṇa trong 4 **Thánh-đạo lộ-trình-tâm** có phận sự:

- Chuyển dòng từ **bậc thiện-trí phàm-nhân** lên **dòng bậc Thánh Nhập-lưu**.

- Chuyển dòng từ **bậc Thánh Nhập-lưu** lên **dòng bậc Thánh Nhất-lai**.

- Chuyển dòng từ **bậc Thánh Nhất-lai** lên **dòng bậc Thánh Bất-lai**.

- Chuyển dòng từ **bậc Thánh Bất-lai** lên **dòng bậc Thánh A-ra-hán cao thượng**.

Anulomañāṇa và Gotrabhuñāṇa

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa** là 2

trí-tuệ-thiền-tuệ cùng trong *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Sakadāgāmimaggavīthicitta*). Hai *trí-tuệ-thiền-tuệ* này có pháp giống nhau và khác nhau như sau:

* *Xét về tâm: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* với *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa* cùng có *duc-giới thiện-tâm hợp* với *trí-tuệ* làm *phận-sự* trong *javanacitta* hoàn toàn giống nhau trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

* *Xét về đối-tượng: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* với *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa* có *đối-tượng* hoàn toàn khác nhau trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* có *đối-tượng sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới* có *1* trong *3 trạng-thái*: *trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khổ* hoặc *trạng-thái vô-ngã*.

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa* có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, không có *trạng-thái* nào cả.

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* có khả năng đặc biệt làm tan biến màn vô-minh che phủ sự thật chân-lý Thánh-đế, nhưng không có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa* có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-*

pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, nhưng không có khả năng làm tan biến màn vô-minh che phủ sự thật chân-lý tứ Thánh-đế.

* **Vuṭṭhānagāminīvipassanā**: Trí-tuệ-thiền-tuệ dẫn đến thoát khỏi đối-tượng thiền-tuệ tam-giới (*lokiya ārammaṇa*: sắc-pháp, danh-pháp tam-giới) và thoát khỏi trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (*lokiyavipassanāñāṇa*), có 2 loại trí-tuệ-thiền-tuệ:

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* là trí-tuệ-thiền-tuệ cuối cùng của đối-tượng sắc-pháp, hoặc danh-pháp tam-giới (*lokiya ārammaṇa*) tiếp theo sau là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 *gotrabhuñāṇa* có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới (*lokuttara ārammaṇa*).

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* là trí-tuệ-thiền-tuệ cuối cùng của trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (*lokiyavipassanā*), tiếp theo sau là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 (*lokuttaravipassanāñāṇa*) gọi là *Maggañāṇa*: Thánh-đạo-tuệ.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, mở đầu làm phận sự chuyển dòng từ bậc Thánh Nhập-lưu sang dòng bậc Thánh Nhất-lai.

Cho nên, **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* là trí-tuệ-thiền-tuệ cuối cùng của trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (*lokiyavipassanā*) không ghép

vào *pháp-thanh-tịnh thứ 6 paṭipadāñāṇadas-sanavisuddhi* thuộc về *lokiyavisuddhi*: *pháp-thanh-tịnh tam-giới*, bởi vì *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13* này không thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*.

Và *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13* *gotrabhuñāṇa* cũng không ghép vào *pháp-thanh-tịnh thứ 7 ñāṇadassanavisuddhi* thuộc về *lokuttaravisuddhi* *pháp-thanh-tịnh siêu-tam-giới*, bởi vì *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13* này không có khả năng diệt tận được phiền-não.

Vì vậy, *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13* *gotrabhuñāṇa* này ở khoảng giữa *pháp-thanh-tịnh thứ 6 paṭipadāñāṇadassanavisuddhi* và *pháp-thanh-tịnh thứ 7 ñāṇadassanavisuddhi*.

* *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13* *gotrabhuñāṇa* này đặc biệt có đối-tượng *danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* mở đầu sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevanapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanis-sayapaccaya*: tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: ly-duyên, để *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14* phát sinh liền tiếp theo sau.

**14- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14
Maggāñāṇa**

**15- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15
Phalañāṇa**

Trong cùng *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Maggavīthiccitta*) có 7 sát-na-tâm javanacitta:

- **Sát-na-tâm thứ 5** gọi là **Magga**: *Thánh-đạo-tâm* đó là *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm*, trí-tuệ trong *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** *Sakadāgāmimaggañāṇa*: *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ*.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* đồng sinh với *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* này có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, có *phận sự diệt tận* được **tham-ái** loại thô trong cõi dục-giới, và **2 loại phiền-nã** là **lobha**: *tham loại thô cõi dục-giới* trong 4 *tham-tâm không hợp với tà-kiến* và **dosa**: *sân loại thô không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên* (*paccaya*), có 6 *duyên* là *anantarapaccaya*: *liên-tục-duyên*, *samanantarapaccaya*: *liên-tục-hệ-duyên*, *āsevanapaccaya*: *tác-hành-duyên*, *upanissaya-paccaya*: *tiềm-năng-duyên*, *natthipaccaya*: *vô-hiện-duyên*, *vigatapaccaya*: *ly-duyên*, để **Nhất-lai Thánh-quả-tâm** phát sinh liền tiếp theo sau.

- **Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7** gọi là **Phala**: **Phalacitta**: *Thánh-quả-tâm* đó là *Nhất-lai Thánh-*

quả-tâm, trí-tuệ trong Nhất-lai Thánh-quả-tâm gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** *Sakadāgāmiphalañāṇa*: Nhất-lai Thánh-quả-tuệ.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Nhất-lai Thánh-quả-tuệ** đồng sinh với Nhất-lai Thánh-quả-tâm có 2 sát-na-tâm là thứ 6 và thứ 7 có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-não mà Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được rồi, đồng thời chấm dứt Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai** (*Sakadāgāmī*) trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng.

16- Trí-tuệ thứ 16 *Paccavekkhaṇaṇāṇa*

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 16 *paccavekkhaṇaṇāṇa* làm phận sự quán triệt 5 điều:

- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng ngộ Niết-bàn lần thứ nhì.

- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo-tâm.

- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc Nhất-lai Thánh-quả-tâm.

- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã diệt tận **tham-ái** loại thô cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến; và 2 loại phiền-não là **lobha**: tham loại thô trong cõi dục-giới và **dosa**: sân loại thô không còn dư sót.

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: chưa diệt tận được 8 loại phiền-não còn lại là lobha: tham, dosa: sân, moha: si, māna: ngã-mạn, thina: buồn-chán, uddhacca: phóng-tâm, ahirika: không biết hổ-thẹn tội-lỗi, anottappa: không biết ghê-sợ tội-lỗi.*

Bậc Thánh Nhất-lai là bậc Thánh-nhân thứ nhì trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiên-tuệ mà hành-giả đã thực hành đúng theo pháp-hành trung-đạo.

Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi)

* Nhóm 5 vị tỳ-khưu Thánh Nhất-lai tiếp tục thực hành pháp-hành thiên-tuệ, bắt đầu từ **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi danh-pháp, mỗi sắc-pháp hiện-tại do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt**; nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Và tiếp theo trí-tuệ-thiên-tuệ phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

-Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa.

-Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa.

-Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.

-Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9* *muñcitukamyatāñāṇa*.

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10* *paṭisañkhānupassanāñāṇa*.

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11* *sañkhārupekkhāñāṇa*.

Tiếp theo *Bát-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Anāgāmi maggavāthiccitta*) có 7 sát-na tác-hành-tâm (*javanacitta*) phát sinh theo tuần tự.

Trong *Bát-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có 7 sát-na-tâm *javanacitta*:

* **3 sát-na-tâm đầu** gọi là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12* *saccānulomañāṇa* làm ba phận sự:

- ***Sát-na-tâm thứ nhất*** gọi là *parikamma*: chuẩn-bị-tâm cho *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

- ***Sát-na-tâm thứ nhì*** gọi là *upacāra*: tâm-cận với *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

- ***Sát-na-tâm thứ ba*** gọi là *anuloma*: tâm-thuận-dòng theo 8 trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp *bodhipakkhiyadhamma* phần sau, để dẫn đến chứng đắc *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt; đồng thời ***buông bỏ đối-tượng sắc-pháp*** hoặc ***danh-pháp tam-giới***, có 1

trong 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã, làm duyên cho sát-na-tâm sau.

* **Sát-na-tâm thứ 4** gọi là **gotrabhu** ⁽¹⁾ tâm-chuyển-dòng từ bậc Thánh Nhất-lai lên dòng bậc Thánh Bát-lai gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau.

* **Sát-na-tâm thứ 5** gọi là **Magga**: Thánh-đạo-tâm đó là **Bát-lai Thánh-đạo-tâm**, trí-tuệ trong **Bát-lai Thánh-đạo-tâm** gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Anāgāmicaggañāṇa**: **Bát-lai Thánh-đạo-tuệ**.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** **Bát-lai Thánh-đạo-tuệ** đồng sinh với **Bát-lai Thánh-đạo-tâm** này có **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, có phận sự diệt tận được **tham-ái** loại vi-tế cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và diệt tận được **1 loại phiền-não** là **dosa**: sân loại vi-tế trong 2 sân-tâm không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevanapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanis-*

¹ Bộ sách khác, gọi là “Vodāna” cho 3 Thánh-nhân bậc cao.

*sayapaccaya: tiềm-năng-duyên, natthipaccaya: vô-hiện-duyên, vigatapaccaya: lý-duyên, để **Bất-lai Thánh-quả-tâm** phát sinh liền tiếp theo.*

** **Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7** gọi là **Phala: Phalacitta** đó là **Bất-lai Thánh-quả-tâm, trí-tuệ** trong **Bất-lai Thánh-quả-tâm** gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Anāgāmi-phalañāṇa: Bất-lai Thánh-quả-tuệ.***

*- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Bất-lai Thánh-quả-tuệ** đồng sinh với **Bất-lai Thánh-quả-tâm** có 2 **sát-na-tâm** thứ 6 và thứ 7 có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-não mà **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** đã diệt tận được rồi diệt, đồng thời chấm dứt **Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm**, trở thành **bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi)** trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng.*

** **Trí-tuệ thứ 16 Paccavekkhañāṇa: Trí-tuệ** làm phận sự quán triệt 5 điều:*

*- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng ngộ **Niết-bàn** lần thứ ba.*

*- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc **Bất-lai Thánh-đạo-tâm.***

*- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc **Bất-lai Thánh-quả-tâm.***

*- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã diệt tận được **tham-ái** loại vi-tế cõi dục-giới và **sân** loại vi-tế trong 2 sân-tâm không còn dư sót.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: chưa diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là lobha: tham, moha: si, māna: ngã-mạn, thina: buồn-chán, uddhacca: phóng-tâm, ahirika: không biết hổ-thẹn tội-lỗi, anottappa: không biết ghê-sợ tội-lỗi.*

Bậc Thánh Bất-lai là bậc Thánh-nhân thứ ba trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiên-tuệ mà hành-giả đã thực hành đúng theo pháp-hành trung-đạo.

Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)

* *Nhóm 5 vị tỳ-khưu Thánh Bất-lai tiếp tục thực hành pháp-hành thiên-tuệ, bắt đầu từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi danh-pháp, mỗi sắc-pháp hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại.*

Và tiếp theo trí-tuệ-thiền-tuệ phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.

-*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa.*

-*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanā-ñāṇa.*

-*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.*

Tiếp theo *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Arahattamaggavīthiccitta)* có 7 *sát-na tác-hành-tâm (javanacitta)* phát sinh theo tuần tự.

Trong *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có 7 *sát-na-tâm javanacitta*:

* **3 sát-na-tâm đầu** gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa** làm ba phận sự:

- **Sát-na-tâm thứ nhất** gọi là **parikamma**: *chuẩn-bị-tâm* cho *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 *sát-na-tâm* làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

- **Sát-na-tâm thứ nhì** gọi là **upacāra**: *tâm-cận* với *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 *sát-na-tâm* làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

- **Sát-na-tâm thứ ba** gọi là **anuloma**: *tâm-thuận-dòng* theo 8 *trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước* và *thuận dòng* theo 37 *pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau*, để dẫn đến chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm*, phát sinh 1 *sát-na-tâm* làm phận sự xong rồi diệt; đồng thời **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới**, có 1

trong 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã, làm duyên cho sát-na-tâm sau.

* **Sát-na-tâm thứ 4** gọi là **gotrabhu**⁽¹⁾: Tâm-chuyển-dòng từ bậc Thánh Bất-lai lên dòng bậc Thánh A-ra-hán gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau.

* **Sát-na-tâm thứ 5** gọi là **Magga**: Thánh-đạo-tâm đó là A-ra-hán Thánh-đạo-tâm, trí-tuệ trong A-ra-hán Thánh-đạo-tâm gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Arahattāmaggañāṇa**: A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với A-ra-hán Thánh-đạo-tâm này có **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, có phận sự diệt tận được **tham-ái** trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là **lobha**: tham, **moha**: si, **māna**: ngã-mạn, **thina**: buồn-chán, **uddhacca**: phóng-tâm, **ahirika**: không biết hổ-thẹn tội-lỗi, **anottappa**: không biết ghê-sợ tội-lỗi không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6

¹ Bộ sách khác, gọi là “Vodāna” cho 3 Thánh-nhân bậc cao.

duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevānapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanissayapaccaya*: tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: ly-duyên, để **A-ra-hán Thánh-quả-tâm** phát sinh liên tiếp theo.

* **Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7** gọi là **Phala**: *Phalacitta* đó là **A-ra-hán Thánh-quả-tâm**, trí-tuệ trong **A-ra-hán Thánh-quả-tâm** gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** *Arahatta-phalañāṇa*: **A-ra-hán Thánh-quả-tuệ**.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** **A-ra-hán Thánh-quả-tuệ** đồng sinh với **A-ra-hán Thánh-quả-tâm** có 2 **sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7** có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-não mà **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** đã diệt tận được rồi diệt, đồng thời chấm dứt **A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm**, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)** trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng.

* **Trí-tuệ thứ 16** *Paccavekkhaṇañāṇa*: **Trí-tuệ** làm phận sự quán triệt 4 điều:

- **Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng**: đã chứng ngộ **Niết-bàn** lần thứ tư.

- **Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng**: đã chứng đắc **A-ra-hán Thánh-đạo-tâm**.

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc A-ra-hán Thánh-quả-tâm.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã diệt tận được **tham-ái** trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và đã diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là **lobha**: tham, **moha**: si, **māna**: ngã-mạn, **thina**: buồn-chán, **uddhacca**: phóng-tâm, **ahirika**: không biết hổ-thẹn tội-lỗi, **anottappa**: không biết ghê-sợ tội-lỗi.*

Bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh-nhân thứ tư cao thượng trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiên-tuệ mà hành-giả đã thực hành đúng theo pháp-hành trung-đạo.

4 Thánh-đạo-tuệ này đạt đến *pháp-thanh-tịnh thứ 7* cuối cùng gọi là **ñāṇadassana-visuddhi**: *tri-kiến-thanh-tịnh*.

Trong Kinh *Anattalakkhaṇasutta* (Kinh trạng-thái vô-ngã), Đức-Phật thuyết dạy nhóm 5 vị tỳ-khuru rằng:

- “*Evaṃ passaṃ bhikkhave sutavā ariya-sāvako rūpasmimpi nibbindati, vedanāyapi nibbindati, saññāyapi nibbindati, saṅkhāresupi nibbindati, viññānasmimpi nibbindati.*”

Ý nghĩa

- “*Này chư tỳ-khuru! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn có trí-tuệ-thiên-*

tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của ngũ-uẩn, nên phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán trong sắc-uẩn, nhằm chán trong thọ-uẩn, nhằm chán trong tưởng-uẩn, nhằm chán trong hành-uẩn, nhằm chán trong thức-uẩn.”

Giải giải

Ngũ-uẩn là đối-tượng thiền-tuệ đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ* nghĩa là *ngũ-uẩn* là đối-tượng của 4 pháp chấp-thủ:

* *Ngũ-uẩn chấp-thủ* có 5 pháp

1- *Sắc-uẩn chấp-thủ* đó là 28 sắc-pháp là đối-tượng của pháp chấp-thủ do *tà-kiến* cho là *ta* và do *tham-ái* cho là *của ta*.

2- *Thọ-uẩn chấp-thủ* đó là *thọ tâm-sở* trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ do *tà-kiến* cho là *ta* và do *tham-ái* cho là *của ta*.

3- *Tưởng-uẩn chấp-thủ* đó là *tưởng tâm-sở* trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ do *tà-kiến* cho là *ta* và do *tham-ái* cho là *của ta*.

4- *Hành-uẩn chấp-thủ* đó là 50 *tâm-sở* (trừ *thọ tâm-sở* và *tưởng tâm-sở*) trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ do *tà-kiến* cho là *ta* và do *tham-ái* cho là *của ta*.

5- *Thức-uẩn chấp-thủ* đó là 81 *tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp chấp-thủ do *tà-kiến* cho là *ta* và do *tham-ái* cho là *của ta*.

* **Chấp ngã do tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn**

- **Tà-kiến theo chấp ngã** cho là *tự ngã của ta* rằng: *Ngũ-uẩn là tự ngã của ta (eso me attā).*

- **Tham-ái theo chấp ngã** cho là *của ta* rằng: *Ngũ-uẩn là của ta (etaṃ mama).*

- **Ngã-mạn theo chấp ngã** cho là *ta* rằng: *Ngũ-uẩn là ta (eso hamasmi).*

Đối với tất cả mọi chúng-sinh còn là phàm-nhân thường **chấp-thủ** trong *ngũ-uẩn* do *tà-kiến* cho là *tự ngã của ta*, do *tham-ái* cho là *của ta*, và do *ngã-mạn* cho là *ta* vốn dĩ đã có từ vô thủy, trải qua vô số kiếp được lưu trữ vững chắc trong **tâm** của mỗi chúng-sinh dù nhỏ dù lớn, không dễ gì nhàm chán *ngũ-uẩn*, không dễ gì buông bỏ *ngũ-uẩn* được.

Đức-Phật xuất hiện trên thế gian

Khi Đức-Phật xuất hiện trên thế gian, thuyết pháp giảng dạy tế độ chúng-sinh hiểu biết rõ **thật-tánh** của *ngũ-uẩn* đó là *sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* đều là **pháp-vô-ngã** (*anattā*), *không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, v.v..., không phải của ta, không phải của người, không phải của ai, không chiều theo ý muốn của ai cả, là vô chủ.*

Ngũ-uẩn có **sự sinh, sự diệt**, có **3 trạng-thái chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*, thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán thật sự.

Thật vậy, *chư vị Bồ-tát Thanh-văn-giác* nào thuộc về hạng *người tam-nhân (tīhetukapuggala)* đã từng tích lũy đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật, 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ* từ vô số kiếp quá-khứ được tích lũy trong **tâm sinh rồi diệt** liên tục từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Kiếp hiện-tại, *vị Bồ-tát Thanh-văn-giác* ấy có duyên may lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực hành *pháp-hành trung-đạo* đó là thực hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* dẫn đến phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của ngũ-uẩn, của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đều là **pháp-vô-ngã (anattā)**, không phải **ta**, không phải **của ta**, không phải của ai cả, không chiều theo ý muốn của ai, đều là vô chủ; **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của ngũ-uẩn, mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của ngũ-uẩn, mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

Trí-tuệ-thiên-tuệ càng cao càng thấy rõ biết rõ **sự sinh, sự diệt** của ngũ-uẩn, của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán cực độ thật sự, chỉ mong giải thoát khỏi ngũ-uẩn chấp-thủ, khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới mà thôi.

Cho nên, Đức-Phật truyền dạy nhóm 5 vị tỳ-khuru Thánh Nhập-lưu rằng:

- “Này chư tỳ-khuru! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn có trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của ngũ-uẩn, nên phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ nhàm chán trong sắc-uẩn, nhàm chán trong thọ-uẩn, nhàm chán trong tưởng-uẩn, nhàm chán trong hành-uẩn, nhàm chán trong thức-uẩn.”

Vâng theo lời truyền dạy của Đức-Phật, nhóm 5 vị tỳ-khuru Thánh Nhập-lưu thực hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến phát sinh các loại **trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới** (*lokiyavipassanāñāṇa*) thấy rõ, biết rõ đúng theo **thật-tánh** của ngũ-uẩn đều là pháp-vô-ngã (*anattā*), không phải là **ta**, không phải là **của ta**.

Trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của ngũ-uẩn do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-

thái khổ, trạng-thái vô-ngã của ngũ-uẩn thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán cực độ thật sự, dẫn đến phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới** (*lokuttaravipassanāñāna*), nên diệt tận được **tà-kiến theo chấp-ngã** cho ngũ-uẩn là **tự ngã của ta** (*eso me attā*); diệt tận được **tham-ái theo chấp-ngã** cho ngũ-uẩn là **của ta** (*etaṃ mama*); diệt tận được **ngã-mạn theo chấp-ngã** cho ngũ-uẩn là **ta** (*eso hamasmi*) do trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới như sau:

- Ngũ-uẩn này không phải là **tự ngã của ta** (*na meso attā*), nên diệt tận được **tà-kiến theo chấp ngã** trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót, do **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** trong Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm.

- Ngũ-uẩn này không phải là **của ta** (*netam mama*), nên diệt tận được **tham-ái theo chấp ngã** loại thô cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót, do **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** trong Nhất-lai Thánh-đạo-tâm. Và diệt tận được **tham-ái theo chấp ngã** loại vi-tế cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót, do **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** trong Bất-lai Thánh-đạo-tâm.

- Ngũ-uẩn này không phải là **ta** (*neso hamasmi*), nên diệt tận được **ngã-mạn theo chấp ngã** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến

không còn dư sót, do A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ trong A-ra-hán Thánh-đạo-tâm.

Trong Kinh *Anattalakkhaṇasutta* (Kinh trạng-thái vô-ngã), Đức-Phật thuyết dạy nhóm 5 vị tỳ-khưu rằng:

“*Nibbindaṃ virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmiṃ “vimuttam” iti ñāṇaṃ hoti, “khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā” ti pajānātīti.*

Idamavoca Bhagavā, attamanā pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinandaṃ.

Imasmiṃ ca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññamāne pañcavaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ anupādāya āsavehi cittāni vimuccimṣūti.”

(*Anattalakkhaṇasuttaṃ niṭṭhitaṃ.*)

Ý nghĩa

Khi trí-tuệ-thiên-tuệ nhằm chán trong ngũ-uẩn nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả ly tham-ái nên chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-não. Trí-tuệ quán-triệt biết rõ rằng:

“A-ra-hán Thánh-quả-tâm đã giải-thoát hoàn toàn mọi phiền-não trầm-luân. Không còn phải thực hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong, phạm

hạnh cao thượng đã hoàn thiện xong. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa.”

*Đức-Phật thuyết giảng bài **Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã** này xong, nhóm 5 tỳ-khưu phát sinh đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ với lời giáo huấn của Đức-Phật.*

*Trong khi Đức-Phật thuyết giảng bài kinh này, nhóm 5 tỳ-khưu thực hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, đến **A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn**, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não trầm-luân, không còn chấp-thủ trong ngũ-uẩn này nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.*

(Xong bài Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã.)

*Nhóm 5 vị tỳ-khưu là Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikondañña, Ngài Trưởng-lão Vappa, Ngài Trưởng-lão Bhaddiya, Ngài Trưởng-lão Mahā-nāma, Ngài Trưởng-lão Assaji đều trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** thanh-văn đệ-tử đầu tiên của Đức-Phật Gotama, vào ngày 20 tháng 6, trong hạ thứ nhất của **Đức-Phật Gotama**, tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī.*

Phân II

Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả

Sự-Thật Trong Đời (Sacca)

Đức-Phật dạy có hai sự-thật trong đời:

- *Sammutisacca*: Sự-thật ngôn-ngữ chế-định.
- *Paramatthasacca*: Sự-thật chân-nghĩa-pháp.

1- Sự-thật ngôn-ngữ chế-định (Sammutisacca)

Trong đời, mỗi nước, mỗi nòi giống thường chế định đặt ra ngôn-ngữ riêng, từ người xưa được lưu truyền lại cho đến ngày nay, sử dụng nói năng truyền đạt ý nghĩ, để cho người nghe hiểu biết ý nghĩ của mình.

Do có nhiều ngôn-ngữ khác nhau, nên cùng một vật, một ý nghĩ, v.v... mỗi ngôn-ngữ đặt ra mỗi danh-từ khác nhau. Những danh-từ ngôn-ngữ này gọi là **sự-thật**, bởi vì mọi người đã có quy ước với nhau cho là *lời nói thật (sacca-vācā)*, đó là **sự-thật theo đời**. Nếu người nào có tác-ý lừa dối người nghe, thì người ấy *nói sai sự-thật, phạm điều-giới nói dối (musāvāda)*.

Sự-thật ngôn-ngữ chế-định có 2 loại:

- **Ngôn-ngữ Pāli** mà Đức-Phật sử dụng để thuyết pháp tế độ chúng-sinh, được ghi chép lại trong bộ **Tam-tạng**: *Luật-tạng (Vinayapīṭaka)*,

Kinh-tạng (Suttantapitaka), Vi-diệu-pháp-tạng (Abhidhammapitaka).

- **Ngôn-ngữ địa-phương** mà người đời sử dụng nói năng trong cuộc sống hằng ngày đêm trong mỗi dân tộc. Nếu muốn biết *sự-thật ngôn-ngữ chế-định* nào, thì người ấy cần phải học hỏi nghiên cứu ngôn-ngữ ấy.

Sự-thật ngôn-ngữ chế-định này thuộc về **chế-định-pháp** (*paññattidhamma*).

Paññattidhamma: Chế-định-pháp có 2 loại:

- *Atthapaññatti: Ý-nghĩa, hình-dạng chế-định.*

- *Saddapaññatti: Danh-từ ngôn-ngữ chế-định.*

* **Atthapaññatti: Ý-nghĩa, hình-dạng chế-định**

Ý-nghĩa, hình-dạng chế-định (*Atthapaññatti*) cho biết được sự khác biệt của mỗi pháp, mỗi đối-tượng, có rất nhiều loại. Ví dụ:

- Nương nhờ nơi *tứ-đại* (*đất, nước, lửa, gió*) kết dính liền lại với nhau trở thành khối có hình dạng khác nhau như: *Mặt đất bằng, núi cao, sông dài, biển rộng, v.v...*

* **Saddapaññatti: Danh-từ ngôn-ngữ chế-định**

Danh-từ ngôn-ngữ chế-định (*Saddapaññatti*) danh-từ ngôn-ngữ gọi, diễn tả làm cho người nghe hiểu biết được ý-nghĩa, hình-dạng của *atthapaññatti* ấy.

Mỗi ngôn-ngữ có danh-từ nói, gọi khác nhau, nếu biết ngôn ngữ ấy thì hiểu được ý nghĩa của *atthapaññatti* ấy.

Saddapaññatti hoặc Nāmapaññatti ⁽¹⁾

Saddapaññatti hoặc *nāmapaññatti* có 6 loại:

- 1- *Vijjamānapaññatti*.
- 2- *Avijjamānapaññatti*.
- 3- *Vijjamānena avijjamānapaññatti*.
- 4- *Avijjamānena vijjamānapaññatti*.
- 5- *Vijjamānena vijjamānapaññatti*.
- 6- *Avijjamānena avijjamānapaññatti*.

Giải giải

1- *Vijjamānapaññatti* là danh-từ ngôn-ngữ *chế-định-pháp* (*nāmapaññatti*) có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) làm nền tảng.

Paramatthadhamma: *Chân-nghĩa-pháp* có 4 pháp là:

- *Citta*: Tâm có 89 hoặc 121 tâm.
- *Cetasika*: Tâm-sở có 52 tâm-sở.
- *Rūpadhamma*: Sắc-pháp có 28 sắc-pháp.
- *Nibbāna*: Niết-bàn có 2 hoặc 3 loại.

Như vậy, danh-từ ngôn-ngữ gọi *citta*: tâm, *cetasika*: tâm-sở, *rūpadhamma*: sắc-pháp, và

¹ Tìm hiểu rõ quyển “Tìm Hiểu Pháp-Hành Thiên-Tuệ” phần chế-định-pháp, cùng soạn giả.

Nibbāna: Niết-bàn không phải là *chân-nghĩa-pháp thật sự*, mà chỉ là *ché-định-pháp* thuộc về *vijjamānapaññatti* mà thôi.

2- Avijjamānapaññatti là danh-từ ngôn-ngữ *ché-định-pháp* không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Mặt đất, cái nhà, chiếc xe, con người, người nam, người nữ, con voi, v.v...* là những danh-từ ngôn-ngữ không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

3- Vijjamānena avijjamānapaññatti là danh-từ ngôn-ngữ *ché-định-pháp* có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với pháp không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Chalabhiñño, tevijjo, paṭisambhidappatto, sotāpanno, v.v...* những danh-từ ngôn-ngữ Pāli này ám chỉ rằng: *chalabhiññapuggala, tevijjapuggala, paṭisambhidappattapuggala, sotāpannapuggala.*

- *Chalabhiññapuggala:* Bạc Thánh A-ra-hán chứng đắc lục-thông (6 loại *abhiññācitta*).

- *Tevijjapuggala:* Bạc Thánh A-ra-hán chứng đắc tam-minh (3 *vijjāñāna*).

- *Paṭisambhidappattapuggala:* Bạc Thánh A-ra-hán chứng đắc tứ-tuệ *paṭisambhidā* (4 *paṭisambhidāñāna*).

- *Sotāpannapuggala: Bậc Thánh-Nhập-lưu (Sotāpattiphalacitta), v.v...*

Những danh-từ ngôn-ngữ Pāli *ché-định-pháp chalabhiñño, tevijjo, v.v...* này có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với *puggala (người)* không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng, nên gọi là *vijjamānena avijjamānapaññatti*.

4- Avijjamānena vijjamānapaññatti là danh-từ ngôn-ngữ *ché-định-pháp* không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với pháp có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Itthisaddo: Âm thanh người nữ, suvaṇṇavaṇṇo: màu vàng, pupphagandho: mùi hương hoa, v.v...*

Danh-từ ngôn-ngữ Pāli gọi *Itthi: người nữ, suvaṇṇa: vàng, puppha: đóa hoa, ...* là những danh-từ ngôn-ngữ Pāli không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng; với danh-từ ngôn-ngữ Pāli gọi *saddo: âm thanh, vaṇṇo: màu sắc, gandho: mùi hương, ...* là những danh-từ ngôn-ngữ Pāli có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng, nên gọi là *avijjamānena vijjamānapaññatti*.

5- Vijjamānena vijjamānapaññatti là danh-từ ngôn-ngữ *ché-định-pháp* có thật-tánh của

chân-nghĩa-pháp làm nền tảng với pháp có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Cakkhuvīññāṇa*: *Nhãn-thức-tâm* là *thức-tâm* phát sinh do nương nhờ *nhãn-tịnh-sắc*, *cakkhusamphassa*: *nhãn xúc* là *xúc tâm-sở* đồng sinh với *nhãn-thức-tâm*, v.v...

Danh-từ ngôn-ngữ Pāli gọi *cakkhu* đó là *cakkhupasāda*: *nhãn-tịnh-sắc*, *viññāṇa* đó là *citta*: *tâm*; *phassa* đó là *phassacetasika*: *xúc tâm-sở*, ... đều là những danh-từ ngôn-ngữ Pāli có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng, nên gọi là *vijjamānena vijjamānapaññatti*.

6- *Avijjamānena avijjamānapaññatti* là danh-từ ngôn-ngữ chế-định-pháp không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với pháp không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Rājaputto*: *Hoàng-tử của Đức-vua*, *setṭhibhāriyā*: *phu-nhân của ông phú-hộ*, *jeṭṭhabhaginī*: *chị cả*, v.v... Những danh-từ ngôn-ngữ Pāli gọi *Rāja*: *Đức-vua*, *putto*: *hoàng-tử*; *setṭhi*: *ông phú hộ*, *bhāriyā*: *phu-nhân*; *jeṭṭha*: *lớn, cả*, *bhaginī*: *chị*, v.v... đều là những danh-từ ngôn-ngữ Pāli không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng, nên gọi là *avijjamānena avijjamānapaññatti*.

Tóm lại, tất cả mọi danh-từ ngôn-ngữ *ché-định* (*paññatti*) dù có *thật-tánh* của *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) làm nền tảng, dù không có *thật-tánh* của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng cũng chỉ thuộc về *danh-từ ngôn-ngữ ché-định-pháp* (*paññattidhamma*) mà thôi. Vì vậy, ***ché-định-pháp*** (*paññattidhamma*) có các tính chất như sau:

- Không có ***trạng-thái riêng*** của mỗi pháp.
- Không có ***thật-tánh*** của mỗi pháp.
- Không có ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi pháp.
- Không có ***3 trạng-thái-chung***: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi pháp.

Cho nên, ***ché-định-pháp*** (*paññattidhamma*) chỉ có thể làm ***đối-tượng*** của *pháp-hành thiền-định* được mà thôi, chắc chắn không thể làm ***đối-tượng*** của *pháp-hành thiền-tuệ* được.

2- Sự-thật chân-nghĩa-pháp (Paramatthasacca)

Chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*) ⁽¹⁾ có 4 pháp đó là:

- ***Citta***: Tâm có 89 hoặc 121 tâm.
- ***Cetasika***: Tâm-sở có 52 tâm-sở.
- ***Rūpadhamma***: Sắc-pháp có 28 sắc-pháp.
- ***Nibbāna***: Niết-bàn có 2 hoặc 3 loại.

¹ Tìm hiểu rõ trong quyển Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống, cùng soạn giả.

1- **Citta**: Tâm có trạng-thái biết đối-tượng (*ārammaṇavijānanalakkhaṇaṃ*), có 89 hoặc 121 loại tâm đều có trạng-thái biết đối-tượng tùy theo khả năng của mỗi loại tâm.

* **Citta**: Tâm có 89 hoặc 121 tâm chia ra làm 6 loại, có phận-sự biết 6 loại đối-tượng như sau:

- *Cakkhaviññāṇa*: Nhãn-thức-tâm có 2 tâm làm phận-sự thấy đối-tượng sắc.

- *Sotaviññāṇa*: Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm làm phận-sự nghe đối-tượng thanh.

- *Ghānaviññāṇa*: Tỷ-thức-tâm có 2 tâm làm phận-sự ngửi đối-tượng hương.

- *Jivhāviññāṇa*: Thiệt-thức-tâm có 2 tâm làm phận-sự nếm đối-tượng vị.

- *Kāyaviññāṇa*: Thân-thức-tâm có 2 tâm làm phận-sự xúc-giác đối-tượng xúc.

- *Manoviññāṇa*: Ý-thức-tâm có 79 hoặc 111 tâm làm phận-sự biết đối-tượng pháp ⁽¹⁾ tùy theo khả năng của mỗi loại tâm.

2- **Cetasika**: Tâm-sở đều có trạng-thái nương nhờ nơi tâm (*cittanissitalakkhaṇaṃ*), có 52 loại, mà mỗi tâm-sở có mỗi trạng-thái riêng, đều đồng sinh với tâm, có 4 trạng-thái:

¹ Đối-tượng pháp gồm có 6 loại là 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 18 sắc vi-tế, Niết-bàn, chế-định-pháp.

- *Đồng sinh với tâm (ekuppāda).*
- *Đồng diệt với tâm (ekanirodha).*
- *Đồng đối-tượng với tâm (ekālabana).*
- *Đồng nơi sinh với tâm (ekavattuka).*

Khi **mỗi tâm nào** phát sinh ắt có một số **tâm-sở** ít hoặc nhiều tương xứng đồng sinh với tâm ấy làm phận-sự của tâm ấy.

Tâm với tâm-sở thuộc về **danh-pháp**.

3- **Rūpadhamma**: *Sắc-pháp có trạng-thái bị hủy hoại do nghịch duyên (ruppanalakkhaṇaṃ).*
Rūpadhamma: Sắc-pháp có 28 loại, mà mỗi sắc-pháp có mỗi trạng-thái.

4- **Nibbāna**: *Niết-bàn có trạng-thái tịch tịnh mọi tham-ái, mọi phiền-não, ngũ-uẩn, mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới (santilakkhaṇaṃ).*
Niết-bàn có 2 loại đối với bậc Thánh A-ra-hán, và Niết-bàn có 3 loại đối-tượng đối với hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ.

Niết-bàn thuộc về **danh-pháp siêu-tam-giới (lokuttara nāmadhamma)** chỉ là đối-tượng của **siêu-tam-giới-tâm** đó là 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm mà thôi.

Như vậy, **4 chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)** này có trạng-thái riêng của mỗi pháp, có **thật-tánh** của mỗi pháp, nên không phải là **danh-từ ngôn-ngữ chế-định (paññatti).**

Cho nên, *citta*: tâm, *cetasika*: tâm-sở, *rūpa-dhamma*: sắc-pháp, *Nibbāna*: Niết-bàn này thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*) thật sự (không phải chế-định-pháp), nên có thể làm **đối-tượng** của pháp-hành thiên-tuệ như sau:

- *Citta*: tâm, *cetasika*: tâm-sở, *rūpadhamma*: sắc-pháp, cả 3 loại **chân-nghĩa-pháp** này làm **đối-tượng thiên-tuệ tam-giới** của đại-thiện-tâm, đối với hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ.

- *Nibbāna*: Niết-bàn chỉ là **đối-tượng siêu-tam-giới** của siêu-tam-giới-tâm đó là 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm, 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm, đối với 4 bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo mà thôi.

Nguyên nhân che phủ thật-tánh-pháp

Thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đó là **sự-thật** hiển nhiên. Vậy, do **nguyên nhân nào** mà hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ không thấy rõ, không biết rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới ấy?

Hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ không thấy rõ, không biết rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới là do nguyên nhân **si tâm-sở** che phủ **thật-tánh** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Thật vậy, **si tâm-sở** (*mohacetasika*) đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm có 4 đặc tính riêng biệt:

1- *Aññalakkhaṇo*: Si tâm-sở có trạng-thái không biết **thật-tánh** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, hoặc không biết chân-lý tứ Thánh-đê.

2- *Ārammaṇasabhāvacchādanaraso*: Si tâm-sở có phận sự che phủ **thật-tánh** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

3- *Andhakārapaccupaṭṭhāno*: Si tâm-sở làm cho tâm tối tăm là quả hiện hữu.

4- *Ayonisomanasikārapadaṭṭhāno*: Sự biết trong tâm do si-tâm biết sai lầm trong 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là **thường, lạc, ngã, tịnh**. Đó là nguyên nhân gần phát sinh **si tâm-sở**.

Do nguyên nhân **si tâm-sở** đồng sinh với 12 **bất-thiện-tâm** che phủ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, cho nên dù hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ cũng không thể phát sinh trí-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

Để thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ cần phải có trí-tuệ biết đúng trong tâm về sự thật của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Thật vậy, **trí-tuệ tâm-sở** (*paññācetasika*) có 4 đặc tính riêng biệt:

1 - *Yathābhūtapati vedhalakkhaṇā*: Trí-tuệ tâm-sở có trạng-thái thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm.

2- *Visayobhāsanarasā*: Trí-tuệ tâm-sở có phạm-sự thấy rõ ràng **thật-tánh** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

3- *Asammohapaccupaṭṭhānā*: Trí-tuệ tâm-sở không mê muội, tâm sáng suốt là quả hiện hữu.

4- *Yonisomanasikārapadaṭṭhānā*: Sự hiểu biết trong tâm do trí-tuệ biết đúng trong 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là **vô-thường, khổ, vô-ngã, bất-tịnh**. Đó là nguyên nhân gần phát sinh **trí-tuệ tâm-sở**.

Như vậy, **si tâm-sở** phát sinh do nguyên nhân gần là **ayonisomanasikāra**, còn **trí-tuệ tâm-sở** phát sinh do nguyên nhân gần là **yonisomanasikāra**.

* **Ayonisomanasikāra** là như thế nào?

Ayonisomanasikāra: Sự biết trong tâm do si-tâm biết sai lầm trong 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới như sau:

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái **vô-thường** (*anicca*), thì si-tâm biết sai lầm cho là **thường** (*nicca*).

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái

khổ (*dukkha*), thì si-tâm biết sai lầm cho là **lạc** (*sukha*).

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái **vô-ngã** (*anattā*), thì si-tâm biết sai lầm cho là **ngã** (*attā*).

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái **bất-tịnh** (*asubha*), thì si-tâm biết sai lầm cho là **tịnh, tốt đẹp** (*subha*).

Như vậy, *ayonisomanasikāra*: sự biết trong tâm do si-tâm biết sai lầm trong 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**, là nguyên nhân gần phát sinh **si tâm-sở** (*mohacetāsika*), làm che phủ **thật-tánh** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

* ***Yonisomanasikāra*** là như thế nào?

Yonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm do trí-tuệ biết đúng trong 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới như sau:

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái vô-thường (*anicca*) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **vô-thường** (*anicca*).

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái khổ (*dukkha*), thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **khổ** (*dukkha*).

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái

vô-ngã (*anattā*), thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **vô-ngã** (*anattā*).

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái bất-tịnh (*asubha*), thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **bất-tịnh** (*asubha*).

Như vậy, *yonisomanasikāra*: sự hiểu biết trong tâm do trí-tuệ biết đúng trong 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là **vô-thường, khổ, vô-ngã, bất-tịnh**, là nguyên nhân gần phát sinh **trí-tuệ tâm-sở** (*paññā-cetasika*), làm hiện rõ **thật-tánh** hiển nhiên của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Cho nên, hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ cần phải luôn luôn có *yonisomanasikāra* làm nhân-duyên phát sinh **trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpa-paricchedañāna*: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** hiển nhiên của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, hiện rõ đúng theo sự-thật của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

* Trạng-thái-chung (*Sāmaññalakkhaṇa*)

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều có **thật-tánh**, có **sự sinh, sự diệt**, có **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, đó là **sự-thật** hiển nhiên. Do nguyên nhân nào che phủ **3 trạng-thái-chung** ấy?

Hành-giả thực hành *pháp-hành thiên-tuệ*, sở dĩ không thấy rõ, không biết rõ *sự sinh, sự diệt* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; không thấy rõ, không biết rõ **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, là vì **3 pháp che phủ 3 trạng-thái chung**, nên hành-giả không thể thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

Vậy, *3 pháp che phủ 3 trạng-thái-chung như thế nào? Phương pháp diệt 3 pháp che phủ ấy bằng cách nào?*

*** Ba pháp che phủ 3 trạng-thái-chung,
phương pháp diệt 3 pháp che phủ**

Ba trạng-thái-chung: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, đó là sự-thật hiển nhiên. Sở dĩ 3 trạng-thái-chung này không hiện rõ là vì bị 3 pháp che phủ, đó là:

- **Santati**: *Dòng sinh diệt liên tục vô cùng mau lẹ của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới làm che phủ trạng-thái vô-thường của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới không hiện rõ.*

- **Iriyāpatha**: *Các oai-nghi thay đổi làm che phủ trạng-thái khổ của các oai-nghi không hiện rõ.*

- **Ghana**: Ngã-tướng đồng-nhất của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới làm che phủ **trạng-thái vô-ngã** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới không hiện rõ.

Giải giải

1- **Santati** là dòng sinh rồi diệt liên tục vô cùng mau lẹ của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới làm che phủ **trạng-thái vô-thường** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới không hiện rõ như thế nào?

Đức-Phật dạy:

“*Sabbe saṅkhārā aniccā.*”

Tất cả các pháp-hữu-vi đều có **trạng-thái vô-thường**.

Pháp-hữu-vi là **pháp** bị cấu tạo do 4 nhân-duyên là **kamma**: nghiệp, **citta**: tâm, **utu**: thời-tiết, **āhāra**: vật thực, đó là ngũ-uẩn (*khandha*), 12 xứ (*āyatana*), 18 tự-tánh (*dhātu*), mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, v.v... đều sinh rồi diệt liên tục không ngừng, nên có **trạng-thái vô-thường** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, đó là **sự-thật** hiển nhiên của pháp-hữu-vi.

Như vậy, **trạng-thái vô-thường** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là **sự-thật** hiển nhiên. Vậy do nguyên nhân nào làm cho **trạng-thái vô-thường** không hiện rõ?

Trong bộ *Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-đạo* giải rằng:

“Aniccalakkhaṇaṃ tāva udayabbayānaṃ amanasikārā santatiyā paṭicchannattā na upaṭṭhāti.”⁽¹⁾

Trước hết, **trạng-thái vô-thường** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới không hiện rõ, vì **dòng sinh diệt liên tục** (*santati*) vô cùng mau lẹ của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, làm che phủ **trạng-thái vô-thường**. Bởi vì không có **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

* **Dòng sinh diệt liên tục** (*santati*) vô cùng mau lẹ của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, che phủ **trạng-thái vô-thường** như thế nào?

Ví dụ thô thiển dễ hiểu để so sánh như:

- Khi ta thấy những hình ảnh trên màn hình chiếu phim, cứ 1 giây đồng hồ có khoảng 24 tới 120 tấm hình liên tục quay nhanh qua máy chiếu phim, ta nhìn thấy hình ảnh những tài tử diễn viên có những cử chỉ, hành động, lời nói tự nhiên bình thường. Ta không thể thấy từng tấm phim cách khoảng nhau và cũng không nghe từng tiếng nói cách khoảng nhau.

¹ Visuddhimagga, phân Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

Đó là **sự liên tục** của cuộn phim quay nhanh.

- Khi ta thấy bóng đèn đang cháy sáng, cứ mỗi giây đồng hồ có khoảng 50 hoặc 60 lần dòng điện tắt rồi cháy sáng liên tục không ngừng trong suốt thời gian bóng đèn cháy sáng. Ta không thể thấy bóng đèn cháy sáng rồi tắt liên tục suốt khoảng thời gian bóng đèn cháy sáng.

Đó là **sự liên tục** của dòng điện cháy sáng rồi tắt liên tục.

Còn **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới thật là vô cùng mau lẹ phi thường.

Đức-Phật dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai không thấy pháp nào có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ như tâm.*⁽¹⁾

Trong Chú-giải giảng giải rằng:

“*Ekaccharakkhaṇe koṭisatasahasasāṅkhā uppajitvā nirujjhati.*”⁽²⁾

“*Chỉ một lần búng đầu ngón tay, tâm với tâm-sở (danh-pháp) sinh rồi diệt liên tục 1.000 tỷ lần.*”

Như vậy, chỉ có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** gọi là *udayabbayānupassanāñāṇa* sắc bén nhanh nhạy có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của

¹ Āṅguttaranikāya, phần Ekakanipāta.

² Sam. Khandhavaggaṭṭhakathā, Pheṇapiṇḍupamāsuttavaṇṇanā.

sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi, nên thấy rõ, biết rõ, hiện rõ **trạng-thái vô-thường** của mỗi *sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới*.

Nếu hành-giả thực hành *pháp-hành thiên-tuệ* chưa có khả năng phát sinh đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa*, thì không thể thấy rõ, biết rõ được **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên chưa có khả năng cắt đứt **santati**: *dòng sinh diệt liên tục* của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại. Vì vậy, hành-giả không thể thấy rõ, không biết rõ **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Sở dĩ, hành-giả không thấy rõ, không biết rõ **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại là vì **dòng sinh diệt liên tục** vô cùng mau lẹ của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, làm che phủ **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Phương pháp làm trạng-thái vô-thường hiện rõ

Hành-giả thực hành *pháp-hành thiên-tuệ* dẫn đến phát sinh **trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañāṇa*: *trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh* của mỗi *sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới* là *pháp-vô-ngã (anattā)*, không phải là *ta*; tiếp theo **trí-tuệ thứ nhì** *nāmarūpapaccaya-*

pariggahañāṇa: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; tiếp theo **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3** *samasanañāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới do **nhân-duyên-diệt**, nên hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

Dù hành-giả có 3 loại trí-tuệ này vẫn chưa có khả năng cắt đứt **santati**: dòng sinh diệt liên tục.

Hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ đến khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư** *udayabbayānupassanāñāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt**; mới có khả năng cắt đứt **santati**: dòng sinh diệt liên tục vô cùng mau lẹ của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại, thì **sự thật** hiển nhiên **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mới hiện rõ.

Như bộ Visuddhimagga giải rằng:

“*Udayabbayampana pariggahetvā santatiyā vikopitāya aniccalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti.*”⁽¹⁾

¹Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

Hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ, khi trí-tuệ-thiên-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên có khả năng cắt đứt santati: dòng sinh diệt liên tục của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại. Khi ấy, trạng-thái vô-thường của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại hiển nhiên mới hiện rõ sự-thật của nó.

Trí-tuệ-thiên-tuệ nào có khả năng thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại?

Trong 16 loại trí-tuệ-thiên-tuệ theo tuần tự của pháp-hành thiên-tuệ, thì bắt đầu từ trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt.

Thật vậy, trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này là trí-tuệ-thiên-tuệ bắt đầu thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại là:

- **Danh-pháp** nào sinh, do nhân-duyên nào sinh.
- **Danh-pháp** ấy diệt, do nhân-duyên ấy diệt.
- **Sắc-pháp** nào sinh, do nhân-duyên nào sinh.
- **Sắc-pháp** ấy diệt, do nhân-duyên ấy diệt.

Cho nên *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayā-nupassanāñāṇa* này chính thức được gọi là *trí-tuệ-thiền-tuệ*, bởi vì *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa* có khả năng cắt đứt *santati*: dòng sinh diệt liên tục mau lẹ không ngừng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại.

Như vậy, sự-thật *trạng-thái vô-thường* của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại được hiển nhiên hiện rõ.

Thật ra, không chỉ *trạng-thái vô-thường* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại được hiển nhiên hiện rõ, mà còn *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại cũng được hiển nhiên hiện rõ, bởi vì 3 trạng-thái-chung này có sự liên quan với nhau.

Bắt đầu từ *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* này cho đến *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12* gọi là *saccānulomañāṇa* đều có khả năng thấy rõ, biết rõ *sự sinh*, *sự diệt* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại *do nhân-duyên-sinh*, *do nhân-duyên-diệt*; nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái-vô-ngã* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp

tam-giới hiện-tại, dẫn đến chứng ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế**.

Nếu hành-giả nào là hạng **người tam-nhân** (*tihetukapuggala*) thực hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng phát sinh đến **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt**, thì hành-giả ấy thật là cao quý.

Trong Dhammapadagāthā (113) Đức-Phật dạy:

*“Yo ca vassasataṃ jīve,
apassaṃ udaybbayaṃ.
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,
passato udaybbayaṃ.”*

*Người nào dù sống đến trăm năm,
Mà không có trí-tuệ-thiền-tuệ,
Không thấy sự sinh và sự diệt.
Không bằng hành-giả sống một ngày,
Có trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh,
Thấy rõ sự sinh và sự diệt,
Của sắc-pháp danh-pháp hiện-tại,
Cuộc đời cao quý biết dường nào!*

2- Iriyāpatha là các oai-nghi thay đổi làm che phủ trạng-thái khổ của các oai-nghi không hiện rõ như thế nào?

Đức-Phật dạy rằng:

“*Sabbe saṅkhārā dukkhā.*”

Tất cả các pháp-hữu-vi đều có **trạng-thái khổ**.

Pháp-hữu-vi là **pháp** bị cấu tạo do 4 nhân-duyên là **kamma**: nghiệp, **citta**: tâm, **utu**: thời-tiết, **āhāra**: vật thực, đó là ngũ-uẩn (*khandha*), 12 xứ (*āyatana*), 18 tự-tánh (*dhātu*), mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, v.v... đều sinh rồi diệt liên tục không ngừng, nên có **trạng-thái khổ** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, đó là **sự-thật** hiển nhiên của pháp-hữu-vi.

Như vậy, **trạng-thái khổ** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là **sự-thật** hiển nhiên. Vậy do nguyên nhân nào làm cho trạng-thái khổ không hiện rõ?

Trong bộ *Visuddhimagga*: Thanh-Tịnh-đạo giải rằng:

“*Dukkhalakkhaṇaṃ abhinhasampaññānaṃ amanasikārā iriyāpathehi paṭicchannattā na upaṭṭhāti.*”⁽¹⁾

Trạng-thái khổ không hiện rõ, vì các oai-nghi thay đổi che phủ, do không có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt, trạng-thái vô-thường của mỗi sắc-pháp luôn luôn hành hạ.

¹ Visuddhimagga, phần Paṭipadāññāḍassanavisuddhiniddesa.

Các oai-nghi làm che phủ trạng-thái khổ không hiện rõ như thế nào?

Tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm và **các oai-nghi phụ** là bước tới trước, bước lui sau, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v...

Tứ-oai-nghi và các oai-nghi phụ thuộc về sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*), có **sự sinh, sự diệt** liên tục không ngừng, có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ các oai-nghi, nên oai-nghi có **trạng-thái khổ**.

Thế mà mỗi khi có oai-nghi nào phát sinh khổ, theo thói quen liền thay đổi từ oai-nghi cũ ấy sang oai-nghi mới ngay, mà không có *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của oai-nghi cũ ấy, nên không có *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **trạng-thái khổ** của oai-nghi cũ ấy.

Vì vậy, oai-nghi mới làm che phủ **trạng-thái khổ** của oai-nghi cũ.

Phương pháp làm cho trạng-thái khổ hiện rõ

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, trước khi thay đổi mỗi oai-nghi, cần phải có *trí-tuệ-thiền-tuệ* biết rõ nguyên nhân chính đáng, đó là **sự khổ** bắt buộc phải thay đổi từ oai-nghi cũ sang oai-nghi mới.

Khi thay đổi oai-nghi, hành-giả có *trí-tuệ-thiền-tuệ* theo dõi nhất cử nhất động từ oai-nghi cũ sang oai-nghi mới, *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của các sắc-pháp oai-nghi cũ ấy do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt**, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường* luôn luôn hành hạ các oai-nghi cũ ấy. Vì vậy, **trạng-thái khổ** của sắc-pháp các oai-nghi ấy hiện rõ.

Như bộ Visuddhimagga giải rằng:

“*Abhiñhapaṭisampaṭipīḷanaṃ manasikatvā iriyāpathe ugghātite dukkhalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti.*”⁽¹⁾

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp oai-nghi ấy, hiện rõ *trạng-thái vô-thường* luôn luôn hành hạ oai-nghi ấy, nên diệt được các oai-nghi che phủ **trạng-thái khổ**.

Khi ấy, **trạng-thái khổ** của sắc-pháp oai-nghi ấy hiển nhiên hiện rõ **sự thật** của nó.

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* udayabbayānupassanāñāna phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp oai-nghi, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt**, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường*

¹ Visuddhimagga, phần Paṭipadāñānadassanavisuddhiniddesa.

luôn luôn hành hạ. Nên **trạng-thái khổ** của sắc-pháp oai-nghi, của danh-pháp tam-giới biết oai-nghi ấy hiển nhiên hiện rõ sự thật của nó.

3- Ghana là ngã-tướng đồng-nhất của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới làm che phủ trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới không hiện rõ, như thế nào?

Đức-Phật dạy rằng:

“*Sabbe dhammā anattā.*”

Tất cả các pháp đều có trạng-thái vô-ngã.

Dhammā đó là các pháp-hữu-vi bị cấu tạo do 4 nhân-duyên (*kamma*: nghiệp, *citta*: tâm, *utu*: thời-tiết, *āhāra*: vật thực), đó là ngũ-uẩn (*khandha*), 12 xứ (*āyatana*), 18 tự-tánh (*dhātu*), mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, v.v... đều sinh rồi diệt liên tục không ngừng, nên có **trạng-thái vô-ngã** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, đó là **sự-thật** hiển nhiên của tất cả các pháp-hữu-vi.

Như vậy, **trạng-thái vô-ngã** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là **sự thật** hiển nhiên. Vậy do nguyên nhân nào làm cho trạng-thái vô-ngã không hiện rõ?

Trong bộ *Visuddhimagga*: Thanh-Tịnh-Đạo trong phần *paṭipadāṇadassanavisuddhinidesa* giảng giải rằng:

“*Anattalakkhaṇaṃ nānādhātuvinibhogassa amanasikārā ghanena paṭicchannattā na upaṭṭhāti.*”⁽¹⁾

Trạng-thái vô-ngã không hiện rõ, vì **ngã-tưởng đồng-nhất** che phủ, do không có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân tích rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới riêng biệt với nhau.

Ngã-tưởng đồng-nhất che phủ **trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp như thế nào?

Ghana: Ngã-tưởng đồng-nhất có 3 loại:

- **Samūhaghana:** **Ngã-tưởng đồng-nhất tổng-hợp** là gom mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới lại cho là **ta**.

- **Kiccaghana:** **Ngã-tưởng đồng-nhất phận-sự** là gom mọi phận-sự của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới lại cho là **ta**.

- **Ārammaṇaghana:** **Ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng** là gom mọi đối-tượng lại cho là **ta**.

Sự-thật theo **chân-nghiã-pháp** (*paramattha-dhamma*) thì mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp được phân biệt như sau:

- **Sắc-pháp** (*rūpadhamma*) gồm có 28 loại sắc-pháp. Mỗi sắc-pháp có trạng thái riêng khác nhau.

¹ Visuddhimagga, phần Paṭipadāñānadassanavisuddhiniddesa.

- **Danh-pháp** (*nāmadhamma*) đó là *tâm* với *tâm-sở*:

Tâm (*citta*) gồm có 89 hoặc 121 tâm.

Tâm-sở (*cetasika*) gồm có 52 tâm-sở.

Mỗi tâm, tâm-sở đều có trạng thái riêng, có phạm sự riêng, có đối-tượng riêng khác nhau.

Thế mà, *ngã-tưởng đồng-nhất* do **tà-kiến** thấy sai chấp thủ trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới gom lại cho là **ta** theo 3 loại *ngã-tưởng đồng-nhất* là:

- *Ngã-tưởng đồng-nhất tổng-hợp.*

- *Ngã-tưởng đồng-nhất phạm sự.*

- *Ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng.*

Do 3 loại *ngã-tưởng đồng-nhất* này che phủ **trạng-thái vô-ngã** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới như sau:

3.1- **Samūhaghana: Ngã-tưởng đồng-nhất tổng-hợp** là gom mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới lại cho là **ta** như thế nào?

Ví dụ: Sở dĩ gọi là “**chiếc xe**” là vì có các bộ phận được lắp ráp lại với nhau. Nếu tháo rời mỗi bộ phận ra riêng rẽ thì không còn thấy **chiếc xe** nữa.

Gọi là “**ngôi nhà**” là vì được xây dựng các thứ vật liệu lại với nhau. Nếu phá vỡ ra thành mảnh vụn thì không còn thấy **ngôi nhà** nữa, như thế nào.

Cũng như vậy, sở dĩ gọi là **ta, người, chúng-sinh**, ... là vì có ngũ-uẩn: **sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn** nương nhờ lẫn nhau, liên kết lại với nhau.

Nếu có **trí-tuệ-thiền-tuệ** biết phân tích ngũ uẩn ra năm uẩn riêng biệt như sau:

- **Sắc-uẩn** gồm có 28 loại **sắc-pháp** không phải **ta, không phải người, không phải chúng-sinh** nào, ...

- **Thọ-uẩn** đó là **thọ tâm-sở** đồng sinh với tâm.

- **Tưởng-uẩn** đó là **tưởng tâm-sở** đồng sinh với mỗi tâm.

- **Hành-uẩn** đó là 50 **tâm-sở** còn lại (trừ **thọ tâm-sở** và **tưởng tâm-sở**) đồng sinh với mỗi tâm.

- **Thức-uẩn** đó là **tâm** gồm có 89 **tâm** hoặc 121 **tâm**.

Bốn uẩn là **thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn** thuộc về **danh-pháp** không phải **ta, không phải người, không phải chúng-sinh** nào.

Thế mà **ngã-tưởng đồng-nhất tổng-hợp** cho là **ta, người, chúng-sinh**, ... nên che phủ **trạng-thái vô-ngã** của mọi **sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới**.

3.2- **Kiccaghana: Ngã-tưởng đồng-nhất phận-sự** là gom mọi phận sự của mọi **sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới** lại cho là **ta** như thế nào?

Theo *chân-nghiã-pháp* (*paramatthadhamma*), **tâm** được phân ra 6 loại tâm. Mỗi tâm nào phát sinh có số tâm-sở đồng sinh với tâm ấy làm phận sự như sau:

- *Cakkhuviññānacitta*: Nhãn-thức-tâm, có 7 tâm-sở đồng sinh với 2 nhãn-thức-tâm làm phận sự thấy đối-tượng sắc.

- *Sotaviññānacitta*: Nhĩ-thức-tâm, có 7 tâm-sở đồng sinh với 2 nhĩ-thức-tâm làm phận sự nghe đối-tượng thanh.

- *Ghānaviññānacitta*: Tỷ-thức-tâm, có 7 tâm-sở đồng sinh với 2 tỷ-thức-tâm làm phận sự ngửi đối-tượng hương.

- *Jivhāviññānacitta*: Thiệt-thức-tâm, có 7 tâm-sở đồng sinh với 2 thiệt-thức-tâm làm phận sự nếm đối-tượng vị.

- *Kāyaviññānacitta*: Thân-thức-tâm, có 7 tâm-sở đồng sinh với 2 thân-thức-tâm làm phận sự xúc-giác đối-tượng xúc.

- *Manoviññānacitta*: Ý-thức-tâm, có 79 hoặc 111 tâm (trừ 10 thức-tâm trên) có số tâm-sở tương xứng với ý-thức-tâm ấy làm phận-sự biết đối-tượng pháp. ⁽¹⁾

Thế mà, **ngã-tưởng đồng-nhất phận sự** cho là

¹ Đối-tượng pháp có 6 loại: 79 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, chế-định-pháp (*paññattidhamma*).

*ta thấy người, ta nghe tiếng, ta ngửi hương thơm, ta nếm vị, ta xúc-giác mềm mại, ấm áp, ta biết điều này điều kia, nên che phủ **trạng-thái vô-ngã** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.*

3.3- Ārammaṇaghana: Ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng là gom mọi đối-tượng lại cho là *ta* như thế nào?

Theo *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa (Abhidhammatthasaṅgaha)*, đối-tượng có 6 loại, mỗi đối-tượng được biết bằng mỗi loại tâm riêng biệt như sau:

- *Đối-tượng sắc* được thấy bằng 2 *nhãn-thức-tâm*.

- *Đối-tượng thanh* được nghe bằng 2 *nhĩ-thức-tâm*.

- *Đối-tượng hương* được ngửi bằng 2 *tỷ-thức-tâm*.

- *Đối-tượng vị* được nếm bằng 2 *thiệt-thức-tâm*.

- *Đối-tượng xúc* được xúc-giác bằng 2 *thân-thức-tâm*.

- *Đối-tượng pháp* được biết bằng 79 hoặc 111 *ý-thức-tâm* (trừ 10 *thức-tâm*).

- **10 thức-tâm** chỉ tiếp xúc biết 5 *đối-tượng sắc, thanh, hương, vị xúc hiện-tại* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mà thôi, không biết *đối-tượng chế-định-pháp (paññattidhamma)*.

Còn trong **79 hoặc 111 ý-thức-tâm** có số dục-giới-tâm tiếp xúc biết *đối-tượng pháp* thuộc về chân-nghĩa-pháp trong 3 thời (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai) và chế-định-pháp, tùy theo mỗi dục-giới-tâm; có số *sắc-giới-tâm* và *vô-sắc-giới-tâm* chỉ có biết *đối-tượng* thuộc về chế-định-pháp mà thôi. Riêng *siêu-tam-giới-tâm* đó là 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm*, 4 hoặc 20 *Thánh-quả-tâm* chỉ biết *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới* mà thôi.

Thế mà, **ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng** cho là *ta thấy người, ta nghe tiếng, ta ngửi hương thơm, ta nếm vị ngon, ta xúc-giác mềm mại, ấm áp, ta biết môn học này, ta biết công việc kia, ...* nên che phủ **trạng-thái vô-ngã** của mọi *sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới*.

Phương pháp làm trạng-thái vô-ngã hiện rõ

Hành-giả thực hành *pháp-hành thiên-tuệ*, đến khi *phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 uddayab-bayānupassanāñāṇa: trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của mỗi *sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi *sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới* do *nhân-duyên-sinh do nhân-duyên-diệt*; nên thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi *sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới*.*

Như bộ Visuddhimagga giải rằng:

“*Nānādhātuyo vinibbhujitvā ghanavinibbhoge kate anattalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upatṭhāti.*”⁽¹⁾

Hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ, khi trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới khác nhau; nên **ngã-tưởng đồng-nhất** bị tách rời ra từng mỗi tâm khác nhau, phận sự của mỗi tâm khác nhau, mỗi tâm biết mỗi đối-tượng khác nhau; nên trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên diệt**; nên **trạng-thái vô-ngã** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiển nhiên hiện rõ sự thật của chúng.

Sự sinh, sự diệt của danh-pháp, sắc-pháp

Danh-pháp, sắc-pháp là pháp-hữu-vi (*saṅkhatadhamma*) bị cấu tạo do 4 nhân-duyên (nghiệp: *kamma*, tâm: *citta*, thời-tiết: *utu*, vật-thực: *āhāra*) thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*), có **thật-tánh** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới; có **sự sinh, sự diệt** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới do **nhân-**

¹Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

duyên-sinh, do *nhân-duyên-diệt*; nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

Nibbāna: Niết-bàn thuộc về **pháp-vô-vi** (*asaṅkhatadhamma*) không bị cấu tạo do 4 *nhân-duyên* (*nghiệp: kamma, tâm: citta, thời-tiết: utu, vật-thực: āhāra*), thuộc về **danh-pháp siêu-tam-giới đặc biệt** hoàn toàn khác với *danh-pháp tam-giới* (*tâm với tâm-sở*), có **thật-tánh-pháp**; nhưng không có *sự sinh*, *sự diệt*, không có **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã*, bởi vì **Niết-bàn** hiện hữu không do *nhân-duyên* nào.

Niết-bàn thuộc về *chân-nghiã-pháp* (*paramatthadhamma*) là *pháp-vô-ngã* (*anattā*) cũng là *đối-tượng siêu-tam-giới của siêu-tam-giới-tâm* đó là 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm*, 4 hoặc 20 *Thánh-quả-tâm* mà thôi.

Pháp-hành trong Phật-giáo

Trong Phật-giáo có 2 loại pháp-hành:

- *Pháp-hành thiên-định (Samāthakammaṭṭhāna).*
- *Pháp-hành thiên-tuệ (Vipassanākammaṭṭhāna).*

1- **Pháp-hành thiên-định** có trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo. **ĐỐI-tượng** của pháp-hành thiên-định thuộc về chế-định-pháp (*paññattidhamma*) không có **thật-tánh**, không có **sự sinh, sự diệt**; không có **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

Hành-giả nào thuộc về hạng người tam-nhân (*tihetukapuggala*), có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, thực hành **pháp-hành thiên-định**, có khả năng dẫn đến chứng đắc **5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông.**

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn chỉ có **vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong **đệ-tứ-thiên vô-sắc-giới thiện-tâm cao nhất** gọi là **phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên thiện-tâm** có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên quả-tâm** gọi là **vô-sắc-giới tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm **vị phạm-thiên** trên tầng trời

vô-sắc-giới phạm-thiên **phi-tướng-phi-phi-tướng-xú-thiên**. Vị phạm-thiên có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp lâu dài nhất, khi hết tuổi thọ (chết) tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên này, *thiện-nghiệp khác* cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo *nghiệp và quả của nghiệp* của vị phạm-thiên ấy. ⁽¹⁾

Còn 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 3 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không có cơ hội cho quả được nữa.

2- **Pháp-hành thiên-tuệ** chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo. **Đối-tượng** của pháp-hành thiên-tuệ đó là *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới* chỉ thuộc về **chân-nghiã-pháp** (*paramatthadhamma*) mà thôi, không phải **ché-định-pháp** (*paññatti-dhamma*), có **thật-tánh** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới; có **sự sinh, sự diệt** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới; có **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Hành-giả nào thuộc về *tihetukapuggala*: người

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IX: Pháp-Hành Thiên-Định, cùng soạn-giả.

tam-nhân đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ từ vô số kiếp quá-khứ, được tích lũy đầy đủ trọn vẹn trong *tâm* sinh rồi diệt từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong tam giới.

Kiếp hiện-tại hành-giả ấy có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn làm nơi nương nhờ, thực hành *pháp-hành thiên-tuệ*, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. ⁽¹⁾

Sự Sinh, Sự Diệt

Đối-tượng thiên-tuệ đó là tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) có sự sinh, sự diệt của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới; có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển X: Pháp-Hành Thiên-Tuệ, cùng soạn-giá.

Như vậy, **sự sinh**, **sự diệt** có 2 loại:

1- Sự sinh, sự diệt của danh-pháp tam-giới

Danh-pháp đó là *tâm* với *tâm-sở*, mỗi *tâm* nào phát sinh ắt có *số tâm-sở ít hoặc nhiều* đồng sinh với *tâm* ấy làm phân-sự biết đối-tượng của *tâm* ấy trong mỗi lộ-trình-tâm. Mỗi *tâm* có **sự sinh**, **sự diệt** vô cùng mau lẹ. Đức-Phật dạy:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai không thấy pháp nào có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ như tâm.*⁽¹⁾

Trong Chú-giải Pāli dạy rằng:

Chỉ một lần búng đầu ngón tay, tâm với tâm-sở (danh-pháp) sinh rồi diệt 1.000 tỷ lần.⁽²⁾

Mỗi *tâm* có 3 sát-na nhỏ:

1- *Uppādakkhaṇa: Sát-na-sinh.*

2- *Ṭhitikhaṇa: Sát-na-trụ.*

3- *Bhaṅgakkhaṇa: Sát-na-diệt.*

Trong lộ-trình-tâm (*vīthiccitta*) mỗi *tâm* có 3 sát-na: sát-na sinh, sát-na trụ, sát-na diệt theo tuần tự trải qua lộ-trình-tâm, biết đối-tượng chân-nghĩa-pháp trong 3 thời (*hiện-tại hoặc quá-khứ hoặc vị-lai*), hoặc biết đối-tượng chế-định-pháp phi thời tùy theo mỗi đối-tượng trong mỗi lộ-trình-tâm, từ lộ-trình-tâm này sang lộ-

¹ Bộ Aṅguttaranikāya, phần ekakanipāta.

² Saṃ Aṭṭhakathā, Khandhavagga, Pheṇapindupamāsuttavaṇṇanā.

trình-tâm kia liên tục không ngừng trong đời sống sinh hoạt bình thường của mỗi chúng-sinh.

Khi nằm ngủ say, *lộ-trình-tâm không phát sinh*, chỉ có dòng *bhavaṅgacitta: hộ-kiếp-tâm* sinh rồi diệt liên tục không ngừng chỉ có *đối-tượng cũ kiếp trước* đó là **kamma** (*đối-tượng nghiệp*) hoặc **kammanimitta** (*đối-tượng hiện-tượng tạo nghiệp*) hoặc **gatinimitta** (*đối-tượng hiện-tượng dắt dẫn tái-sinh kiếp sau*) mà thôi, cho đến khi tỉnh giấc.

Mỗi **danh-pháp** (*tâm với tâm-sở*) phát sinh có 3 *sát-na*: *sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt*.

2- Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp

Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp chậm hơn *sự sinh, sự diệt của danh-pháp* theo sự so sánh với 3 *sát-na*: *sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt của danh-pháp* như sau:

* **Sát-na-sinh** và **sát-na-diệt** của *sắc-pháp* giống như *sát-na-sinh* và *sát-na-diệt* của *danh-pháp*.

* **Thời-gian-trụ** của *sắc-pháp* có 49 *sát-na-nhỏ*, lâu hơn 1 *sát-na-trụ* của *danh-pháp*. Ví dụ:

Nhãn-môn lộ-trình-tâm (cakkhudvāravīthicitta) có **đối-tượng sắc** rõ ràng, gồm có 17 tâm liên tục sinh rồi diệt, mỗi tâm có 3 *sát-na*: *sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt*.

Như vậy, suốt *nhãn-môn lộ-trình-tâm* gồm có 51 *sát-na-nhỏ*.

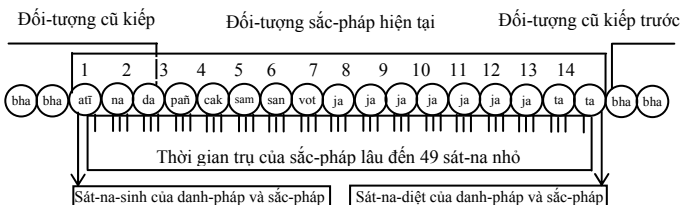
Đối-tượng sắc rõ ràng làm đối-tượng của *nhãn-môn lộ-trình-tâm*, có thời gian tồn tại trải qua suốt *nhãn-môn lộ-trình-tâm* gồm có 17 tâm mà mỗi tâm có 3 *sát-na*: *sát-na-sinh*, *sát-na-trụ*, *sát-na-diệt* liên tục, gồm có 51 *sát-na-nhỏ*.

Trong 51 *sát-na-nhỏ* của *đối-tượng sắc-pháp* ấy, có 1 *sát-na-sinh* và 1 *sát-na-diệt*, còn lại 49 *sát-na-trụ* (*thời-gian-trụ*) của *đối-tượng sắc-pháp*.

Như vậy, 1 *sát-na-sinh* và 1 *sát-na-diệt* của *sắc-pháp* giống với 1 *sát-na-sinh* và 1 *sát-na-diệt* của *danh-pháp*, nhưng ***sát-na-trụ*** (*thời-gian-trụ*) của *sắc-pháp* gồm có 49 *sát-na-nhỏ*, lâu hơn so với 1 *sát-na-trụ* của *tâm*.

Xem đồ biểu *nhãn-môn lộ-trình-tâm* có *đối-tượng sắc* rõ ràng, để có sự so sánh giữa 3 *sát-na*: *sát-na-sinh*, *sát-na-trụ*, *sát-na-diệt* của *danh-pháp* với *sắc-pháp*.

Cakkhuvāravīthiccita (Nhãn-môn lộ-trình-tâm)



Giải thích: Nhãn-môn lộ-trình-tâm

Nhãn-môn lộ-trình-tâm gồm có những sát-na-tâm sinh rồi diệt theo tuần tự liên tục, có *đối-tượng sắc* rõ ràng. Bắt đầu từ *hộ-kiếp-tâm quá-khứ thứ nhất* cho đến *tiếp đối-tượng-tâm thứ 17* là chấm dứt *nhãn-môn lộ-trình-tâm*.

Nhãn-thức-tâm phát sinh có *đối-tượng sắc* rõ ràng tiếp xúc với *nhãn-tịnh-sắc*, theo *nhãn-môn lộ-trình-tâm* sinh rồi diệt tuần tự như sau:

- *Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm* viết tắt (*bha*)
- 1- *Atītabhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm quá-khứ* vt (*atī*)
- 2- *Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động* vt (*na*)
- 3- *Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt* vt (*da*)
- 4- *Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn-hướng-tâm* vt (*pañ*)
- 5- *Cakkhuvīññāṇacitta: Nhãn-thức-tâm* vt (*cak*)
- 6- *Sampaṭicchana-citta: Tiếp-nhận-tâm* vt (*sam*)
- 7- *Santīraṇacitta: Suy-xét-tâm* vt (*san*)
- 8- *Voṭṭhabbanacitta: Xác-định-tâm* vt (*vot*)
- 9- 15- *Javanacitta: Tác-hành-tâm* vt (*ja*)
- 16- 17- *Tadālabhāna: Tiếp đối-tượng-tâm* vt (*ta*)
- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm* vt (*bha*)

Nhãn-môn lộ-trình-tâm (Cakkhudvāravīthicitta)

Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm là *quả-tâm* có *đối-tượng cũ từ kiếp trước*, làm phận sự giữ gìn hộ trì kiếp sống của mỗi kiếp chúng-sinh cho đến cuối cùng. (viết tắt *bha*)

1- *Atītabhavaṅgacitta*: *Hộ-kiếp-tâm quá-khứ* phát sinh 1 sát-na-tâm vẫn còn giữ *đối-tượng cũ kiếp trước*, dù có *đối-tượng sắc mới* hiện-tại xuất hiện. (viết tắt atī)

2- *Bhavaṅgacalanacitta*: *Hộ-kiếp-tâm rung động* phát sinh 1 sát-na-tâm bị rung động, khi có *đối-tượng sắc mới* hiện-tại xuất hiện. (viết tắt na)

3- *Bhavaṅgupacchedacitta*: *Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt* phát sinh 1 sát-na-tâm rồi diệt cùng với *đối-tượng cũ kiếp trước*, do *đối-tượng sắc mới* hiện-tại xuất hiện. (viết tắt da)

4- *Pañcadvāravajjanacitta*: *Ngũ-môn hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự tiếp nhận 5 *đối-tượng mới* hiện-tại (sắc, thanh, hương, vị, xúc). (viết tắt pañ)

(Trong *nhãn-môn lộ-trình-tâm* này chỉ tiếp nhận ***đối-tượng sắc*** mới hiện-tại mà thôi).

5- *Cakkhuvīññānacitta*: *Nhãn-thức-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự *thấy đối-tượng sắc hiện-tại*. (viết tắt cak)

6- *Sampaṭicchānacitta*: *Tiếp-nhận-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự *tiếp nhận đối-tượng sắc hiện-tại* từ nhãn-thức-tâm. (viết tắt sam)

7- *Santīraṇacitta*: *Suy-xét-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự suy xét *đối-tượng sắc tốt hoặc xấu*. (viết tắt san)

8- *Votṭhabbanacitta*: *Xác-định-tâm*, đó là *y-môn hương-tâm* (*manodvāravajjanacitta*) phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự xác định đối-tượng của *bất-thiện-tâm* hoặc của *đại-thiện-tâm* hoặc của *đại-duy-tác-tâm*, tùy theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh ấy. (viết tắt vot)

9-15- *Javanacitta*: *Tác-hành-tâm* đó là *bất-thiện-tâm*, hoặc *đại-thiện-tâm*, hoặc *đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục 7 sát-na-tâm cùng loại tâm làm phạm sự tạo *bất-thiện-nghiệp* hoặc *đại-thiện-nghiệp* tùy theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh, hoặc *đại-duy-tác-tâm* đối với *bậc Thánh Ara-hán* không thành *đại-thiện-nghiệp*, *bất-thiện-nghiệp* nào cả. (viết tắt ja)

16-17- *Tadārammaṇacitta*: *Tiếp-đối-tượng-tâm* thuộc về *quả-tâm* đặc biệt phát sinh 2 sát-na-tâm làm phạm sự tiếp *đối-tượng sắc* hiện-tại từ *tác-hành-tâm* còn thừa 2 sát-na-tâm, hết tuổi thọ 17 sát-na-tâm của *đối-tượng sắc* hiện-tại, để chấm dứt *nhãn-môn lộ-trình-tâm*. (viết tắt ta)

- *Bhavaṅgacitta*: *Hộ-kiếp-tâm* phát sinh có *đối-tượng cũ* từ *kiếp trước* trở lại, đồng thời chấm dứt *nhãn-môn lộ-trình-tâm*.

Xem đồ biểu *nhãn-môn lộ-trình-tâm* có *đối-tượng sắc* rõ ràng, có đủ 17 sát-na-tâm sinh rồi diệt theo tuần tự thấy rằng:

- *Sát-na-sinh của atītabhavaṅgacitta* thứ nhất

là **1 sát-na-sinh** chung của danh-pháp và sắc-pháp (đối-tượng sắc).

- **Sát-na-diệt** của *tadārammaṇacitta* thứ 17 cuối cùng là **1 sát-na-diệt** chung của danh-pháp và sắc-pháp (đối-tượng sắc).

- Thời gian **sát-na-trụ** của danh-pháp trong mỗi sát-na-tâm.

- Thời gian **sát-na-trụ** của sắc-pháp bắt đầu sát-na trụ của *aṭṭabhavaṅgacitta* thứ nhất cho đến sát-na trụ của *tadārammaṇacitta* thứ 17 cuối cùng, gồm có 49 sát-na nhỏ của tâm.

Trạng-thái-riêng (Visesalakkhaṇa)

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều có **trạng-thái-riêng** của mỗi pháp.

- **Citta**: Tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm cùng có một trạng-thái-riêng là: *ārammaṇavijānanalakkhaṇa*: trạng-thái biết các đối-tượng.

- **Cetasika**: Tâm-sở gồm có 52 tâm-sở, mỗi tâm-sở có mỗi trạng-thái-riêng, nên có 52 trạng-thái-riêng.

Tâm-sở có 4 trạng-thái với **tâm**:

*Tâm-sở đồng sinh với tâm (*ekuppāda*).

*Tâm-sở đồng diệt với tâm (*ekanirodha*).

*Tâm-sở đồng đối-tượng với tâm (*ekārammaṇa*).

* *Tâm-sở đồng nơi sinh với tâm (ekavatthuka).*

- **Rūpadhamma**: *Sắc-pháp* gồm có 28 sắc-pháp, mỗi sắc pháp có mỗi trạng-thái-riêng, nên có 28 trạng-thái-riêng.

- **Nibbāna**: *Niết-bàn* có trạng-thái-riêng là *santilakkhaṇa*: *trạng-thái tịch tịnh mọi tham-ái, mọi phiền-não, mọi nỗi khổ của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới có trạng-thái-riêng để phân biệt sự khác nhau của mỗi pháp. ⁽¹⁾

Trạng-thái-chung (Sāmaññalakkhaṇa)

Tất cả các *pháp-hữu-vi* bị cấu tạo do 4 *nhân-duyên* là *kamma*: *ngiệp*, *citta*: *tâm*, *utu*: *thời-tiết*, *āhāra*: *vật-thực*, đó là *ngũ-uẩn (khandha)*, 12 *xứ (āyatana)*, 18 *tự-tánh (dhātu)*, mọi *sắc-pháp*, mọi *danh-pháp tam-giới*, thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* có **thật-tánh**, có **sự sinh**, **sự diệt**, có **3 trạng-thái-chung (sāmaññalakkhaṇa)** là:

- *Aniccalakkhaṇa*: *Trạng-thái vô-thường.*

- *Dukkhalakkhaṇa*: *Trạng-thái khổ.*

- *Anattalakkhaṇa*: *Trạng-thái vô-ngã.*

¹ Tìm hiểu rõ trong quyển Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống, cùng soạn giả.

1- Trạng-thái vô-thường (Aniccalakkhaṇa)

Ý nghĩa *anicca*:

Aniccaṃ khayatṭhena ⁽¹⁾: Vô-thường có ý nghĩa diệt, bởi vì tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp sinh rồi diệt cả thảy.

Hoặc *Hutvā abhāvaṭṭhena aniccā*: Có rồi lại không, có ý nghĩa là vô-thường.

Anicca: Vô-thường có 3 loại:

1.1- *Anicca: Vô-thường*

Sabbe saṅkhārā aniccā: Tất cả các pháp-hữu-vi đều là vô-thường.

Saṅkhārā: Pháp-hữu-vi bị cấu tạo do 4 nhân-duyên (*kamma*: nghiệp, *citta*: tâm, *utu*: thời-tiết, *āhāra*: vật-thực), đó là ngũ-uẩn (*khandha*), 12 xứ (*āyatana*), 18 tự-tánh (*dhātu*), ... mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là vô-thường. Bởi vì các pháp-hữu-vi sinh rồi diệt theo tự nhiên của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

1.2- *Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường*

Hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ, khi trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt** nào, nên

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanaññakathā.

hiện rõ **trạng-thái vô-thường** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới ấy.

1.3- *Aniccānupassanā*: *Trí-tuệ-thiên-tuệ* dời theo **trạng-thái vô-thường**

Hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ, *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới có **trạng-thái vô-thường**, rồi dời theo **trạng-thái vô-thường**, nên diệt được **thường-tướng** (*niccasaññā*: sự tướng sai, chấp lầm) cho rằng: sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là thường.

Nếu hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiên-tuệ, *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới có **trạng-thái vô-thường**, rồi **dời theo trạng-thái vô-thường** của mỗi sắc-pháp hoặc mỗi danh-pháp tam-giới ấy, dẫn đến chứng ngộ **Niết-bàn** gọi là ***animittanibbāna***: vô-hiện-tượng Niết-bàn, Niết-bàn không có hiện tượng các pháp-hữu-vi.

Hành-giả chứng ngộ ***animittanibbāna***: vô-hiện-tượng Niết-bàn do **tín pháp-chủ** (*saddhindriya*) có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (**tán pháp-chủ**, **niệm pháp-chủ**, **định pháp-chủ**, **tuệ pháp-chủ**) hoặc do năng lực của **giới** (*sīla*).

2- Trạng-thái khổ (Dukkhalakkhaṇa)

Ý nghĩa *Dukkha*

Dukkham bhayaṭṭhena ⁽¹⁾: *Khổ có ý nghĩa đáng kinh sợ, bởi vì tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới sinh rồi diệt liên tục không ngừng, vô-thường, diệt mất, nên đáng kinh sợ.*

Uppādavayapaṭipīḷanaṭṭhena dukkhā: *Sự sinh, sự diệt luôn luôn hành hạ có ý nghĩa là khổ.*

Tính chất khổ có 3 loại:

- *Dukkhadukkha*: *Khổ-thật-khổ* đó là *thọ-khổ* (*dukkhavedanā*) khó chịu đựng nổi, như *khổ thân, khổ tâm.*

- *Vipariṇāmadukkha*: *Biến-chất-khổ* đó là *thọ-lạc* (*sukhavedanā*) bị vô-thường sinh rồi diệt làm biến chất, nên *thọ-lạc* cũng vẫn là *khổ-đế*, dù *khổ* vẫn còn dễ chịu đựng được.

- *Saṅkhāradukkha*: *Pháp-hành-khổ* đó là tất cả mọi pháp-hữu-vi là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới sinh rồi diệt liên tục không ngừng hành hạ, nên chỉ có **khổ** mà thôi.

Dukkha: Khổ có 3 loại:

2.1- *Dukkha*: *Khổ thân, khổ tâm*

Sabbe saṅkhārā dukkhā: *Tất cả mọi pháp-hữu-vi đều là khổ.*

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanañānakathā.

Saṅkhārā: Pháp-hữu-vi bị cấu tạo do 4 nhân-duyên (*kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thời-tiết, āhāra: vật-thực*), đó là ngũ-uẩn (*khandha*), 12 xứ (*āyatana*), 18 tự-tánh (*dhātu*), ... mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là **khổ**. Bởi vì sinh rồi diệt liên tục không ngừng, vô-thường luôn luôn hành hạ (*abhiṅhapatipīḷana*), nên chỉ có khổ mà thôi.

2.2- *Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ*

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều có trạng-thái vô-thường, nên tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cũng có *trạng-thái khổ*.

Đức-Phật dạy trong kinh *Anattalakkhaṇasutta*:

“*Yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ.*”

Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới nào có trạng-thái vô-thường, thì ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy có trạng-thái khổ.

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *tri-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới nào do **nhân-duyên-sinh**, do **nhân-duyên-diệt**, sinh rồi diệt liên tục không ngừng luôn luôn hành hạ, nên hiện rõ **trạng-thái khổ** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới ấy.

2.3- *Dukkhānupassanā*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* *dõi theo trạng-thái khổ*.

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới có *trạng-thái khổ*, rồi *dõi theo trạng-thái khổ*; nên diệt được **lạc-tướng** (*sukhasaññā*: *sự tướng lầm, chấp lầm*) cho rằng: *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới là lạc*.

Nếu hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới có *trạng-thái khổ*, rồi ***dõi theo trạng-thái khổ*** của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới ấy, dẫn đến chứng ngộ *Niết-bàn* gọi là ***appañihitanibbāna***: *vô-ái Niết-bàn, Niết-bàn không có tham-ái nương nhờ*.

Hành-giả chứng ngộ ***appañihitanibbāna***: *vô-ái Niết-bàn* do ***định pháp-chủ*** (*samādhindriya*) có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (*tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*), hoặc do năng lực của ***định*** (*samādhi*).

3- Trạng-thái vô-ngã (Anattalakkhaṇa)

Ý nghĩa *Anattā*

Anattā asāraikatṭhena ⁽¹⁾: *Vô-ngã nghĩa là*

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanañānakathā.

vô dụng, bởi vì không phải ta, không phải của ta, không chiều theo ý muốn của ai.

Hoặc *Anattā*: Vô-ngã còn có 4 ý nghĩa theo *ṭīkā*⁽¹⁾ giảng giải là:

- *Avasavattanatṭha*: Vô-ngã nghĩa là không chiều theo ý muốn của một ai cả.

- *Asāmikattṭha*: Vô-ngã nghĩa là vô chủ, không có ai là chủ cả.

- *Suññatatṭha*: Vô-ngã nghĩa là không, không phải ta, không phải của ta, không phải của ai cả.

- *Attapaṭikkhepatṭha*: Vô-ngã nghĩa là phủ nhận cái **ngã**, cái **ta**, cái **đại ngã** theo quan niệm tà-kiến thấy sai chấp lầm.

Anattā: Vô-ngã có 3 loại:

3.1- *Anattā*: Pháp-vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.

“*Sabbe dhammā anattā*”: Tất cả các pháp-hữu-vi và pháp-vô-vi đều là vô-ngã.

* **Pháp-hữu-vi** (*saṅkhatadhamma*) bị cấu tạo do 4 nhân-duyên (*kamma*: nghiệp, *citta*: tâm, *utu*: thời-tiết, *āhāra*: vật-thực), đó là ngũ-uẩn (*khandha*), 12 xứ (*āyatana*), 18 tự-tánh (*dhātu*), ... mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, đều là **pháp-vô-ngã**.

¹ *Sāratthadīpanīṭīkā, Anattalakkhaṇasuttavaṇṇanā.*

* **Pháp-vô-vi** (*asaṅkhatadhamma*) không bị cấu tạo do 4 nhân-duyên (*kamma*: nghiệp, *citta*: tâm, *utu*: thời-tiết, *āhāra*: vật-thực), đó là Niết-bàn và gom cả *ché-định-pháp* (*paññattidhamma*) cũng là **pháp-vô-ngã**.

3.2- *Anattalakkhaṇa*: Trạng-thái vô-ngã

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều có *trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, thì cũng có *trạng-thái vô-ngã*.

Đức-Phật dạy trong kinh *Anattalakkhaṇasutta*:

- *Yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ.*

- *Yaṃ dukkhaṃ tadanattā.*

Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới nào có trạng-thái vô-thường, thì ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy có trạng-thái khổ.

Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới nào có trạng-thái khổ, thì ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy có trạng-thái vô-ngã.

Hành-giả thực hành pháp-hành thiên-tuệ, khi *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới nào do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt**, sinh rồi diệt liên tục không ngừng, không chiều theo ý muốn của một ai cả, nên hiện rõ **trạng-thái vô-ngã** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới ấy.

3.3- *Anattānupassanā*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* dõi theo *trạng-thái vô-ngã*.

Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có *trạng-thái vô-ngã*, rồi *dõi theo trạng-thái vô-ngã*, nên diệt được **ngã-tướng** (*attasaññā*: *sự tướng lầm, chấp lầm*) cho rằng: *sắc-pháp, danh-pháp là ngã*.

Nếu hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới có *trạng-thái vô-ngã*, rồi *dõi theo trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới ấy, dẫn đến chứng ngộ *Niết-bàn* gọi là *suññatanibbāna*: *chơn-không Niết-bàn, Niết-bàn hoàn toàn vô-ngã, không phải ta, không phải của ta*.

Hành-giả chứng ngộ *suññatanibbāna*: *chơn-không Niết-bàn* do **tuệ pháp-chủ** (*paññindriya*) có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (*tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ*), hoặc do năng lực của **tuệ** (*paññā*).

Sự liên quan giữa 3 trạng-thái-chung

Ba trạng-thái-chung: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái-khó, trạng-thái vô-ngã* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới có sự liên quan lẫn nhau.

Đức-Phật dạy rằng:

“*Yadaniccaṃ, taṃ dukkhaṃ.*
Yaṃ dukkhaṃ, tadanattā.”⁽¹⁾

Pháp ngữ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới nào có trạng-thái vô-thường, thì ngữ-uẩn, sắc pháp, danh-pháp tam-giới ấy có trạng-thái khổ.

Pháp ngữ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới nào có trạng-thái khổ, thì ngữ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy có trạng-thái vô-ngã.

Như vậy, mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam giới đều có **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

Thật ra, **trí-tuệ-thiền-tuệ** đó là trí-tuệ tâm-sở đồng sinh với **đại-thiền-tâm** hợp với trí-tuệ chỉ có khả năng thấy rõ, biết rõ mỗi đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới mà thôi (*một tâm không thể biết nhiều đối-tượng cùng một lúc*).

- Khi nào **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp nào hoặc danh-pháp tam-giới nào do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt**; nên hiện rõ **trạng-thái vô-thường**, thì khi ấy, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp ấy, của danh-pháp tam-giới ấy không hiện rõ.

¹ Saṃyuttanikāya, Khandhavagga, Anattalakkhaṇasutta.

- Khi nào *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp nào hoặc danh-pháp tam-giới nào *do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt*; nên hiện rõ *trạng-thái khổ*, thì khi ấy, *trạng-thái vô-thường, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp ấy, của danh-pháp tam-giới ấy không hiện rõ.

- Khi nào *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp nào hoặc danh-pháp tam-giới nào *do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt*, nên hiện rõ *trạng-thái vô-ngã*; thì khi ấy, *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ* của sắc-pháp ấy, của danh-pháp tam-giới ấy không hiện rõ.

Cho nên, khi *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *trạng-thái-chung* nào của sắc-pháp nào, hoặc của danh-pháp tam-giới nào làm *đối-tượng thiền-tuệ*, thì 2 *trạng-thái-chung* còn lại mặc dù không hiện rõ, nhưng tiềm năng của *trí-tuệ-thiền-tuệ* ấy vẫn có khả năng diệt được sự tưởng lầm, chấp lầm cho rằng: *sắc-pháp ấy, hoặc danh-pháp tam-giới ấy là thường, lạc, ngã*. Bởi vì 3 *trạng-thái-chung*: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* có liên quan lẫn nhau.

Quan niệm vô-thường, khổ, vô-ngã theo đời

Trong thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác

chưa xuất hiện trên thế gian, hoặc đối với những người không hiểu biết về giáo-pháp của Đức-Phật, có các quan niệm như sau:

* **Quan niệm về vô-thường**: Đối với số người ấy, những gì có tính chất không được bền vững lâu dài, có rồi lại bị hư hại, hoặc mất đi, v.v... người ta cho là *vô-thường*.

Ví dụ: *Khi nghe người chết, chiếc xe bị hư, cái ly bị bể, xảy ra sự biến đổi, v.v...* Người ta than thở với nhau rằng: “*Vô-thường!*”

* **Quan niệm về khổ**: Đối với số người ấy, khi gặp sự *khổ thân* như: *bị bệnh hoạn ốm đau, bị tai nạn, bị đánh đập, v.v...* Người ta than vãn với nhau rằng: “*Khổ quá!*”

Hoặc khi gặp *nỗi khổ tâm* như: *sầu não khóc than thương tiếc đến người thân đã chết, của cải tài sản bị mất, v.v...* Người ta than vãn với nhau rằng: “*Khổ quá!*”

* **Quan niệm về vô-ngã**: Đối với số người ấy không từng học hỏi giáo-pháp của Đức-Phật, không từng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì ***không có quan niệm về vô-ngã***, bởi vì số người ấy vốn dĩ là người thường ***chấp ngã, chấp thủ có ta, của ta***.

Dù cho số người ấy có *quan niệm về vô-thường*

quan niệm về khổ nhưng cũng chỉ là một cách thô thiển mà thôi.

Thật vậy, một người sống qua bấy nhiêu năm rồi mới chết, một chiếc xe chạy qua thời gian rồi mới bị hư, một cái ly đã sử dụng qua, rồi mới bị bể, v.v... Như vậy, *quan niệm về vô-thường* đối với họ chớ có thời gian.

Và *quan niệm về khổ* đối với họ phải chớ có bệnh hoạn ốm đau, bị tai nạn thương tích, v.v...

Trong Phật-giáo, chư vị Bồ-tát Thanh-văn-đệ-tử của Đức-Phật, thuộc về hạng *người tam-nhân* (*tihetukapuggala*) đã từng thực hành đầy đủ 10 *pháp-hạnh ba-la-mật* từ vô số kiếp quá-khứ, và có đủ 5 *pháp-chủ* là *tín pháp-chủ*, *tân pháp-chủ*, *niệm pháp-chủ*, *định pháp-chủ*, *tuệ pháp-chủ* được tích lũy trong *tâm* sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới.

Kiếp hiện-tại, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử nào của Đức-Phật có duyên may lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật hoặc lắng nghe chánh-pháp của bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, rồi chư vị Bồ-tát Thanh-văn-giác ấy thực hành *pháp-hành thiên-tuệ* có khả năng phát sinh *trí-tuệ thứ nhất* *nāmarūpaparicchedañāṇa* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ *thật-tánh* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới là *pháp-vô-*

ngã (*anattā*). Tiếp tục phát sinh đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *uddayabbayānupassanāñāṇa*: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện tại do **nhân-duyên-sinh**, do **nhân-duyên-diệt**; nên thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại ấy.

Hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ để phát sinh theo tuần tự từ *các trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới*, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế* y theo *Đức-Phật*, chứng đắc **Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn**, trở thành **bậc Thánh-nhân** trong Phật-giáo.

Thật ra, **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới* là sự-thật hiển nhiên trong thế gian, nhưng không có một vị *thầy* nào có khả năng chỉ dạy để cho thấy, cho biết sự-thật hiển nhiên này, mãi cho đến khi **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, *Đức-Phật Gotama* thuyết pháp, giảng dạy sự-thật thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới ấy, để tế độ các chúng-sinh hữu-duyên nên tế độ.

Ba trạng-thái-chung có trạng-thái chi tiết

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới thuộc về **pháp-hữu-vi** bị cấu tạo do 4 nhân-duyên (*kamma*: nghiệp, *citta*: tâm, *utu*: thời-tiết, *āhāra*: vật-thực), đó là ngũ-uẩn (*khandha*), 12 xứ (*āyatana*), 18 tự-tánh (*dhātu*), mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới có **sự sinh, sự diệt**; nên có 3 **trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

Trong mỗi trạng-thái-chung của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới ấy có nhiều trạng-thái chi-tiết được trình bày trong bộ **Visuddhimagga** phần *Maggāmaggañānadassanavisuddhi* như sau:

1- Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường

Trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi-tiết:

- 1- *Aniccato*: Trạng-thái vô-thường.
- 2- *Palokato*: Trạng-thái tiêu diệt.
- 3- *Calato*: Trạng-thái biến đổi.
- 4- *Pabhaṅguto*: Trạng-thái tan rã.
- 5- *Addhuvato*: Trạng-thái không bền vững.
- 6- *Vipariṇāmadhammato*: Trạng-thái biến đổi là thường.
- 7- *Asārakato*: Trạng-thái vô dụng, không cốt lõi.
- 8- *Vibhavato*: Trạng-thái bị suy tàn.

9- *Saṅkhatato*: Trạng-thái bị cấu tạo.

10- *Maraṇadhammato*: Trạng-thái diệt, chết là thường.

Trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi-tiết của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, cũng là đối-tượng của *trí-tuệ-thiền-tuệ aniccānupassanā*. Mỗi trạng-thái chi tiết của trạng-thái vô-thường hiện rõ tùy theo khả năng *trí-tuệ-thiền-tuệ* của mỗi hành-giả.

2- *Dukkhalakkhaṇa*: Trạng-thái khổ

Trạng-thái khổ có 25 trạng-thái chi-tiết:

1- *Dukkhatato*: Trạng-thái khổ khó chịu.

2- *Rogato*: Trạng-thái khổ như bệnh tật.

3- *Gaṇdato*: Trạng-thái khổ như ung nhọt.

4- *Sallato*: Trạng-thái khổ như mũi tên độc.

5- *Aghato*: Trạng-thái khổ bất hạnh.

6- *Ābādhato*: Trạng-thái khổ như ốm đau.

7- *Ītito*: Trạng-thái khổ suy đồi.

8- *Upaddavato*: Trạng-thái khổ tai nạn.

9- *Bhayato*: Trạng-thái khổ đáng kinh sợ.

10- *Upasaggato*: Trạng-thái khổ cản trở.

11- *Atānato*: Trạng-thái khổ không có nơi bảo hộ

12- *Aleṇato*: Trạng-thái khổ không có nơi ẩn náu.

13- *Asaraṇato*: Trạng-thái khổ vì không có nơi nương nhờ.

14- *Ādīnavato*: Trạng-thái khổ vì tội chướng.

15- *Aghamūlato*: Trạng-thái nguồn gốc của khổ.

16- *Vadhakato*: Trạng-thái khổ như kẻ sát hại.

17- *Sāsavato*: Trạng-thái khổ do phiền-não trầm-luân.

18- *Mārāmisato*: Trạng-thái khổ như môi của Ma.

19- *Jātidhammato*: Trạng-thái khổ sinh là thường.

20- *Jarādhammato*: Trạng-thái khổ già là thường.

21- *Byādhidhammato*: Trạng-thái khổ bệnh là thường.

22- *Sokadhammato*: Trạng-thái khổ sầu não là thường.

23- *Paridevadhhammato*: Trạng-thái khổ than khóc là thường.

24- *Upāyāsadhhammato*: Trạng-thái nỗ lực khổ cùng cực.

25- *Samkilesikadhammato*: Trạng-thái khổ bị ô nhiễm bởi phiền-não.

Trạng-thái khổ có 25 trạng-thái chi-tiết của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, cũng là đối-tượng của trí-tuệ-thiền-tuệ *dukkhānupassanā*. Mỗi trạng-thái chi tiết của trạng-thái khổ hiện rõ tùy theo khả năng trí-tuệ-thiền-tuệ của mỗi hành-giả.

3- Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã

Trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi-tiết:

1- *Anattato*: Trạng-thái vô-ngã, không phải ta.

2- *Parato*: Trạng-thái khác lạ, không phải ta.

3- *Rittato*: Trạng-thái rỗng không, không có thường, lạc, ngã.

4- *Tucchato*: Trạng-thái không có thật là ta.

5- *Suññato*: Trạng-thái hoàn toàn không phải ta, không phải của ta.

Trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi-tiết của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, cũng là đối-tượng của *trí-tuệ-thiền-tuệ anattānupassanā*. Mỗi trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-ngã hiện rõ tùy theo khả năng *trí-tuệ-thiền-tuệ* của mỗi hành-giả.

Như vậy, **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi-tiết, trạng-thái khổ có 25 trạng-thái chi-tiết, trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi-tiết, gồm có **40 trạng-thái chi-tiết**. Mỗi loại trạng-thái chi-tiết của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới này được hiện rõ đối với hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, tùy theo năng lực của **5 pháp-chủ**: *tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ,*

tuệ pháp-chủ và tùy theo năng lực của **giới, định, tuệ** của mỗi hành-giả.

Mỗi loại *trạng-thái chi-tiết* ấy đều có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, *chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh-nhân* trong *Phật-giáo* như sau:

- Nếu hành-giả có **tín pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn 4 *pháp-chủ* còn lại (*tán pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*), và **giới** có nhiều năng lực thì *trạng-thái vô-thường* hiện rõ; dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng* trong *Phật-giáo*.

Hành-giả trở thành *Thánh-nhân* bậc nào tùy theo năng lực của 10 *pháp-hạnh ba-la-mật*, và năng lực của 5 *pháp-chủ* của hành-giả.

- Nếu hành-giả có **định pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn 4 *pháp-chủ* còn lại (*tín pháp-chủ, tán pháp-chủ, niệm pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*) và **định** có nhiều năng lực thì *trạng-thái khổ* hiện rõ; dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não

không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng trong Phật-giáo*.

Hành-giả trở thành *Thánh-nhân* bậc nào tùy theo năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật*, và năng lực của *5 pháp-chủ* của hành-giả.

- Nếu hành-giả có ***tuệ pháp-chủ*** có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ* còn lại (*tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ*) và ***tuệ*** có nhiều năng lực thì ***trạng-thái vô-ngã*** hiện rõ; dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc ***4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn***, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng trong Phật-giáo*.

Hành-giả trở thành *Thánh-nhân* bậc nào tùy theo năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật* và năng lực của *5 pháp-chủ* của hành-giả.

Bốn Thánh-đạo-tuệ (Maggañāṇa)

- *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ (Sotāpattimaggañāṇa).*
- *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ (Sakadāgāṃimaggāñāṇa).*
- *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ (Anāgāṃimaggāñāṇa).*
- *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ (Arahattamaggāñāṇa).*

1- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ (Sotāpattimaggañāṇa)** đó là *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Sotāpattimaggañāṇa* trong *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* của *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimagga-vīthīcitta)* có phận-sự đặc biệt diệt tận được *tham-ái, phiền-não, ác-pháp* theo khả năng của *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*.

2- **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ (Sakadāgāṃimaggāñāṇa)** đó là *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Sakadāgāṃimaggāñāṇa* trong *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* của *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sakadāgāṃimaggavīthīcitta)* có phận-sự đặc biệt diệt tận được *tham-ái, phiền-não, ác-pháp* theo khả năng của *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ*.

3- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ (Anāgāṃimaggāñāṇa)** đó là *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Anāgāṃimaggāñāṇa* trong *Nhất-lai Thánh-*

đạo-tâm của *Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Anāgāmmaggavāthiccitta*) có phận-sự đặc biệt diệt tận được *tham-ái, phiền-não, ác-pháp* theo khả năng của *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ*.

4- *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* (*Arahattamaggañāṇa*) đó là *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14* *Arahattamaggañāṇa* trong *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* của *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Arahattamaggavāthiccitta*) có phận-sự đặc biệt diệt tận được *tham-ái, phiền-não, ác-pháp* theo khả năng của *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*.

Mỗi *Thánh-đạo-tuệ* có khả năng đặc biệt diệt tận được (*samucchadappahāna*) *tham-ái, phiền-não, ác-pháp* theo khả năng của mỗi *Thánh-đạo-tuệ* như sau:

1- *Tham-ái* (*Taṇhā*)

Tham-ái (*taṇhā*) đó là *tham tâm-sở* (*lobhacetasika*) đồng sinh với 8 *tham-tâm* (*lobhacitta*) là *nhân sinh khổ-Thánh-đế* dẫn dắt tái-sinh kiếp sau trong ba giới bốn loài.

Tham-ái có 3 loại:

1- *Kāmatanḥā*: *Dục-ái* là *tham-ái* trong 6 *đối-tượng*: *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* trong *cõi dục-giới*.

2- *Bhavatanḥā*: *Hữu-ái* là *tham-ái* trong 6 *đối-tượng* hợp với *thường-kiến*, hoặc *tham-ái*

trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

3- **Vibhavataṇhā**: Phi-hữu-ái là tham-ái trong 6 đối-tượng hợp với **đoạn-kiến**.

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 3 loại tham-ái

* **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 loại tham-ái đó là:

- *Vibhavataṇhā*: Tham-ái trong 6 đối-tượng hợp với **đoạn-kiến**.

- *Bhavataṇhā*: Tham-ái trong 6 đối-tượng hợp với **thường-kiến**, có chi-pháp là **tham tâm-sở** (*lobhacetāsika*) đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót.

* **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 loại tham-ái đó là:

- *Kāmatāṇhā*: Tham-ái trong 6 đối-tượng loại thô trong cõi dục-giới, có chi-pháp là **tham tâm-sở** (*lobhacetāsika*) đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.

* **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 loại tham-ái đó là:

- *Kāmatāṇhā*: Tham-ái trong 6 đối-tượng loại vi-tế trong cõi dục-giới, có chi-pháp là **tham tâm-sở** (*lobhacetāsika*) đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.

* *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 loại *tham-ái* còn lại đó là:

- *Bhavataṇhā*: *Tham-ái* trong *thiền sắc-giới*, *thiền vô-sắc-giới*; trên tầng trời *sắc-giới phạm-thiên*, tầng trời *vô-sắc-giới phạm-thiên* có chi-pháp là ***tham tâm-sở*** (*lobhacetasika*) đồng sinh với 4 *tham-tâm* không hợp với *tà-kiến* cõi *sắc-giới*, cõi *vô-sắc-giới* không còn dư sót.

- *Kāmatāṇhā*: *Tham-ái* trong 6 *đối-tượng* loại *vi-tế* trong 5 *bậc* *thiền sắc-giới*, trong 4 *bậc* *thiền vô-sắc-giới*; trên tầng trời *sắc-giới phạm-thiên*, trên tầng trời *vô-sắc-giới phạm-thiên* có chi-pháp là ***tham tâm-sở*** (*lobhacetasika*) đồng sinh với 4 *tham-tâm* không hợp với *tà-kiến* cõi *sắc-giới*, cõi *vô-sắc-giới* không còn dư sót.

Bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được tất cả mọi *tham-ái* là *nhân sinh khổ Thánh-đế*, cho nên *bậc Thánh A-ra-hán* không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

2- Pháp-trầm-luân (Āsava)

Pháp-trầm-luân (*āsava*) là pháp làm cho tất cả mọi chúng-sinh bị chìm đắm trong ba giới bốn loài, không thể vươn lên trở thành *bậc Thánh-nhân* được.

Pháp-trầm-luân có 4 pháp:

1- *Kāmāsava*: *Cõi-dục trầm-luân* là chìm đắm

trong 6 đối-tượng cõi dục-giới, có chi-pháp là *tham tâm-sở* đồng sinh với 8 *tham-tâm*.

2- **Bhavāsava**: *Kiếp trầm-luân* là chìm đắm trong cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới, có chi-pháp là *tham tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm không hợp với tà-kiến*.

3- **Diṭṭhāsava**: *Tà-kiến trầm-luân* là chìm đắm trong mọi *tà-kiến*, có chi-pháp là *tà-kiến tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm hợp với tà-kiến*.

4- **Avijjāsava**: *Vô-minh trầm-luân* là chìm đắm trong *vô-minh* không biết chân-lý tứ *Thánh-đế*, ... có chi-pháp là *si tâm-sở* đồng sinh với 12 *bất thiện-tâm*.

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 4 pháp-trầm-luân

* **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 *pháp-trầm-luân*, đó là:

- **Diṭṭhāsava**: *Tà-kiến trầm-luân* là chìm đắm trong mọi *tà-kiến*, có chi-pháp là *tà-kiến tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót*.

* **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 *pháp-trầm-luân*, đó là:

- **Kāmāsava**: *Cõi-dục trầm-luân* là chìm đắm trong 6 *đối-tượng loại thô* trong cõi dục-giới, có chi-pháp là *tham tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-*

tâm không hợp với tà-kiến trong cõi dục-giới không còn dư sót.

* **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 pháp-trâm-luân, đó là:

- *Kāmāsava*: Cõi-dục trâm-luân là chìm đắm trong 6 đối-tượng loại vi-tế cõi dục-giới, có chi-pháp là *tham tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm không hợp với tà-kiến* trong cõi dục-giới không còn dư sót.

* **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 pháp trâm-luân, đó là:

- *Bhavāsava*: Kiếp trâm-luân là chìm đắm trong cõi trời sắc-giới, trong cõi trời vô-sắc-giới, có chi-pháp là *tham tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm không hợp với tà-kiến* không còn dư sót.

- *Avijjāsava*: Vô-minh trâm-luân là chìm đắm trong vô-minh không biết chân-lý tứ Thánh-đế, ... có chi-pháp là *si tâm-sở* đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm* không còn dư sót.

3- Pháp-chấp-thủ (Upādāna)

Pháp-chấp-thủ (Upādāna) là pháp cố chấp vững chắc trong đối-tượng khó mà buông bỏ.

Pháp-chấp-thủ có 4 pháp là:

1- **Kāmupādāna**: Tham-dục chấp-thủ là chấp thủ đối-tượng trong cõi dục-giới, trong cõi sắc-

giới, trong cõi vô-sắc-giới, có chi-pháp là **tham tâm-sở** đồng sinh với 8 tham-tâm.

2- **Diṭṭhupādāna**: Tà-kiến chấp-thủ là chấp thủ trong tà-kiến thấy sai chấp làm (ngoài *sīlabbatupādāna* và *attavādupādāna*), có chi-pháp là **tà-kiến tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

3- **Sīlabbatupādāna**: Chấp-thủ pháp thường-hành sai lầm, có chi-pháp là **tà-kiến tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

4- **Attavādupādāna**: Ngã-kiến chấp-thủ là chấp thủ trong ngũ-uẩn cho là **ta**, có chi-pháp là **tà-kiến tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 4 pháp-chấp-thủ

* **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 3 pháp-chấp-thủ, đó là:

- **Diṭṭhupādāna**: Tà-kiến chấp thủ là chấp thủ vững chắc trong tà-kiến thấy sai chấp làm.

- **Sīlabbatupādāna**: Pháp thường-hành chấp-thủ là chấp thủ vững chắc trong pháp thường-hành sai lầm.

- **Attavādupādāna**: Ngã-kiến chấp-thủ là chấp thủ vững chắc trong ngũ-uẩn cho là **ta**.

Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 pháp

chấp-thủ này, có chi-pháp là *tà-kiến tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm* hợp với *tà-kiến* không còn dư sót.

* **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 *pháp-chấp-thủ*, đó là:

- *Kāmupādāna*: Tham-dục chấp-thủ là chấp thủ đối-tượng loại thô trong cõi dục-giới, có chi-pháp là *tham-tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm* không hợp với *tà-kiến* không còn dư sót.

* **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 *pháp-chấp-thủ*, đó là:

- *Kāmupādāna*: Tham-dục chấp-thủ là chấp thủ đối-tượng loại vi-tế trong cõi dục-giới, có chi-pháp là *tham-tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm* không hợp với *tà-kiến* không còn dư sót.

* **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 *pháp-chấp-thủ*, đó là:

- *Kāmupādāna*: Tham-dục chấp-thủ là chấp thủ đối-tượng loại vi-tế trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới, có chi-pháp là *tham-tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm* không hợp với *tà-kiến* không còn dư sót.

4- Pháp-ngâm-ngâm (Anusaya)

Pháp-ngâm-ngâm trong tâm (anusaya) là phiền-não *anusayakilesa* vô cùng vi-tế *ngâm-*

ngâm tàng ẩn sâu kín trong tâm, chưa hiện rõ ra môn nào trong 6 môn (nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn).

- *Anusayakilesa* là *phiền-não loại vi-tế ngấm-ngâm tàng ẩn sâu kín trong tâm* không có một vị nào có khả năng phát hiện ra được, duy nhất chỉ có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thấy rõ, biết rõ được mà thôi.

Nếu khi có đối-tượng nào tiếp xúc với môn nào thì *anusayakilesa loại vi-tế ấy* biến đổi sang *pariyuṭṭhānakilesa* là *phiền-não loại trung*, tùy theo phiền-não ấy.

- *Pariyuṭṭhānakilesa* là *phiền-não loại trung* đó là **5 pháp-chướng-ngại** (*nīvaraṇa*) phát sinh tâm hài lòng hoặc bức tức trong *tâm*, (thuộc về ý ác-nghiệp) chưa biểu lộ ra bên ngoài *thân, khẩu*.

Nếu *phiền-não loại trung* nào phát sinh trong *tâm* có nhiều năng lực, thì *phiền-não loại trung* ấy biến đổi trở thành *vītikkamakilesa* là *phiền-não loại thô*, được biểu hiện ra bên ngoài *thân* hoặc *khẩu*.

- *Vītikkamakilesa* là *phiền-não loại thô* được biểu hiện ra *thân hành 3 ác-nghiệp, khẩu* nói 4 ác-nghiệp.

Như vậy, *vītikkamakilesa* phát sinh từ *pariyuṭṭhānakilesa*, còn *pariyuṭṭhānakilesa* phát sinh từ *anusayakilesa*.

Ba loại phiền-não

- *Anusayakilesa* loại vi-tế ngám-ngâm trong tâm.
- *Pariyuṭṭhānakilesa* loại trung trong tâm.
- *Vītikkamakilesa* loại thô ngoài thân, khẩu.

4.1- Anusayakilesa: Phiền-não ngám-ngâm trong tâm tâm có 7 loại:

1- *Kāmarāgānusaya*: Tham-dục ngám-ngâm trong tâm tâm là phiền-não tham loại vi-tế trong đối-tượng dục-giới ngám-ngâm trong tâm, có chi-pháp là **tham tâm-sở** đồng sinh với 8 tham-tâm.

2- *Bhavarāgānusaya*: Kiếp-dục ngám-ngâm trong tâm tâm là phiền-não tham loại vi-tế trong thiền sắc-giới thiện-tâm, thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, trong kiếp phạm-thiên ngám-ngâm trong tâm, có chi-pháp là **tham tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến.

3- *Paṭighānusaya*: Sân-hận ngám-ngâm trong tâm tâm là phiền-não sân loại vi-tế ngám-ngâm trong tâm, có chi-pháp **sân tâm-sở** đồng sinh với 2 sân-tâm.

4- *Mānānusaya*: Ngã-mạn ngám-ngâm trong tâm tâm là phiền-não ngã-mạn loại vi-tế ngám-ngâm trong tâm, có chi-pháp là **ngã-mạn tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến.

5- *Diṭṭhānusaya*: Tà-kiến ngám-ngâm trong

thâm tâm là phiền-não tà-kiến loại vi-tế ngắm-ngắm trong tâm, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

6- *Vicikicchānusaya*: *Hoài-nghi ngắm-ngắm trong thâm tâm là phiền-não hoài-nghi loại vi-tế ngắm-ngắm trong tâm, có chi-pháp là hoài-nghi tâm-sở đồng sinh với si-tâm hợp với hoài-nghi.*

7- *Avijjānusaya*: *Vô-minh ngắm-ngắm trong thâm tâm là phiền-não si loại vi-tế ngắm-ngắm trong tâm, có chi-pháp là si tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm.*

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 7 phiền-não vi-tế

* *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 loại phiền-não ngắm-ngắm trong thâm tâm, đó là:

- *Tà-kiến ngắm-ngắm trong thâm tâm, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót.*

- *Hoài-nghi ngắm-ngắm trong thâm tâm, có chi-pháp là hoài-nghi tâm-sở đồng sinh với 1 si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót.*

* *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 loại phiền-não ngắm-ngắm trong thâm tâm, đó là:

- *Tham-dục ngắm-ngắm trong thâm tâm loại thô trong cõi dục-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.*

- *Sân-hận ngắm-ngâm trong thâm tâm loại thô trong cõi dục-giới, có chi-pháp là sân tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm không còn dư sót.*

* ***Bất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 2 loại phiền-não ngắm-ngâm trong thâm tâm, đó là:

- *Tham-dục ngắm-ngâm trong thâm tâm loại vi-tế trong cõi dục-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.*

- *Sân-hận ngắm-ngâm trong thâm tâm loại vi-tế trong cõi dục-giới, có chi-pháp là sân tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm không còn dư sót.*

* ***A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 3 loại phiền-não ngắm-ngâm trong thâm tâm, đó là:

- *Kiếp-dục ngắm-ngâm trong thâm tâm trong cõi sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới phạm-thiên, có chi-pháp là **tham tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.*

- *Ngã-mạn ngắm-ngâm trong thâm tâm, có chi-pháp là **tham tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.*

- *Vô-minh ngắm-ngâm trong thâm tâm, có chi-pháp là **si tâm-sở** đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm không còn dư sót.*

4.2- Pariyuṭṭhānakilesa: Phiền-não loại trung

Pariyuṭṭhānakilesa: Phiền-não loại trung đó là 5 pháp-chướng-ngại (*nīvaraṇa*) phát sinh trong tâm làm chướng ngại các thiện-pháp như phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, nhất là pháp-hành thiền-định, không thể dẫn đến chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm. Khi hành-giả đã chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào rồi, nếu pháp-chướng-ngại này phát sinh thì cũng có thể làm mất bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy của hành-giả.

Pháp-chướng-ngại (*Nīvaraṇa*) có 5 pháp

1- *Kāmacchandānīvaraṇa*: Tham-dục chướng-ngại là tâm tham muốn trong ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục) làm chướng ngại ngăn cản các thiện-pháp, có chi-pháp là *tham tâm-sở* đồng sinh với 8 tham-tâm.

2- *Byāpādanīvaraṇa*: Sân-hận chướng-ngại là tâm sân hận không hài lòng đối-tượng làm chướng-ngại ngăn cản các thiện-pháp, có chi-pháp là *sân tâm-sở* đồng sinh với 2 sân-tâm.

3- *Thinamiddhanīvaraṇa*: Buồn-chán - buồn-ngủ chướng-ngại là tâm buông bỏ đối-tượng làm chướng-ngại ngăn cản các thiện-pháp, có chi-pháp là *buồn-chán tâm-sở* và *buồn-ngủ tâm-sở* đồng sinh với 5 bất-thiện-tâm cần tác-động.

4- **Uddhaccakkucçaṇīvaraṇa**: *Phóng-tâm - hối-hận chướng-ngại* là tâm bất an làm chướng-ngại ngăn cản các thiện-pháp, có chi-pháp là **phóng-tâm tâm-sở** đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm và **hối-hận tâm-sở** đồng sinh với 2 sân-tâm.

5- **Vicikicchānīvaraṇa**: *Hoài-nghi chướng-ngại* là tâm *hoài-nghi* trong đối-tượng làm chướng-ngại ngăn cản các thiện-pháp, có chi-pháp là **hoài-nghi tâm-sở** đồng sinh với *si-tâm* hợp với *hoài-nghi*.

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 5 pháp-chướng-ngại

* **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 pháp-chướng-ngại đó là:

- *Hoài-nghi chướng-ngại* đó là *hoài-nghi tâm-sở* đồng sinh với *si-tâm* hợp với *hoài-nghi* không còn dư sót.

* **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 3 pháp-chướng-ngại loại *thô cõi dục-giới*, đó là:

- *Tham-dục chướng-ngại* loại *thô cõi dục-giới*, có chi-pháp là *tham tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm* không hợp với *tà-kiến* không còn dư sót.

- *Sân-hận chướng-ngại* và *hối-hận chướng-ngại* loại *thô cõi dục-giới*, có chi-pháp là *sân tâm-sở* đồng sinh với 2 *sân-tâm* không còn dư sót.

* **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 3 pháp-chướng-ngại loại *vi-tế cõi dục-giới*, đó là:

- *Tham-dục chướng-ngại loại vi-tế cõi dục-giới*, có chi-pháp là *tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.*

- *Sân-hận chướng-ngại và hối-hận chướng-ngại loại vi-tế cõi dục-giới*, có chi-pháp là *sân tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm không còn dư sót.*

* ***A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 2 *pháp-chướng-ngại còn lại*, đó là:

- *Buồn-chán - buồn-ngủ chướng-ngại*, có chi-pháp là *buồn-chán tâm-sở và buồn-ngủ tâm-sở đồng sinh với 2 tham-tâm không hợp với tà-kiến cần tác-động.*

- *Phóng-tâm chướng-ngại*, có chi-pháp là *phóng-tâm tâm-sở đồng sinh với 5 bất-thiện-tâm còn lại không còn dư sót.*

4.3- Vīṭikkamakilesa: Phiền-não loại thô bên ngoài thân và khẩu

Vīṭikkamakilesa: *Phiền-não loại thô biểu hiện ra bên ngoài thân và khẩu.*

- Phiền-não loại thô biểu hiện ra bên ngoài thân tạo 3 ác-nghiệp: *ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm.*

- Phiền-não loại thô biểu hiện ra bên ngoài khẩu tạo 4 ác-nghiệp: *ác-nghiệp nói-dối, ác-nghiệp nói lời chia-rẽ, ác-nghiệp nói lời thô-tục, ác-nghiệp nói lời vô-ích.*

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 7 ác-nghiệp

- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 4 loại ác-nghiệp, đó là ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ác-nghiệp nói-dối không còn dư sót.

- **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 ác-nghiệp loại thô, đó là ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô-tục không còn dư sót.

- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 ác-nghiệp loại vi-tế, đó là ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô-tục không còn dư sót.

- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 loại ác-nghiệp còn lại, đó là ác-nghiệp nói lời vô-ích không còn dư sót.

5- Phiền-não (Kikesa)

Phiền-não (*kilesa*) là pháp làm tâm ô nhiễm, nóng nảy khổ tâm, **phiền-não** có 10 loại là:

1- **Lobha**: Tham là phiền-não tham muốn nơi đối-tượng tam-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm.

2- **Dosa**: Sân là phiền-não không hài lòng nơi đối-tượng, có chi-pháp là sân tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm.

3- **Moha**: Si là phiền-não si mê không biết thật-tánh các pháp, không biết chân-lý tứ Thánh-đế, có chi-pháp là *si tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm*.

4- **Diṭṭhi**: Tà-kiến là phiền-não thấy sai chấp lầm nơi đối-tượng, có chi-pháp là *tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến*.

5- **Māna**: Ngã-mạn là phiền-não chấp ngã tự cho mình hơn người, bằng người, thua người, có chi-pháp là *ngã-mạn tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến*.

6- **Vicikicchā**: Hoài-nghi là phiền-não không tin, nghi ngờ nơi đáng tin, có chi-pháp là *hoài-nghi tâm-sở đồng sinh với si-tâm hợp với hoài-nghi*.

7- **Uddhacca**: Phóng-tâm là phiền-não tâm bất an, có chi-pháp là *phóng-tâm tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm*.

8- **Thina**: Buồn-chán là phiền-não chán nản, lười biếng, buông bỏ đối-tượng, có chi-pháp là *buồn-chán tâm-sở đồng sinh với 5 bất-thiện-tâm cần tác-động*.

9- **Ahirika**: Không biết hổ-thẹn tội-lỗi là phiền-não tự mình không biết hổ-thẹn tội-lỗi khi tạo ác-nghiệp, có chi-pháp là *không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện tâm*.

10- **Anottappa**: Không biết ghê-sợ tội-lỗi là

phiền-não không biết sợ bậc thiện-trí chê trách, hoặc không biết sợ 4 cõi ác-giới khi tạo ác-nghiệp tội-lỗi, có chi-pháp là *không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện tâm*.

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 10 loại phiền-não

- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 loại phiền-não, đó là **tà-kiến** (*ditṭhi*) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và **hoài-nghi** (*vici-kicchā*) trong si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót.

- **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 loại phiền-não đó là **sân** (*dosa*) loại thô trong 2 sân-tâm không còn dư sót.

- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 loại phiền-não, đó là **sân** (*dosa*) loại vi-tế trong 2 sân-tâm không còn dư sót.

- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại, đó là **tham** (*lobha*) trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, **si** (*moha*) trong 5 bất-thiện-tâm còn lại, **ngã-mạn** (*māna*) trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, **buồn-chán** (*thina*) trong 2 bất-thiện-tâm cần tác-động còn lại, **phóng-tâm** (*uddhacca*) trong 5 bất-thiện-tâm còn lại, **không biết hổ-thẹn tội-lỗi** (*ahirika*), **không biết ghê-sợ tội-lỗi** (*anottappa*) trong 5 bất-thiện-tâm còn lại không còn dư sót.

6- Bất-thiện-tâm (Akusalacitta)

Bất-thiện-tâm gọi là ác-tâm có 12 tâm đó là 8 tham-tâm, 2 sân-tâm, 2 si-tâm. Sở dĩ gọi là bất-thiện-tâm hoặc ác-tâm là vì 14 bất-thiện tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm này.

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 12 bất-thiện-tâm

* **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 5 bất-thiện-tâm đó là:

- 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót.
- 1 si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót.

* **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 bất-thiện-tâm đó là:

- 2 sân-tâm loại thô không còn dư sót.

* **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 bất-thiện-tâm đó là:

- 2 sân-tâm loại vi-tế không còn dư sót.

* **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 5 bất-thiện-tâm còn lại, đó là:

- 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.
- Si-tâm hợp với phóng-tâm không còn dư sót.

7- Bất-thiện-tâm-sở (Akusalacetasika)

Bất-thiện tâm-sở có 14 tâm-sở như sau:

- *Nhóm tham tâm-sở* có 3 tâm-sở đó là *tham tâm-sở, tà-kiến tâm-sở, ngã-mạn tâm-sở.*

- *Nhóm sân tâm-sở* có 4 tâm-sở đó là *sân tâm-sở, ganh-tỵ tâm-sở, keo-kiệt tâm-sở, hối-hận tâm-sở.*

- *Nhóm si tâm-sở* có 4 tâm-sở đó là *si tâm-sở, không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở, không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở, phóng-tâm tâm-sở.*

- *Nhóm buồn-chán* có 2 tâm-sở đó là *buồn-chán tâm-sở, buồn-ngủ tâm-sở.*

- *Hoài-nghi tâm-sở.*

14 loại *bất-thiện-tâm-sở* này đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm.*

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 14 bất-thiện tâm-sở

- *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 4 *bất-thiện tâm-sở*, đó là *tà-kiến tâm-sở, hoài-nghi tâm-sở, ganh-tỵ tâm-sở, keo-kiệt tâm-sở* không còn dư sót.

- *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 *bất-thiện tâm-sở* loại *thô*, đó là *sân tâm-sở* và *hối-hận tâm-sở* không còn dư sót.

- *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 *bất-thiện-tâm-sở* loại *vi-tế*, đó là *sân tâm-sở* và *hối-hận tâm-sở* không còn dư sót.

- *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 8 *bất-thiện tâm-sở* còn lại, đó là *tham tâm-sở, ngã-mạn tâm-sở, si tâm-sở, buồn-chán tâm-sở, buồn-ngủ tâm-sở, không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở, không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở, phóng-tâm tâm-sở* không còn dư sót.

8- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma)

Bất-thiện-nghiệp (*akusalakamma*) gọi là **ác-nghiệp**, đó là *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm* tạo **10 bất-thiện-nghiệp** gọi là **10 ác-nghiệp** bằng thân, khẩu, ý như sau:

* **Thân ác-nghiệp** có 3 loại:

- *Ác-nghiệp sát-sinh.*
- *Ác-nghiệp trộm-cắp.*
- *Ác-nghiệp tà-dâm.*

* **Khẩu ác-nghiệp** có 4 loại:

- *Ác-nghiệp nói-dối.*
- *Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.*
- *Ác-nghiệp nói lời thô-tục.*
- *Ác-nghiệp nói vô-ích.*

* **Ý ác-nghiệp** có 3 loại:

- *Ác-nghiệp tham-lam.*
- *Ác-nghiệp thù-hận.*
- *Ác-nghiệp tà-kiến.*

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 10 ác-nghiệp

- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 5 loại ác-nghiệp, đó là ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ác-nghiệp nói-dối, ác-nghiệp tà-kiến không còn dư sót.

- **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 3 ác-nghiệp loại thô, đó là ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô-tục, ác-nghiệp thù-hận không còn dư sót.

- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 3 ác-nghiệp loại vi-tế, đó là ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô-tục, ác-nghiệp thù-hận không còn dư sót.

- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 loại ác-nghiệp còn lại, đó là ác-nghiệp nói lời vô-ích, ác-nghiệp tham-lam không còn dư sót.

9- Pháp-ràng-buộc (Saṃyojana)

Pháp-ràng-buộc (saṃyojana) là pháp như sợi dây vô hình buộc chặt chúng-sinh trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Saṃyojana: Pháp-ràng-buộc có 10 pháp

1- **Kāmarāgasamyojana:** Dục-ái ràng-buộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong đối-tượng cõi dục-giới, có chi-pháp là *tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm*.

2- **Rūparāgasamyojana**: *Sắc-ái ràng-buộc* có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm trong cõi sắc-giới phạm-thiên, có chi-pháp là *tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến*.

3- **Ārūparāgasamyojana**: *Vô-sắc-ái ràng-buộc* có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm trong cõi vô-sắc-giới phạm-thiên, có chi-pháp là *tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến*.

4- **Paṭighasamyojana**: *Sân-hận ràng-buộc* có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong sân-hận, có chi-pháp là *sân tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm*.

5- **Mānasamyojana**: *Ngã-mạn ràng-buộc* có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong ngã-mạn, có chi-pháp là *ngã-mạn tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến*.

6- **Diṭṭhisamyojana**: *Tà-kiến ràng-buộc* có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong tà-kiến, có chi-pháp là *tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến*.

7- **Sīlabbataparāmāsasamyojana**: *Pháp thường-hành chấp-thủ ràng-buộc* có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh chấp thủ trong pháp thường-hành sai lầm, có chi-pháp là *tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến*.

8- *Vicikicchāsamyojana*: Hoài-nghi ràng-buộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong hoài-nghi, có chi-pháp là *hoài-nghi tâm-sở đồng sinh với si-tâm đồng sinh với hoài-nghi*.

9- *Uddhaccasamyojana*: Phóng-tâm ràng-buộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong phóng-tâm, có chi-pháp là *phóng-tâm tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm*.

10- *Avijjāsamyojana*: Vô-minh ràng-buộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong vô-minh, có chi-pháp là *si tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm*.

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 10 pháp-ràng-buộc

- *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 3 pháp-ràng-buộc, đó là *tà-kiến ràng-buộc, pháp thường-hành chấp-thủ ràng-buộc, hoài-nghi ràng-buộc* không còn dư sót.

- *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 pháp-ràng-buộc, đó là *dục-ái ràng-buộc loại thô cõi dục-giới, sân-hận ràng-buộc loại thô cõi dục-giới* không còn dư sót.

- *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 pháp-ràng-buộc, đó là *dục-ái ràng-buộc loại vi-tế cõi dục-giới, sân-hận ràng-buộc loại vi-tế cõi dục-giới* không còn dư sót.

- *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 5 pháp-ràng-buộc còn lại, đó là *sắc-ái ràng-buộc*, *vô-sắc-ái ràng-buộc*, *ngã-mạn ràng-buộc*, *phóng-tâm ràng-buộc*, *vô-minh ràng-buộc* không còn dư sót.

10- Pháp-thế-gian (Lokadhamma)

Pháp-thế-gian (lokadhamma) là pháp thường hiện hữu đối với tất cả mọi người trong đời này.

Pháp-thế-gian (lokadhamma) có 8 pháp chia ra thành 4 cặp trái nghĩa với nhau như sau:

- 1- *Lābha*: được lợi. 2- *Alābha*: mất lợi.
 3- *Yasa*: được danh. 4- *Ayasa*: mất danh.
 5- *Pasamsā*: được khen. 6- *Nindā*: bị chê.
 7- *Sukha*: được an-lạc. 8- *Dukkha*: bị khổ.

Lokadhamma là 8 pháp-thế-gian thường hiện hữu trong cõi đời này, từ khi mỗi người mới sinh ra, không phải của riêng một người nào.

Nếu người nào tự nhận là *của ta*, thì thế nào?

- Khi ta được lợi thì ta vui, khi ta mất lợi thì ta buồn.

- Khi ta được danh thì ta vui, khi ta mất danh thì ta buồn.

- Khi ta được khen thì ta vui, khi ta bị chê thì ta buồn.

- *Khi ta được an-lạc thì ta vui, khi ta bị khổ thì ta buồn.*

Trong cuộc sống hằng ngày, nếu người nào bị lệ thuộc vào pháp thế-gian nào, thì người ấy phải chịu ảnh hưởng vui hoặc buồn vì pháp-thế-gian ấy.

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 8 pháp-thế-gian

- *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* chưa có khả năng diệt tận được pháp thế-gian nào cả.

- *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 4 pháp-thế-gian loại thô, đó là **mất lợi** (*alābha*), **mất danh** (*ayasa*), **bị chê** (*nindā*), **bị khổ** (*dukkha*) không còn dư sót.

- *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 4 pháp-thế gian loại vi-tế, đó là **mất lợi** (*alābha*), **mất danh** (*ayasa*), **bị chê** (*nindā*), **bị khổ** (*dukkha*) không còn dư sót.

- *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 4 pháp-thế-gian còn lại, đó là **được lợi** (*lābha*), **được danh** (*yasa*), **được khen** (*pasamsā*), **được an-lạc** (*sukha*) không còn dư sót, nên **bậc Thánh A-ra-hán** hoàn toàn được tự do, an nhiên tự tại, không hề bị ảnh hưởng trong pháp-thế-gian nào.

11- Pháp-thiên-vị (Agati)

Pháp-thiên-vị (*agati*) là pháp đối xử thiên về một bên nào, không công bằng. Người có pháp thiên-vị đối xử với người khác không công bằng, không hợp với lẽ phải tự nhiên.

Pháp-thiên-vị (Agati) có 4 pháp

1- **Chandāgati**: Thiên-vị vì thương, nghĩa là người nào đối xử với phạm-nhân đã **phạm tội nặng**, nhưng phạm-nhân ấy vốn là người thương yêu của mình, nên người ấy tha tội chết cho phạm-nhân ấy. Như vậy, gọi là *thiên-vị vì thương*.

2- **Dosāgati**: Thiên-vị vì ghét, nghĩa là người nào đối xử với phạm-nhân đã **phạm tội nhẹ**, nhưng phạm-nhân ấy vốn là người thù ghét của mình, nên kết tội chết cho phạm-nhân ấy. Như vậy, gọi là *thiên-vị vì ghét*.

3- **Mohāgati**: Thiên-vị vì si-mê, nghĩa là người nào đối xử với người bị hoài-nghi phạm pháp mà không có chứng cứ, không hiểu biết rõ về điều luật nào cả, rồi đem giam giữ người bị hoài-nghi ấy trong tù mà không xét xử. Người bị hoài-nghi ấy phải bị oan trong tù. Như vậy, gọi là *thiên-vị vì si-mê*.

4- **Bhayāgati**: Thiên-vị vì sợ, nghĩa là người nào đối xử với người có chức có quyền hoặc

người quen biết với người có chức có quyền, tuy họ đã phạm pháp có chứng cứ rõ ràng, nhưng người ấy không dám làm gì họ. Như vậy, gọi là *thiên-vị vì sợ*.

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 4 pháp-thiên-vị

- *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* hoàn toàn diệt tận được 4 pháp-thiên-vị không còn dư sót.

- *Bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán* hoàn toàn không có pháp-thiên-vị nào cả.

Trên đây trình bày một phần *bất-thiện-pháp* mà mỗi *Thánh-đạo-tuệ (Maggañāna)* có khả năng đặc biệt **diệt tận được** (*samucchedappahāna*). Thật ra, *Thánh-đạo-tuệ* nào đã **diệt tận được** *bất-thiện-pháp (ác-pháp)* nào rồi nếu *bất-thiện-pháp (ác-pháp)* ấy có trong phần *bất-thiện-pháp (ác-pháp)* khác cũng đều bị diệt tận được (*samucchedappahāna*) không còn dư sót, trong kiếp hiện-tại và các kiếp vị-lai nếu còn tái-sinh kiếp sau trong các cõi-thiện-giới khác, cho đến kiếp chót trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tìm hiểu các bài kinh để hiểu biết về *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của ngũ-uẩn, của 12 xứ (āyatana) của mỗi người.

Yadaniccasutta ⁽¹⁾

“Sāvattthinidānaṃ. Rūpaṃ bhikkhave aniccaṃ, yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ, yaṃ dukkhaṃ tadanattā, yadanattā taṃ “netam mama, nesohamasmi, na meso attā”ti. Evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ.

Vedanā aniccā, yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ, yaṃ dukkhaṃ tadanattā, yadanattā taṃ “netam mama, nesohamasmi, na meso attā”ti. Evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ.

Saññā aniccā, yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ, yaṃ dukkhaṃ tadanattā, yadanattā taṃ “netam mama, nesohamasmi, na meso attā”ti. Evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ.

Saṅkhārā aniccā, yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ, yaṃ dukkhaṃ tadanattā, yadanattā taṃ “netam mama, nesohamasmi, na meso attā”ti. Evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ.

Viññānaṃ aniccaṃ, yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ, yaṃ dukkhaṃ tadanattā, yadanattā taṃ “netam mama, nesohamasmi, na meso attā”ti. Evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ.

¹ Saṃyuttanikāya, Khandhasaṃyutta, Yadaniccasutta.

Evam passam bhikkhave sutavā ariyasāvako rūpasmimpi nibbindati, vedanāyapi nibbindati, saññāyapi nibbindati, saṅkhāresupi nibbindati, viññāṇasmimpi nibbindati. Nibbindaṃ virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmim “vimuttam”iti ñānaṃ hoti, “khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karanīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā”ti pajānātīti.”

Ý nghĩa bài Kinh Yadaniccasutta

Một thuở nọ, Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvattthī. Khi ấy, Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

- Nay chư tỳ-khuru! Sắc-uẩn là vô-thường, sắc-uẩn nào là vô-thường thì sắc-uẩn ấy là khổ, sắc-uẩn nào là khổ thì sắc-uẩn ấy là vô-ngã, sắc-uẩn nào là vô-ngã thì sắc-uẩn ấy không phải là của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta. Bậc Thánh thanh-văn có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn này đúng theo sự-thật như vậy.

Thọ-uẩn là vô-thường, thọ-uẩn nào là vô-thường thì thọ-uẩn ấy là khổ, thọ-uẩn nào là khổ thì thọ-uẩn ấy là vô-ngã, thọ-uẩn nào là vô-ngã thì thọ-uẩn ấy không phải là của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta. Bậc Thánh thanh-văn có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thọ-uẩn này đúng theo sự-thật như vậy.

Tướng-uẩn là vô-thường, tướng-uẩn nào là vô-thường thì tướng-uẩn ấy là khổ, tướng-uẩn nào là khổ thì tướng-uẩn ấy là vô-ngã, tướng-uẩn nào là vô-ngã thì tướng-uẩn ấy không phải là của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta. Bậc Thánh thanh-văn có trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ tướng-uẩn này đúng theo sự-thật như vậy.

Hành-uẩn là vô-thường, hành-uẩn nào là vô-thường thì hành-uẩn ấy là khổ, hành-uẩn nào là khổ thì hành-uẩn ấy là vô-ngã, hành-uẩn nào là vô-ngã thì hành-uẩn ấy không phải là của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta. Bậc Thánh thanh-văn có trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ hành-uẩn này đúng theo sự-thật như vậy.

Thức-uẩn là vô-thường, thức-uẩn nào là vô-thường thì thức-uẩn ấy là khổ, thức-uẩn nào là khổ thì thức-uẩn ấy là vô-ngã, thức-uẩn nào là vô-ngã thì thức-uẩn ấy không phải là của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta. Bậc Thánh thanh-văn có trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thức-uẩn này đúng theo sự-thật như vậy.

- Nay chư tỳ-khuru! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn đã lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, nên phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn đúng theo thật-tánh, nên trí-tuệ-thiên-tuệ nhằm chán trong

sắc-uẩn, nhàm chán trong thọ-uẩn, nhàm chán trong tưởng-uẩn, nhàm chán trong hành-uẩn, nhàm chán trong thức-uẩn.

Khi trí-tuệ-thiên-tuệ nhàm chán trong ngũ-uẩn nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả ly tham-ái nên chúng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-não. Trí-tuệ quán-triệt biết rõ rằng:

“A-ra-hán Thánh-quả-tâm đã giải-thoát hoàn toàn mọi phiền-não trầm-luân, không còn phải thực hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành, phạm hạnh cao thượng đã hoàn thiện. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa.

Như vậy, mỗi uẩn có sự sinh, sự diệt nên có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, đó là sự-thật hiển nhiên của chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) trong tam-giới.

Pháp-vô-ngã trong 6 môn, 6 đối-tượng, 6 thức-tâm

Trong *kinh Anattasutta* ⁽¹⁾

Đức-Phật truyền dạy rằng:

“Sāvatthinidānaṃ, tatra kho. Sabbam bhikkhave anattā.

Kiñca bhikkhave sabbam anattā?

¹ Saṃyuttanikāya, Saḷāyatanavaggasaṃyutta, Anattāsutta.

- *Cakkhu bhikkhave anattā, rūpā anattā, cakkhuviññāṇaṃ anattā, cakkhusamphasso anattā, yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi anattā.*

- *Sotaṃ anattā, saddā anattā, sotaviññāṇaṃ anattā, sotasamphasso anattā, yampidaṃ sotasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi anattā.*

- *Ghānaṃ anattā, gandhā anattā, ghānaviññāṇaṃ anattā, ghānasamphasso anattā, yampidaṃ ghānasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi anattā.*

- *Jivhā anattā, rasā anattā, jivhāviññāṇaṃ anattā, jivhāsamphasso anattā, yampidaṃ jivhāsamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi anattā.*

- *Kāyo anattā, phoṭṭhabbā anattā, kāyaviññāṇaṃ anattā, kāyasamphasso anattā, yampidaṃ kāyasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi anattā.*

- *Mano anattā, dhammā anattā, manoviññāṇaṃ anattā, manosamphasso anattā,*

yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi anattā.

Evam passam bhikkhave sutavā ariyasāvako cakkhusmimpi nibbindati, rūpesupi nibbindati, cakkhuviññāṇepi nibbindati, cakkhusamphassepi nibbindati, yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi nibbindati.

- Sotasmimpi nibbindati, saddesupi nibbindati, sotaviññāṇepi nibbindati, sotasamphassepi nibbindati, yampidaṃ sotasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi nibbindati.

- Ghānasmimpi nibbindati, gandhesupi nibbindati, ghānaviññāṇepi nibbindati, ghānasamphassepi nibbindati, yampidaṃ ghānasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi nibbindati.

- Jivhāyapi nibbindati, rasesupi nibbindati, jivhāviññāṇepi nibbindati, jivhāsamphassepi nibbindati, yampidaṃ jivhāsamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi nibbindati.

- Kāyasmimpi nibbindati, phoṭṭhabbesupi nibbindati, kāyaviññāṇepi nibbindati, kāya-

samphassepi nibbindati, yampidaṃ kāyasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi nibbindati.

- *Manasmimpi nibbindati, dhammesupi nibbindati, manoviññāṇepi nibbindati, manosamphassepi nibbindati, yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi nibbindati. Nibbidaṃ virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmiṃ “vimuttamī”ti ñāṇaṃ hoti, “khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā”ti pajānāti.”*

Ý nghĩa bài Kinh Vô-ngã

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvattthī. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

- Nay chư tỳ-khuru! Tất cả các pháp-hữu-vi đều là pháp-vô-ngã (anattā: không phải ta, không phải của ta, không chiều theo ý của ta).

- Nay chư tỳ-khuru! Tất cả các pháp-hữu-vi đều là pháp-vô-ngã, đó là pháp nào?

1- Mắt là vô-ngã, đối-tượng sắc là vô-ngã, nhãn-thức-tâm là vô-ngã, nhãn-xúc là vô-ngã, dù thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên nhãn-xúc cũng là vô-ngã.

2- Tai là vô-ngã, đối-tượng thanh là vô-ngã, nhĩ-thức-tâm là vô-ngã, nhĩ-xúc là vô-ngã, dù thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên nhĩ-xúc cũng là vô-ngã.

3- Mũi là vô-ngã, đối-tượng hương là vô-ngã, tỷ-thức-tâm là vô-ngã, tỷ-xúc là vô-ngã, dù thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên tỷ-xúc cũng là vô-ngã.

4- Lưỡi là vô-ngã, đối-tượng vị là vô-ngã, thiệt-thức-tâm là vô-ngã, thiệt-xúc là vô-ngã, dù thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên thiệt-xúc cũng là vô-ngã.

5- Thân là vô-ngã, đối-tượng xúc là vô-ngã, thân-thức-tâm là vô-ngã, thân-xúc là vô-ngã, dù thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên thân-xúc cũng là vô-ngã.

6- Ý là vô-ngã, đối-tượng pháp là vô-ngã, ý-thức-tâm là vô-ngã, ý-xúc là vô-ngã, dù thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên ý-xúc cũng là vô-ngã.

- Nay chư tỳ-khưu! Thật-tánh của các pháp-hữu-vi như vậy, bậc Thánh Thanh-văn có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp ấy đúng theo thật-tánh, nên phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán cả trong mắt, cả trong đối-tượng sắc, cả trong nhãn-thức-tâm, cả trong nhãn-xúc,

cả trong thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên nhãn-xúc.

- Trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán cả trong tai, cả trong đối-tượng thanh, cả trong nhĩ-thức-tâm, cả trong nhĩ-xúc, cả trong thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên nhĩ-xúc.

- Trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán cả trong mũi, cả trong đối-tượng hương, cả trong tỷ-thức-tâm, cả trong tỷ-xúc, cả trong thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên tỷ-xúc.

- Trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán cả trong lưỡi, cả trong đối-tượng vị, cả trong thiệt-thức-tâm, cả trong thiệt-xúc, cả trong thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên thiệt-xúc.

- Trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán cả trong thân, cả trong đối-tượng xúc, cả trong thân-thức-tâm, cả trong thân-xúc, cả trong thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên thân-xúc.

- Trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán cả trong ý, cả trong đối-tượng pháp, cả trong ý-thức-tâm, cả trong ý-xúc, cả trong thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên ý-xúc.

Khi trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán trong các pháp-hữu-vi ấy nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả

ly tham-ái nên chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-não. Trí-tuệ quán-triệt biết rõ rằng:

“A-ra-hán Thánh-quả-tâm đã giải-thoát hoàn toàn mọi phiền-não trầm-luân, không còn phải thực hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong, phạm hạnh cao thượng đã hoàn thiện xong. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa.

Như vậy, 6 môn, 6 đối-tượng, 6 thức tâm đều là pháp-vô-ngã (anattā).

* **Loka:** Đời là khoảng thời gian từ khi sinh đến khi chết của mỗi chúng-sinh.

Suññataloka: Đời người là không.

Suññatalokasutta ⁽¹⁾

Sāvatthinidānaṃ. Atha kho Āyasmā Ānando yena Bhagavā tenupasaṅkami, upasaṅkamtivā Bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi, ekamantaṃ nisinno kho Āyasmā Ānando Bhagavantam etadavoca --

“Suñño loko suñño loko”ti Bhante vuccati, kittāvatā nu kho Bhante “suñño loko”ti vuccatīti.

¹ Saṃyuttanikāya, Saḷāyatanavaggasaṃyutta, Suññatalokasutta.

Yasmā ca kho Ānanda suññaṃ attena vā attaniyena vā, tasmā “suñño loko”ti vuccati.

Kiñca Ānanda suññaṃ attena vā attaniyena vā?

- *Cakkhu kho Ānanda suññaṃ attena vā attaniyena vā, rūpā suññā attena vā attaniyena vā, cakkhaviññāṇaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, cakkhusamphasso suñño attena vā attaniyena vā, yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi suññaṃ attena vā attaniyena vā.*

- *Sotaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, saddā suññā attena vā attaniyena vā, sotaviññāṇaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, sotasamphasso suñño attena vā attaniyena vā, yampidaṃ sotasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi suññaṃ attena vā attaniyena vā.*

- *Ghānaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, gandhā suññā attena vā attaniyena vā, ghānaviññāṇaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, ghānasamphasso suñño attena vā attaniyena vā, yampidaṃ ghānasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi suññaṃ attena vā attaniyena vā.*

- *Jivhā suññā attena vā attaniyena vā, rasā suññā attena vā attaniyena vā, jivhāviññāṇaṃ*

suññaṃ attena vā attaniyena vā, jivhāsamphasso suñño attena vā attaniyena vā, yampidaṃ jivhāsamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi suññaṃ attena vā attaniyena vā.

- *Kāyo suñño attena vā attaniyena vā, phoṭṭhabbā suññā attena vā attaniyena vā, kāyaviññāṇaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, kāyasamphasso suñño attena vā attaniyena vā, yampidaṃ kāyasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi suññaṃ attena vā attaniyena vā.*

- *Mano suñño attena vā attaniyena vā, dhammā suññā attena vā attaniyena vā, mano-viññāṇaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, manosamphasso suñño attena vā attaniyena vā, yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi suññaṃ attena vā attaniyena vā.*

Yasmā ca kho Ānanda suññaṃ attena vā attaniyena vā, tasmā “suñño loko”ti vuccati.”

Ý nghĩa bài Kinh Đòi Người Là Không

Một thuở nọ, Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvattthī. Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Ānanda đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lễ, bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nguyên nhân thế nào gọi là “**đòi người là không?**” Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Nay Ānanda! Do nguyên nhân **không phải ta hoặc không phải của ta**. Vì vậy, gọi là “**đòi người là không**”.

- Nay Ānanda! Những pháp nào là pháp không phải ta hoặc không phải của ta?

1- **Mắt** không phải ta hoặc không phải của ta; **đối-tượng sắc** không phải ta hoặc không phải của ta; **nhãn-thức-tâm** không phải ta hoặc không phải của ta; **nhãn-xúc** không phải ta hoặc không phải của ta; **thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ** không lạc phát sinh do nhân-duyên **nhãn-xúc** cũng không phải ta hoặc không phải của ta.

2- **Tai** không phải ta hoặc không phải của ta; **đối-tượng thanh** không phải ta hoặc không phải của ta; **nhĩ-thức-tâm** không phải ta hoặc không phải của ta; **nhĩ-xúc** không phải ta hoặc không phải của ta; **thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ** không lạc phát sinh do nhân-duyên **nhĩ-xúc** cũng không phải ta hoặc không phải của ta.

3- **Mũi** không phải ta hoặc không phải của ta; **đối-tượng hương** không phải ta hoặc không phải của ta; **tỷ-thức-tâm** không phải ta hoặc không phải của ta; **tỷ-xúc** không phải ta hoặc không phải của ta; **thọ lạc, thọ khổ, thọ không**

khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên tỷ-xúc cũng không phải ta hoặc không phải của ta.

4- **Lurôi** không phải ta hoặc không phải của ta; **đối-tượng vị** không phải ta hoặc không phải của ta; **thiệt-thức-tâm** không phải ta hoặc không phải của ta; **thiệt-xúc** không phải ta hoặc không phải của ta; **thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ** không lạc phát sinh do nhân-duyên **thiệt-xúc** cũng không phải ta hoặc không phải của ta.

5- **Thân** không phải ta hoặc không phải của ta; **đối-tượng xúc** không phải ta hoặc không phải của ta; **thân-thức-tâm** không phải ta hoặc không phải của ta; **thân-xúc** không phải ta hoặc không phải của ta; **thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ** không lạc phát sinh do nhân-duyên **thân-xúc** cũng không phải ta hoặc không phải của ta.

6- **Ý** không phải ta hoặc không phải của ta; **đối-tượng pháp** không phải ta hoặc không phải của ta; **ý-thức-tâm** không phải ta hoặc không phải của ta; **ý-xúc** không phải ta hoặc không phải của ta; **thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ** không lạc phát sinh do nhân-duyên **ý-xúc** cũng không phải ta hoặc không phải của ta.

- Nay Ānanda! Do nguyên nhân các pháp ấy không phải ta hoặc không phải của ta, nên gọi là **đời người là không (suññaloka)**.

(Xong bài kinh Suññatalokasutta.)

Như vậy, mỗi người có **6 môn** (*nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn*); **6 đối-tượng** (*đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*); **6 thức-tâm** (*nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm*) đều **không phải ta**, hoặc **không phải của ta**, đối với tất cả mọi chúng-sinh khác cũng là như vậy.

Đối-tượng có 6 loại, trong 6 đối-tượng ấy, mỗi đối-tượng nào, nếu người nào không từng tiếp xúc thì người ấy không phát sinh tham-tâm say mê trong đối-tượng ấy được.

Tìm hiểu bài kinh Mālukyaputtasutta ⁽¹⁾

Ý nghĩa tóm lược bài kinh Mālukyaputtasutta

Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Mālukyaputta đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lễ, bạch xin Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con kính xin Đức-Thế-Tôn thuyết pháp tóm tắt tế độ con. Con nghe chánh-pháp ấy của Đức-Thế-Tôn xong, con sẽ tránh xa ở chung trong nhóm, một mình ở nơi thanh vắng, không để duôi, tinh-tấn thực hành pháp-hành ấy.

¹ Saṃyuttanikāya, Saḷāyatanaṣaṃyutta, Mālukyaputtasutta.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- *Này Mālukyaputta! Tuy con đã già, tuổi cao tác lớn nhưng con đến xin nghe pháp tóm tắt. Nay, Như-lai thuyết pháp tế độ con.*

- *Này Mālukyaputta! Con hiểu biết về điều này như thế nào?*

* *Con không thấy, cũng chưa từng thấy, ngay hiện-tại cũng không thấy các **đối-tượng sắc** nào bằng nhãn-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng sắc ấy hay không?*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.*

* *Con không nghe, cũng chưa từng nghe, ngay hiện-tại cũng không nghe các **đối-tượng thanh** nào bằng nhĩ-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng thanh ấy hay không?*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.*

* *Con không ngửi, cũng chưa từng ngửi, ngay hiện-tại cũng không ngửi các **đối-tượng hương** nào bằng tỷ-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng hương ấy hay không?*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.*

* *Con không ném, cũng chưa từng ném, ngay*

*hiện-tại cũng không ném các **đối-tượng** vị nào bằng thiệt-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng vị ấy hay không?*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.

** Con không xúc-giác, cũng chưa từng xúc-giác, ngay hiện-tại cũng không xúc-giác các **đối-tượng xúc** nào bằng thân-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng xúc ấy hay không?*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.

** Con không biết, cũng chưa từng biết, ngay hiện-tại cũng không biết các **đối-tượng pháp** nào bằng ý-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng pháp ấy hay không?*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.

- Nay Mālukyaputta! Trong 6 loại đối-tượng: khi đối-tượng sắc được thấy; khi đối-tượng thanh được nghe; khi đối-tượng hương, vị, xúc được tiếp xúc; khi đối-tượng pháp được biết.

Đối với con, khi thấy đối-tượng sắc thì chỉ là thấy đối-tượng sắc mà thôi. Khi nghe đối-tượng thanh thì chỉ là nghe đối-tượng thanh mà thôi. Khi tiếp xúc đối-tượng hương, vị, xúc thì chỉ là tiếp xúc đối-tượng hương, vị, xúc mà thôi. Khi

biết đối-tượng pháp thì chỉ là biết đối-tượng pháp mà thôi.

- *Này Mālukyaputta! Khi nào đối-tượng sắc được thấy; đối-tượng thanh được nghe; đối-tượng hương, vị, xúc được tiếp xúc; đối-tượng pháp được biết.*

Đối với con, trong 6 đối-tượng, nếu khi thấy đối-tượng sắc thì chỉ là thấy đối-tượng sắc mà thôi; nếu khi nghe đối-tượng thanh thì chỉ là nghe đối-tượng thanh mà thôi; nếu khi tiếp xúc đối-tượng hương, vị, xúc thì chỉ là tiếp xúc đối-tượng hương, vị, xúc mà thôi; nếu khi biết đối-tượng pháp thì chỉ là biết đối-tượng pháp mà thôi.

- *Mālukyaputta! Khi ấy, con sẽ không phát sinh tham-tâm chấp thủ, sân-tâm nóng nảy, si-tâm mê muội.*

- *Này Mālukyaputta! Khi nào tham-tâm chấp thủ, sân-tâm nóng nảy, si-tâm mê muội không phát sinh, khi ấy, con sẽ không có tham-tâm chấp thủ, sân-tâm nóng nảy, si-tâm mê muội trong 6 đối-tượng ấy.*

- *Này Mālukyaputta! Khi ấy, kiếp hiện-tại này con không có ⁽¹⁾, kiếp sau con cũng không có, cả kiếp này lẫn kiếp sau con cũng không có*

¹ Không có: có nghĩa là không có tâm tham, không có tâm sân, không có tâm si.

nữa, vì không còn tái-sinh nên tận cùng của sự khổ gọi là Niết-bàn.

Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết giảng bài pháp tóm tắt như vậy, Ngài *Trưởng-lão Mālukya-putta* kính bạch Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con lắng nghe Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài pháp tóm tắt, con hiểu ý nghĩa rộng rằng:*

- *Người nào hướng tâm thấy **đối-tượng sắc** đáng yêu, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng sắc ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say đắm trong đối-tượng sắc ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy.*

Như vậy, gọi là xa Niết-bàn.

- *Người nào hướng tâm nghe **đối-tượng thanh** đáng yêu, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng thanh ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say đắm trong đối-tượng thanh ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy.*

Như vậy, gọi là xa Niết-bàn.

- *Người nào hướng tâm nghĩ **đối-tượng hương** đáng thích, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng hương ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say*

đắm trong đối-tượng hương ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy.

Như vậy, gọi là xa Niết-bàn.

- Người nào hướng tâm ném **đối-tượng vị** đáng say mê, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng vị ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say đắm trong đối-tượng vị ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy.

Như vậy, gọi là xa Niết-bàn.

- Người nào hướng tâm xúc giác **đối-tượng xúc** đáng hài lòng, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng xúc ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say đắm trong đối-tượng xúc ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy.

Như vậy, gọi là xa Niết-bàn.

- Người nào hướng tâm biết **đối-tượng pháp** đáng thỏa thích, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng pháp ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say đắm trong đối-tượng pháp ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy.

Như vậy, gọi là xa Niết-bàn.

- Người nào thấy **đối-tượng sắc** có chánh-niệm

không say mê trong đối-tượng sắc ấy, với đại-thiện-tâm không dính mắc trong đối-tượng sắc ấy. Người ấy thấy đối-tượng sắc, cảm thọ đối-tượng sắc như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ.

Như vậy, gọi là gần Niết-bàn.

- Người nào nghe **đối-tượng thanh** có chánh-niệm không say mê trong đối-tượng thanh ấy, với đại-thiện-tâm không dính mắc trong đối-tượng thanh ấy. Người ấy nghe đối-tượng thanh, cảm thọ đối-tượng thanh như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ.

Như vậy, gọi là gần Niết-bàn.

- Người nào nghĩ **đối-tượng hương** có chánh-niệm không say mê trong đối-tượng hương ấy, với đại-thiện-tâm không dính mắc trong đối-tượng hương ấy. Người ấy nghĩ đối-tượng hương, cảm thọ đối-tượng hương như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ.

Như vậy, gọi là gần Niết-bàn.

- Người nào nếm **đối-tượng vị** có chánh-niệm không say mê trong đối-tượng vị ấy, với đại-

thiện-tâm không dính mắc trong đối-tượng vị ấy. Người ấy ném đối-tượng vị, cảm thọ đối-tượng vị như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ.

Như vậy, gọi là gần Niết-bàn.

- Người nào xúc giác **đối-tượng xúc** có chánh-niệm không say mê trong đối-tượng xúc ấy, với đại-thiện-tâm không dính mắc trong đối-tượng xúc ấy. Người ấy xúc giác đối-tượng xúc, cảm thọ đối-tượng xúc như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ.

Như vậy, gọi là gần Niết-bàn.

- Người nào biết **đối-tượng pháp** có chánh-niệm không say mê trong đối-tượng pháp ấy, với đại-thiện-tâm không dính mắc trong đối-tượng pháp ấy. Người ấy biết đối-tượng pháp, cảm thọ đối-tượng pháp như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ.

Như vậy, gọi là gần Niết-bàn.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con hiểu biết ý nghĩa của bài pháp mà Đức-Thế-Tôn thuyết giảng tóm tắt ấy, con đã khai triển như vậy. Bạch Ngài.

- *Này Mālukyaputta! Sādhu! Khá lắm! Con hiểu biết ý nghĩa bài pháp mà Như-lai đã thuyết giảng tóm tắt ấy, con đã khai triển đúng rằng:*

- *Người nào hướng tâm thấy **đối-tượng sắc** đáng yêu, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng sắc ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say đắm trong đối-tượng sắc ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy.*

Như vậy, gọi là xa Niết-bàn ...

- *Người nào biết **đối-tượng pháp** có chánh-niệm không say mê trong đối-tượng pháp ấy, với đại-thiện-tâm không dính mắc trong đối-tượng pháp ấy. Người ấy biết đối-tượng pháp, cảm thọ đối-tượng pháp như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ.*

Như vậy, gọi là gần Niết-bàn.

Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Mālukyaputta phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ lời giáo huấn của Đức-Phật, cung-kính đánh lễ Đức-Phật, rồi xin phép từ giả. Ngay khi ấy, Ngài Trưởng-lão Mālukyaputta lánh xa nhóm, một mình ở nơi thanh vắng, không để duôi, tinh-tấn thực hành pháp-hành thiên-tuệ. Sau thời gian không lâu, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở

thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng, đó là cứu cánh của các bậc xuất-gia, có trí-tuệ quán triệt thấy rõ, biết rõ đã hoàn thành mọi phận-sự tứ Thánh-đế, phạm hạnh đã hoàn thành, kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa.

(Xong bài Kinh Mālukyaputtasutta.)

Suy xét đoạn Kinh Mālukyaputtasutta

Đức-Phật truyền hỏi Ngài Trưởng-lão Mālukyaputta rằng:

- “*Này Mālukyaputta! Con không thấy, cũng chưa từng thấy, ngay hiện-tại cũng không thấy các **đối-tượng sắc** nào bằng nhãn-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng sắc ấy hay không?*”

Ngài Trưởng-lão Mālukyaputta kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.*

Như vậy, các **đối-tượng sắc** nào không từng thấy trong thời quá-khứ, ngay hiện-tại cũng không thấy, thì các **đối-tượng sắc** ấy không thể làm đối-tượng để phát sinh tham-tâm hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng sắc ấy.

Tương tự như vậy, *các đối-tượng thanh, ... các đối-tượng hương, ... các đối-tượng vị, ... các đối-tượng xúc, ...*

Các đối-tượng pháp nào không biết, không từng biết trong thời quá-khứ, ngay hiện-tại cũng không biết, thì các **đối-tượng pháp ấy** không thể làm đối-tượng để phát sinh tham-tâm hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các **đối-tượng pháp ấy**.

Thật ra, mỗi **phiền-não** nào phát sinh đều do **đối-tượng** làm nhân-duyên phát sinh thức-tâm nào trong 6 thức-tâm trong lộ-trình-tâm, **phiền-não ấy** nương nhờ nơi **bất-thiện-tâm (ác-tâm)** làm phận-sự **tác-hành-tâm (javanacitta)**.

Như vậy, để tránh khỏi phiền-não có 2 cách:

1- **Biết tránh xa các đối-tượng nào làm nhân-duyên phát sinh phiền-não.**

2- **Hành-giả có chánh-niệm giữ gìn cẩn trọng 6 môn khi tiếp xúc với 6 đối-tượng như sau:**

- **Nếu khi nhãn-thức-tâm thấy đối-tượng sắc thì chỉ là thấy đối-tượng sắc mà thôi.**

- **Nếu khi nhĩ-thức-tâm nghe đối-tượng thanh thì chỉ là nghe đối-tượng thanh mà thôi.**

- **Nếu khi tỷ-thức-tâm ngửi đối-tượng hương thì chỉ là ngửi đối-tượng hương mà thôi.**

- **Nếu khi thiệt-thức-tâm nếm đối-tượng vị thì chỉ là nếm đối-tượng vị mà thôi.**

- **Nếu khi thân-thức-tâm xúc-giác đối-tượng xúc thì chỉ là xúc-giác đối-tượng xúc mà thôi.**

- *Nếu khi ý-thức-tâm biết đối-tượng pháp thì chỉ là biết đối-tượng pháp mà thôi.*

Như vậy, nếu hành-giả có chánh-niệm cần trọng **6 môn** tiếp xúc với **6 đối-tượng** làm nhân-duyên phát sinh **6 thức-tâm**, trong **6 lộ-trình-tâm** như sau:

- **Nhãn-môn** tiếp xúc với **đối-tượng sắc** làm nhân-duyên phát sinh **nhãn-thức-tâm** trong **nhãn-môn lộ-trình-tâm**, chỉ thấy **đối-tượng sắc hiện-tại** mà thôi, có tác-hành-tâm đó là đại-thiện-tâm, nên phiền-não không nương nhờ phát sinh được.

- **Nhĩ-môn** tiếp xúc với **đối-tượng thanh** làm nhân-duyên phát sinh **nhĩ-thức-tâm** trong **nhĩ-môn lộ-trình-tâm**, chỉ nghe **đối-tượng thanh hiện-tại** mà thôi, có tác-hành-tâm đó là đại-thiện-tâm, nên phiền-não không nương nhờ phát sinh được.

- **Tỷ-môn** tiếp xúc với **đối-tượng hương** làm nhân-duyên phát sinh **tỷ-thức-tâm** trong **tỷ-môn lộ-trình-tâm**, chỉ ngửi **đối-tượng hương hiện-tại** mà thôi, có tác-hành-tâm đó là đại-thiện-tâm, nên phiền-não không nương nhờ phát sinh được.

- **Thiệt-môn** tiếp xúc với **đối-tượng vị** làm nhân-duyên phát sinh **thiệt-thức-tâm** trong **thiệt-môn lộ-trình-tâm**, chỉ nếm **đối-tượng vị hiện-tại** mà thôi, có tác-hành-tâm đó là đại-thiện-tâm, nên phiền-não không nương nhờ phát sinh được.

- **Thân-môn** tiếp xúc với *đối-tượng xúc* làm nhân-duyên phát sinh *thân-thức-tâm* trong *thân-môn lộ-trình-tâm*, chỉ xúc-giác *đối-tượng xúc hiện-tại* mà thôi, có tác-hành-tâm đó là đại-thiện-tâm, nên phiền-não không nương nhờ phát sinh được.

- **Ý-môn** tiếp xúc với *đối-tượng pháp* làm nhân-duyên phát sinh *ý-thức-tâm* trong *ý-môn lộ-trình-tâm*, chỉ biết *đối-tượng pháp* mà thôi, có tác-hành-tâm đó là đại-thiện-tâm, nên phiền-não không nương nhờ phát sinh được.

Một cách khác về ngăn ngừa phiền-não:

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư Tỳ-khuru! Tỳ-khuru hành-giả giữ gìn cẩn trọng 6 môn trong 6 pháp-chủ (indriya) như thế nào?*

- *Tỳ-khuru hành-giả trong Phật-giáo này khi thấy đối-tượng sắc bằng nhãn-thức-tâm không chấp thủ **nimitta**: đó là người nam, người nữ, thân hình xinh đẹp; và không chấp thủ **anubyāñjana**: đó là mặt mũi, tay chân, thân hình, v.v... hành-giả thực hành giữ gìn cẩn trọng nhãn-môn (cakkuhvāra). Nếu không giữ gìn cẩn trọng thì làm nhân cho ác-pháp đó là tham-lam hoặc sân-hận phát sinh.*

Cho nên, hành-giả nên giữ gìn cẩn trọng nhãn-môn (cakkuhvāra).

- Tỳ-khuru hành-giả trong Phật-giáo này khi nghe đối-tượng thanh bằng nhĩ-thức-tâm không chấp thủ **nimitta**: là âm thanh người nam, âm thanh người nữ; và không chấp thủ **anubyañjana**: là lời nói thanh tao, lời nói chua chát, thô tục, v.v... hành-giả thực hành giữ gìn cẩn trọng nhĩ-môn (sotadvāra). Nếu không giữ gìn cẩn trọng thì làm nhân cho ác-pháp đó là tham-lam hoặc sân-hận phát sinh.

Cho nên, hành-giả nên giữ gìn cẩn trọng nhĩ-môn (sotadvāra).

- Tỳ-khuru hành-giả trong Phật-giáo này khi ngửi đối-tượng hương bằng tỷ-thức-tâm không chấp thủ **nimitta**: là hương người nam, hương người nữ; và không chấp thủ **anubyañjana**: là mùi thơm, mùi hôi, v.v... hành-giả thực hành giữ gìn cẩn trọng tỷ-môn (ghānadvāra). Nếu không giữ gìn cẩn trọng thì làm nhân cho ác-pháp đó là tham-lam hoặc sân-hận phát sinh.

Cho nên, hành-giả nên giữ gìn cẩn trọng tỷ-môn (ghānadvāra).

- Tỳ-khuru hành-giả trong Phật-giáo này khi nếm đối-tượng vị bằng thiệt-thức-tâm không chấp thủ **nimitta**: là vị ngọt ngào, vị chua chát của người nam, người nữ; và không chấp thủ **anubyañjana**: là lời nói ngọt ngào, chua chát, v.v... hành-giả thực hành giữ gìn cẩn trọng

thiệt-môn (jivhādvāra). Nếu không giữ gìn cẩn trọng thì làm nhân cho ác-pháp đó là tham-lam hoặc sân-hận phát sinh.

Cho nên, hành-giả nên giữ gìn cẩn trọng thiệt-môn (jivhādvāra).

*- Tỳ-khuru hành-giả trong Phật-giáo này khi xúc-giác đối-tượng xúc bằng thân-thức-tâm không chấp thủ **nimitta**: là thân người nam, thân người nữ; và không chấp thủ **anubyañjana**: là mềm mại, thô cứng, v.v... hành-giả thực hành giữ gìn cẩn trọng thân-môn (kāyadvāra). Nếu không giữ gìn cẩn trọng thì làm nhân cho ác-pháp đó là tham-lam hoặc sân-hận phát sinh.*

Cho nên, hành-giả nên giữ gìn cẩn trọng thân-môn (kāyadvāra).

*- Tỳ-khuru hành-giả trong Phật-giáo này khi biết đối-tượng pháp bằng ý-thức-tâm không chấp thủ **nimitta**: là người nam, người nữ; và không chấp thủ **anubyañjana**: là thân hình xinh đẹp, xấu xí, v.v... hành-giả thực hành giữ gìn cẩn trọng ý-môn (manodvāra). Nếu không giữ gìn cẩn trọng thì làm nhân cho ác-pháp đó là tham-lam hoặc sân-hận phát sinh.*

Cho nên, hành-giả nên giữ gìn cẩn trọng thân-môn (manodvāra).

Sự sinh và sự diệt của sự khổ

Trong kinh *Dukkhasutta* ⁽¹⁾

Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai thuyết giảng sự sinh và sự diệt của sự khổ, các con hãy lắng nghe.*

- *Này chư tỳ-khuru! Sự sinh của sự khổ là thế nào?*

Sự sinh của sự khổ như sau:

- *Do nương nhờ **mắt** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng sắc**, nên phát sinh **nhãn-thức-tâm**; mắt, đối-tượng sắc với nhãn-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **nhãn-xúc**; do nhãn-xúc làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; do tham-ái làm nhân-duyên phát sinh **pháp chấp-thủ**; do pháp chấp-thủ làm nhân-duyên phát sinh **hữu**; do hữu làm nhân-duyên phát sinh **tái-sinh**; do tái-sinh làm nhân-duyên phát sinh lão, tử, sầu-não, khóc-than, khổ-thân, khổ-tâm, khổ cùng cực. Đó là sự sinh của mọi sự khổ.*

- *Do nương nhờ **tai** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng thanh**, nên phát sinh **nhĩ-thức-tâm**; tai, đối-tượng thanh với nhĩ-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **nhĩ-xúc**; do nhĩ-xúc làm*

¹ Samyuttanikāya, Sāḷāyatanavaggasamyutta, Dukkhasutta.

*nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; ...*

- Do nương nhờ **mũi** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng hương**, nên phát sinh **tỷ-thức-tâm**; mũi, đối-tượng hương với tỷ-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **tỷ-xúc**; do tỷ-xúc làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; ...

- Do nương nhờ **lưỡi** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng vị**, nên phát sinh **thiệt-thức-tâm**; lưỡi, đối-tượng vị với thiệt-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **thiệt-xúc**; do thiệt-xúc làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; ...

- Do nương nhờ **thân** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng xúc**, nên phát sinh **thân-thức-tâm**; thân, đối-tượng xúc với thân-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **thân-xúc**; do thân-xúc làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; ...

- Do nương nhờ **ý** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng pháp**, nên phát sinh **ý-thức-tâm**; ý, đối-tượng pháp với ý-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **ý-xúc**; do ý-xúc làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; do tham-ái làm nhân-duyên phát sinh **chấp-thủ**; do pháp chấp-thủ làm nhân-duyên phát sinh

hữu; do hữu làm nhân-duyên phát sinh **tái-sinh**; do tái-sinh làm nhân-duyên phát sinh, lão, tử, sầu-não, khóc-than, khổ-thân, khổ-tâm, khổ cùng cực. Đó là sự sinh của mọi sự khổ.

- Nay chư tỳ-khuru! Sự diệt của sự khổ là thế nào?

Sự diệt của sự khổ như sau:

- Do nương nhờ **mắt** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng sắc**, nên phát sinh **nhãn-thức-tâm**; mắt, đối-tượng sắc với nhãn-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **nhãn-xúc**; do nhãn-xúc làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; do diệt tận được tham-ái không còn dư sót, nên diệt tận được **pháp chấp-thủ**; do diệt tận được pháp chấp-thủ, nên diệt tận được **hữu**; do diệt tận được hữu, nên diệt tận được **tái-sinh**; do diệt tận được tái-sinh, nên diệt tận được lão, tử, sầu-não, khóc-than, khổ-thân, khổ-tâm, khổ cùng cực, sự diệt tận của mọi sự khổ này như vậy. Đó là sự diệt của sự khổ.

- Do nương nhờ **tai** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng thanh**, nên phát sinh **nhĩ-thức-tâm**; tai, đối-tượng thanh với nhĩ-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **nhĩ-xúc**; do nhĩ-xúc làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; do diệt tận được tham-

ái không còn dư sót, nên diệt tận được **pháp chấp-thủ**; do diệt tận được pháp chấp-thủ, ...

- Do nương nhờ **mũi** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng hương**, nên phát sinh **tỷ-thức-tâm**; mũi, đối-tượng hương với tỷ-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **tỷ-xúc**; do tỷ-xúc làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; do diệt tận được tham-ái không còn dư sót, nên diệt tận được **pháp chấp-thủ**; do diệt tận được pháp chấp-thủ, ...

- Do nương nhờ **lưỡi** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng vị**, nên phát sinh **thiệt-thức-tâm**; lưỡi, đối-tượng vị với thiệt-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **thiệt-xúc**; do thiệt-xúc làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; do diệt tận được tham-ái không còn dư sót, nên diệt tận được **pháp chấp-thủ**; do diệt tận được pháp chấp-thủ, ...

- Do nương nhờ **thân** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng xúc**, nên phát sinh **thân-thức-tâm**; thân, đối-tượng xúc với thân-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **thân-xúc**; do thân-xúc làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; do diệt tận được tham-ái không còn dư sót, nên diệt tận được **pháp chấp-thủ**; do diệt tận được pháp chấp-thủ, ...

- Do nương nhờ **ý** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng pháp**, nên phát sinh **ý-thức-tâm**; **ý**, đối-tượng pháp với **ý-thức-tâm**, gom 3 pháp này gọi là **ý-xúc**; do **ý-xúc** làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do **thọ** làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; do diệt tận được **tham-ái** không còn dư sót, nên diệt tận được **pháp chấp-thủ**; do diệt tận được **pháp chấp-thủ**, nên diệt tận được **hữu**; do diệt tận được **hữu**, nên diệt tận được **tái-sinh**; do diệt tận được **tái-sinh**, nên diệt tận được **lão, tử, sầu-não, khóc-than, khổ-thân, khổ-tâm, khổ cùng cực**, sự diệt tận của mọi sự khổ này như vậy. Đó là sự diệt của sự khổ.

(Xong bài kinh Dukkhasutta.)

Tìm hiểu về bài Kinh Dukkhasutta

Đức-Phật thuyết giảng **sự sinh của sự khổ** và **sự diệt của sự khổ** liên quan đến 6 xứ bên trong đó là **mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý** tiếp xúc với 6 xứ bên ngoài đó là 6 đối-tượng: **sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp**; làm nhân-duyên phát sinh các pháp theo nhân quả liên hoàn theo sự sinh của sự khổ và sự diệt tận của sự khổ.

*** Sự sinh của sự khổ**

Những chúng-sinh thuộc về hạng phàm-nhân trong cuộc sống hằng ngày trong đời:

- “Do nương nhờ **mắt** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng sắc**, nên phát sinh **nhãn-thức-tâm**; mắt, đối-tượng sắc với nhãn-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **nhãn-xúc**; do nhãn-xúc làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**; do tham-ái làm nhân-duyên phát sinh **pháp chấp-thủ**; do pháp chấp-thủ làm nhân-duyên phát sinh **hữu**; do hữu làm nhân-duyên phát sinh **tái-sinh**; do tái-sinh làm nhân-duyên phát sinh, lão, tử, sầu-não, khóc-than, khổ-thân, khổ-tâm, khổ cùng cực, sự sinh của mọi sự khổ này.”

Tương tự như vậy, do nương nhờ tai, mũi, lưỡi, thân, ý, làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng thanh, hương, vị, xúc pháp, ...

* Sự diệt của sự khổ

Những hành-giả thực hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ có đối-tượng thiền-tuệ đó là 12 xứ (āyatana):

- Do nương nhờ **mắt** làm nhân-duyên tiếp xúc với **đối-tượng sắc**, nên phát sinh **nhãn-thức-tâm**; mắt, đối-tượng sắc với nhãn-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là **nhãn-xúc**; do nhãn-xúc làm nhân-duyên phát sinh **thọ**; do thọ làm nhân-duyên phát sinh **tham-ái**.

Thật ra, **tham-ái** là *nhân sinh khổ-Thánh-đế* là pháp nên diệt, hành-giả thực hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* có *đối-tượng niệm thọ* thuộc về **danh-pháp** hoặc thực hành *pháp-hành thiên-tuệ* có *đối-tượng danh-pháp*; dẫn đến phát sinh *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ biết rõ **sự sinh, sự diệt** của **danh-pháp**; thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của **danh-pháp**; dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận** được **mọi tham-ái** không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**.

Do diệt tận được **tham-ái** không còn dư sót, nên diệt tận được **4 pháp chấp-thủ**; do diệt tận được **4 pháp chấp-thủ**, nên diệt tận được **nhị-hữu**; do diệt tận được **nhị-hữu**, nên diệt tận được **tái-sinh**; do diệt tận được **tái-sinh**, nên diệt tận được **lão, tử, sầu-não, khóc-than, khổ-thân, khổ-tâm, khổ cùng cực, sự diệt tận của mọi sự khổ** này như vậy ⁽¹⁾. Đó là *sự diệt tận của sự khổ*.

Như vậy, *diệt tận được tái-sinh kiếp sau* gọi là **tịch diệt Niết-bàn**, *giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam-giới*. Đó là *sự diệt tận của sự khổ*.

(Xong phần II.)

¹ Tìm hiểu trong quyển “Vòng Tử Sinh Luân-Hồi” cùng soạn giả

Từ ngữ Pāli bài kệ khai Kinh Trạng-thái vô-ngã

Dhammacakkam: Kinh Chuyển-pháp-luân

Pavattetvā: đã thuyết giảng

Āsāḷhiyaṃ: tháng Āsāḷha (tháng 6)

puṇṇame: trong ngày rằm

Nagare: kinh-thành

Bārāṇasiyaṃ: kinh-thành Bārāṇasī

Isipatanavhaye: tên Isipatana

Vane: trong khu rừng

Pāpetvā: Đức-Phật đã thuyết giảng

ādiphalaṃ: chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả

nesaṃ: của nhóm 5 vị tỳ-khưu ấy

anukkamena: theo tuần tự ngày đêm

adesayi: đã thuyết pháp

Yaṃ: kinh Anattalakkhaṇasutta nào

taṃ: kinh Anattalakkhaṇasutta ấy

pakkhassa: nửa tháng sau

pañcamaṃ: vào ngày thứ 5 (đúng vào ngày 20 tháng 6)

vimuttatthaṃ: để chứng đắc bậc A-ra-hán Thánh-quả

bhaṇāma: chúng tôi xin tụng

he! : Này chư bậc thiện-trí!

Tứ ngữ Pāli trong bài Kinh Trạng-thái vô-ngã

1- *Bhante Mahākassapa*: Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.

Evaṃ me sutam: Con là Ānanda được nghe bài Kinh Trạng-thái vô-ngã trực tiếp từ Đức-Thế-Tôn đúng như vậy:

Ekam samayaṃ: Một thuở nọ

Bhagavā: Đức-Thế-Tôn

Bārāṇasīyaṃ: kinh-thành Bārāṇasī

Viharati: ngụ ở

Isipatane: gọi tên Isipatana (trước đây chư Phật Độc-Giác thường bay trên hư không ngụ xuống tại nơi này)

Migadāye: trong khu rừng phóng sinh nai

Tatra kho Bhagavā pañcavaggiye bhikkhu āmantesi: Tại nơi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền gọi nhóm 5 vị tỳ-khưu rằng:

“*Bhikkhavo*”ti. - Này chư tỳ-khưu!

“*Bhaddante*”ti te bhikkhu Bhagavato paccassosum: chư tỳ-khưu ấy kính bạch với Đức-Thế-Tôn rằng: “Dạ vâng”, kính bạch Đức-Thế-Tôn.

Bhagavā etadavoca: Đức-Thế-Tôn truyền dạy bài Kinh Trạng-thái vô-ngã này.

Ngũ-uẩn là vô-ngã

2- Sắc-uẩn là vô-ngã

- *Rūpaṃ bhikkhave anattā*: - Nay chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn là **vô-ngã**, không phải ta, ta không làm chủ được, không theo ý muốn của ta.

Rūpañca hidam bhikkhave attā abhaviṣṣa: - Nay chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu sắc-uẩn này là **ta**, ta làm chủ, sắc-uẩn theo ý muốn của ta

na yidaṃ rūpaṃ ābādhāya saṃvatteyya: thì sắc-uẩn này không bị bệnh khổ

labbheṭṭha ca rūpe: các con có thể mong muốn sắc-uẩn này rằng:

“*evaṃ me rūpaṃ hotu*”: “Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này.”

“*evaṃ me rūpaṃ mā ahoṣī*”ti: “Sắc-uẩn của tôi xin đừng có bệnh khổ thân như thế kia.”

Yasmā ca kho bhikkhave rūpaṃ anattā: - Nay chư tỳ-khưu! Sự-thật, bởi vì sắc-uẩn này là vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.

tasmā rūpaṃ ābādhāya saṃvattati: Vì vậy, sắc-uẩn này bị vô thường luôn luôn hành hạ nên bị bệnh khổ thân.

na ca labbhati rūpe: Cho nên, các con không thể mong muốn trong sắc-uẩn này rằng:

“*evaṃ me rūpaṃ hotu*”: “Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này.”

“*evaṃ me rūpaṃ mā ahoṣī*”ti: “Sắc-uẩn của tôi đừng có bệnh khổ thân, xấu xí như thế kia.”

(Sắc-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân-duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ai.)

Chú ý: Tương tự như trong đoạn *Rūpaṃ anattā* ... Các từ-ngữ Pāli trong đoạn *Vedanā anattā* ... đoạn *Saññā anattā*; đoạn *Saṅkhārā anattā* ... đoạn *Viññāṇaṃ anattā* ... còn lại đều có ý nghĩa tương tự giống nhau, nhưng chỉ có khác nhau mỗi đoạn của mỗi uẩn mà thôi.

7- Ngũ-uẩn có 3 trạng-thái-chung

* Sắc-uẩn có 3 trạng-thái-chung

- *Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave*: - Này chư tỳ-khuru! Các con nhận thức thế nào về điều này?

- *Rūpaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā*’ti: - Sắc-uẩn này là thường hay vô-thường?

- *Aniccaṃ Bhante*: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường.

- *Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā*’ti: - Này chư tỳ-khuru! Sắc-uẩn nào là vô-thường. Vậy, sắc-uẩn ấy là khổ hay lạc?

- *Dukkhaṃ Bhante*: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn nào sinh rồi diệt vô-thường, luôn luôn biến đổi hành hạ, nên sắc-uẩn ấy là khổ.

- *Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadham-*

mam: - Này chư tỳ-khuru! Sắc-uẩn nào sinh rồi diệt, có trạng-thái vô-thường, luôn luôn hành hạ, có trạng-thái khổ, trạng-thái biến đổi, không chiều theo ý của ai.

kallam nu tam samanupassitum: Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nơi sắc-uẩn ấy rằng:

“*etam mama, esohamasmi, eso me attā*”ti:

“Sắc-uẩn ấy là **của ta** (do tâm tham-ái), sắc-uẩn ấy là **ta** (do tâm ngã-mạn), sắc-uẩn ấy là **tự ngã của ta** (do tâm tà-kiến) hay không?”

- *No hetam Bhante*: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ sắc-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.

Chú ý: Tương tự như trong đoạn *Rūpam niccam vā aniccam vā'ti* ... Các từ-ngữ Pāli trong đoạn *Vedanā niccā vā aniccā vā'ti*, ... đoạn *Saññā niccā vā aniccā vā'ti*, ... đoạn *Saṅkhārā niccā vā aniccā vā'ti*, đoạn *Viññāṇam niccam vā aniccam vā'ti* ... còn lại đều có ý nghĩa tương tự giống nhau, nhưng chỉ có khác nhau mỗi đoạn của mỗi uẩn mà thôi.

8-Trí-tuệ-thiên-tuệ không chấp-thủ ngũ-uẩn

*** Trí-tuệ-thiên-tuệ không chấp-thủ nơi sắc-uẩn**

- *Tasmā tīha bhikkhave*: - Này chư tỳ-khuru! Vì vậy, trong đời này.

* *Yaṃ kiñci rūpaṃ atītānāgata paccuppannaṃ ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikaṃ vā sukhumāṃ vā hīnaṃ vā paṇītaṃ vā yaṃ dūre santike vā sabbam rūpaṃ*: Sắc-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại; hoặc sắc-uẩn bên trong của mình, hoặc sắc-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc sắc-uẩn thô, hoặc sắc-uẩn vi-tế, hoặc sắc-uẩn thấp hèn, hoặc sắc-uẩn cao quý, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi gần, tất cả sắc-uẩn ấy (gồm có 11 loại sắc-uẩn).

“*netam mama, nesohamasmi, na meso attā*”ti:

“Sắc-uẩn ấy không phải là **của ta** (do tham-ái), sắc-uẩn ấy không phải là **ta** (do ngã-mạn), sắc-uẩn ấy không phải là **tự ngã của ta** (do tà-kiến).”

evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbam: Như vậy, trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả mọi sắc-uẩn, nên không chấp ngã.

Chú ý: Tương tự như trong đoạn *Yaṃ kiñci rūpaṃ* ... Các từ-ngữ Pāli trong đoạn *Yā kāci vedanā*, ... đoạn *Yā kāci saññā*, ... đoạn *Ye keci saṅkhārā*, ... đoạn *Yaṃ kiñci viññānaṃ*, ... còn lại đều có ý nghĩa tương tự giống nhau, nhưng chỉ có khác nhau mỗi đoạn của mỗi uẩn mà thôi.

9- Trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán trong ngũ-uẩn

- *Evam passam bhikkhave sutavā ariyasāvako:*

- Đây chư tỳ-khuru! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn đúng theo thật-tánh.

rūpasmimpi nibbindati, vedanāyapi nibbindati, saññāyapi nibbindati, saṅkhāresupi nibbindati, viññāṇasmimpi nibbindati: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, nên trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán trong sắc-uẩn, nhằm chán trong thọ-uẩn, nhằm chán trong tưởng-uẩn, nhằm chán trong hành-uẩn, nhằm chán trong thức-uẩn.

Nibbindam virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmiṃ “vimuttam”iti ñāṇaṃ hoti, “khīṇā jāti, vusitam brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparam itthattāyā”ti pajānāṭīti:

Khi trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán trong ngũ-uẩn nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả ly tham-ái nên chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-não. Trí-tuệ quán-triệt biết rõ rằng:

“A-ra-hán Thánh-quả-tâm đã giải-thoát hoàn toàn mọi phiền-não trầm-luân. Không còn phải thực hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong,

phạm hạnh cao thượng đã hoàn thiện xong. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa.

Nhóm 5 tỳ-khuru trở thành bậc Thánh A-ra-hán

Idamavoca Bhagavā, attamanā pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinandum: Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài **Kinh Trạng-thái vô-ngã** này xong, nhóm 5 tỳ-khuru phát sinh đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ với lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn.

Imasmim ca pana veyyākaraṇasmim bhaññamāne pañcavaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ anupādāya āsavehi cittāni vimuccimsūti:

Trong khi Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh này, nhóm 5 tỳ-khuru thực hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn; Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn; đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não trầm-luân, không còn chấp-thủ trong ngũ-uẩn này nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

(Anattalakkhaṇasuttaṃ niṭṭhitam.)

(Xong bài Kinh Trạng-thái vô-ngã.)

Đoạn Kết

Anattā: Pháp-vô-ngã nghĩa là:

Na attā anattā, natthi attā etassa khandha-pañcakassā'ti vā anattā.

Tất cả các pháp không phải **ta**, không phải **của ta** là **pháp-vô-ngã**; hay **ngũ-uẩn** ấy không phải **ta**, không phải **của ta** cũng là **pháp-vô-ngã**.

Ý nghĩa *Anattā*: Vô-ngã ở đây là không phải **ngã**, không phải **ta**.

Trong bộ **Ṭīkā** ⁽¹⁾ giải thích danh từ *anattā*: vô-ngã có 4 ý nghĩa sau:

1- *Avasavattanatṭha*: Vô-ngã có nghĩa là không chiều theo ý muốn của một ai.

2- *Asāmikaṭṭha*: Vô-ngã có nghĩa là vô chủ, không có ai là chủ.

3- *Suññataṭṭha*: Vô-ngã có nghĩa là không, không phải ta, không phải của ta.

4- *Attapaṭikkhepaṭṭha*: Vô-ngã có nghĩa là phủ nhận cái **ngã**, cái **ta**, cái **đại ngã** theo quan niệm tà-kiến thấy sai chấp lầm.

* *Anattā*: Vô-ngã không phải **ta**. Vậy cái **ta** do đâu mà có?

¹ Bộ Sāratthadīpanīṭīkā, kinh Anattalakkhaṇasuttavaṇṇanā.

Sự-thật, attā: cái ngã, cái ta vốn dĩ không có thật. Sở dĩ có cái ngã, cái ta là vì tà-kiến thấy sai, chấp làm nơi ngũ-uẩn, nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp tam-giới cho là ngã, là ta như là sakkāyadiṭṭhi: tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn, hoặc attādiṭṭhi: tà-kiến chấp ngã, hoặc attānu-diṭṭhi: tà-kiến theo chấp ngã.

Trong bộ Paṭisambhidāmagga, phần Diṭṭhi-kāthā trình bày sakkāyadiṭṭhi: tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp thủ có 20 loại như sau:

* **Tà-kiến chấp ngã trong sắc-uẩn** có 4 loại:

- Sắc-uẩn là ta. - Ta có sắc-uẩn.
- Sắc-uẩn trong ta. - Ta trong sắc-uẩn.

* **Tà-kiến chấp ngã trong thọ-uẩn** có 4 loại:

- Thọ-uẩn là ta. - Ta có thọ-uẩn.
- Thọ-uẩn trong ta. - Ta trong thọ-uẩn.

* **Tà-kiến chấp ngã trong tưởng-uẩn** có 4 loại:

- Tưởng-uẩn là ta. - Ta có tưởng-uẩn.
- Tưởng-uẩn trong ta. - Ta trong tưởng-uẩn.

* **Tà-kiến chấp ngã trong hành-uẩn** có 4 loại:

- Hành-uẩn là ta. - Ta có hành-uẩn.
- Hành-uẩn trong ta. - Ta trong hành-uẩn.

* **Tà-kiến chấp ngã trong thức-uẩn** có 4 loại:

- Thức-uẩn là ta. - Ta có thức-uẩn.
- Thức-uẩn trong ta. - Ta trong thức-uẩn.

Đó là 20 loại tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp thủ đối với tất cả mọi chúng-sinh thuộc về hạng phàm-nhân, chưa phải bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.

*** Tà-kiến theo chấp ngã trong danh-pháp**

- Nếu khi cakkhaviññāṇa: **nhãn-thức-tâm** thấy đối-tượng sắc, thì **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **nhãn-thức-tâm** ấy cho là **ta thấy** người này, con vật kia, ...

- Nếu khi sotaviññāṇa: **nhĩ-thức-tâm** nghe đối-tượng thanh, thì **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **nhĩ-thức-tâm** ấy cho là **ta nghe** âm thanh này, tiếng nói kia, ...

- Nếu khi ghānaviññāṇa: **tỷ-thức-tâm** ngửi đối-tượng hương, thì **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **tỷ-thức-tâm** ấy cho là **ta ngửi** mùi thơm, mùi hôi, ...

- Nếu khi jivhāviññāṇa: **thiệt-thức-tâm** nếm đối-tượng vị, thì **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **thiệt-thức-tâm** ấy cho là **ta nếm** vị ngon này, vị chua kia, ...

- Nếu khi kāyaviññāṇa: **thân-thức-tâm** xúc-giác đối-tượng xúc, thì **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **thân-thức-tâm** ấy cho là **ta xúc-giác** nóng, lạnh, ẩm áp, ...

- Nếu khi manoviññāṇa: **ý-thức-tâm** biết đối-

tượng pháp ⁽¹⁾, thì **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **ý-thức-tâm** ấy cho là **ta biết** môn học này, ngành nghề kia, ...

Đó là **tà-kiến** theo chấp ngã. Nếu khi **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **tâm biết** (chủ thể) cho là **ta biết** thì **tà-kiến** cũng thấy sai chấp làm nơi các **đối-tượng** cho là người, chúng-sinh, vật này, ... đáng hài lòng, nên phát sinh **tham-ái** nơi đối-tượng ấy cho là **của ta**, đó là **tham-ái** theo chấp ngã. Nếu khi đã có **của ta** do tham-ái, thì phát sinh **ngã-mạn** tự sánh **ta** với người khác cho là **ta** hơn người, hoặc **ta** bằng người, hoặc **ta** thua kém người, đó là **tâm ngã-mạn** theo chấp ngã.

*** Tà-kiến theo chấp ngã trong sắc-pháp**

- Nếu khi **thân** đi hoặc **sắc** đi, thì **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **sắc đi**, cho là **ta đi**.

- Nếu khi **thân** đứng hoặc **sắc** đứng, thì **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **sắc đứng**, cho là **ta đứng**.

- Nếu khi **thân** ngồi hoặc **sắc** ngồi, thì **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **sắc ngồi**, cho là **ta ngồi**.

- Nếu khi **thân** nằm hoặc **sắc** nằm, thì **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **sắc nằm**, cho là **ta nằm**, ...

Như vậy, **cái ta**, **cái ngã** vốn dĩ không có thật, mà chỉ có **tâm tà-kiến** là có thật mà thôi.

¹ Đối-tượng pháp có 6 loại: 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, chế-định-pháp.

Cho nên, không có pháp-hành diệt **ngã**, mà chỉ có **pháp-hành thiên-tuệ** dẫn đến diệt tận được **tà-kiến** chấp ngã mà thôi.

*** Nhân-duyên phát sinh tứ oai-nghi**

Tứ-oai-nghi: oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm.

1- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đi

Oai-nghi đi đó là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*) diễn biến qua các nhân-duyên như sau:

- Tâm nghĩ **đi**.

- Do tâm nghĩ đi, nên làm cho phát sinh **chất gió**

- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân chuyển động.

- Toàn thân di chuyển bước đi theo mỗi **tư thế đi**, mỗi **dáng đi** do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là **thân đi** hoặc “**sắc đi**” là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

2- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng

Oai-nghi đứng đó là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*) diễn biến qua các nhân-duyên như sau:

- Tâm nghĩ **đứng**.

- Do tâm nghĩ đứng, nên làm cho phát sinh **chất gió**.

- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.

- Toàn thân từ đôi bàn chân đến đầu **đứng yên** theo mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là **thân đứng** hoặc “**sắc đứng**” là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).

3- Nhân-duyên phát sinh sắc ngồi

Oai-nghi ngồi đó là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa) diễn biến qua các nhân-duyên như sau:

- Tâm nghĩ **ngồi**.

- Do tâm nghĩ ngồi, nên làm cho phát sinh **chất gió**.

- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.

- Toàn thân, thân phần trên **ngồi yên**, thân phần dưới co theo mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là **thân ngồi** hoặc “**sắc ngồi**” là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).

4- Nhân-duyên phát sinh sắc nằm

Oai-nghi nằm đó là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa) diễn biến qua các nhân-duyên như sau:

- Tâm nghĩ **nằm**.

- Do tâm nghĩ nằm, nên làm cho phát sinh **chất gió**.

- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.

- Toàn thân **nằm yên** trên mặt phẳng theo mỗi tư thế nằm, theo mỗi dáng nằm do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là **thân nằm** hoặc “**sắc nằm**” là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).

Đức-Phật gọi **thân này** ví như “chiếc xe”.

Tâm ví như “**người lái xe**”.

Chiếc xe gồm có các bộ phận ráp lại với nhau, không thể chạy chậm, chạy mau, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v... Sở dĩ chiếc xe chạy chậm, chạy mau, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v... là do người lái xe điều khiển.

Nếu chiếc xe bị hư bộ phận nào, dù người tài xế tài giỏi cũng không thể điều khiển chiếc xe ấy chạy theo ý của mình được.

Cũng như vậy, **toàn thân này** gồm có 27 sắc-pháp không thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay, co chân vào, duỗi tay, duỗi chân ra, v.v...

Sở dĩ **toàn thân** này có thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay, co

chân vào, duỗi tay, duỗi chân ra được, v.v... là do **tâm** điều khiển.

Tâm có khả năng điều khiển được **thân** này, khi thân này hội đủ nhân-duyên, nếu thiếu nhân-duyên nào, thì tâm không thể điều khiển thân này được. Ví dụ:

Một người bị bệnh tê liệt, dù **tâm** của họ muốn đi, đứng, ngồi, nằm, ... như người thường cũng không thể được, bởi vì chất gió (vāyodhātu) phát sinh do **tâm** của họ không đủ năng lực làm cử động toàn thân có chất đất (pathavīdhātu) và chất nước (āpodhātu) nặng nề trong thân của họ.

Vì vậy, sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm, ... đều là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittaja-rūpa) qua quá trình diễn biến hội đủ nhân-duyên, nên thuộc về **pháp-vô-ngã** (anattā).

Tuy nhiên, **toàn thân** này gồm có 27 sắc-pháp, hoàn toàn không thể biết 6 loại đối-tượng, nhưng mà có thể tiếp nhận 6 loại đối-tượng làm nhân-duyên phát sinh 6 loại **tâm**, để biết 6 loại đối-tượng tùy theo khả năng của mỗi tâm.

* Nhân-duyên phát sinh 6 loại tâm

1- Nhãn-tịnh-sắc (mắt) tiếp nhận đối-tượng sắc, khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì **nhãn-thức-tâm** phát sinh làm phận sự thấy đối-tượng sắc.

Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, **2 nhân-thức-tâm** phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- Nhân-tịnh-sắc (mắt) tốt (không bị mù).
- Đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhân-tịnh-sắc.

- Ánh sáng đủ thấy được.

- Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng sắc.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì **2 nhân-thức-tâm** phát sinh làm phận sự thấy đối-tượng sắc.

2- Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tiếp nhận đối-tượng thanh, khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì **nhĩ-thức-tâm** phát sinh làm phận sự nghe đối-tượng thanh.

Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, **2 nhĩ-thức-tâm** phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tốt (không bị bệnh điếc).
- Đối-tượng thanh rõ ràng tiếp xúc với nhĩ-tịnh-sắc.

- Không gian không bị vật cản bao kín.

- Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng thanh.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy, thì **2 nhĩ-thức-tâm** phát sinh làm phận sự nghe đối-tượng thanh (âm thanh).

3- Ty-tịnh-sắc (lỗ mũi) tiếp nhận đối-tượng hương (các mùi), khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì

tỷ-thức-tâm phát sinh làm phận sự người đối-tượng hương.

Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, **2 tỷ-thức-tâm** phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- Tỷ-tịnh-sắc (lỗ mũi) tốt (không bị bệnh).
- Đối-tượng hương rõ ràng tiếp xúc với tỷ-tịnh-sắc.
- Chất gió đưa mùi hương đến lỗ mũi.
- Ngũ-môn hương-tâm tiếp nhận đối-tượng hương.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy, thì **2 tỷ-thức-tâm** phát sinh làm phận sự người đối-tượng hương (các mùi).

4- Thiệt-tịnh-sắc (lưỡi) tiếp nhận đối-tượng vị (các vị), khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì **thiệt-thức-tâm** phát sinh làm phận sự nếm đối-tượng vị.

Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, **2 thiệt-thức-tâm** phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- Thiệt-tịnh-sắc (lưỡi) tốt (không bị bệnh).
- Đối-tượng vị rõ ràng tiếp xúc với thiệt-tịnh-sắc.
- Chất nước miếng.
- Ngũ-môn-hương-tâm tiếp nhận đối-tượng vị.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì **2 thiệt-thức-tâm** phát sinh làm phận sự nếm đối-tượng vị (các vị).

5- *Thân-tịnh-sắc (thân) tiếp nhận đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ...), khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì **thân-thức-tâm** phát sinh làm phận sự xúc giác đối-tượng xúc.*

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, **2 thân-thức-tâm** phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- *Thân-tịnh-sắc (thân) tốt (không bị bệnh liệt).*
- *Đối-tượng xúc rõ ràng tiếp xúc với thân-tịnh-sắc.*
- *Chất đất cứng, mềm, chất lửa nóng, lạnh, ...*
- *Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng xúc ấy.*

*Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì **2 thân-thức-tâm** phát sinh làm phận sự xúc giác đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ...)*

6- *Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm tiếp nhận đối-tượng pháp ⁽¹⁾, khi ý-thức-tâm nào hội đủ nhân-duyên, thì **ý-thức-tâm ấy** phát sinh làm phận sự biết đối-tượng pháp ấy.*

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, **75 ý-thức-tâm** phát sinh do hội đủ 3 nhân-duyên:

- *Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm.*

¹ Đối-tượng pháp gồm có 6 loại là 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, chế-định-pháp.

- *Đối-tượng pháp ấy tiếp xúc với hadaya-vatthurūpa.*

- *Ý-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng pháp ấy.*

*Khi hội đủ 3 nhân-duyên của ý-thức-tâm nào thì **ý-thức tâm** ấy phát sinh làm phận sự biết đối-tượng pháp ấy (ý-thức-tâm có 75 tâm ⁽¹⁾).*

Như vậy, mỗi danh-pháp (tâm với tâm-sở) phát sinh do hội đủ nhân-duyên của nó, nếu thiếu nhân-duyên nào thì danh-pháp ấy không thể phát sinh được.

*Cho nên, mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp phát sinh đều do nhân-duyên, nên mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là **pháp-vô-ngã**, không do một ai có khả năng tạo ra một sắc-pháp nào, một danh-pháp nào được cả.*

*Theo sự-thật **chân-nghĩa-pháp** (paramattha-dhamma) trong đời này chỉ có mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới mà thôi, đều là **pháp-vô-ngã** (anattā), không phải **ta**, cũng không phải **của ta**, thì dĩ nhiên không phải **người**, cũng không phải **của người**, không phải **của một ai***

¹ 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới-quả-tâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm.

cả, đó là sự-thật hiển nhiên. Nhưng mà hạng phàm-nhân vốn có pháp chấp-thủ trong ngũ-uẩn cho là **ta** do tà-kiến, cho là **của ta** do tham-ái, nên không có khả năng thấy rõ, biết rõ được pháp-vô-ngã (anattā) là sự-thật hiển nhiên này.

Trong đời này, đối với **hạng phàm-nhân** (puthujjana) còn đủ 12 loại bất-thiện-tâm (akusalacitta), 108 loại tham-ái (taṇhā), 1500 loại phiền-não (kilesa), 4 pháp chấp-thủ, nhất là 7 loại phiền-não ngấm ngấm trong tâm (anusayakilesa), 5 pháp ngũ-uẩn chấp-thủ (pañcupādānakkhandha), nên không dễ dàng thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn chấp-thủ là **pháp-vô-ngã** (anattā), không phải là **ta**, không phải là **của ta**.

Puthujjana: Phàm-nhân có 2 hạng:

- **Andhaputhujjana** là hạng tối trí phàm-nhân học hỏi hiểu biết kém, không có khả năng hiểu biết rõ về **ngũ-uẩn chấp-thủ**: sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ là **pháp-vô-ngã** (anattā); nên vẫn còn chấp thủ trong ngũ-uẩn cho là **ta** do tà-kiến chấp-ngã, cho là **của ta** do tham-ái chấp-ngã, đó là việc bình thường đối với hạng phàm-nhân ấy.

- **Kalyāṇaputhujjana** là bậc thiện-trí phàm-nhân học nhiều hiểu biết rộng, có trí-tuệ sáng suốt hiểu biết rõ về **ngũ-uẩn chấp-thủ**: sắc-uẩn

chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tướng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ là pháp-vô-ngã (anattā), không phải ta, không phải của ta, nhưng vẫn còn chấp thủ trong ngũ-uẩn cho là ta do tà-kiến chấp-ngã, cho là của ta do tham-ái chấp-ngã, bởi vì trí-tuệ hiểu biết về pháp-học không có khả năng diệt tận được 4 pháp-chấp-thủ.

Thật ra, chỉ có vị Bồ-tát Thanh-văn-giác nào đã từng thực hành đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ từ vô số kiếp quá-khứ được tích lũy trong tâm sinh rồi diệt từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi.

Kiếp hiện-tại vị Bồ-tát Thanh-văn-giác ấy là hạng người tam-nhân (tīhetukapuggala) có duyên may lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, hiểu biết rõ pháp-hành thiên-tuệ, có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, thực hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến phát sinh trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāna: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của ngũ-uẩn, mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đều là pháp-vô-ngã (anattā), không phải ta, không phải người, không phải chúng-sinh nào, chỉ là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi.

Trí-tuệ thứ nhất *nāmarūpaparicchedañāṇa* làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, làm nhân-duyên để phát sinh các **trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới** theo tuần tự thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán tội độ, muốn thoát khỏi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; nên chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khỏi khỏi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi.

Hành-giả tinh-tân tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh theo tuần tự trải qua 16 loại trí-tuệ-thiền-tuệ, từ **trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới** cho đến **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới**, dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế** y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 phiền-não là **tà-kiến** (*diṭṭhi*) và **hoài-nghi** (*vicikicchā*) không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.

Sau khi bậc Thánh Nhập-lưu chết, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh), mà chỉ có **đại-thiện-nghiệp** trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có **đại-quả-tâm**

gọi là **tái-sinh-tâm** làm phận-sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi.

Đến kiếp thứ 7 ấy, bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn sẽ trở thành bậc **Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Bậc Thánh Nhập-lưu tiếp tục thực hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là **sân** (dosa) loại thô không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**.

Sau khi bậc Thánh Nhất-lai chết, **đại-thiện-nghiệp** trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có **đại-quả-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** làm phận-sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới chỉ có 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhất-lai chắc chắn sẽ trở thành bậc **Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Bậc Thánh Nhất-lai tiếp tục thực hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bát-lai Thánh-đạo, Bát-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 1 loại

phiền-não là **sân** (dosa) loại vi-tế không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Bất-lai**.

Sau khi bậc Thánh Bất-lai chết, chắc chắn không tái-sinh trở lại cõi dục-giới, mà chỉ có **sắc-giới thiện-nghiệp** trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm nào cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có **bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy** gọi là **sắc-giới tái-sinh-tâm** làm phận-sự tái-sinh hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy. Vị phạm-thiên Bất-lai ấy sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Bậc Thánh Bất-lai tiếp tục thực hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là **tham** (lobha), **si** (moha), **ngã-mạn** (māna), **buồn-chán** (thina), **phóng-tâm** (uddhacca), **không biết hổ-thẹn tội-lỗi** (ahirika), **không biết ghê-sợ tội-lỗi** (anottappa), tất cả mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cao thượng.

Ngay kiếp hiện-tại, khi Bậc Thánh A-ra-hán hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*Bài Kinh Anattalakkhaṇasutta (Kinh Trạng-thái vô-ngã) có tầm quan trọng thiết yếu trong giáo-pháp của Đức-Phật, bởi vì pháp-vô-ngã (anattā) là nền tảng căn bản của toàn giáo-pháp của Đức-Phật. Cho nên, các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật cần phải học hỏi hiểu biết rõ các pháp nhất là **ngũ-uẩn**: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn, **12 xứ**: 6 xứ tiếp xúc bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và 6 xứ đối-tượng bên ngoài: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, để phát sinh 6 loại tâm: nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm, đó là thân và tâm của mỗi người cần phải nên biết, bởi vì đó là sự-thật chân-lý bên trong mình.*

*PL 2564/ DL. 2021
Rừng núi Viên-Không
xã Tóc-Tiên, thị xã Phú-Mỹ,
tỉnh Bà-Rịa Vũng-Tàu.*

*Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

Patthanā

*Iminā puññakammena,
Sukhī bhavāma sabbadā.*

*Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo,
Loke sattā sumaṅgalā.*

*Vietnam raṭṭhikā ca sabbe,
Janā pappontu sāsane.*

*Vuddhiṃ viruḥhivepullaṃ,
Patthayāmi nirantaraṃ.*

*Năng lực phước-thiện thanh cao này,
Mong chúng con thường được an-lạc.
Mong cho chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh phúc.*

*Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo,
Bản sư nguyện cầu với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.*

- * *Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ,*
- * *Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnam-raṭṭhe.*
- * *Nguyện cho chánh-pháp được trường tồn
trên thế gian.*
- * *Nguyện cho chánh-pháp được trường tồn
trên tổ quốc Việt-Nam thân yêu.*
- * *Buddhasāsanam ciraṃ tiṭṭhatu.*
- * *Nguyện cho Phật-giáo được trường tồn.*

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Suttantapiṭakapāḷi* và *Aṭṭhakathāpāḷi*.
- *Abhidhammapiṭakapāḷi* và *Aṭṭhakathāpāḷi*.
- Bộ *Abhidhammatthasaṅgaha* của Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha.
- Bài Kinh *Dhammacakkappavattanasutta*.
- Toàn bộ sách giáo khoa “*Paramatthajotika*” của Ngài Đại-Trưởng-lão *Saddhammajotika*.
- Toàn bộ sách của Ngài Đại-Trưởng-lão *Vicittasārābhivaṃsa* (*Visiṭṭhatipiṭakadhara Mahā-tipiṭakakoviḍa Dhammabhaṇḍāgārika*).

Thông Báo Tin Vui

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** của soạn-giả Tỳ-Khuru Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v ... cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiên-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiên-Tuệ.

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** này đã được tái bản có sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web “trungtamhotong.org”. Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web “trungtamhotong.org”, vào mục “thư viện”, tìm đến soạn giả: Tỳ-Khuru Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf.

Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn “**Mở trong iBooks**”, sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như **Adobe Acrobat Reader**, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô “Mục lục”, chỉ cần click vào đó sẽ nhảy đến trang “Mục lục”. Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độc-giả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường.

Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hệt như số trang quyển sách bên ngoài, cho nên, rất thuận lợi cho độc-giả đã từng đọc quyển sách nào rồi, mà quên **tích nào** hoặc **pháp nào**, v.v ... không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh **tên tích ấy** hoặc **tên pháp ấy** trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì.

Cho nên, xin hân hạnh **thông báo tin vui** này đến quý vị độc-giả, rất mong được quý độc-giả quan tâm, chân thành biết ơn quý độc-giả.

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIÊN-TUỆ (Tái bản lần thứ nhất)
- 8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC
- Hạnh Phúc An Lành: THIỆN ÁC
- GƯƠNG BẠC XUẤT GIA
- TÌM HIỂU PHƯỚC-BỒ-THÍ (Tái bản lần thứ nhất)
- Hạnh Phúc An Lành: HIỂU NGHĨA
- Hạnh Phúc An Lành: NHẪN NẠI
- Hạnh Phúc An Lành: GIÁO PHÁP
- Hạnh Phúc An Lành: TÂM TỬ
- PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT (Tái bản lần thứ nhì)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiên-Tuệ: ĐỐI-TUỢNG TỬ OAI-NGHỊ
- CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ
- Ý NGHĨA ĐÊM RẪM THÁNG TƯ
- BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH
- LỄ DÂNG Y KATHINA
- ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ
- NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA
- Nền-Tầng-Phật-Giáo: CẨM NANG QUY Y TAM-BẢO
- Nền-Tầng-Phật-Giáo: 10 PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT BẠC THƯỢNG
- Nền-Tầng-Phật-Giáo: TRÍ-TUỆ SIÊU-VIỆT
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển I: TAM-BẢO (Tái bản lần thứ ba)
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển II: QUY Y TAM-BẢO
(Tái bản lần thứ ba)
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển III: PHÁP-HÀNH-GIỚI
(Tái bản lần thứ ba)

- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: PHƯỚC-THIỆN**
(Tái bản lần thứ ba)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 1**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 2**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VIII: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IX: PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển X: PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
(Tái bản lần thứ nhất)
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **NGŨ GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **NGƯỜI BIẾT ON VÀ BIẾT ĐỀN ON**
- **KINH CHUYÊN-PHÁP-LUÂN** (Tái bản lần thứ nhất)
- **VÒNG TỬ SINH LUÂN-HỒI** (Tái bản lần thứ nhất)
- **PHÁP NHÃN-NẠI** (Tái bản lần thứ nhất)
- **TÂM TỬ**
- **NGÀY RẼM THÁNG TƯ TRONG PHẬT-GIÁO**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC-THIỆN BỐ-THÍ**
- **TÌM HIỂU PHÁP-CHƯƠNG-NGẠI**
- **TÌM HIỂU TỨ THÁNH-ĐẾ**

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG

81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9,

TP. Hồ Chí Minh

ĐD: +84 (0) 778 608 925

KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

TỠ-KHUỜ HỘ-PHÁP

**Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc
ThS. NGUYỄN HỮU CỐ**

**Biên tập
NGUYỄN THỊ THANH THỦY**

**Sửa bản in
TỠ-KHUỜ HỘ-PHÁP**

**Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024) 3782 2845 - FAX: (024) 3782 2841

In 1000 cuốn, khổ 12 x 18cm, tại XN in Nguyễn Minh Hoàng.
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q. Tân Bình, TP HCM.
Số ĐKXB: 50-2021/CXBIPH/05-01/TG
Mã ISBN: 978-604-61-7398-4
QĐXB: 08/QĐ-NXBTG ngày 14 tháng 01 năm 2021
In xong và nộp lưu chiểu: Quý I năm 2021

Giá: 50.000Đ

“Sabbe dhammā anattā:” Tất cả các pháp đều là pháp-vô-ngã (anattā).

Dhammā các pháp đó là saṅkhatadhammā và asaṅkhatadhammā.

- **Saṅkhatadhammā** là các pháp-hữu-vi đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là pháp bị cấu tạo do 4 nhân-duyên là kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thời-tiết, āhāra: vật thực, nên có **sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, có thể làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.

- **Asaṅkhatadhammā** là pháp-vô-vi đó là Niết-bàn và chế-định-pháp là pháp không bị cấu tạo do 4 nhân-duyên là kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thời-tiết, āhāra: vật thực, nên không có **sự sinh, sự diệt, cũng không có 3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

Niết-bàn chỉ làm đối-tượng siêu-tam-giới của 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm mà thôi.

Chế-định-pháp có thể làm đối-tượng của pháp-hành thiền-định mà thôi.

ISBN 978-604-61-7398-4



9 786046 173984